

KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN
MÔN HỌC/HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC: TOÁN, TIN, KHTN, CÔNG NGHỆ KHỐI LỚP: 6789;
HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM KHỐI LỚP 678
(Năm học 2024 - 2025)

I. Đặc điểm tình hình

1. Số lớp: 7; Số học sinh: 230. Trong đó 02 lớp Khối 6 (64 HS); 02 lớp Khối 7 (66 HS); 02 lớp Khối 8 (70 HS) và 01 lớp Khối 9 (30 HS)
2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên: 6; Trình độ đào tạo: Cao đẳng: 0; Đại học: 6; Trên đại học: 0.
Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên: Tốt: 6; Khá: 0; Đạt: 0; Chưa đạt: 0.
3. Thiết bị dạy học:

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
I. MÔN TOÁN 6				
1	Máy tính casio	1 cái/1 HS	TN-TH: Sử dụng máy tính cầm tay TH-TN: Sử dụng máy tính Caiso để tính toán với số hữu tỉ §TH-TN: Thực hành vẽ biểu đồ và tính trung bình cộng của dấu hiệu .	
2	Thước đo góc	1 cái/1 HS	Bài 18. Hình tam giác đều. Hình vuông. Hình lục giác đều Bài 19. Hình chữ nhật. Hình thoi. Hình bình hành. Hình thang cân	

			Bài 36. Góc Bài 37. Số đo góc	
3	Compa	1 cái/ 1HS	Các trường hợp bằng nhau của tam giác	
4	Giác kế	4 cái	§9. Thực hành ngoài trời	
II. MÔN TOÁN 7				
1	Máy tính, tivi kết nối mạng tại các phòng học.	1 Bộ	Dùng cho các tiết dạy có ứng dụng CNTT.	
2	Thước, êke, compa của giáo viên	1 Bộ	Dụng cụ vẽ hình cho các tiết hình học.	
3	Bìa, giấy cứng, keo dán, dụng cụ thủ công	1Bộ/1 nhóm	Dùng cho các tiết tạo hình hoạt động trải nghiệm.	
III. MÔN TOÁN 8				
1	Máy tính để bàn có cài đặt các phần mềm dạy học	1 cái/phòng học	Tất cả các bài học	
2	Tivi	1 cái/phòng học	Tất cả các bài học	
4	Phòng máy vi tính	1 phòng	HĐTN về vẽ hình, tính toán, vẽ đồ thị HSBN bằng phần mềm Geogebra	
5	Bộ Thước thẳng, thước dây, compa, máy tính cầm tay, tờ bìa A4, giấy màu các loại, kéo, hồ dán, bút chì, bút màu hoặc sáp màu	Một bộ/ 1 nhóm HS	Ứng dụng định lý Thales, định lý Pythagore và tam giác đồng dạng để đo chiều cao, khoảng cách	
IV. MÔN TOÁN 9				
1	Máy tính để bàn có cài đặt các phần mềm dạy học	1 cái/phòng học	Tất cả các bài học	

2	Tivi	1 cái/phòng học	Tất cả các bài học	
3	Máy tính casio	1	TN-TH: Sử dụng máy tính cầm tay, TH-TN: Sử dụng máy tính Caiso để giải hệ phương trình. §TH-TN: Thực hành vẽ biểu đồ.	
4	Thước đo góc	1	Vẽ các cung tròn, góc chắn cung	
5	Compa	1	Vẽ các đường tròn	
6	Giác kế	4	Thực hành ngoài trời	

V. MÔN TIN 6

1	Vở, SGK, ...	1 quyển/HS	Phòng học	
2	Máy tính, máy chiếu, các thiết bị nhớ thông dụng như đĩa cứng, USB... Máy tính có kết nối mạng LAN, mạng Internet	1 máy/2 HS	Bài 1. Thông tin và dữ liệu Bài 2. Xử lý thông tin Bài 3. Thông tin trong máy tính Bài 4. Mạng máy tính Bài 5. Internet	
3	Máy tính, máy chiếu, ứng dụng web, các trình duyệt ,... phần mềm ứng dụng được cài đặt sơ đồ tư duy, phần mềm soạn thảo..	1 máy/2HS	Bài 6. Mạng thông tin toàn cầu Bài 7. Tìm kiếm thông tin trên Internet Bài 8. Thư điện tử Bài 9. An toàn thông tin trên Internet Bài 10. Sơ đồ tư duy Bài 11. Định dạng văn bản Bài 12: Trình bày thông tin ở dạng bảng Bài 13. Thực hành: Tìm kiếm và thay thế Bài 14.Hoàn thành sổ lưu niệm.	
4	Máy tính, máy chiếu, giấy khổ rộng, tờ giấy hình vuông để gấp trò chơi,	1 máy tính + máy chiếu	Bài 15.Thuật toán	

	bút chì, bút màu, máy tính cầm tay.			
5	Máy tính, máy chiếu, phiếu trả lời câu hỏi, mạng Internet, giấy, bút, thước kẻ.	1 máy tính + máy chiếu	Bài 16. Các cấu trúc điều khiển	
6	Máy tính, máy chiếu, một số bức tranh đơn giản về đồ họa, phần mềm lập trình trực quan Scratch	1 máy/2HS	Bài 17. Chương trình máy tính	

VI. MÔN TIN 7

1	Vở, SGK, ...	1 quyển/HS	Phòng học	
2	Máy tính, máy chiếu, các thiết bị nhớ thông dụng như đĩa cứng, USB... Máy tính có kết nối mạng LAN, mạng Internet	1 máy/2 HS	Bài 1: Thiết bị vào – ra Bài 2: Phần mềm máy tính Bài 3: Quản lý dữ liệu trong máy tính Bài 4: Mạng xã hội và một số kênh trao đổi thông tin trên Internet Bài 5: Ứng xử trên mạng	
3	Máy tính, máy chiếu, ứng dụng web, các trình duyệt ,... phần mềm ứng dụng được cài đặt như: phần mềm bảng tính, phần mềm trình chiếu	1 máy/2HS	Bài 6: Làm quen với phần mềm bảng tính Bài 7: Tính toán tự động trên bảng tính Bài 8: Công cụ hỗ trợ tính toán Bài 9: Trình bày bảng tính Bài 10: Hoàn thiện bảng tính Bài 11: Tạo bài trình chiếu Bài 12: Định dạng đối tượng trên trang chiếu Bài 13: Thực hành tổng hợp	
4	Máy tính, máy chiếu,	1 máy tính +	Bài 14: Thuật toán tìm kiếm tuần tự	

	phiếu trả lời câu hỏi, mạng Internet, phần mềm mô phỏng thuật toán tìm kiếm tuần tự...	máy chiếu		
5	Máy tính, máy chiếu, phiếu trả lời câu hỏi, mạng Internet, tấm thẻ ghi con số dùng cho hoạt động mô phỏng thuật toán tìm kiếm nhím phân...	1 máy tính + máy chiếu	Bài 15: Thuật toán tìm kiếm nhị phân	
6	Máy tính, máy chiếu, giấy A4, bút dạ...	1 máy/2HS	Bài 16: Thuật toán sắp xếp	

VII. MÔN TIN 8

1	Máy tính	1 máy /2 HS	Bài thực hành sgk	
2	Tivi	01	Bài lý thuyết, thực hành	
3	Sách giáo khoa Tin học 8	1 quyển/1HS	Bài lý thuyết, thực hành	
4	Sách giáo viên Tin học 8	01 quyển/khối	Bài lý thuyết, thực hành	

VIII. MÔN TIN 9

1	Máy tính	1 máy /2 HS	Bài thực hành sgk	
2	Tivi	01	Bài lý thuyết, thực hành	
3	Sách giáo khoa Tin học 9	1 quyển/1HS	Bài lý thuyết, thực hành	
4	Sách giáo viên Tin học 9	01 quyển/khối	Bài lý thuyết, thực hành	

IX. MÔN KHTN 6

1	- Bộ TN để đo nhiệt độ nóng chảy của nước đá: cốc nước đá, nhiệt kế.	4	Bài 9: Sự đa dạng của chất	Phân môn Hóa
---	--	---	----------------------------	---------------------

	- Bộ TN tìm hiểu tính tan: 3 cốc nước, muối, đường, dầu ăn dừa. - Bộ TN đun nóng đường và muối: 2 bát sứ, đường, muối ăn, giá TN, đèn cồn, bật lửa.	4 4		
2	- Bộ TN để đo nhiệt độ sôi của nước: nước, cốc thủy tinh chịu nhiệt, nhiệt kế, đèn cồn. - Bộ TN làm nóng chảy của nước đá: nước đá, cốc thủy tinh chịu nhiệt, ống nghiệm, nhiệt kế, đèn cồn.	4 4	Bài 10: Các thể của chất và sự chuyển thể	
3	- Hình ảnh: oxygen có mặt ở khắp nơi trên trái đất. - Dụng cụ: 2 ống nghiệm có nút, 1 chậu thủy tinh; 1 cốc thủy tinh hình trụ có vạch chia; diêm - Hóa chất: nước pha màu, đá, 1 cây nến gắn vào đế nhựa, nước vôi trong hoặc dung dịch kiềm loãng.	1	Bài 11: Oxygen không khí	
4	- Hình ảnh về các vật	1	Bài 12: Một số vật liệu	

	dụng mũi tên bằng đá, đồ gốm, một số vật dụng trong gia đình. - Bộ dụng cụ thí nghiệm xác định khả năng dẫn điện của vật liệu: Bộ mạch điện (nguồn, công tắc, bóng đèn), các vật dụng bằng kim loại, nhựa, gỗ, cao su, thủy tinh, gốm sứ. - Bộ dụng cụ thí nghiệm xác định khả năng dẫn nhiệt của vật liệu: Bát sứ, các thìa bằng kim loại, gỗ, sứ, nhựa.	4 4		
5	- Dụng cụ, hóa chất: Đá vôi, dd hydrochloric acid, đĩa thủy tinh, đinh sắt, ống hút.	4	Bài 13: Một số nguyên liệu	
6	- Hình ảnh, video về nguồn nhiên liệu hóa thạch... Tìm hiểu tính chất và ứng dụng của 1 số nhiên liệu: Củi, than, xăng, khí gas...	1	Bài 14: Một số nhiên liệu	
7	-Hình ảnh về các loại lương thực, thực phẩm và	1	Bài 15: Một số lương thực thực phẩm	

	sự biến đổi của chúng. - Đoạn video về sự biến đổi của carbohydrate: - Đoạn video về dinh dưỡng hằng ngày	1 1		
8	Hoạt động dung dịch: Cần chuẩn bị 1 lọ đường, 1 bình nước cất, 1 cốc thủy tinh 100ml, 1 bộ thìa, 1 đèn cồn, 1 hộp diêm(bật lửa). - Hoạt động <i>Phân biệt huyền phù với dung dịch</i> cần chuẩn bị: 1 lọ đường, 1 lọ bột sắn dây, 2 cốc thủy tinh 100ml, 2 thìa, nước cất. - Hoạt động <i>Sự hòa tan một số chất rắn</i> cần chuẩn bị: đường, muối ăn, bột đá vôi, thìa, 3 ống nghiệm, nước.	4 4 4	Bài 16: Hỗn hợp các chất	
9	- Hình ảnh về một số hiện tượng tách chất ra khỏi hỗn hợp. - Đoạn video về thực hành thí nghiệm tách	1 1	Bài 17: Tách chất khỏi hỗn hợp	

	muối ra khỏi hỗn hợp nước muối: - đất, nước, 2 cốc thủy tinh, phễu lọc, giấy lọc. - dầu ăn, nước, 1 cốc thủy tinh, phễu chiết, chai nhựa, giá sắt, kẹp sắt.	2 2		
10	- Thanh nam châm - Đèn cồn - Cốc thủy tinh, đĩa thủy tinh	10 5 5	Bài 1: Giới thiệu về Khoa học tự nhiên	Phân môn Sinh
11	Kính lúp	10	Bài 3: Sử dụng kính lúp	
12	- Kính hiển vi - Hộp tiêu bản	4 1	Bài 4: Sử dụng kính hiển vi quang học	
13	- Kính hiển vi, nước cất, đĩa petri, giấy thấm, lamên, lam kính, ống nhoe giọt, bộ đồ mổ, hành tây, trứng cá, cà chua,...	4	Bài 21: Thực hành: quan sát và phân biệt một số loại tế bào	
14	- Kính hiển vi, lam kính, lamên, cốc đong, ống nhỏ giọt, giấy thấm, thìa, nước ao (hồ) - Mô hình cơ thể người	4 1	Bài 24: Thực hành quan sát và mô tả cơ thể đơn bào, cơ thể đa bào.	
15	- Cốc đong, lọ đựng, thìa, ống nhỏ giọt, nhiệt kế, kính hiển vi, lam kính, lamên kính, nước cất, sữa	4	Bài 28: Thực hành làm sữa chua và quan sát vi khuẩn	

	chua, thùng có nắp, lọ thủy tinh có nắp.....			
16	- Kính hiển vi, ống nhỏ giọt, lam kính, lamên kính, nước tự nhiên...	4	Bài 31: Thực hành quan sát nguyên sinh vật	
17	- Kính hiển vi, bộ đồ mổ, giấy thấm, nước cất, găng tay, kính lúp, lamên, lam kính, cốc, kính bảo vệ mắt, côm móc, bánh mì mốc, mộc nhĩ, nấm....	4	Bài 33: Thực hành quan sát các loại nấm	
18	- Kính lúp, kính hiển vi, lamên, lam kính, cốc, bộ đồ mổ, nước cất, giấy thấm, mẫu vật: rêu, dương xỉ, ...	4	Bài 35: Thực hành: quan sát và phân biệt một số nhóm thực vật	
19	- Ống nhòm, máy ảnh, kính lúp...	6	Bài 37: Thực hành: quan sát và nhận biết một số nhóm động vật ngoài thiên nhiên	
20	- Vợt bướm, lọ đựng mẫu vật, kính lúp, panh, kẹp...	6	Bài 39: Tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên	
21	Mô hình quả địa cầu, mặt trăng, mặt trời và các thiên thể.	01	Bài 52. Chuyển động nhìn thấy của mặt trời. Thiên thể	
22	Bộ thước đo độ dài	4	Bài 5: Đo chiều dài	Phân môn Lí
23	Cân đồng hồ, cân bỏ túi, cân điện tử,... Một số vật cần cân	4	Bài 6: Đo khối lượng	
24	Đồng hồ bấm giây, đồng	8	Bài 7: Đo thời gian	

	hồ đeo tay, điện thoại,...			
25	Các loại nhiệt kế (Nhiệt kế điện tử, nhiệt kế màu, nhiệt kế y tế, nhiệt kế phòng thí nghiệm,...), giá đỡ, cốc chịu nhiệt.	8	Bài 8: Đo nhiệt độ	
26	Giá gắn lò xo lá tròn có dây kéo, xe lăn; 2 xe lăn có đặt nam châm	8	Bài 40: Lực là gì?	
27	Một số loại lực kế, khối gỗ	8	Bài 41: Biểu diễn lực	
28	Giá đỡ thí nghiệm, lò xo xoắn, các quả nặng có cùng khối lượng, thước có ĐCNN là 1mm, giá đỡ quả nặng	8	Bài 42: Biến dạng của lò xo	
29	Lực kế lò xo, quả nặng có khối lượng 50g, 100g, 200g.	8	Bài 43: Trọng lượng, lực hấp dẫn	
30	Lực kế lò xo, khối gỗ, quả nặng	8	Bài 44: Lực ma sát	
31	1 hộp thủy tinh hoặc nhựa cứng, trong suốt dạng hình hộp chữ nhật; 1 xe lăn, 1 tấm cân hình chữ nhật, 1 đường ray cho xe lăn chạy, 1 ròng rọc cố định, 1 phễu rót nước, 1 đoạn dây mảnh, 1 lực kế	1	Bài 45: Lực cản của nước	

	lò xo GHD 5N, 1 van xả nước			
32	Một vài chiếc xe đồ chơi giống nhau, ống hút	8	Bài 46: Năng lượng và sự truyền năng lượng	
33	2 con lắc gồm 2 quả cầu giống nhau, giá treo cố định, thước mét, tấm bìa	8	Bài 47: Một số dạng năng lượng	
34	1 quả bóng teniss (hoặc bóng cao su), thước dây (hoặc thước cuộn), 1 sợi dây dài hơn 1m	1	Bài 48: Sự chuyển hóa năng lượng	
35	- Một vài tấm bìa các-tông, 1 quả bóng nhỏ, 1 đèn pin, băng dính, kéo, sợi dây treo. - Mô hình quả địa cầu, mặt trăng.	8 1	Bài 53: Mặt Trăng	
36	Đinh ghim, giấy nến, hộp các-tông, băng dính	8	Bài 54: Hệ Mặt Trời	
X. MÔN KHTN 7				
1	Hoá chất: Kẽm, CuSO ₄ , nước cất Dụng cụ: - Ống nghiệm, đèn cồn, ống thủy tinh, phễu nhựa, giấy lọc, cốc thủy tinh, kẹp gỗ, ống nhỏ giọt + Pin, bóng đèn pin, lăng kính thủy tinh, đèn	04	Bài 1: Mở đầu	Phân môn Hóa

	pin, ổ cắm, công tắc, cầu dao tự động (áp – tô – mát).			
2	Hoá chất: Đường, đinh sắt, bạc nitrat, thuốc tím, nén, NaCl, nước cất Dụng cụ: Ống nghiệm, đèn cồn, ống thủy tinh, cốc thủy tinh, kẹp gỗ, ống nhỏ giọt, mẫu giấy, que đóm.	04	Bài 4 : Phản ứng hóa học	
3	Hoá chất: Bari clorua, natri sunfat, Dụng cụ: Ống nghiệm, ống thủy tinh, cốc thủy tinh, kẹp gỗ, ống nhỏ giọt, cân đồng hồ	04	Bài 5 : Định luật bảo toàn khối lượng, Phương trình hóa học	
4	Cây xanh, băng keo đen, cồn 90, dung dịch iodine, giá thí nghiệm, cốc thủy tinh, đĩa peptri, ống nghiệm, kẹp ống nghiệm, đèn cồn	04	Bài 24: Thực hành chứng minh quang hợp ở cây xanh	Phân môn Sinh
5	Các loại hạt đậu, vôi trong, cốc thủy tinh, giấy thấm, đĩa peptri,	04	Bài 27. Thực hành: Hô hấp ở thực vật	
6	Cốc thủy tinh, dao, kính lúp, túi nilong Cành hoa màu trắng,	04 bộ	Bài 32: Thực hành - Chứng minh thân vận chuyển nước và lá thoát hơi nước	

	nước màu, chậu cây trồng trong đất ẩm.			
7	- Chậu trồng cây, đất, hạt giống, thùng giấy... - Tranh ảnh, video mô tả sự sinh trưởng và phát triển của sinh vật	04 bộ 01	Bài 35: Thực hành cảm ứng ở sinh vật	
8	Chậu trồng cây, đất, hạt giống, thùng giấy, dao, kéo thước đo	04 bộ	Bài 38: Thực hành, quan sát mô tả sự sinh trưởng và phát triển ở một số sinh vật	
9	Dụng cụ: Đèn pin, 3 tấm bìa cứng	04	Bài 13: Sự truyền ánh sáng	Phân môn Lí
10	Dụng cụ: Quả bóng nhựa, giá sắt, cái trống nhựa, đồng hồ bấm giây	04	Bài 16 : Nguồn âm. Độ cao và độ to của âm	
11	Dụng cụ: Hai cái trống nhựa, quả bóng nhựa, một nguồn âm, cốc thủy tinh,	04	Bài 17 : Sự lan truyền và phản xạ âm. Ô nhiễm tiếng ồn	
12	Dụng cụ : Thước nhựa, mảnh nilon, bút chì, miếng len	04	Bài 18 : Điện tích. Sự nhiễm điện	
13	Dụng cụ: mảnh phim nhựa, đèn pin,	04	Bài 19 : Dòng điện. Nguồn điện	
XI. MÔN KHTN 8				
1	- Một số dụng cụ thủy tinh như: ống nghiệm, cốc thủy tinh, bình nón, phễu lọc, ống đong, ống hút nhỏ giọt, kẹp gỗ ...	1	Bài 1: Sử dụng một số hoá chất, thiết bị cơ bản trong phòng thí nghiệm	Phân môn Hóa

	- Một số thiết bị: máy đo pH, huyết áp kế.			
2	- Nước đá viên; cốc thủy tinh, nhiệt kế, đèn cồn, kiềng sắt, bột sắt, bột lưu huỳnh; ống nghiệm chịu nhiệt, đĩa thủy tinh, đèn cồn, bát lửa. - Các dung dịch: hydrochloric acid loãng, sodium hydroxide, copper (II) sulfate, barium chloride, kẽm viên; ống nghiệm, ống hút nhỏ giọt.	1	Bài 2: Phản ứng hoá học	
3	- Hóa chất: Nước cất, muối ăn, sữa bột (hoặc bột sắn, bột gạo, ...), copper (II) sulfate - Dụng cụ: Đũa thủy tinh, cốc thủy tinh.	1	Bài 4: Dung dịch và nồng độ	
4	- Dụng cụ: cân robecvan, cốc thủy tinh, ống nghiệm, kẹp gỗ, ống hút hóa chất. - Hoá chất: dd sodium sulfate (Na_2SO_4), barium chloride (BaCl_2).	1	Bài 5: Định luật bảo toàn khối lượng và phương trình hoá học	
5	- Dụng cụ: ống nghiệm, kẹp ống nghiệm, giá thí	1	Bài 8: Acid	

	nghiệm, ống nhỏ giọt. - Hóa chất: Acid HCl, Zn, giấy quỳ tím.			
6	- Dd NaOH loãng; HCl loãng; phenolphthalein; giấy quỳ tím/ giấy pH; ống nghiệm, ống hút nhỏ giọt. - Nước lọc, nước chanh, nước ngọt có gas, nước rửa bát, giấm ăn, dung dịch baking soda (NaHCO_3), giấy pH, đĩa thủy tinh.	1	Bài 9: Base. Thang pH	
7	- Dụng cụ: Giá đỡ ống nghiệm, ống nghiệm, thìa thủy tinh, ống hút nhỏ giọt, bình tam giác (loại 100 mL), ống thủy tinh, ống nối cao su. - Hóa chất: CuO, dung dịch HCl loãng, dung dịch nước vôi trong, CO_2 (được điều chế từ bình tạo khí CO_2).	1	Bài 10: Oxide	
8	- Dụng cụ: ống nghiệm, kẹp gỗ. - Hoá chất: dung dịch CuSO_4 , BaCl_2 , H_2SO_4	1	Bài 11: Muối	

	loãng, NaOH loãng, Na_2SO_4 .			
9	Bộ băng bó cho người gãy xương tay, xương chân gồm: 2 thanh nẹp bằng gỗ bào nhẵn dài (300- 400) mm, rộng (40- 50) mm, dày từ (6-10) mm; 4 cuộn băng y tế, mỗi cuộn dài 200 mm; 4 cuộn gạc y tế.	4	Bài 31. Hệ vận động ở người	Phân môn Sinh
10	Dụng cụ đo huyết áp	2	Bài 33. Máu và hệ tuần hoàn của cơ thể người	
11	Dụng cụ đo thân nhiệt. Nhiệt kế (lồng) (TBDC).	4	Bài 39. Da và điều hòa thân nhiệt ở người	
12	Dụng cụ điều tra thành phần quần xã sinh vật gồm: - Ống nhòm hai mắt 16×32 nhỏ, với tiêu cự 135mm, độ phóng đại tối đa lên đến 16 lần, đường kính 32mm. - Kính lúp - Sổ ghi chép, bút viết	4	Bài 44. Hệ sinh thái	
13	Bộ dụng cụ đo khối lượng	4	Bài 14. Thực hành xác định khối lượng riêng	Phân môn Lí

	riêng Gồm: - Cân hiện số - Bình tràn 650 ml, bình nhựa trong; cốc nhựa 200 ml; ống đong loại 250 ml; vật không thấm nước			
14	Bộ dụng cụ thí nghiệm áp suất chất lỏng Gồm: Bộ giá thí nghiệm và lực kế 5 N. vật nhôm 100 cm ³ ; bình đựng nước 0,6 lít kèm giá đỡ có thể dịch chuyển bình theo phương thẳng đứng.	4	Bài 16. Áp suất chất lỏng. Áp suất khí quyển	
15	Bộ dụng cụ thí nghiệm áp lực Gồm: - 2 Xi lanh 100 ml và 300 ml. - Các quả kim loại 50 gam và bộ giá thí nghiệm - Áp kế.	4		
16	14. Bộ dụng cụ thí nghiệm áp suất khí quyển Gồm: Cốc nước đường	4		

	kính 75 mm, cao 90 mm; giấy bìa không thấm nước. Pipet.			
17	15. Bộ dụng cụ thí nghiệm tác dụng làm quay của lực Gồm: Lực kế; Thanh nhựa cứng, có lỗ móc lực kế cách đều nhau, dài tối thiểu 300 mm liên kết với giá có điểm tựa trục quay.	4	Bài 18. Tác dụng làm quay lực. Moment lực	
18	Bộ dụng cụ thí nghiệm dẫn điện Gồm: - Biến áp nguồn (hoặc pin), Vôn kế (hoặc cảm biến điện thế) - Dây dẫn, bóng đèn, thanh nhựa, thanh kim loại	4	Bài 21. Dòng điện, nguồn điện	
19	Bộ dụng cụ thí nghiệm tác dụng của dòng điện Gồm: - Bình điện phân, dung tích tối thiểu 200 ml có nắp đậy 2 điện cực bằng than. - Nguồn điện (hoặc pin)	4	Bài 25. Thực hành đo cường độ dòng điện và hiệu điện thế	

	- Công tắc, dây nối, bóng đèn. - Đồng hồ đo điện đa năng hoặc cảm biến điện thế và cảm biến dòng điện			
20	Bộ dụng cụ đo năng lượng nhiệt Gồm: Nhiệt lượng kế có nắp, đường kính tối thiểu 100 mm, có xốp cách nhiệt. Oát kế có công suất đo tối đa 75 W, cường độ dòng điện đo tối đa 3 A, điện áp đầu vào 0-25 V-DC, cường độ dòng điện điện đầu vào 0-3 A, độ phân giải công suất 0,01 W, độ phân giải thời gian: 0,1s, có LCD hiển thị.	4	Bài 27. Thực hành đo năng lượng nhiệt bằng joulemeter	
21	Bộ dụng cụ thí nghiệm nổ vì nhiệt Gồm: - Ống kim loại rỗng, sơn tĩnh điện với Φ ngoài khoảng 34mm, chiều dài 450mm, trên thân có bộ phận gắn ống dẫn hơi	4	Bài 29. Sự nổ vì nhiệt	

nước nóng vào/ra, có lỗ để cắm nhiệt kế, hai đầu ống có nút cao su chịu nhiệt với lỗ $\Phi 6$ mm. - Đồng hồ chỉ thị độ giãn nở có độ chia nhỏ nhất 0,01 mm (đồng hồ so cơ khí). - 02 thanh kim loại đồng chất (nhôm, đồng) có $\Phi 6$ mm, chiều dài 500 mm. - Giá đỡ: đế bằng thép chữ U sơn tĩnh điện, có cơ cấu để đỡ ống kim loại rỗng, một đầu giá có bộ phận định vị thanh kim loại và điều chỉnh được, đầu còn lại có bộ phận gá lắp đồng hồ so tì vào đầu còn lại của thanh kim loại. - Ống cao su chịu nhiệt để dẫn hơi nước đi qua ống kim loại rỗng. - Bộ đun nước bằng thủy tinh chịu nhiệt, có đầu thu hơi nước vừa với ống cao su dẫn hơi nước.			
--	--	--	--

XII. MÔN KHTN 9

1	Tivi/máy chiếu	01	Áp dụng cho tất cả các tiết dạy	Phân môn Hoá
2	- Nguồn sáng. - Bộ dụng cụ tìm hiểu tính chất của ảnh qua thấu kính. - Điện kế. - Đồng hồ đo điện - Cuộn dây dẫn kín có 2 đèn led - Bát sứ. - Phễu. - Bình cầu thủy tinh. - Lưới tản nhiệt	01	Bài 1. Nhận biết 1 số dụng cụ, hóa chất. Thuyết trình một vấn đề khoa học.	
3	- Bộ dụng cụ lắp ghép mô hình phân tử hợp chất hữu cơ.	04	Bài 22. Giới thiệu về hợp chất hữu cơ. Bài 26. Ethylic Alcohol.	
4	- Dụng cụ: 1 bật lửa gas (chứa butane) loại dài (dùng để mồi lửa bếp gas, bếp cồn), 1 bình tam giác bằng thủy tinh chịu nhiệt, nút cao su, ống nghiệm đựng dung dịch Ca(OH)_2.	04	Bài 23. Alkane.	

5	- Mô hình cấu tạo phân tử C_2H_4 (dạng rỗng). - Dụng cụ: Ống dẫn khí, ống nghiệm, ống vuốt nhọn, giá thí nghiệm. - Hoá chất: Ethylene, dung dịch Br_2.	04	Bài 24. Alkene.	
6	- Bộ mẫu vật sản phẩm chế biến từ dầu mỡ.	04	Bài 25. Nguồn nhiên liệu.	
7	- Mẫu vật: Rượu gạo, cồn 70°, cồn 90°, nước rửa tay sát khuẩn,... - Hoá chất: Ethylic alcohol nguyên chất, sodium. - Dụng cụ: Ống nghiệm, bát sứ, panh sắt, giấy lọc, đĩa thủy tinh, que đóm dài, bật lửa hoặc diêm.	04	Bài 26. Ethylic Alcohol.	
8	- Mẫu vật: Giấm ăn	04	Bài 27. Acetic acid.	

	– Dụng cụ: Ống nghiệm, cốc thủy tinh, ống thủy tinh gấp khúc, panh sắt, ống hút nhỏ giọt, nút cao su, đèn cồn, diêm hoặc bật lửa. – Hoá chất: CH_3COOH, quỳ tím, dung dịch phenolphthalein, Zn, Mg, CuO, Fe_2O_3, dung dịch NaOH, dung dịch $\text{Ca}(\text{OH})_2$, CaCO_3, Na_2CO_3, $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$, H_2SO_4 đặc, dung dịch NaCl bão hòa, nước cất.			
9	- Mẫu vật: Mỡ lợn, dầu ăn, xăng. - Hoá chất: nước cất. - Dụng cụ: Ống nghiệm,	04	Bài 28. Lipid.	

	cốc thuỷ tinh, đĩa thuỷ tinh.			
10	- Hoá chất: dung dịch glucose, dung dịch AgNO_3, dung dịch NH_3, nước cất. - Dụng cụ: ống nghiệm, cốc thuỷ tinh.	04	Bài 29. Carbohydrate. Glucose và saccharose.	
11	- Hoá chất: Dung dịch hồ tinh bột, dung dịch iodine, dung dịch HCl 2M . - Dụng cụ: Ống nghiệm, cốc thuỷ tinh chịu nhiệt, đèn cồn.	04	Bài 30. Tinh bột và cellulose.	
12	- Mẫu vật: Lòng trắng trứng, len lông cừu, tơ tằm, tơ nylon. - Hoá chất: Dung dịch HCl. - Dụng cụ: Ống nghiệm, ống hút nhỏ giọt, bát sứ, đèn cồn, diêm hoặc bật lửa.	04	Bài 31. Protein.	
13	- Mẫu vật: Tinh bột, trứng	04	Bài 32. Polymer.	

	gà, gạo nếp, sợi đay, tơ tằm, tơ nylon (polyethylene), màng bọc thực phẩm (poly vinyl chloride), cao su lưu hoá. - Hoá chất: Nước cất. - Dụng cụ: Ống nghiệm, cốc thuỷ tinh chịu nhiệt, đèn cồn, diêm hoặc bật lửa.			
14	- Hoá chất: mẫu kim loại natri, đinh sắt, dây đồng, dung dịch HCl 0,5 M, dung dịch AgNO₃ 2%, nước. - Dụng cụ: Ống nghiệm, chậu thuỷ tinh, panh, giấy nhám.	04	Bài 19. Dây hoạt động hóa học.	
15	- Hoá chất: Đá vôi, cát, dung dịch HCl. - Dụng cụ: Đĩa thuỷ tinh, ống nhỏ giọt	01	Bài 34. Khai thác đá vôi. Công nghiệp Silicate.	
16	Tivi/máy chiếu	01	Áp dụng cho tất cả các tiết dạy	Phân môn Sinh
17	- Mô hình DNA, RNA	01	Bài 38. Nucleic acid và gene.	
18	- Mô hình tổng hợp protein	02	Bài 40. Dịch mã và mối quan hệ từ gene đến	

			tính trạng.	
19	- D.cụ: Kính hiển vi quang học; dầu soi kính hiển vi; giấy mềm; cồng 70⁰; máy ảnh. - Mẫu vật: tiêu bản cố định NST tb 1 số loài. - Tr.hình: 42.1 => 6 (SGK/181 => 184).	04 1 hộp 01	Bài 42. Nhiễm sắc thể và bộ nhiễm sắc thể.	
20	Máy tính	01	Áp dụng cho tất cả các tiết dạy	Phân môn Lí
21	Máy chiếu	01	Áp dụng cho tất cả các tiết dạy	
22	- Dụng cụ: Bóng nhựa; con lắc đơn; giá TN ^o có treo sợi dây ko dẫn.	04	Bài 3. Cơ năng (1 Tiết).	
23	- Hình ảnh, video minh họa. - Lực kế, vật nặng, mặt phẳng nghiêng.	01 04	Bài 4. Công và công suất (1 Tiết).	
24	- Dụng cụ: bảng TN ^o có gắn tròn chia độ; bản bán trụ t.tinh; đèn 12V-21W có khe cài chắn sáng; nguồn điện.	01	Bài 5. Khúc xạ ánh sáng (2 Tiết).	
25	- Dụng cụ: bảng TN ^o có gắn tròn chia độ; bản bán trụ t.tinh; đèn 12V-21W có khe cài chắn sáng; nguồn điện.	04	Bài 6. Phản xạ toàn phần (3 Tiết).	
26	- Tivi, máy tính	04	Bài 7. Lăng kính (2 Tiết).	

	- Dụng cụ: lăng kính gắn trên giá; đèn ánh sáng trắng có khe hẹp; màn hứng chùm sáng; nguồn điện và dây nối; tấm kính lọc sắc đỏ, sắc tím.			
27	- Tivi, máy tính - Dụng cụ: nguồn sáng; thấu kính hội tụ, phân kỳ; đèn chiếu sáng; vật sáng bằng kính mờ hình chữ F; màn chắn; giá quang học; nguồn điện và dây nối.	04	Bài 8. Thấu kính (2 Tiết).	
28	- Tivi, máy tính - Dụng cụ: nguồn sáng; vật sáng bằng kính mờ hình chữ F; thấu kính hội tụ; màn chắn; giá quang học đồng trục; nguồn điện, dây nối.	04	Bài 9. Thực hành đo tiêu cực của thấu....(1 Tiết).	
29	- Tivi, máy tính	01	Bài 10: Kính lúp. Bài tập thấu kính (2 tiết)	
30	- Tivi, máy tính - Dụng .cụ: nguồn điện 1 chiều 12V; 1 bóng đèn 2,5V; 3 vật dẫn là 3 điện trở $R_1 - R_2 - R_3$; công tắc, các dây nối; biến trở; điện trở R_0 ; 1 ampe kế; 1 vôn kế;	04	Bài 11. Điện trở. Định luật Ohm (2 Tiết).	

31	- Tivi, máy tính - Dụng cụ: nguồn điện 1 chiều 12V; 3 điện trở $R_1 = 6\Omega$ - $R_2 = 10\Omega$ - $R_3 = 16\Omega$; ampe kế có giới hạn đo 3A và có độ chia nhỏ nhất là 0,01A; công tắc, các dây nối.	04	Bài 12. Đoạn mạch nối tiếp, song song (3 Tiết)	
32	- Tivi, máy tính	01	Bài 13: Năng lượng của dòng điện và công suất điện (3 tiết)	
33	- Tivi, máy tính - Dụng cụ: thanh nam châm vĩnh cửu; cuộn dây dẫn; điện kế và các dây nối; cuộn dây kín có 2 bóng led đỏ và vàng mắc song song và ngược cực; thanh nam châm có chục quay; cuộn dây mềm; điện kế; kẹp giữ; dây nối; Bộ thí nghiệm mô hình máy phát điện xoay chiều có 2 đèn led.	01	Bài 14. Cảm ứng điện từ. Nguyên...(4 Tiết)	
34	- Tivi, máy tính - Bộ thí nghiệm mô hình máy phát điện xoay chiều có 2 đèn led.	01	Bài 15: Tác dụng của dòng điện xoay chiều (3 Tiết)	
XIII. MÔN CÔNG NGHỆ 6				
1	Bộ dụng cụ sử dụng trong	03	Bài 5. Bảo quản và chế biến thực phẩm	

	chế biến món ăn không sử dụng nhiệt.			
2	Bộ dụng cụ tĩa hoa, trang trí món ăn không sử dụng nhiệt.	03		
3	Hộp mẫu các loại vải	03	Bài 7. Trang phục trong đời sống	
4	Nồi cơm điện	03	Bài 12. Nồi cơm điện	
5	Bếp điện	03	Bài 13. Bếp hồng ngoại	
6	Bóng đèn các loại	03	Bài 11. Đèn điện	

XIV. MÔN CÔNG NGHỆ 7

I. Tranh ảnh

1	Vai trò của trồng trọt	01	Bài 1: Giới thiệu về trồng trọt	
2	Một số cây trồng phổ biến	01		
3	Trồng ngô trong tự nhiên	01		
4	Trồng hoa trong nhà kính	01		
5	Nhà trồng cây có hệ thống nước tưới tự động	01		
6	Một số ngành nghề trồng trọt	01		
7	Một số công việc làm đất trồng cây	01	Bài 2: Làm đất trồng cây	
8	Một số cách bón phân lót	01		
9	Một số hình thức gieo trồng	01	Bài 3: Gieo trồng, chăm sóc và phòng trừ sâu, bệnh cho cây trồng	
10	Kĩ thuật chăm sóc cây trồng	01		
11	Cách sử dụng thuốc hóa học trừ sâu	01		

12	Một số phương pháp thu hoạch sản phẩm trồng trọt	01	Bài 4: Thu hoạch sản phẩm trồng trọt	
13	Một số phương pháp bảo quản sản phẩm trồng trọt	01		
14	Các phương pháp nhân giống vô tính.	03	Bài 5: Nhân giống vô tính cây trồng	
15	Các bước trồng rau trong chậu hoặc thùng xốp	01	Bài 6: Dự án trồng rau an toàn	
16	Các thành phần của rừng	01	Bài 7: Giới thiệu về rừng	
17	Các loại rừng phổ biến ở Việt Nam	01		
18	Các bước trồng rừng bằng cây con có bầu và cây con rễ trần	01	Bài 8: Trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng	
19	Các công việc chăm sóc cây rừng	01		
20	Một số vai trò trong chăn nuôi.	01	Bài 9: Giới thiệu về chăn nuôi	
21	Một số vật nuôi phổ biến ở Việt Nam	01		
22	Một số giống vật nuôi đặc trưng theo vùng miền	01		
23	Phương thức chăn nuôi nông hộ và trang trại.	01		
24	Ngành nghề trong chăn nuôi	02		
25	Vai trò của nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi.	01		
26	Nuôi dưỡng chăm sóc vật	01	Bài 10: Nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi	

	nuôi non.			
27	Một số biện pháp phòng, trị bệnh cho vật nuôi	02	Bài 11: Phòng trị bệnh cho vật nuôi	
28	Chuồng nuôi gà thịt	02	Bài 12: Chăn nuôi gà thịt trong nông hộ	
29	Một số thức ăn tự nhiên của gà	01		
30	Một số giống chó, mèo, chim cảnh	03	Bài 13: Thực hành lập kế hoạch nuôi vật nuôi trong gia đình	
31	Một số vai trò của thủy sản	01	Bài 14: Giới thiệu về thủy sản	
32	Một số loài thủy sản có giá trị kinh tế cao	01		
33	Một số loại ao nuôi cá phổ biến	01	Bài 15: Nuôi cá ao	
34	Một số giống cá nước ngọt phổ biến ở Việt Nam.	01		
35	Một số biểu hiện khi cá bị bệnh	01		
35	Một số loại bể nuôi cá cảnh	01	Bài 16: Lập kế hoạch nuôi cá cảnh	

II. Video

1	Video Trồng trọt công nghệ cao	01	Bài 1: Giới thiệu về trồng trọt	
2	Video Kỹ thuật làm đất trồng	01	Bài 2: Làm đất trồng cây	
3	Video Kỹ thuật chăm sóc cây trồng	01	Bài 3: Gieo trồng, chăm sóc và phòng trừ sâu, bệnh cho cây trồng	
4	Video về thu hoạch nông	01	Bài 4: Thu hoạch sản phẩm trồng trọt	

	sản			
5	Video kĩ thuật nhân giống vô tính	01	Bài 5: Nhân giống vô tính cây trồng	
6	Video về trồng rau an toàn	01	Bài 6: Dự án trồng rau an toàn	
7	Video chăn nuôi công nghệ cao	01	Bài 9: Giới thiệu về chăn nuôi	
8	Video về kĩ thuật chăn nuôi gà thịt	01	Bài 12: Chăn nuôi gà thịt trong nông hộ	
9	Video về kĩ thuật chuẩn bị ao nuôi cá	01	Bài 15: Nuôi cá ao	
III. Thiết bị thực hành				
1	- Dao, kéo, lọ thủy tinh	04	Bài 5: Nhân giống vô tính cây trồng	
2	- Bình tưới nước, khay đựng đất	04		
	- Chậu nhựa/ thùng xốp	04	Bài 6: Dự án trồng rau an toàn	
3	- Dụng cụ trồng và tưới nước	04		
4	- Nhiệt kế	04	Bài 15: Nuôi cá ao	
5	- Đĩa secchi	04		
XV. MÔN CÔNG NGHỆ 8				
1	Bộ dụng cụ vẽ kỹ thuật	04 bộ	Bài 2. Hình chiếu vuông góc	
2	Bộ dụng cụ thực hành cơ khí	04 bộ	Bài 8. Gia công cơ khí bằng tay Bài 10. Dự án. Gia công chi tiết bằng tay	
3	Bộ dụng cụ bảo vệ, an toàn điện	04 bộ	Bài 12. Biện pháp an toàn điện Bài 13. Sơ cứu người bị tai nạn điện.	
4	Cảm biến	04 bộ	Bài 15. Cảm biến và mô đun cảm biến	
5	Bộ công cụ phát triển ứng	04 bộ	Bài 16. Mạch điện điều khiển sử dụng mô	

	dụng dựa trên vi điều khiển		đun cảm biến	
6	Bộ vật liệu điện	04 bộ		
7	Bộ dụng cụ điện	04 bộ		
8	Khối hình học cơ bản	04 bộ	Bài 2. Hình chiếu vuông góc	
9	Mẫu vật liệu cơ khí	04 bộ	Bài 6. Vật liệu cơ khí	
10	Cơ cấu truyền và biến đổi chuyển động	04 bộ	Bài 7. Truyền và biến đổi chuyển động	
11	Bộ dụng cụ cơ khí	04 bộ	Bài 6. Vật liệu cơ khí	
12	Bộ vật liệu cơ khí	04 bộ	Bài 8. Gia công cơ khí bằng tay	

XVI. MÔN CÔNG NGHỆ 9

ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP

	- Máy chiếu, máy tính, tranh ảnh có nội dung liên quan đến bài học. - Giáo án điện tử. - Theo danh mục thiết bị dạy học tối thiểu.	1	Bài 1. Nghề nghiệp trong lĩnh vực kỹ thuật và công nghệ	
	- Máy chiếu, máy tính, tranh ảnh có nội dung liên quan đến bài học. - Giáo án điện tử. - Hình: 2.1, 2.2, 2.3, 2.4 SGK phóng to. - Theo danh mục thiết bị	1	Bài 2. Cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân	

	dạy học tối thiểu.			
	- Máy chiếu, máy tính, tranh ảnh có nội dung liên quan đến bài học. - Giáo án điện tử. - Tranh minh họa về thị trường lao động.	1	Bài 3. Thị trường lao động kỹ thuật, công nghệ tại Việt Nam	
	- Máy chiếu, máy tính, tranh ảnh có nội dung liên quan đến bài học. - Giáo án điện tử. - Hình 5.1 SGK phóng to. - Theo danh mục thiết bị dạy học tối thiểu.	1	Bài 4. Quy trình lựa chọn nghề nghiệp	
	- Máy chiếu, máy tính, tranh ảnh có nội dung liên quan đến bài học. - Giáo án điện tử. - Vật liệu: Giấy, bút - Phiếu đánh giá mức độ phù hợp nghề nghiệp.	1	Bài 5. Dự án: Tự đánh giá mức độ phù hợp của bản thân với một số ngành nghề thuộc lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ	
MÔ ĐUN LẮP ĐẶT MẠNG ĐIỆN TRONG NHÀ				

1	- Máy chiếu, máy tính, tranh ảnh có nội dung liên quan đến bài học; - Thiết bị đóng cắt: Công tắc, cầu dao, Aptomat; - Thiết bị lấy điện: Ổ cắm, phích cắm; - Phiếu báo cáo thực hành. - Giáo án điện tử.	1	Bài 1. Thiết bị đóng cắt và lấy điện trong gia đình	
2	- Máy chiếu, máy tính, tranh ảnh có nội dung liên quan đến bài học. - Các dụng cụ đo điện: Đồng hồ vạn năng, Ampe kìm, công tơ điện. - Mạch điện cần đo, nguồn 220V - Phiếu báo cáo thực hành. - Giáo án điện tử.	1	Bài 2. Dụng cụ đo điện cơ bản	
3	- Máy chiếu, máy tính, tranh ảnh có nội dung liên quan đến bài học.	1	Bài 3. Thiết kế mạng điện trong nhà	

	- Giáo án điện tử. - Sơ đồ nguyên lí, sơ đồ lắp đặt mạch điện.			
4	- Máy chiếu, máy tính, tranh ảnh có nội dung liên quan đến bài học. - Giáo án điện tử. - Một số dụng cụ thường dùng trong lắp đặt mạng điện trong nhà: Thước cuộn, kìm, tuavit, bút thử điện, cưa tay, khoan điện, búa....	1	Bài 4. Vật liệu, thiết bị và dụng cụ dùng cho lắp đặt mạng điện trong nhà	
6	- Máy chiếu, máy tính, hình ảnh có nội dung liên quan đến bài học. - Giáo án điện tử.	1	Bài 5. Tính toán chi phí mạng điện trong nhà.	
7	- Máy chiếu, máy tính, tranh ảnh có nội dung liên quan đến bài học. - Giáo án điện tử. - Một số dụng cụ: Đồng hồ vạn năng, kìm điện các loại, tuavit, bút thử điện,	7	Bài 6. Thực hành: Lắp đặt mạng điện trong nhà	

	cưa tay, khoan điện, búa.... - Một số thiết bị điện: Aptomat, ổ cắm, công tắc 2 cực, công tắc 3 cực, đui đèn, bóng đèn - Vật liệu: Dây dẫn, băng điện, giấy ráp, băng dính cách điện.			
8	- Máy chiếu, máy tính, tranh ảnh có nội dung liên quan đến bài học. - Giáo án điện tử. - Phiếu đánh giá mức độ phù hợp về khả năng và sở thích của bản thân đối với ngành nghề liên quan đến lắp đặt mạng điện trong nhà.	1	Bài 7. Một số ngành nghề liên quan đến lắp đặt mạng điện trong nhà.	
XVII. MÔN HĐTN 6				
1	Bộ tranh về hình ảnh thiên tai	01	Chủ đề 3: Trách nhiệm với bản thân Bài 2: Ứng phó với thiên tai	Thiết bị thư viện
2	Bộ tranh về cảnh quan thiên nhiên của quê hương	01	Chủ đề 7: Em với thiên nhiên và môi trường Tiết 1: Khám phá cảnh quan thiên nhiên	Thiết bị thư viện

3	Bộ tranh về các làng nghề và nghề truyền thống của quê hương	01	Chủ đề 8: Khám phá thế giới nghề nghiệp Tiết 1: Thế giới nghề nghiệp quanh ta	Thiết bị thư viện
4	Ti vi, micro, loa đài	01	GV giảng dạy	CSVC nhà trường
5	Máy tính	01	GV giảng dạy	CSVC nhà trường

XVIII. MÔN HĐTN 7

1	Bộ tranh về hình ảnh thiên tai	4	Chủ đề 3: Trách nhiệm với bản thân - Tự bảo vệ trong tình huống nguy hiểm	Thiết bị thư viện
2	Bộ tranh về cảnh quan thiên nhiên của quê hương	4	Chủ đề 7: Em với thiên nhiên và môi trường - Cảnh quan thiên nhiên quê hương tôi	Thiết bị thư viện
3	Bộ tranh về các làng nghề và nghề truyền thống của quê hương	4	Chủ đề 8: Khám phá thế giới nghề nghiệp	Thiết bị thư viện
4	Ti vi, micro, loa đài	1	GV giảng dạy	CSVC nhà trường
5	Máy tính	1	GV giảng dạy	CSVC nhà trường

XIX. MÔN HĐTN 8

1	- Thiết bị phát nhạc - Băng/đĩa nhạc về trường, lớp, tình bạn, tình thầy trò - Hộp giấy đựng phiếu trả lời câu hỏi	- 1 bộ - 1 bộ - 1 hộp	Chủ đề 1: Em với nhà trường - Hoạt động khởi động - Hoạt động khám phá, kết nối: + Rèn luyện các kĩ năng xây dựng và giữ gìn tình bạn. + Rèn luyện kĩ năng nhận diện và phòng	GV khai thác hiệu quả
---	--	---	--	-----------------------

			tránh bắt nạt học đường. + Rèn luyện kỹ năng xây dựng truyền thống nhà trường.	
2	- Máy tính - Máy chiếu - Loa - Video, bài hát, câu chuyện nói về sự phát triển của trẻ em lứa tuổi thiếu niên; ca ngợi những đức tính của con người; sở thích, khả năng của con người; ca ngợi những giá trị của con người.	- 1 cái - 1 cái - 1 bộ - 4 bộ	Chủ đề 2: Khám phá bản thân - Hoạt động khởi động + Rèn luyện khả năng xác định nét đặc trưng trong tính cách của bản thân. + Rèn luyện khả năng nhận diện sự thay đổi cảm xúc và khả năng điều chỉnh cảm xúc theo hướng tích cực. + Rèn luyện khả năng tranh biện, thương thuyết để bảo vệ quan điểm của bản thân trong một số tình huống.	GV khai thác hiệu quả
3	- Máy tính - Máy chiếu - Loa - Bộ tranh/Video về biến đổi khí hậu - Video/ bài hát “Con bão miền trung”	- 1 cái - 1 cái - 1 bộ - 8 bộ - 1 bộ	Chủ đề 3: Trách nhiệm với bản thân - Hoạt động khởi động - Hoạt động khám phá, kết nối: + Rèn luyện kỹ năng nhận diện và thể hiện trách nhiệm với bản thân, với mọi người và trong các hoạt động. + Rèn luyện kỹ năng từ chối trong các tình huống cụ thể. + Thực hiện cam kết đề ra.	GV khai thác hiệu quả
4	- Máy tính - Máy chiếu - Loa - Video clip, tranh, ảnh về cách sắp xếp sách vở, đồ	- 1 cái - 1 cái - 1 bộ - 2 bộ	Chủ đề 4: Rèn luyện bản thân - Hoạt động khởi động - Hoạt động khám phá, kết nối: + Rèn luyện kỹ năng ra quyết định chi tiêu phù hợp trước những tác động của quảng	GV khai thác hiệu quả

	dùng học tập ở góc học tập; nơi sinh hoạt cá nhân - Các đồ vật, hàng hóa dưới dạng mô phỏng hoặc đồ chơi.	- 1 bộ	cáo, tiếp thị. + Rèn luyện kỹ năng lập kế hoạch kinh doanh phù hợp với lứa tuổi. + Rèn luyện kỹ năng thể hiện hành vi tự chủ trong các mối quan hệ trong đời sống và trên mạng xã hội.	
5	- Máy tính - Máy chiếu - Loa - Tranh, ảnh, video, bài hát về chủ đề gia đình	- 1 cái - 1 cái - 1 bộ - 1 bộ	Chủ đề 5: Em với gia đình - Hoạt động khởi động - Hoạt động khám phá, kết nối: + Rèn luyện kỹ năng thể hiện sự tôn trọng và thuyết phục. + Thực hiện những lời nói và việc làm để người thân hài lòng. + Rèn luyện kỹ năng sống tiết kiệm trong sinh hoạt gia đình. + Rèn luyện kỹ năng sắp xếp và hoàn thành các công việc trong gia đình	GV khai thác hiệu quả
6	- Thiết bị phát nhạc - Các bài hát có nội dung về mối quan hệ cộng đồng; các hoạt động thiện nguyện - Câu chuyện về những người được cộng đồng yêu quý. - Câu chuyện, tấm gương về những hoạt động thiện nguyện.	- 1 bộ - 1 bộ - 1 bộ - 1 bộ	Chủ đề 6: Em với cộng đồng - Hoạt động khởi động - Hoạt động khám phá, kết nối: + Rèn luyện kỹ năng tham gia các hoạt động giáo dục truyền thống và phát triển cộng đồng ở địa phương. + Rèn luyện kỹ năng xây dựng và thực hiện kế hoạch hoạt động thiện nguyện. + Rèn luyện kỹ năng tìm kiếm sự hỗ trợ khi gặp khó khăn trong tham gia hoạt động giáo dục truyền thống và phát triển cộng đồng ở địa phương.	GV khai thác hiệu quả

	- Các hình ảnh về hành vi văn hóa nơi công cộng - Các hình ảnh về truyền thống của địa phương	- 1 bộ - 1 bộ		
7	- Máy tính - Máy chiếu - Loa - Video/clip, tranh, ảnh về cảnh quan thiên nhiên Việt Nam - Các bài hát ca ngợi cảnh đẹp của quê hương, đất nước. - Tranh, ảnh minh họa về những tác động của biến đổi khí hậu	- 1 cái - 1 cái - 1 bộ - 1 bộ - 1 bộ - 1 bộ	Chủ đề 7: Em với thiên nhiên và môi trường - Hoạt động khởi động - Hoạt động khám phá, kết nối: + Rèn luyện kỹ năng thiết kế sản phẩm thể hiện vẻ đẹp của cảnh quan thiên nhiên, danh lam thắng cảnh ở địa phương. + Rèn luyện kỹ năng tổ chức sự kiện giới thiệu về vẻ đẹp cảnh quan thiên nhiên, danh lam thắng cảnh của địa phương và cách bảo tồn. + Rèn luyện kỹ năng sưu tầm tư liệu, viết báo cáo về thiên tai và thiệt hại do thiên tai gây ra cho địa phương trong một số năm. + Rèn luyện kỹ năng truyền thông cho người dân địa phương về biện pháp đề phòng thiên tai và giảm nhẹ rủi ro khi gặp thiên tai.	GV khai thác hiệu quả
8	- Hình ảnh minh họa về nghề nghiệp - Bộ thẻ nghề truyền thống - Máy tính - Máy chiếu - Loa	- 1 bộ - 8 bộ - 1 cái - 1 cái - 1 bộ - 1 bộ	Chủ đề 8: Khám phá thế giới nghề nghiệp - Hoạt động khởi động - Hoạt động khám phá, kết nối: + Lập danh mục nghề phổ biến trong xã hội hiện đại. + Tìm hiểu đặc trưng của nghề phổ biến trong xã hội hiện đại. + Tìm hiểu những thách thức đối với người	GV khai thác hiệu quả

	- Video/clip về nghề truyền thống		lao động trong xã hội hiện đại.	
9	- Sản phẩm nghề truyền thống - Dụng cụ chế biến món ăn truyền thống	- 5 bộ - 8 bộ	Chủ đề 9: Hiểu bản thân, chọn đúng nghề - Hoạt động khởi động - Hoạt động khám phá, kết nối: + Xây dựng và thực hiện kế hoạch khảo sát hứng thú nghề nghiệp của các bạn học sinh trong trường. + Rèn luyện sức khỏe, độ bền, tính kiên trì, sự chăm chỉ trong công việc. + Rèn luyện phẩm chất và năng lực của bản thân phù hợp với yêu cầu của người lao động trong xã hội hiện đại. + Rèn luyện kỹ năng xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập theo định hướng nghề nghiệp. + Thể hiện thái độ tôn trọng đối với lao động nghề nghiệp.	GV khai thác hiệu quả

4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập

STT	Tên phòng	Số lượng	Phạm vi và nội dung sử dụng	Ghi chú
1	Phòng bộ môn Tin học	01	Dùng để dạy các bài sau: - Vẽ hình đơn giản với phần mềm GEOGEBRA	Toán 6
			- Hoạt động thực hành trải nghiệm: Vẽ hình đơn giản với phần mềm GeoGebra , Cơ cấu dân số Việt Nam.	Toán 7
			- Vẽ hình đơn giản với phần mềm Geogebra - Sử dụng phần mềm Geogebra để tính toán các phép tính cộng, trừ, nhân, chia trên đa thức, phân tích đa thức	Toán 8

		thành nhân tử . - Sử dụng phần mềm Geogebra để tính toán các phép tính trên PTĐS, giải PTBNMÂ và vẽ đồ thị hàm số bậc nhất	
		- Vẽ hình đơn giản với phần mềm Geogebra - Sử dụng phần mềm Geogebra để tính toán các phép tính cộng, trừ, nhân, chia trên đa thức, phân tích đa thức thành nhân tử . - Sử dụng phần mềm Geogebra để tính toán các phép tính trên PTĐS, giải PTBNMÂ và vẽ đồ thị hàm số bậc nhất	Toán 9
		- Thực hành gửi thư bằng email - Vẽ sơ đồ tư duy - Giải thuật toán	Tin 6
		- Thực hành gửi thư bằng email - Tính toán trên bảng tính và tạo phần mềm trình chiếu - Giải thuật toán	Tin 7
		Bài 3. Thực hành khai thác thông tin số Bài 5. Sử dụng bảng tính giải quyết bài toán thực tế Bài 6. Sắp xếp và lọc dữ liệu Bài 7. Trục quan hoá dữ liệu Bài 8a. Danh sách dạng liệt kê và hình ảnh trong văn bản Bài 9a. Tạo đầu trang, chân trang cho văn bản Bài 10a. Định dạng nâng cao cho trang chiếu Bài 11a. Sử dụng bản mẫu cho bài trình chiếu	Tin 8

			Bài 12. Từ thuật toán đến chương trình Bài 13. Biểu diễn dữ liệu Bài 14. Cấu trúc điều khiển Bài 15. Gỡ lỗi	
			Dạy các bài: Bài 3: Thực hành: Đánh giá chất lượng thông tin Bài 6: Thực hành: Khai thác phần mềm mô phỏng Bài 8: Thực hành: Sử dụng công cụ trực quan trình bày thông tin trong trao đổi và hợp tác Bài 10a. Sử dụng hàm Countif Bài 11a. Sử dụng hàm Sumif Bài 12a. Sử dụng hàm If Bài 13a. Hoàn thiện bảng tính quản lý tài chính gia đình Bài 16: Thực hành: Lập chương trình máy tính	Tin 9
2	Sân trường	01	Hoạt động trải nghiệm. Hoạt động thể thao được em yêu thích nhất	Toán 6
			Hoạt động trải nghiệm. Dân số và cơ cấu dân số Việt Nam.	Toán 7
			Các hoạt động trải nghiệm	HĐTN 6,7,8
3	Phòng thực hành Sinh học	01	- Diện tích: - Sử dụng dạy các bài thực hành sau: + Bài 21: Thực hành: quan sát và phân biệt một số loại tế bào + Bài 24: Thực hành quan sát và mô tả cơ thể đơn bào, cơ thể đa bào. + Bài 28: Thực hành làm sữa chua và quan sát vi khuẩn + Bài 31: Thực hành quan sát nguyên sinh vật	KHTN 6

4	Phòng thực hành Vật lý	01	+ Bài 33: Thực hành quan sát các loại nấm + Bài 35: Thực hành: quan sát và phân biệt một số nhóm thực vật	
			Bài 24: Thực hành chứng minh quang hợp ở cây xanh Bài 27. Thực hành: Hô hấp ở thực vật Bài 32: Thực hành: Chứng minh thân vận chuyển nước và lá thoát hơi nước Bài 35: Thực hành cảm ứng ở sinh vật Bài 38: Thực hành, quan sát mô tả sự sinh trưởng và phát triển ở một số sinh vật.	KHTN 7
			Bài 31. Hệ vận động ở người Bài 33: Máu và hệ tuần hoàn của cơ thể người Bài 34: Hệ hô hấp ở người	KHTN 8
			Bài 42. Nhiễm sắc thể và bộ nhiễm sắc thể.	KHTN 9
			Diện tích: Dạy các bài có thí nghiệm và các bài thực hành trong sách giáo khoa KHTN 6,7,8,9 phân môn Lí.	Lí 6,7,8,9
			Dạy các bài: Bài 5. Bảo quản và chế biến thực phẩm Bài 11. Đèn điện Bài 12. Nồi cơm điện Bài 13. Bếp hồng ngoại	Công nghệ 6
			Dạy các bài thực hành	Công nghệ 7
			Dạy các bài: Bài 13. Sơ cứu người bị tai nạn điện Bài 16. Mạch điện điều khiển sử dụng mô đun cảm biến. Dự án 1. Gia công chi tiết bằng dụng cụ cầm tay đơn giản.	Công nghệ 8

			Dự án 2. Thiết kế hệ thống tưới cây tự động	
			Dạy bài 6. Thực hành: Lắp đặt mạng điện trong nhà	Công nghệ 9
5	Phòng thực hành Hóa học	01	Diện tích: Sử dụng dạy các bài: Bài 9. Sự đa dạng của chất Bài 11. Oxygen không khí Bài 13. Một số nguyên liệu Bài 16. Hỗn hợp các chất Bài 17. Tách chất khỏi hỗn hợp	KHTN 6
			Bài 1: Sử dụng một số hoá chất, thiết bị cơ bản trong phòng thí nghiệm Bài 2: Phản ứng hoá học Bài 4: Dung dịch và nồng độ Bài 5: Định luật bảo toàn khối lượng và phương trình hoá học Bài 9: Base. Thang pH Bài 10: Oxide Bài 11: Muối	KHTN 8
			Bài 1. Nhận biết 1 số dụng cụ, hóa chất. Thuyết trình một vấn đề khoa học. Bài 23. Alkane. Bài 24. Alkene. Bài 26. Ethylic Alcohol. Bài 27. Acetic acid. Bài 28. Lipid. Bài 29. Carbohydrate. Glucose và saccharose. Bài 30. Tinh bột và cellulose. Bài 31. Protein.	KHTN 9

		Hình vuông. Hình lục giác đều (Tiết 1)		- Vẽ hình tam giác đều, hình vuông bằng dụng cụ học tập. - Tạo lập được hình lục giác đều thông qua việc lắp ghép các hình tam giác đều.
5	Số học	Bài 4. Phép cộng và phép trừ số tự nhiên	1	- Thực hiện phép cộng và phép trừ số tự nhiên. - Áp dụng tính chất giao hoán, kết hợp của phép cộng để tính nhẩm, tính hợp lý. - Giải quyết một số vấn đề thực tiễn gắn với việc thực hiện phép cộng và phép trừ.
6	Số học	Bài 5. Phép nhân và phép chia số tự nhiên	2	- Thực hiện phép nhân hai số tự nhiên. - Thực hiện phép chia hai số tự nhiên (chia hết và chia có dư). - Áp dụng tính chất của phép nhân và phép chia trong tính toán (tính nhẩm, tính hợp lý). - Giải quyết được những vấn đề thực tiễn gắn với việc thực hiện phép nhân và phép chia số tự nhiên.
7	Hình	Bài 18. Hình tam giác đều. Hình vuông. Hình lục giác đều (Tiết 2)	1	- Nhận dạng các hình trong bài. - Mô tả một số yếu tố cơ bản của hình tam giác đều, hình vuông, hình lục giác đều. - Vẽ hình tam giác đều, hình vuông bằng dụng cụ học tập. - Tạo lập được hình lục giác đều thông qua việc lắp ghép các hình tam giác đều.
8	Số học	Luyện tập chung	1	- củng cố kiến thức từ bài 1 đến bài 5, lựa chọn các bài tập để luyện tập bổ sung nâng cao kỹ năng giải toán và gắn kết các kiến thức, kỹ năng của các bài học lại với nhau.
9	Số học	Bài 6. Lũy thừa với số mũ tự nhiên	2	- Thực hiện phép tính nâng lên lũy thừa với số mũ tự nhiên. - Nhân, chia hai lũy thừa cùng cơ số với số mũ tự nhiên. - Giải quyết được những vấn đề thực tiễn gắn với thực hiện phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên.
11	Hình	Bài 18. Hình tam giác đều. Hình vuông. Hình lục giác	1	- Nhận dạng các hình trong bài. - Mô tả một số yếu tố cơ bản của hình tam giác đều, hình vuông,

		đều (Tiết 3)		hình lục giác đều. - Vẽ hình tam giác đều, hình vuông bằng dụng cụ học tập. - Tạo lập được hình lục giác đều thông qua việc lắp ghép các hình tam giác đều.
12	Số học	Bài 7. Thứ tự thực hiện các phép tính	1	- Nhận biết thứ tự thực hiện các phép tính. - Tính giá trị của một biểu thức.
13	Số học	Luyện tập chung và ôn tập chương I	2	- củng cố kiến thức và chữa các bài tập của hai bài Lũy thừa với số mũ tự nhiên và Thứ tự thực hiện các phép tính, bổ sung các bài tập có nội dung tổng hợp, liên kết kiến thức nhiều bài học. - củng cố những khái niệm, tính chất quan trọng đã được đề cập trong cả chương. - Vận dụng các tính chất để giải các bài tập tổng hợp, có thể dùng đồng thời các kiến thức đã học trong các bài học khác nhau.
14	Hình	Bài 19. Hình chữ nhật. Hình thoi. Hình bình hành. Hình thang cân (Tiết 1)	1	- Mô tả một số yếu tố cơ bản (cạnh, đỉnh, góc) của hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân. - Vẽ hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành bằng các dụng cụ học tập.
15	Số học	Chương II. Tính chia hết trong tập hợp các số tự nhiên Bài 8. Quan hệ chia hết và tính chất	2	- Nhận biết quan hệ chia hết, khái niệm ước và bội. - Tìm các ước và bội của một số tự nhiên. - Nhận biết tính chia hết của một tổng cho một số.
16	Số học	Bài 9. Dấu hiệu chia hết (Tiết 1)	1	- Nhận biết được dấu hiệu chia hết cho 2, cho 5. Nhận biết được một số có chia hết cho 2, cho 5. - Vận dụng được dấu hiệu chia hết cho 2; 5 để xác định một số đã cho có chia hết cho 2; 5 hay không.
17	Hình	Bài 19. Hình chữ nhật. Hình thoi. Hình bình hành. Hình thang cân (Tiết 2)	1	- Mô tả một số yếu tố cơ bản (cạnh, đỉnh, góc) của hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân. - Vẽ hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành bằng các dụng cụ học

				tập.
18	Số học	<i>Bài 9.</i> Dấu hiệu chia hết (Tiết 2)	1	- Nhận biết được dấu hiệu chia hết cho 3 và cho 9. Nhận biết được một số có chia hết cho 3 và cho 9. - Vận dụng được dấu hiệu chia hết cho 9; 3 để xác định một số đã cho có chia hết cho 9; 3 hay không.
19	Số học	<i>Bài 10.</i> Số nguyên tố	2	- Nhận biết khái niệm số nguyên tố và hợp số. - Phân tích một số tự nhiên lớn hơn 1 ra thừa số nguyên tố trong những trường hợp đơn giản.
20	Hình	<i>Bài 19.</i> Hình chữ nhật. Hình thoi. Hình bình hành. Hình thang cân (Tiết 3)	1	- Mô tả một số yếu tố cơ bản (cạnh, đỉnh, góc) của hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân. - Vẽ hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành bằng các dụng cụ học tập.
21	Số học	Luyện tập chung	1	Củng cố, rèn luyện kỹ năng: - Tìm các ước và bội. - Vận dụng tính chất chia hết của một tổng. - Vận dụng dấu hiệu chia hết cho 2; 5; 9; 3. - Phân tích một số tự nhiên lớn nhỏ thành tích các thừa số nguyên tố theo sơ đồ cây và sơ đồ cột
22	Số học	<i>Bài 11.</i> Ước chung. Ước chung lớn nhất	2	- Xác định ước chung, ước chung lớn nhất của hai hoặc ba số tự nhiên đã cho. - Nhận biết phân số tối giản.
23	Hình	<i>Bài 20.</i> Chu vi và diện tích của một số tứ giác đã học (Tiết 1)	1	- Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính chu vi, diện tích của hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang.
24	Số học	<i>Bài 12.</i> Bội chung. Bội chung nhỏ nhất	2	- Tìm bội chung, bội chung nhỏ nhất của hai hoặc ba số tự nhiên. - Sử dụng bội chung nhỏ nhất để quy đồng mẫu các phân số và cộng, trừ phân số.
25	Số học	Luyện tập chung	1	Củng cố, rèn luyện kỹ năng: - Phân tích một số ra thừa số nguyên tố.

				- Tìm ƯCLN và BCNN. - Vận dụng ƯCLN và BCNN trong một số bài toán thực tiễn.
26	Hình	<i>Bài 20.</i> Chu vi và diện tích của một số tứ giác đã học (Tiết 2)	1	- Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính chu vi, diện tích của hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang.
27	Số học	Ôn tập chương II	1	- củng cố kiến thức chương 2, tổng hợp có hệ thống về tính chất chia hết trong tập hợp các số tự nhiên, số nguyên tố, hợp số, ước và bội, ước chung và ƯCLN, bội chung và BCNN. - Vận dụng kiến thức đã học để giải các bài toán vào giải quyết một số vấn đề trong thực tiễn.
28	Hình	Luyện tập chung (Tiết 1)	1	- Nắm vững kiến thức về một số tứ giác đã học. - Nắm vững công thức tính diện tích, chu vi của các tứ giác đã học. - Vẽ thành thạo tam giác đều, hình vuông, hình chữ nhật. - Giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến tính chu vi, diện tích của hình chữ nhật, hình bình hành, hình thoi, hình thang.
29		Kiểm tra giữa HK1	2	
30	Số học	Chương III. Số nguyên <i>Bài 13.</i> Tập hợp các số nguyên	2	- Nhận biết, đọc và viết số nguyên. - Nhận biết tập hợp số nguyên. - Nhận biết ý nghĩa của số nguyên âm trong một số tình huống thực tế. - Biểu diễn số nguyên trên trục số. - So sánh hai số nguyên.
31	Số học	<i>Bài 14.</i> Phép cộng và phép trừ số nguyên (Tiết 1)	1	- Thực hiện phép cộng, trừ hai số nguyên. - Vận dụng các tính chất của phép cộng để tính nhẩm, tính hợp lý. - Giải toán thực tiễn liên quan đến phép cộng hay trừ hai số nguyên.
32	Hình	<i>Bài 20.</i> Chu vi và diện tích của một số tứ giác đã học (Tiết 3)	1	- Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính chu vi, diện tích của hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang.

33	Số học	Bài 14. Phép cộng và phép trừ số nguyên (Tiết 2,3)	2	- Thực hiện phép cộng, trừ hai số nguyên. - Vận dụng các tính chất của phép cộng để tính nhẩm, tính hợp lí. - Giải toán thực tiễn liên quan đến phép cộng hay trừ hai số nguyên.
34	Số học	Bài 15. Quy tắc dấu ngoặc	1	- Nhận biết và áp dụng quy tắc dấu ngoặc trong tính toán, nhất là để tính nhẩm hay tính hợp lí.
35	Hình	Luyện tập chung (Tiết 2)	1	- Nắm vững kiến thức về một số tứ giác đã học. - Nắm vững công thức tính diện tích, chu vi của các tứ giác đã học. - Vẽ thành thạo tam giác đều, hình vuông, hình chữ nhật. - Giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến tính chu vi, diện tích của hình chữ nhật, hình bình hành, hình thoi, hình thang.
36	Số học	Luyện tập chung	2	- củng cố kiến thức, chữa các bài tập của các bài từ 13 đến 15, lựa chọn các bài tập để luyện tập bổ sung nâng cao kĩ năng giải toán và gắn kết các kiến thức, kĩ năng của các bài học lại với nhau.
37	Số học	Bài 16. Phép nhân số nguyên (Tiết 1)	1	- Thực hiện phép nhân hai số nguyên. - Vận dụng các tính chất của phép nhân để tính nhẩm, tính hợp lí. - Giải toán thực tiễn liên quan đến phép nhân số nguyên.
38	Hình	Ôn tập chương IV	1	- Ôn tập, tổng kết được toàn bộ các bài học trong chương và luyện tập được kĩ năng vẽ hình, tính toán về chu vi, diện tích các tứ giác gắn với các bài tập thực tế.
39	Số học	Bài 16. Phép nhân số nguyên (Tiết 2)	1	- Thực hiện phép nhân hai số nguyên. - Vận dụng các tính chất của phép nhân để tính nhẩm, tính hợp lí. - Giải toán thực tiễn liên quan đến phép nhân số nguyên.
40	Số học	Bài 17. Phép chia hết. Ước và bội của một số nguyên	1	- Thực hiện phép chia hết đối với số nguyên. - Nhận biết quan hệ chia hết trong tập số nguyên. - Nhận biết, tìm ước và bội của một số nguyên.
41	Số học	Luyện tập chung (Tiết 1)	1	- Nâng cao và kết nối các kiến thức, kĩ năng xung quanh bốn phép tính cộng, trừ, nhân và chia (hết).
42	Hình	Bài 21. Hình có trục đối xứng	1	- Nhận biết hình có trục đối xứng.

		xứng (Tiết 1)		- Nhận biết trục đối xứng của một hình trên giấy bằng cách gấp đôi tờ giấy. - Gấp giấy để cắt chữ hoặc một số hình đơn giản
53	Số học	Luyện tập chung (Tiết 2)	1	- Nâng cao và kết nối các kiến thức, kĩ năng xung quanh bốn phép tính cộng, trừ, nhân và chia (hết).
54	Số học	Ôn tập chương III	1	- củng cố kiến thức toàn toàn chương 3. - Vận dụng kiến thức đã học để giải các bài toán vào giải quyết một số vấn đề trong thực tiễn.
55	TH-TN	Sử dụng máy tính cầm tay	1	- Sử dụng máy tính cầm tay để thực hành các phép tính đã học với số tự nhiên, số nguyên, số thập phân.
56	Hình	Bài 21. Hình có trục đối xứng (Tiết 2)	1	- Nhận biết hình có trục đối xứng. - Nhận biết trục đối xứng của một hình trên giấy bằng cách gấp đôi tờ giấy. - Gấp giấy để cắt chữ hoặc một số hình đơn giản
57	TH-TN	Tám thiệp và phòng học của em	2	- Ứng dụng các kiến thức đã học về các hình phẳng trong thực tiễn vào giải quyết một số tình huống trong cuộc sống như kĩ thuật, thủ công, xác định phòng học đạt mức chuẩn về ánh sáng, ...
58	Hình	Bài 22. Hình có tâm đối xứng	2	- Nhận biết hình có tâm đối xứng. - Nhận biết tâm đối xứng của một số hình đơn giản. - Gấp giấy để cắt được một số hoa văn trang trí hoặc một số hình có tâm đối xứng đơn giản.
59	Số học	Chương VI. Phân số Bài 23. Mở rộng phân số. Phân số bằng nhau	2	- Nhận biết phân số với tử và mẫu là các số nguyên. - Nhận biết hai phân số bằng nhau, quy tắc bằng nhau của hai phân số. - Nêu và áp dụng hai tính chất cơ bản của phân số. - Rút gọn phân số.
60	Hình	Luyện tập chung	2	- Nhắc lại được khái niệm hình có trục đối xứng và hình có tâm đối xứng. - Tìm được trục đối xứng và tâm đối xứng của một số hình đơn

				giản. - Khôi phục được hình có trục đối xứng hoặc tâm đối xứng (đơn giản) từ một phần cho trước.
61	Hình	Ôn tập chương V	1	- củng cố lại kiến thức toàn chương. - Vận dụng kiến thức đã học để giải các bài tập, kết hợp các kĩ năng đã thực hành để giải quyết các bài toán cụ thể. - Linh hoạt với các hoạt động trải nghiệm đơn giản để tạo hứng khởi cho học sinh
62	Số học	Ôn tập cuối HKI	2	
63	Hình	Ôn tập cuối HKI	1	
64		Kiểm tra cuối HK1	2	
65	TH-TN	Vẽ hình đơn giản với phần mềm GEOGEBRA	2	- Sử dụng phần mềm để hỗ trợ việc học các kiến thức hình học - Thực hành sử dụng phần mềm để vẽ hình và đồ họa liên quan đến các khái niệm: Tam giác đều, hình vuông, hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân, hình đối xứng.
HỌC KỲ II				
66	Số học	<i>Bài 24. So sánh phân số. Hỗn số dương</i>	2	- Nhận biết được cách quy đồng mẫu nhiều phân số. - Nhận biết được hỗn số dương. - Biết cách quy đồng mẫu hai hay nhiều phân số. - So sánh được hai phân số cùng mẫu và khác mẫu. - Vận dụng giải các bài toán thực tiễn có liên quan.
67	Số học	Luyện tập chung (Tiết 1)	1	Củng cố, rèn luyện kiến thức, kĩ năng về: - Quy tắc bằng nhau của hai phân số, tính chất cơ bản của phân số - Quy đồng mẫu nhiều phân số; rút gọn phân số; so sánh phân số
68	Hình	Chương VIII. Những hình hình học cơ bản <i>Bài 32. Điểm và đường thẳng (Tiết 1)</i>	1	- Nhận biết các quan hệ: Điểm thuộc đường thẳng; đường thẳng đi qua hai điểm phân biệt

69	Số học	Luyện tập chung (Tiết 2,3)	2	Củng cố, rèn luyện kiến thức, kỹ năng về: - Quy đồng mẫu nhiều phân số; rút gọn phân số; so sánh phân số; hỗn số dương; - Vận dụng phân số trong một số bài toán thực tiễn.
70	Số học	Bài 25. Phép cộng và phép trừ phân số (Tiết 1)	1	- Nhận biết được quy tắc cộng phân số. - Nhận biết số đối của một phân số - Thực hiện được phép cộng phân số.
71	Hình	Bài 32. Điểm và đường thẳng (Tiết 2)	1	- Nhận biết được ba điểm thẳng hàng và ba điểm không thẳng hàng. - Biết dùng thước thẳng để kiểm tra ba điểm thẳng hàng.
72	Số học	Bài 25. Phép cộng và phép trừ phân số (Tiết 2)	1	- Nhận biết được quy tắc trừ phân số. - Thực hiện được phép trừ phân số. - Nhận biết được các tính chất của phép cộng phân số - Vận dụng được các tính chất của phép cộng và quy tắc dấu ngoặc trong tính toán. - Vận dụng giải quyết các bài toán thực tiễn có liên quan.
73	Số học	Bài 26. Phép nhân và phép chia phân số	2	- Nhận biết được quy tắc nhân và chia phân số. - Thực hiện được phép nhân và chia phân số. - Nhận biết được các tính chất của phép nhân phân số - Vận dụng được các tính chất phân phối của phép nhân đối với phép cộng trong tính toán. - Vận dụng giải quyết các bài toán có liên quan.
74	Hình	Bài 32. Điểm và đường thẳng (Tiết 3)	1	- Nhận biết hai đường thẳng song song, hai đường thẳng cắt nhau, trùng nhau. - Giải các bài toán thực tiễn có liên quan
75	Số học	Bài 27. Hai bài toán về phân số	1	- Tìm giá trị phân số của một số cho trước. - Tìm một số khi biết giá trị phân số của nó. - Giải quyết một số vấn đề thực tiễn gắn với hai bài toán về phân số.

76	Số học	Luyện tập chung	2	Củng cố, rèn luyện kiến thức, kỹ năng về: - Phép cộng và phép trừ phân số. - Phép nhân và phép chia phân số. - Vận dụng trong tính giá trị của biểu thức có nhiều phép tính. - Tính giá trị của biểu thức có chứa chữ. - Vận dụng phân số trong một số bài toán thực tiễn.
77	Hình	Bài 33. Điểm nằm giữa hai điểm. Tia (Tiết 1)	1	- Nhận biết được khái niệm điểm nằm giữa hai điểm, hai điểm nằm cùng phía hay khác phía đối với một điểm.
78	Số học	Ôn tập chương VI	1	- Ôn tập kiến thức toàn chương. - Vận dụng kiến thức của chương để chữa và làm các bài tập tổng hợp cuối chương.
79	Số học	Chương VII. Số thập phân Bài 28. Số thập phân	1	- Nhận biết số thập phân âm, số đối của một số thập phân. - So sánh hai số thập phân. - Sử dụng số thập phân trong một số tình huống thực tiễn.
80	Số học	Bài 29. Tính toán với số thập phân (Tiết 1)	1	- Nhận biết được quy tắc cộng và trừ số thập phân. - Thực hiện được các phép tính cộng và trừ số thập phân.
81	Hình	Bài 33. Điểm nằm giữa hai điểm. Tia (Tiết 2)	1	- Nhận biết được khái niệm tia, hai tia đối nhau. - Giải các bài toán thực tế có liên quan.
82	Số học	Bài 29. Tính toán với số thập phân (Tiết 2, 3,4)	3	- Nhận biết được quy tắc nhân và chia số thập phân. - Thực hiện được các phép tính nhân và chia số thập phân. - Vận dụng các tính chất của phép tính trong tính toán. - Giải quyết một số vấn đề thực tiễn gắn với các phép tính về số thập phân.
83	Hình	Bài 34. Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng (Tiết 1)	1	- Nhận biết được khái niệm đoạn thẳng. - Đọc được tên đoạn thẳng
84	Số học	Bài 30. Làm tròn và ước lượng	1	- Làm tròn số thập phân. - Ước lượng kết quả phép đo, phép tính. - Vận dụng làm tròn số thập phân trong một số tình huống thực tiễn.

85	Số học	Bài 31. Một số bài toán về tỉ số và tỉ số phần trăm	2	- Tìm tỉ số hay tỉ số phần trăm của hai số, hai đại lượng. - Tính giá trị phần trăm của một số cho trước; tìm một số khi biết giá trị phần trăm của số đó. - Giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến tỉ số phần trăm.
86	Hình	Bài 34. Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng (Tiết 2)	1	- Nhận biết được đơn vị đo độ dài, độ dài đoạn thẳng. - Biết đo độ dài của đoạn thẳng, vẽ đoạn thẳng khi biết độ dài. - Biết so sánh độ dài hai đoạn thẳng. - Giải các bài toán thực tế có liên quan đến đoạn thẳng và độ dài của đoạn thẳng.
87		Kiểm tra giữa HK2	2	
88	Số học	Luyện tập chung	2	- Chữa các bài tập của các bài học từ 28 đến 34. - Giải các bài tập luyện tập bổ sung, nâng cao kỹ năng giải toán và gắn kết các kiến thức, kỹ năng của các bài học lại với nhau.
89	Hình	Bài 35. Trung điểm của đoạn thẳng	1	- Nhận biết được trung điểm đoạn thẳng. - Giải các bài toán thực tế có liên quan đến trung điểm của đoạn thẳng.
90	Hình	Luyện tập chung (Tiết 1)	1	- Nắm vững được kiến thức về các quan hệ: điểm thuộc đường thẳng, ba điểm thẳng hàng, điểm nằm giữa hai điểm, hai điểm cùng phía hoặc khác phía đối với một điểm, hai đường thẳng song song hoặc cắt nhau, về các khái niệm: tia, đoạn thẳng, trung điểm của đoạn thẳng, độ dài đoạn thẳng. - Nhận biết được và mô tả được bằng lời nói hoặc kí hiệu: điểm thuộc hay không thuộc đường thẳng, hai đường thẳng song song hoặc cắt nhau. - Nhận biết được điểm nằm giữa hai điểm, hai điểm nằm cùng phía hay khác phía đối với một điểm. - Đọc đúng tên đường thẳng, tia, đoạn thẳng, trung điểm của đoạn thẳng. - Đo được độ dài các đoạn thẳng cho trước.

91	Số học	Ôn tập chương VII	1	- Hệ thống được các kiến thức đã học trong chương và cung cấp một số nội dung có tính chất tổng hợp, liên kết các kiến thức đã học trong các bài học khác nhau.
92	Hình	Luyện tập chung (Tiết 2)	1	- Nắm vững được kiến thức về các quan hệ: điểm thuộc đường thẳng, ba điểm thẳng hàng, điểm nằm giữa hai điểm, hai điểm cùng phía hoặc khác phía đối với một điểm, hai đường thẳng song song hoặc cắt nhau, về các khái niệm: tia, đoạn thẳng, trung điểm của đoạn thẳng, độ dài đoạn thẳng. - Nhận biết được và mô tả được bằng lời nói hoặc kí hiệu: điểm thuộc hay không thuộc đường thẳng, hai đường thẳng song song hoặc cắt nhau. - Nhận biết được điểm nằm giữa hai điểm, hai điểm nằm cùng phía hay khác phía đối với một điểm. - Đọc đúng tên đường thẳng, tia, đoạn thẳng, trung điểm của đoạn thẳng. - Đo được độ dài các đoạn thẳng cho trước.
93	TK-XS	Chương IX. Dữ liệu và xác suất thực nghiệm <i>Bài 38. Dữ liệu và thu thập dữ liệu</i>	2	- Nhận biết các loại dữ liệu, nhận biết tính hợp lí của dữ liệu. - Thu thập dữ liệu.
94	TK-XS	<i>Bài 39. Bảng thống kê và biểu đồ tranh (Tiết 1)</i>	1	- Hiểu được, đọc và phân tích được bảng thống kê. - Biểu diễn được dữ liệu vào bảng thống kê.
95	Hình	<i>Bài 36. Góc (Tiết 1)</i>	1	- Nhận biết góc, đỉnh và cạnh của góc. - Nhận biết góc bẹt.
96	TK-XS	<i>Bài 39. Bảng thống kê và biểu đồ tranh (Tiết 2)</i>	1	- Hiểu được, đọc và phân tích được được biểu đồ tranh. - Biểu diễn được dữ liệu vào biểu đồ tranh.
97	TK-XS	<i>Bài 40. Biểu đồ cột</i>	2	- Vẽ được biểu đồ cột từ bảng thống kê cho trước. - Đọc và mô tả dữ liệu từ biểu đồ cột. - Nhận ra vấn đề hoặc quy luật đơn giản từ việc phân tích biểu đồ

				cột.
98	Hình	<i>Bài 36. Góc (Tiết 2)</i>	1	- Nhận biết điểm nằm trong của một góc.
99	TK- XS	<i>Bài 41. Biểu đồ cột kép</i>	2	- Vẽ biểu đồ cột kép; đọc và mô tả dữ liệu từ biểu đồ cột kép. - Nhận ra quy luật đơn giản từ biểu đồ cột kép.
100	TK- XS	Luyện tập chung (Tiết 1)	1	- HS được thực hành: Lập phiếu khảo sát để thu thập dữ liệu; tổng hợp dữ liệu thu được từ các phiếu khảo sát, biểu diễn dưới dạng biểu đồ tranh, bảng thông kê. Sử dụng biểu đồ cột, biểu đồ cột kép biểu diễn dữ liệu.
101	Hình	<i>Bài 37. Số đo góc (Tiết 1)</i>	1	- Nhận biết được khái niệm số đo góc. - Biết dùng thước đo độ để xác định số đo của một góc cho trước. - So sánh hai góc.
102	TK- XS	Luyện tập chung (Tiết 2)	1	- HS được thực hành: Lập phiếu khảo sát để thu thập dữ liệu; tổng hợp dữ liệu thu được từ các phiếu khảo sát, biểu diễn dưới dạng biểu đồ tranh, bảng thông kê. - Sử dụng biểu đồ cột, biểu đồ cột kép biểu diễn dữ liệu.
103	TK- XS	<i>Bài 42. Kết quả có thể và sự kiện trong trò chơi, thí nghiệm</i>	2	- Nhận biết tính không đoán trước về kết quả của một số trò chơi thí nghiệm. - Liệt kê các kết quả có thể xảy ra trong các trò chơi, thí nghiệm đơn giản. - Nhận biết một sự kiện trong trò chơi, thí nghiệm có xảy ra hay không.
104	Hình	<i>Bài 37. Số đo góc (Tiết 2)</i>	1	- Nhận biết được các góc đặc biệt: góc vuông, góc nhọn, góc tù.
105	TK- XS	<i>Bài 43. Xác suất thực nghiệm</i>	1	- Biểu diễn khả năng xảy ra một sự kiện theo xác suất thực nghiệm.
106	TK- XS	Luyện tập chung	1	- HS được làm thí nghiệm, thu thập dữ liệu (kết quả của thí nghiệm), tính xác suất thực nghiệm của một số sự kiện dựa trên kết quả thu.
107	TK- XS	Ôn tập chương IX (Tiết 1)	1	- Hệ thống được các nội dung đã học trong chương. Giải được một số bài tập tổng hợp và vận dụng có liên quan.

108	Hình	Luyện tập chung	1	- Nắm vững kiến thức về góc, điểm nằm trong của góc; số đo góc; các góc đặc biệt.
109	TK- XS	Ôn tập chương IX (Tiết 2)	1	- Hệ thống được các nội dung đã học trong chương. Giải được một số bài tập tổng hợp và vận dụng có liên quan.
110	TH- TN	Kế hoạch chi tiêu cá nhân và gia đình	1	- Làm quen với việc gửi tiền tiết kiệm và vay vốn ngân hàng; Tính lãi, lỗ, dư nợ; Thực hành tính lãi suất trong tiền gửi tiết kiệm và vay vốn. - Trả số tiền đúng theo hóa đơn hoặc tính tiền thừa khi mua hàng; Thực hành ghi chép thu nhập và chi tiêu, cất giữ hóa đơn trong trường hợp cần dùng đến.
111	TH- TN	Hoạt động thể thao nào được em yêu thích nhất trong hè (Tiết 1)	1	- Vận dụng các kiến thức về thống kê để đọc hiểu các bảng biểu trong môn Lịch sử - Địa lí 6. - Thu thập và biểu diễn các dữ liệu từ một vài tình huống trong thực tiễn, ví dụ thu thập nhiệt độ của địa phương tại một thời gian nhất định trong một tuần lễ, từ đó đưa ra những nhận xét về biến đổi thời tiết trong tuần.
112	Hình	Ôn tập chương VIII	1	- Hệ thống được các nội dung trong chương. Giải được một số bài tập tổng hợp và vận dụng có liên quan.
113	TH- TN	Hoạt động thể thao nào được em yêu thích nhất trong hè (Tiết 2)	1	- Vận dụng các kiến thức về thống kê để đọc hiểu các bảng biểu trong môn Lịch sử - Địa lí 6. - Thu thập và biểu diễn các dữ liệu từ một vài tình huống trong thực tiễn, ví dụ thu thập nhiệt độ của địa phương tại một thời gian nhất định trong một tuần lễ, từ đó đưa ra những nhận xét về biến đổi thời tiết trong tuần.
114	TH- TN	Vẽ hình đơn giản với phần mềm GEOGEBRA	2	- Vận dụng tính đối xứng vào thực tiễn: Gấp giấy tạo dựng hình có trục đối xứng hoặc tâm đối xứng; Suu tầm các hình có trục đối xứng hoặc có trục đối xứng; Tìm kiếm các video hình có trục đối xứng hoặc tâm đối xứng trong thế giới tự nhiên. - Vận dụng khái niệm ba điểm thẳng hàng vào thực tiễn như: Trồng

				cây thẳng hàng, để các đồ vật thẳng hàng,.... - Vận dụng các kiến thức về diện tích và thể tích vào thực tiễn. Đo đạc và tính diện tích bề mặt, tính thể tích của các đồ vật có liên quan đến các hình đã học.
115		Ôn tập cuối HK2 (Tiết 1)	1	
116		Ôn tập cuối HK2 (Tiết 2, 3)	2	
117		Kiểm tra cuối HK2	2	

1.2. Phân phối chương trình môn Toán 7

ST T	Phân môn	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
HỌC KÌ I				
1	Số học	Bài 1. Tập hợp các số hữu tỉ	2	- Nhận biết số hữu tỉ, tập hợp các số hữu tỉ Q , số đối của số hữu tỉ, thứ tự trong tập hợp số hữu tỉ. - Biểu diễn số hữu tỉ trên trục số. - So sánh hai số hữu tỉ.
2	Hình	Bài 8. Góc ở vị trí đặc biệt. Tia phân giác của một góc	2	- Nhận biết hai góc kề bù, hai góc đối đỉnh. - Nhận biết tia phân giác của 1 góc - Vẽ tia phân giác của một góc bằng dụng cụ học tập
3	Số học	Bài 2. Cộng trừ nhân chia các số hữu tỉ	2	- Thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia trong Q . - Vận dụng các tính chất của phép cộng và quy tắc dấu ngoặc để tính nhanh, tính nhanh một cách hợp lý.
4	Hình	Bài 9. Hai đường thẳng song song và dấu hiệu nhận biết.	2	- Nhận biết các góc tạo bởi 1 đường thẳng cắt hai đường thẳng. - Mô tả dấu hiệu nhận biết hai đường thẳng song song thông qua cặp góc đồng vị, cặp góc so le trong.
5	Số học	Luyện tập chung	2	Củng cố và rèn luyện các kỹ năng: Tính toán với số hữu tỉ; biểu diễn số hữu tỉ trên trục số; vận dụng quy tắc dấu ngoặc; các tính chất của phép cộng, phép nhân để tính toán hợp lý.
6	Hình	Luyện tập chung	2	Củng cố và rèn luyện các kỹ năng: - Quan sát hình vẽ, gọi tên các cặp góc so le trong, đồng vị.

				- Giải thích được hai đt song song bằng dấu hiệu nhận biết.
7	Số học	Bài 3. Lũy thừa với số mũ tự nhiên của số hữu tỉ (t1,2)	2	- Mô tả phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên của một số hữu tỉ. - Thực hiện tính tích, thương hai lũy thừa cùng cơ số,
8	Hình	Bài 10. Tiên đề Euclid, tính chất hai đường thẳng song song	2	- Nhận biết tiên đề Euclid về đường thẳng song song. - Mô tả một số tính chất của hai đường thẳng song song - Biết cách vẽ hai đường thẳng song song
9	Số học	Bài 3. Lũy thừa với số mũ tự nhiên của số hữu tỉ (t3)	1	- Thực hiện tính lũy thừa của lũy thừa.
10	Số học	Bài 4. Thứ tự thực hiện các phép tính (t1)	1	- Mô tả được thứ tự thực hiện các phép tính. - Tính được giá trị biểu thức chứa các phép tính cộng, trừ, nhân, chia, lũy thừa và dấu ngoặc.
11	Hình	Bài 11. Định lý và chứng minh định lý	1	- Nhận biết định lý, giả thiết, kết luận của định lý và viết gọn bằng kí hiệu. - Làm quen với chứng minh định lý
12	Hình	Luyện tập chung	1	Củng cố và rèn luyện các kỹ năng: - Vẽ hình, viết GT, KL của định lý bằng kí hiệu. - Bước đầu biết suy luận để chứng minh định lí.
13	Số học	Bài 4. Quy tắc chuyển vế (t2)	1	- Mô tả được quy tắc chuyển vế. - Áp dụng quy tắc chuyển vế vào giải toán (dạng tìm x).
14	Số học	Luyện tập chung	1	Củng cố và rèn luyện các kỹ năng: Thực hiện tính tích, thương hai lũy thừa cùng cơ số, tính lũy thừa của lũy thừa.
15	Hình	Ôn tập cuối chương 3	1	Hệ thống các kiến thức về góc và đường thẳng song song.
16	Hình	Bài 12. Tổng các góc trong tam giác	1	Giải thích tổng các góc trong một tam giác bằng 180 độ
17	Số học	Luyện tập chung (tt)	1	- Củng cố và rèn luyện các kỹ năng: Tính giá trị biểu thức chứa các phép tính cộng, trừ, nhân, chia, lũy thừa và dấu ngoặc. - Áp dụng quy tắc chuyển vế vào giải toán (dạng tìm x).
18	Số học	Bài tập cuối chương 1	1	Củng cố và rèn luyện các kỹ năng: Thực hiện các phép tính về số hữu tỉ.
19	Hình	Bài 13. Hai tam giác bằng nhau Trường hợp bằng nhau thứ nhất	2	Nhận biết hai tam giác bằng nhau. Giải thích hai tam giác bằng nhau theo trường hợp cạnh – cạnh – cạnh

20	Số học	Bài 5. Làm quen với số thập phân vô hạn tuần hoàn	2	Nhận biết số thập phân hữu hạn và số thập phân vô hạn tuần hoàn. Làm tròn số căn cứ vào độ chính xác cho trước
21	Hình	Bài 14. Trường hợp bằng nhau thứ hai và thứ ba của tam giác.	2	Giải thích hai tam giác bằng nhau theo trường hợp c-g-c và g-c-g. Lập luận và chứng minh hình học trong những trường hợp đơn giản
22	Số học	Ôn tập giữa kỳ 1	1	Hệ thống các kiến thức về số hữu tỉ.
23	Số học	Kiểm tra giữa kỳ 1	1	- Kiểm tra kiến thức HS tiếp thu được. - Rèn luyện kỹ năng trình bày cẩn thận, chính xác - Có ý thức tự giác, tự đánh giá khả năng tiếp thu bài.
24	Hình	Luyện tập chung	1	Giải thích hai tam giác bằng nhau theo trường hợp cạnh – cạnh – cạnh
25	Hình	Kiểm tra giữa kỳ 1	1	- Kiểm tra kiến thức HS tiếp thu được. - Rèn luyện kỹ năng trình bày cẩn thận, chính xác - Có ý thức tự giác, tự đánh giá khả năng tiếp thu bài.
26	Số học	Bài 6. Số vô tỉ. Căn bậc hai số học	2	Nhận biết số vô tỉ Nhận biết căn bậc hai số học của 1 số không âm Tính giá trị (đúng hoặc gần đúng) căn bậc hai số học của một số nguyên dương bằng máy tính cầm tay.
27	Hình	Luyện tập chung	2	Củng cố về hai tam giác bằng nhau theo trường hợp c-g-c và g-c-g. Lập luận và chứng minh hình học trong những trường hợp đơn giản
28	Số học	Bài 7. Tập hợp các số thực Luyện tập chung (t1)	4	Nhận biết số thực, Biểu diễn số thực trên trục số trong trường hợp thuận lợi. Nhận biết thứ tự trong tập hợp các số thực số đối và giá trị tuyệt đối của số thực.
29	Số học	Luyện tập chung (t2) Bài tập cuối chương II	2	Củng cố và rèn luyện các kỹ năng: Biểu diễn số thực trên trục số trong trường hợp thuận lợi; Nhận biết thứ tự trong tập hợp các số thực số đối và giá trị tuyệt đối của số thực.
30	Hình	Bài 15. Các trường hợp bằng nhau của tam giác vuông	2	Giải thích các trường hợp bằng nhau của tam giác vuông
31	Số học	Bài 17. Thu thập và phân loại dữ liệu	2	Thu thập dữ liệu bằng phỏng vấn, bảng hỏi. Phân loại dữ liệu. Nhận biết tính đại diện của dữ liệu.
32	Hình	Bài 16. Tam giác cân. Đường	2	Nhận biết tam giác cân, giải thích tính chất của tam giác cân

		trung trực của đoạn thẳng		Nhận biết khái niệm đường trung trực của một đoạn thẳng và các tính chất cơ bản của đường trung trực. Vẽ đường trung trực của đoạn thẳng bằng dụng cụ học tập.
33	Số học	Bài 18. Biểu đồ quạt tròn	3	Đọc và mô tả dữ liệu từ biểu đồ hình quạt tròn Biểu diễn dữ liệu vào biểu đồ hình quạt tròn (cho sẵn) Nhận ra vấn đề hoặc quy luật đơn giản từ việc phân tích biểu đồ hình quạt tròn
34	Hình	Luyện tập chung	1	Giải thích các trường hợp bằng nhau của tam giác vuông
35	Số học	Bài 19. Biểu đồ đoạn thẳng	3	Đọc và mô tả dữ liệu từ biểu đồ đoạn thẳng. Vẽ biểu đồ đoạn thẳng Nhận ra vấn đề hoặc quy luật đơn giản từ việc phân tích biểu đồ đoạn thẳng
36	Hình	Luyện tập chung	1	Củng cố khái niệm đường trung trực của một đoạn thẳng và các tính chất cơ bản của đường trung trực. Vẽ đường trung trực của đoạn thẳng bằng dụng cụ học tập.
37	Số học	Luyện tập chung Bài tập cuối chương V	3	Hệ thống các kiến thức về thu thập và biểu diễn dữ liệu.
38	Hình	Bài tập cuối chương IV	1	Hệ thống các kiến thức về tam giác bằng nhau.
39	Số học	Ôn tập cuối kỳ 1	1	Phân số và đại số
40	Số học	Kiểm tra cuối kỳ 1	1	- Kiểm tra kiến thức HS tiếp thu được. - Rèn luyện kỹ năng trình bày cẩn thận, chính xác - Có ý thức tự giác, tự đánh giá khả năng tiếp thu bài.
41	Hình	Ôn tập cuối kỳ 1	1	Phân hình học
42	Hình	Kiểm tra cuối kỳ 1	1	- Kiểm tra kiến thức HS tiếp thu được. - Rèn luyện kỹ năng trình bày cẩn thận, chính xác - Có ý thức tự giác, tự đánh giá khả năng tiếp thu bài.
43	TH-TN	Dân số và cơ cấu dân số Việt Nam	2	Tìm hiểu về dân số Việt Nam và cơ cấu dân số Việt Nam.
44	TH-TN	Vẽ hình đơn giản với GeoGebra	2	Biết sử dụng phần mềm GeoGebra để vẽ: - Hai đường thẳng song song

				- Tia phân giác của một góc - Đường trung trực của đoạn thẳng - Tam giác biết một số yếu tố về cạnh và góc.
HỌC KỲ II				
45	Số học	Tỉ lệ thức	2	Nhận biết tỉ lệ thức và các tính chất của tỉ lệ thức Vận dụng tính chất của tỉ lệ thức để tính toán
46	Hình	Bài 31. Quan hệ giữa góc và cạnh đối diện trong một tam giác.	2	Nhận biết hai định lý về cạnh và góc đối diện trong tam giác.
47	Số học	Tính chất dãy tỉ số bằng nhau	1	Nhận biết tính chất của dãy tỉ số bằng nhau. Vận dụng tính chất dãy tỉ số bằng nhau trong giải toán
48	Số học	Luyện tập chung	1	Vận dụng tính chất của tỉ lệ thức trong giải toán:(ví dụ chia một số thành các phần tỉ lệ với các số cho trước.
49	Hình	Quan hệ giữa đường vuông góc và đường xiên	1	Nhận biết khái niệm đường vuông góc và đường xiên, khoảng cách từ 1 điểm đến 1 đường thẳng. Biết quan hệ giữa đường vuông góc và đường xiên
50	Hình	Quan hệ giữa ba cạnh trong một tam giác	1	Nhận biết liên hệ về độ dài giữa 3 cạnh trong một tam giác
51	Số học	Luyện tập chung	1	Vận dụng được các tính chất của dãy tỉ số bằng nhau trong giải toán:(ví dụ chia một số thành các phần tỉ lệ với các số cho trước.
52	Số học	Đại lượng tỉ lệ thuận	1	Nhận biết hai đại lượng tỉ lệ thuận
53	Hình	Luyện tập chung	2	Vận dụng vào tam giác vuông để nhận biết cạnh lớn nhất trong tam giác vuông
54	Số học	Đại lượng tỉ lệ thuận (tt)	1	Giải một số bài toán đơn giản về đại lượng tỉ lệ thuận
55	Số học	Đại lượng tỉ lệ nghịch	1	Nhận biết hai đại lượng tỉ lệ nghịch
56	Hình	Sự đồng quy của ba đường trung tuyến trong một tam giác.	1	Nhận biết đường trung tuyến của tam giác. Nhận biết sự đồng quy của 3 đường trung tuyến trong một tam giác
57	Hình	Sự đồng quy của ba đường phân giác trong một tam giác.	1	Nhận biết đường phân giác của tam giác. Nhận biết sự đồng quy của 3 đường phân giác trong một tam giác
58	Số học	Đại lượng tỉ lệ nghịch (tt)	1	Giải một số bài toán đơn giản về đại lượng tỉ lệ nghịch

59	Số học	Luyện tập chung	1	- Định nghĩa, tính chất của đại lượng tỉ lệ thuận, đại lượng tỉ lệ nghịch. - Tính chất của dãy tỉ số bằng nhau. - Làm thành thạo các bài toán về đại lượng tỉ lệ thuận, đại lượng tỉ lệ nghịch chia phần tỉ lệ.
60	Hình	Sự đồng quy của 3 đường trung trực trong 1 tam giác	1	- Nhận biết đường trung trực của tam giác. - Nhận biết sự đồng quy của 3 đường trung trực góc trong một tam giác
61	Hình	Sự đồng quy của ba đường cao trong 1 tam giác	1	- Nhận biết đường cao của tam giác. - Nhận biết sự đồng quy của 3 đường cao góc trong một tam giác
62	Số học	Luyện tập chung Bài tập cuối chương VI	2	- Thông qua các bài toán biết thêm các bài toán liên quan thực tế. - Năng lực tự học, tự giải quyết vấn đề, giao tiếp, hợp tác.
63	Hình	Luyện tập chung	2	Vận dụng linh hoạt giữa các yếu tố trong một tam giác để giải toán.
64	Số học	Biểu thức đại số	1	- Nhận biết biểu thức số và biểu thức đại số - Tính giá trị của biểu thức đại số
65	Số học	Bài 25. Đa thức một biến (Tiết 1, 2)	2	- Nhận biết đơn thức và bậc của đơn thức. - Nhận biết đa thức và các hạng tử của nó - Thu gọn và sắp xếp đa thức. - Nhận biết bậc, hệ số cao nhất, hệ số tự do của một đa thức.
66	Hình	Ôn tập cuối chương IX.	1	Vận dụng linh hoạt giữa các yếu tố trong một tam giác để giải toán.
67	Số học	Bài 25. Đa thức 1 biến (Tiết 3)	1	- Tính giá trị của đa thức khi biết giá trị của biến. - Nhận biết nghiệm của 1 đa thức
68	Số học	Kiểm tra giữa kỳ 2	1	- Kiểm tra kiến thức HS tiếp thu được. - Rèn luyện kỹ năng trình bày cẩn thận, chính xác - Có ý thức tự giác, tự đánh giá khả năng tiếp thu bài.
69	Hình	Ôn tập giữa kỳ 2	1	Vận dụng linh hoạt giữa các yếu tố trong một tam giác để giải toán.
70	Hình	Kiểm tra giữa kỳ 2	1	- Kiểm tra kiến thức HS tiếp thu được. - Rèn luyện kỹ năng trình bày cẩn thận, chính xác - Có ý thức tự giác, tự đánh giá khả năng tiếp thu bài.
71	Số học	Bài 26. Phép cộng và phép trừ đa thức một biến	2	- Thực hiện các phép tính cộng, trừ hai đa thức. - Nhận biết các tính chất của phép cộng đa thức. - Vận dụng các tính chất của phép cộng đa thức trong tính toán.

72	Hình	Bài 36. Hình hộp chữ nhật và hình lập phương (Tiết 1, 2)	2	Mô tả 1 số yếu tố cơ bản (cạnh, góc, đường chéo) của hình hộp chữ nhật, hình lập phương. Giải thích một số vấn đề thực tiễn gắn với tính diện tích xung quanh, thể tích hình hộp chữ nhật, hình lập phương.
73	Số học	Luyện tập chung	2	Vận dụng các tính chất của phép cộng đa thức trong tính toán.
74	Hình	Bài 36. Hình hộp chữ nhật và hình lập phương (Tiết 3) Luyện tập	2	Mô tả 1 số yếu tố cơ bản (cạnh, góc, đường chéo) của hình hộp chữ nhật, hình lập phương. Giải thích một số vấn đề thực tiễn gắn với tính diện tích xung quanh, thể tích hình hộp chữ nhật, hình lập phương.
75	Số học	Phép nhân đa thức một biến	2	- Thực hiện các phép tính nhân hai đa thức cùng biến. - Nhận biết và vận dụng các tính chất của các phép tính về đa thức trong tính toán.
76	Hình	Bài 37. Hình lăng trụ đứng tam giác và hình lăng trụ đứng tứ giác (Tiết 1, 2)	2	- Mô tả và tạo lập hình lăng trụ đứng tam giác, lăng trụ đứng tứ giác. - Tính diện tích xung quanh, thể tích hình lăng trụ đứng tam giác, lăng trụ đứng tứ giác. Giải thích một số vấn đề thực tiễn gắn với tính diện tích xung quanh, thể tích hình lăng trụ đứng tam giác, lăng trụ đứng tứ giác.
77	Số học	Phép chia đa thức một biến	2	- Thực hiện các phép tính chia hai đa thức cùng biến. - Nhận biết và vận dụng các tính chất của các phép tính về đa thức trong tính toán.
78	Hình	Bài 38. Hình lăng trụ đứng tam giác và hình lăng trụ đứng tứ giác(t3) Luyện tập	2	- Mô tả và tạo lập hình lăng trụ đứng tam giác, lăng trụ đứng tứ giác. - Tính diện tích xung quanh, thể tích hình lăng trụ đứng tam giác, lăng trụ đứng tứ giác. Giải thích một số vấn đề thực tiễn gắn với tính diện tích xung quanh, thể tích hình lăng trụ đứng tam giác, lăng trụ đứng tứ giác.
79	Số học	Phép chia đa thức một biến	1	- Nhận biết và vận dụng các tính chất của các phép tính về đa thức trong tính toán.
80	Số học	Luyện tập chung (Tiết 1)	1	Củng cố các tính chất của các phép tính nhân về đa thức trong tính toán.
81	Hình	Bài tập cuối chương X	1	Hệ thống hóa các kiến thức đã học.
82	TK-XS	Làm quen với biến cố (Tiết 1)	1	Làm quen với khái niệm biến cố ngẫu nhiên, biến cố chắc chắn, biến cố không thể trong một số ví dụ đơn giản

83	Số học	Luyện tập chung (Tiết 2)	1	Củng cố các tính chất của các phép tính chia về đa thức trong tính toán.
84	TK-XS	Làm quen với biến cố (Tiết 2)	1	Làm quen với khái niệm biến cố ngẫu nhiên, biến cố chắc chắn, biến cố không thể trong một số ví dụ đơn giản
85	TK-XS	Làm quen với xác suất của biến cố.	2	Làm quen với xác suất của biến cố ngẫu nhiên trong một số ví dụ đơn giản.
86	Số học	Bài tập cuối chương VII	1	vận dụng các tính chất của các phép tính về đa thức trong tính toán.
87	TK-XS	Luyện tập chung Bài tập cuối chương VIII	2	Củng cố kiến thức về xác suất của biến cố ngẫu nhiên trong một số bài toán đơn giản.
88	TH-TN	Vòng quay may mắn.	1	-Làm quen với các biến cố và nhận ra được biến cố có xảy ra hay không - Cảm nhận được xác suất xảy ra mỗi biến cố nhiều hay ít.
89	Số học	Ôn tập kiểm tra cuối kỳ 2.	1	Hệ thống hóa các kiến thức đã học.
90	Số học	Kiểm tra cuối kỳ 2	1	- Kiểm tra kiến thức HS tiếp thu được. - Rèn luyện kỹ năng trình bày cẩn thận, chính xác - Có ý thức tự giác, tự đánh giá khả năng tiếp thu bài.
91	Hình	Ôn tập kiểm tra cuối kỳ 2.	1	Hệ thống hóa các kiến thức đã học.
92	Hình	Kiểm tra cuối kỳ 2	1	- Kiểm tra kiến thức HS tiếp thu được. - Rèn luyện kỹ năng trình bày cẩn thận, chính xác - Có ý thức tự giác, tự đánh giá khả năng tiếp thu bài.
93	Số học	Đại lượng tỉ lệ trong đời sống	2	- Biết chuyển đổi một số đơn vị đo chiều dài và khối lượng thông dụng. -Thực hành tính toán việc tăng, giảm theo giá trị phần trăm của một mặt hàng. -Thực hành tính lãi suất tiết kiệm và làm quen với quy tắc 72 trong tài chính.
94	TH-TN	Hộp quà và chân đế lịch để bàn của em.	2	Vận dụng các kiến thức đã học về một số hình khối trong thực tiễn vào giải quyết một số tình huống trong thực tiễn như mĩ thuật, thủ công...

1.3. Phân phối chương trình môn Toán 8

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
ĐẠI SỐ HỌC KÌ I			
1	Bài 1. Đơn thức	2	- Nhận biết đơn thức, đơn thức thu gọn, hệ số, phần biến và bậc của đơn thức. - Thu gọn đơn thức, nhận biết đơn thức đồng dạng, cộng và trừ hai đơn thức đồng dạng.
2	Bài 2. Đa thức	2	- Nhận biết các khái niệm: đa thức, hạng tử của đa thức, đa thức thu gọn và bậc của đa thức - Thu gọn đa thức, tính giá trị đa thức khi biết giá trị của biến
3	Bài 3. Phép cộng và phép trừ đa thức	1	- Thực hiện các phép tính cộng trừ đa thức
4	Luyện tập chung	2	- Thu gọn đa thức, tính giá trị đa thức khi biết giá trị của biến - Thực hiện các phép tính cộng trừ đa thức.
5	Bài 4. Phép nhân đa thức	2	- Thực hiện phép tính nhân đơn thức với đa thức và nhân đa thức với đa thức - Biến đổi, thu gọn biểu thức đại số có sử dụng phép nhân đa thức
6	Bài 5. Phép chia đa thức cho đơn thức	1	- Chia đơn thức cho đơn thức (trường hợp chia hết) - Chia đa thức cho đơn thức (trường hợp chia hết)
7	Luyện tập chung	2	- Biến đổi, thu gọn biểu thức đại số có sử dụng phép nhân đa thức - Chia đa thức cho đơn thức (trường hợp chia hết)
8	Ôn tập chương	1	Học sinh biết việc hệ thống các kiến thức cơ bản của chương . - Học sinh làm thành thạo các bài tập cơ bản của chương
9	Bài 6. Mở đầu về hằng đẳng thức. Hiệu hai bình phương, Bình phương của	2	- Nhận biết hằng đẳng thức, mô tả hằng đẳng thức hiệu hai bình phương, bình phương của một tổng, bình phương của một hiệu - Vận dụng ba hằng đẳng thức này để tính nhanh, rút gọn biểu - Nhận biết hằng đẳng thức, mô tả hằng đẳng thức hiệu hai bình phương, bình phương của một tổng, bình phương của một hiệu - Vận dụng ba hằng đẳng thức này để tính nhanh, rút gọn biểu thức
10	Ôn tập giữa kỳ 1	2	Học sinh biết việc hệ thống các kiến thức cơ bản .

			-Học sinh làm thành thạo các bài tập cơ bản.
11	Kiểm tra giữa kỳ 1	1	-Hs thực hiện thành thạo kỹ năng đã có về tính toán
12	Bài 7. Lập phương của một tổng hay một hiệu	2	- Mô tả các hằng đẳng thức : lập phương của một tổng và lập phương của một hiệu - Vận dụng hai hằng đẳng thức này để khai triển, rút gọn biểu thức
13	Bài 8. Tổng và hiệu hai lập phương	2	- Mô tả các hằng đẳng thức : tổng, hiệu hai lập phương - Vận dụng hai hằng đẳng thức này để rút gọn biểu thức hay viết biểu thức dưới dạng tích
14	Luyện tập chung	2	- Vận dụng hai hằng đẳng thức này để khai triển, rút gọn biểu thức - Vận dụng hai hằng đẳng thức này để rút gọn biểu thức hay viết biểu thức dưới dạng tích
15	Bài 9 Phân tích đa thức thành nhân tử	2	- Nhận biết phân tích đa thức thành nhân tử; mô tả ba cách phân tích đa thức thành nhân tử: Đặt nhân tử chung; Nhóm các hạng tử; Sử dụng hằng đẳng thức.
16	Luyện tập chung	2	Vận dụng được các phương pháp phân tích đa thức thành nhân tử để giải bài tập
17	TỔNG KẾT CHƯƠNG		Vận dụng các kiến thức đã học để giải bài tập trong chương
18	Công thức lãi kép	1	- Sử dụng công thức lãi kép để tính số tiền thu được (cả vốn lẫn lãi) sau N kì gửi tiết kiệm
19	Thực hiện tính toán trên đa thức với phần mềm GeoGebra	1	- Sử dụng phần mềm GeoGebra để tính toán các phép tính trên đa thức
20	Vẽ hình đơn giản với phần mềm GeoGebra	2	- Sử dụng phần mềm GeoGebra để vẽ hình chữ nhật, hình bình hành , hình thang
21	Ôn tập cuối kỳ 1	2	Học sinh biết việc hệ thống các kiến thức cơ bản . -Học sinh làm thành thạo các bài tập cơ bản.
22	Kiểm tra học kì 1	1	Hs thực hiện thành thạo kỹ năng đã có về tính toán.
ĐẠI SỐ HỌC KÌ II			
23	Bài 21. Phân thức đại số	1	- Nhận biết phân thức đại số ,tử thức và mẫu thức của một phân thức. - Viết điều kiện xác định của phân thức và tính giá trị của phân thức tại

			giá trị của biến thỏa mãn điều kiện xác định, nhận biết hai phân thức bằng nhau
24	Bài 22. Tính chất cơ bản của phân thức đại số	3	- Mô tả tính chất cơ bản của phân thức đại số, rút gọn phân thức đại số - Biết quy đồng mẫu thức nhiều phân thức trong trường hợp thuận lợi
25	Luyện tập chung	2	
26	Bài 23. Phép cộng và phép trừ phân thức đại số	3	- Thực hiện phép cộng và phép trừ phân thức đại số - Vận dụng các tính chất giao hoán, kết hợp của phép cộng phân thức và quy tắc dấu ngoặc với phân thức trong tính toán
27	Bài 24. Phép nhân và phép chia phân thức đại số	2	- Thực hiện phép nhân và phép chia hai phân thức đại số - Vận dụng tính chất của phép nhân phân thức trong tính toán
28	Luyện tập chung	2	
29	Bài tập cuối chương VI	1	-Học sinh làm thành thạo các bài tập cơ bản.
30	Ôn tập giữa kì 2	2	Học sinh biết việc hệ thống các kiến thức cơ bản . -Học sinh làm thành thạo các bài tập cơ bản.
31	Kiểm tra GK2	1	-Hs thực hiện thành thạo kỹ năng đã có về tính toán
32	Bài 25. Phương trình bậc nhất một ẩn	1	- Hiểu khái niệm phương trình bậc nhất một ẩn và cách giải. - Giải quyết một số vấn đề thực tiễn gắn với phương trình bậc nhất.
33	Bài 26. Giải bài toán bằng cách lập phương trình	2	- Giải quyết một số vấn đề thực tiễn gắn với phương trình bậc nhất
34	Luyện tập chung	2	
35	Bài 27. Khái niệm hàm số và đồ thị của hàm số	2	- Nhận biết khái niệm thực tế dẫn đến khái niệm hàm số; tính giá trị của hàm số đó xác định bởi công thức. - Xác định tọa độ của một điểm trên mặt phẳng tọa độ; xác định một điểm trên mặt phẳng tọa độ khi biết tọa độ của nó; nhận biết đồ thị hàm số
36	Bài 28. Hàm số bậc nhất và đồ thị của hàm số bậc nhất	2	- Thiết lập bảng giá trị của hàm số bậc nhất; vẽ đồ thị của hàm số bậc nhất. - Vận dụng hàm số bậc nhất và đồ thị của hàm số bậc nhất vào giải quyết một số bài toán thực tiễn.
37	Bài 29. Hệ số góc của đường thẳng	2	- Nhận biết khái niệm hệ số góc của đường thẳng $y=ax+b$ (a khác 0) - Sử dụng hệ số góc của đường thẳng để nhận biết và giải thích sự cắt

			nhau hoặc song song của hai đường thẳng cho trước.
38	Luyện tập chung	1	
39	Bài tập cuối chương VII	1	-Học sinh làm thành thạo các bài tập cơ bản.
40	Ôn tập kiểm tra cuối kỳ 2.	2	Học sinh biết việc hệ thống các kiến thức cơ bản. -Học sinh làm thành thạo các bài tập cơ bản.
41	Một vài ứng dụng của hàm số bậc nhất trong tài chính.	1	- Giới thiệu một vài ứng dụng đơn giản của hàm số bậc nhất trong tài chính
42	Ứng dụng định lý Thalès, định lý Pythagore và tam giác đồng dạng để đo chiều cao, khoảng cách	1	- Ứng dụng định lý Thalès để đo chiều cao của ngọn cây (tòa nhà,tòa tháp) - Ứng dụng định lý Pythagore và tam giác đồng dạng để đo khoảng cách những điểm không tới được
HÌNH HỌC HỌC KÌ I			
1	Bài 10. Tứ giác lồi	1	- Mô tả khái niệm tứ giác, tứ giác lồi, giải thích định lý về tổng các góc trong một tứ giác lồi.
2	Bài 11. Hình thang cân	2	- Mô tả khái niệm hình thang, hình thang cân và các yếu tố của chúng, giải thích các tính chất về góc kề một đáy, cạnh bên và đường chéo của hình thang cân. - Nhận biết dấu hiệu để một hình thang là hình thang cân.
3	Luyện tập chung	1	
4	Bài 12. Hình bình hành	3	- Mô tả khái niệm hình bình hành, giải thích các tính chất của hình bình hành. - Nhận biết dấu hiệu để một tứ giác là hình bình hành
5	Luyện tập chung	2	
6	Bài 13. Hình chữ nhật	1	- Mô tả khái niệm hình chữ nhật, giải thích tính chất hai đường chéo của hình chữ nhật. - Nhận biết dấu hiệu để một hình bình hành là hình chữ nhật
7	Bài 14. Hình thoi và hình vuông. (DAY HỌC STEM: Hình thoi)	2	- Mô tả khái niệm hình thoi và hình vuông, giải thích các tính chất của hình thoi và hình vuông

			- Nhận biết dấu hiệu để một hình là hình thoi, hình vuông
8	Luyện tập chung	2	
9	Ôn tập chương	1	Học sinh biết việc hệ thống các kiến thức cơ bản của chương. -Học sinh làm thành thạo các bài tập cơ bản của chương
10	Kiểm giữa kỳ 1		Hs thực hiện thành thạo kỹ năng đã có về tính toán.
11	Bài 15. Định lí Thalès trong tam giác	3	- Định lí Thales trong tam giác (thuận và đảo) - Tính độ dài đoạn thẳng bằng cách sử dụng định lí Thalès, giải quyết một số vấn đề thực tiễn gắn với việc vận dụng định lí Thales
12	Bài 16. Đường trung bình của tam giác, của hình thang	1	- Mô tả định nghĩa đường trung bình của tam giác. - Giải thích tính chất đường trung bình của tam giác.
13	Bài 17. Tính chất đường phân giác của tam giác	1	- Giải thích tính chất đường phân giác trong của tam giác. - Sử dụng tính chất đường phân giác trong của tam giác để tính độ dài đoạn thẳng và tỉ số của hai đoạn thẳng.
14	Luyện tập chung	2	
15	Bài tập cuối chương VI	1	
16	Bài 18. Thu thập và phân loại dữ liệu	1	- Thực hiện và lí giải việc thu nhập dữ liệu. - Phân loại số liệu rời rạc, số liệu liên tục
17	Bài 19. Biểu diễn dữ liệu bằng bảng, biểu đồ	2	- Chuyển dữ liệu từ dạng biểu diễn này sang dạng biểu diễn khác - Lựa chọn biểu đồ phù hợp với dữ liệu cho trước
18	Bài 20. Phân tích số liệu thống kê dựa vào biểu đồ	2	- Phát hiện và giải quyết được vấn đề, quy luật đơn giản dựa trên phân tích số liệu, nhận ra tính hợp lí của dữ liệu được biểu diễn - Nhận biết mối liên hệ giữa thống kê với những kiến thức trong các môn học khác trong Chương trình lớp 8
19	Luyện tập chung	2	
20	TỔNG KẾT CHƯƠNG	1	Học sinh biết việc hệ thống các kiến thức cơ bản của chương .
21	Phân tích đặc điểm khí hậu Việt Nam	2	- Phân tích một số đặc điểm của khí hậu Việt Nam
22	Ôn tập cuối kỳ 1	1	Học sinh biết việc hệ thống các kiến thức cơ bản . -Học sinh làm thành thạo các bài tập cơ bản.

23	Kiểm tra học kì 1	1	Hs thực hiện thành thạo kỹ năng đã có về tính toán
24	Bài 33. Hai tam giác đồng dạng	2	- Nhận biết hai tam giác đồng dạng và giải thích các tính chất của chúng - Giải thích định lí về trường hợp đồng dạng đặc biệt của hai tam giác
25	Bài 34. Ba trường hợp đồng dạng của hai tam giác	3	- Ba trường hợp đồng dạng của hai tam giác - Áp dụng các trường hợp đồng dạng của hai tam giác vào các vấn đề thực tiễn
26	Luyện tập chung	2	- Áp dụng các trường hợp đồng dạng của hai tam giác vào giải bài tập
27	Bài 35. Định lí Pythagore và ứng dụng	2	- Giải thích định lí Pythagore; tính độ dài cạnh trong tam giác vuông bằng cách sử dụng định lí Pythagore
28	Bài 36. Các trường hợp đồng dạng của hai tam giác vuông.	2	- Giải thích các trường hợp đồng dạng của tam giác vuông - Giải quyết vấn đề thực tiễn gắn với công việc vận dụng các tam giác vuông đồng dạng
29	Bài 37. Hình đồng dạng	1	- Nhận biết hai hình đồng dạng; nhận biết hai hình đồng dạng phối cảnh - Nhận biết được vẻ đẹp trong tự nhiên, nghệ thuật, kiến trúc, công nghệ chế tạo,... biểu hiện qua hình đồng dạng
30	Luyện tập chung	2	HS áp dụng trường hợp đồng dạng của hai tam giác vuông để giải các bài tập cơ bản
31	Bài tập cuối chương IX	1	-Học sinh làm thành thạo các bài tập cơ bản
32	Ôn tập giữa kì 2	1	Học sinh biết việc hệ thống các kiến thức cơ bản. -Học sinh làm thành thạo các bài tập cơ bản.
33	Kiểm tra GK2	1	Hs thực hiện thành thạo kỹ năng đã có về tính toán
34	Bài 38. Hình chóp tam giác đều.	1	- Mô tả đỉnh, cạnh bên, mặt bên, mặt đáy của hình chóp tam giác đều; tạo lập hình chóp tam giác đều. - Diện tích xung quanh và thể tích của hình chóp tam giác đều. - Giải quyết một số vấn đề thực tế gắn với việc tính thể tích, diện tích xung quanh của hình chóp tam giác đều.
35	Bài 39. Hình chóp tứ giác đều.	2	- Mô tả đỉnh, mặt đáy, mặt bên, cạnh bên của hình chóp tứ giác đều, tạo lập hình chóp tứ giác đều.

			- Tính diện tích xung quanh và thể tích của hình chóp tứ giác đều, giải quyết một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính thể tích, diện tích xung quanh của hình chóp tứ giác đều.
36	Luyện tập chung	1	HS biết áp dụng công thức để giải bài tập
37	Bài tập cuối chương X	1	-Học sinh làm thành thạo các bài tập cơ bản
38	Bài 30. Kết quả có thể và kết quả thuận lợi	1	- Xác định các kết quả có thể của hành động, thực nghiệm. - Xác định các kết quả thuận lợi cho một biến cố liên quan tới hành động, thực nghiệm.
39	Bài 31. Cách tính xác suất của biến cố bằng tỉ số	2	- xác suất bằng tỉ số giữa số kết quả thuận lợi cho biến cố và số kết quả có thể trong trường hợp các kết quả có thể là đồng khả năng.
40	Bài 32. Mối liên hệ giữa xác suất thực nghiệm với xác suất và ứng dụng	2	- Tính xác suất thực nghiệm trong một số ví dụ các tình huống thực tế. - Ước lượng xác suất của một biến cố bằng xác suất thực nghiệm; ứng dụng trong một số bài toán đơn giản.
41	Luyện tập chung	2	-Học sinh làm thành thạo các bài tập cơ bản
42	Bài tập cuối chương VIII	1	
43	Ôn tập kiểm tra cuối kỳ 2.	2	Học sinh biết việc hệ thống các kiến thức cơ bản của các chương . -Học sinh làm thành thạo các bài tập cơ bản.
44	Thực hiện tính toán trên phân thức đại số và vẽ đồ thị với phần mềm GeoGebra	1	- Sử dụng phần mềm GeoGebra để tính toán các phép tính trên phân thức đại số, giải phương trình bậc nhất một ẩn và vẽ đồ thị của hàm số bậc nhất
45	Mô tả thí nghiệm ngẫu nhiên với phần mềm Excel	1	- Mô tả thí nghiệm ngẫu nhiên với phần mềm bảng tính Excel, sử dụng một số hàm cơ bản và tính xác suất thực nghiệm của biến cố để có thể thấy rằng khi số lần thực hiện thí nghiệm càng lớn thì xác suất thực nghiệm càng xấp xỉ tốt cho xác suất

1.4. Phân phối chương trình môn Toán 9

STT	Bài học	Số tiết	Yêu cầu cần đạt
HỌC KÌ I			
Chương I. Phương trình và hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn			

1	Bài 1. Khái niệm phương trình và hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn.	2	- Nhận biết được khái niệm phương trình bậc nhất hai ẩn, hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn. - Nhận biết được khái niệm nghiệm của hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn.
2	Bài 2. Giải hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn .	4	- Giải được hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn bằng phương pháp thế và phương pháp cộng đại số. - Tìm được nghiệm của hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn bằng máy tính cầm tay.
3	Luyện tập chung.	2	Ôn tập và củng cố về phương trình bậc nhất hai ẩn và cách giải hệ phương trình bậc nhất hai ẩn.
4	Bài 3. Giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình .	2	- Giải được hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn. - Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn.
5	Bài tập cuối chương I.	2	- Ôn tập và củng cố các kiến thức liên quan đến phương trình và hệ phương trình. - Áp dụng các kiến thức đã học để giải các dạng toán liên quan và giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến hệ hai phương trình.
Chương II. Phương trình và bất phương trình bậc nhất một ẩn			
6	Bài 4. Phương trình quy về phương trình bậc nhất một ẩn.	3	- Giải được phương trình tích có dạng $(a_1x + b_1)(a_2x + b_2) = 0$ - Giải được phương trình chứa ẩn ở mẫu quy về phương trình bậc nhất.
7	Bài 5. Bất đẳng thức và tính chất.	2	- Nhận biết được thứ tự trên tập hợp các số thực. - Nhận biết được bất đẳng thức và mô tả được một số tính chất cơ bản của bất đẳng thức (tính chất bắc cầu; tính chất

			liên hệ giữa thứ tự và phép cộng, phép nhân).
8	Luyện tập chung.	2	Ôn tập và củng cố về cách giải phương trình quy về phương trình bậc nhất một ẩn và bất đẳng thức.
9	Bài 6. Bất phương trình bậc nhất một ẩn.	3	- Nhận biết được khái niệm bất phương trình bậc nhất một ẩn, nghiệm của bất phương trình bậc nhất một ẩn. - Giải được bất phương trình bậc nhất một ẩn.
10	Bài tập cuối chương II.	2	- Ôn tập và củng cố các kiến thức liên quan đến bất đẳng thức, phương trình và bất phương trình bậc nhất một ẩn. - Áp dụng các kiến thức đã học để giải các dạng toán liên quan và giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến bất phương trình.
Chương III. Căn bậc hai và căn bậc ba.			
11	Bài 7. Căn bậc hai và căn thức bậc hai.	2	- Nhận biết được khái niệm về căn bậc hai của số thực không âm. - Tính được giá trị (đúng hoặc gần đúng) căn bậc hai của một số hữu tỉ bằng máy tính cầm tay. - Nhận biết được khái niệm về căn thức bậc hai của một biểu thức đại số.
12	Bài 8. Khai căn bậc hai với phép nhân và phép chia.	2	Sử dụng các tính chất của phép khai phương (khai phương của một bình phương, một tích hay một thương) để thực hiện biến đổi, tính giá trị, rút gọn biểu thức.
13	Luyện tập chung.	1	Củng cố kiến thức về căn bậc hai, căn thức bậc hai, áp dụng các phép khai phương để thực hiện các phép tính, rút gọn biểu thức, ... Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn.

14	Ôn tập giữa kì 1.	1	Hệ thống và củng cố các kiến thức đã học trong nửa đầu học kì I.
15	Kiểm tra giữa kì 1.	2	Kiểm tra, đánh giá các kiến thức, năng lực học sinh được hình thành và rèn luyện trong nửa đầu học kì I.
16	Bài 9. Biến đổi đơn giản và rút gọn biểu thức chứa căn thức bậc hai.	3	Thực hiện được các biến đổi đơn giản đơn giản (đưa thừa số vào trong dấu căn, đưa thừa số ra ngoài dấu căn, trục căn thức ở mẫu, khử mẫu của biểu thức lấy căn), rút gọn biểu thức chứa dấu căn.
17	Bài 10. Căn bậc ba và căn thức bậc ba.	1	- Nhận biết được khái niệm căn bậc ba của một số thực - Tính được giá trị (đúng hoặc gần đúng) căn bậc ba của một số hữu tỉ bằng máy tính cầm tay. - Nhận biết được khái niệm về căn thức bậc ba của một biểu thức đại số.
18	Luyện tập chung.	1	- Củng cố các kiến thức liên quan đến các phép biến đổi bi - ểu thức chứa căn bậc hai. - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn.
19	Bài tập cuối chương III.	1	- Ôn tập và củng cố các kiến thức liên quan đến căn và căn thức bậc hai, bậc ba. - Áp dụng các kiến thức đã học để giải các dạng toán liên quan và giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến căn và căn thức bậc hai, bậc ba.
Chương IV. Hệ thức lượng trong tam giác vuông.			
20	Bài 11. Tỷ số lượng giác của góc nhọn.	4	- Nhận biết được các giá trị sin, cosin, tang, cotang của góc nhọn. - Giải thích được TSLG của các góc nhọn đặc biệt và của hai góc phụ nhau. Tính được giá trị (đúng hoặc gần đúng) TSLG của góc nhọn

			bằng máy tính cầm tay.
21	Bài 12. Một số hệ thức giữa cạnh, góc trong tam giác vuông và ứng dụng.	3	- Giải thích được một số hệ thức về cạnh và góc trong tam giác vuông (cạnh góc vuông bằng cạnh huyền nhân với sin góc đối hoặc nhân với cosin góc kề; cạnh góc vuông bằng cạnh góc vuông còn lại nhân với tang góc đối hoặc nhân với cotang góc kề). - Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với TSLG của góc nhọn (tính độ dài đoạn thẳng, độ lớn góc; áp dụng giải tam giác vuông).
22	HĐTHTN: Tính chiều cao và xác định khoảng cách	1	Áp dụng các kiến thức đã học để giải các dạng toán liên quan và giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến TSLG.
23	Luyện tập chung.	2	Luyện tập củng cố các kiến thức liên quan đến TSLG.
24	Bài tập cuối chương IV.	2	- Ôn tập và củng cố các kiến thức liên quan đến TSLG của góc nhọn. - Áp dụng các kiến thức đã học để giải các dạng toán liên quan và giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến TSLG.
Chương V. Đường tròn.			
25	Bài 13. Mở đầu về đường tròn.	2	- Nhận biết được tâm, bán kính, đường kính, dây của đường tròn. - Nhận biết hai điểm đối xứng nhau qua một tâm, qua một trục - Nhận biết được tâm đối xứng, trục đối xứng của đường tròn
26	Bài 14. Cung và dây của một đường tròn.	2	- Nhận biết cung, dây cung, đường kính của đường tròn và quan hệ giữa độ dài dây và đường kính. - Nhận biết góc ở tâm, cung bị chắn

			- Nhận biết và xác định số đo của một cung - So sánh được độ dài của đường kính và dây
27	Bài 15. Độ dài của cung tròn. Diện tích hình quạt tròn và hình vành khuyên.	2	- Tính được độ dài cung tròn. - Nhận biết được hình quạt tròn và hình vành khuyên. - Tính được diện tích hình quạt tròn, diện tích hình vành khuyên. - Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với đường tròn (ví dụ: một số bài toán liên quan đến chuyển động tròn trong Vật lí; tính được diện tích một số hình phẳng có thể đưa về những hình phẳng gắn với hình tròn, chẳng hạn hình viên phân,...).
28	Luyện tập chung.	2	- Luyện tập củng cố các kiến thức liên quan đến các yếu tố (đường kính, dây, cung) của đường tròn. - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết một số vấn đề thực tiễn.
29	Bài 16. Vị trí tương đối của đường thẳng và đường tròn.	2	- Mô tả và vẽ hình biểu thị ba vị trí tương đối của đường thẳng và đường tròn: cắt nhau, tiếp xúc nhau, không giao nhau. - Nhận biết tiếp tuyến của đường tròn dựa vào định nghĩa hoặc dấu hiệu nhận biết. - Áp dụng tính chất của hai tiếp tuyến cắt nhau trong giải toán.
30	Bài 17. Vị trí tương đối của hai đường tròn.	2	- Mô tả được ba vị trí tương đối của hai đường tròn (hai đường tròn không giao nhau, hai đường tròn cắt nhau, hai đường tròn tiếp xúc nhau).
31	Luyện tập chung.	2	Luyện tập củng cố các VTTĐ của đường thẳng với đường tròn và VTTĐ của hai đường tròn.
32	Bài tập cuối chương V.	1	- Ôn tập và củng cố các kiến thức liên quan đến đường tròn - Áp dụng các kiến thức đã học để giải các dạng toán liên

			quan và giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến đường tròn.
33	Ôn tập học kì I.	2	Ôn tập và củng cố các kiến thức trong chương trình học kì I.
34	Kiểm tra cuối kì 1.	2	Kiểm tra, đánh giá các kiến thức, năng lực học sinh được hình thành và rèn luyện trong học kì I.
HỌC KÌ II			
Chương VI. Hàm số $y = ax^2$ ($a \neq 0$). Phương trình bậc hai một ẩn.			
35	Bài 18. Hàm số $y = ax^2$ ($a \neq 0$).	3	- Nhận biết được hàm số $y = ax^2$ ($a \neq 0$). - Vẽ được đồ thị hàm số $y = ax^2$ ($a \neq 0$). - Nhận biết được tính đối xứng (trục) và trục đối xứng của đồ thị hàm số $y = ax^2$ ($a \neq 0$). - Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với đồ thị của hàm số $y = ax^2$ ($a \neq 0$).
36	Bài 19. Phương trình bậc hai một ẩn.	3	- Nhận biết được khái niệm phương trình bậc hai một ẩn. - Giải được phương trình bậc hai một ẩn. - Tính được nghiệm phương trình bậc hai một ẩn bằng máy tính cầm tay. - Vận dụng được phương trình bậc hai vào giải quyết bài toán thực tiễn.
37	Luyện tập chung.	1	Ôn tập và củng cố các kiến thức liên quan đến hàm số $y = ax^2$ ($a \neq 0$) và giải phương trình bậc hai một ẩn Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn liên quan đến nội dung bài học
38	Bài 20. Định lí Viète và ứng dụng.	3	Giải thích được định lí Viète và ứng dụng (ví dụ: tính nhẩm nghiệm của phương trình bậc hai, tìm hai số biết tổng và tích của chúng,...).
39	Bài 21. Giải bài toán bằng cách lập phương trình.	2	- Giải được phương trình bậc hai một ẩn. - Tính được nghiệm phương trình bậc hai một ẩn bằng máy tính cầm tay.

			- Vận dụng được phương trình bậc hai vào giải quyết bài toán thực tiễn.
40	Luyện tập chung.	2	Ôn tập và củng cố các kiến thức về phương trình bậc hai và giải toán bằng cách lập phương trình.
41	Bài tập cuối chương VI.	2	- Ôn tập và củng cố các kiến thức liên quan đến hàm số $y = ax^2$ ($a \neq 0$), giải phương trình bậc hai và ứng dụng của hệ thức Viète. - Áp dụng các kiến thức đã học để giải các dạng toán liên quan và giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến căn và căn thức bậc hai, bậc ba.
42	HĐTHTN: Giải phương trình, hệ phương trình và vẽ đồ thị hàm số với phần mềm GeoGebra.	2	- Thực hành giải hệ phương trình, phương trình. - Thực hành vẽ đồ thị hàm số với phần mềm GeoGebra.
Chương VII. Tần số và tần số tương đối.			
43	Bài 22. Bảng tần số và biểu đồ tần số.	2	- Xác định được tần số của một giá trị. - Thiết lập được bảng tần số, biểu đồ tần số (biểu diễn các giá trị và tần số của chúng ở dạng biểu đồ cột hoặc biểu đồ đoạn thẳng). - Giải thích được ý nghĩa và vai trò của tần số trong thực tiễn. - Lí giải và thiết lập được dữ liệu vào bảng, biểu đồ thích hợp ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ cột; biểu đồ đoạn thẳng. - Lí giải và thực hiện được cách chuyển dữ liệu từ dạng biểu diễn này sang dạng biểu diễn khác
	Bài 23. Bảng tần số tương đối và biểu đồ tần số tương đối	2	- Xác định được tần số tương đối của một giá trị. - Thiết lập được bảng tần số tương đối, biểu đồ tần số tương đối (biểu diễn các giá trị và tần số tương đối của chúng ở

44			dạng biểu đồ cột hoặc biểu đồ hình quạt tròn). - Giải thích được ý nghĩa và vai trò của tần số tương đối trong thực tiễn. - Lí giải và thiết lập được dữ liệu vào bảng, biểu đồ thích hợp ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột; biểu đồ hình quạt tròn. - Lí giải và thực hiện được cách chuyển dữ liệu từ dạng biểu diễn này sang dạng biểu diễn khác. - Phát hiện và lí giải được số liệu không chính xác dựa trên mối liên hệ toán học đơn giản giữa các số liệu đã được biểu diễn trong những ví dụ đơn giản.
45	Luyện tập chung.	1	Ôn tập và củng cố kiến thức về bảng tần số, bảng tần số tương đối, biểu diễn các dữ liệu trên biểu đồ tần số và tần số tương đối.
46	Bài 24. Bảng tần số, tần số tương đối ghép nhóm và biểu đồ.	3	- Thiết lập được bảng tần số ghép nhóm, bảng tần số tương đối ghép nhóm. - Thiết lập được biểu đồ tần số tương đối ghép nhóm ở dạng biểu đồ cột và dạng biểu đồ đoạn thẳng. - Lí giải và thiết lập được dữ liệu vào bảng thích hợp. - Lí giải và thực hiện được cách chuyển dữ liệu từ dạng biểu diễn này sang dạng biểu diễn khác. - Nhận biết được mối liên hệ giữa thống kê với những kiến thức của các môn học khác trong chương trình lớp 9 và trong thực tiễn.
47	Bài tập cuối chương VII.	2	- Ôn tập và củng cố các kiến thức liên quan đến chương thống kê. - Áp dụng các kiến thức đã học để giải các dạng toán liên quan và giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến nội dung đã học trong chương.

48	Ôn tập giữa học kì II.	1	Ôn tập và củng cố các kiến thức trong chương trình học kì II.
	Kiểm tra giữa học kì II.	2	Kiểm tra, đánh giá các kiến thức, năng lực học sinh được hình thành và rèn luyện trong học kì II.
50	HĐTHTN: Xác định tần số, tần số tương đối, vẽ các biểu đồ biểu diễn bằng Excel.	2	- Xác định tần số, tần số tương đối. - Thực hành vẽ các biểu đồ biểu diễn bằng Excel.
Chương VIII. Xác suất của biến cố trong một số mô hình xác suất đơn giản.			
51	Bài 25. Phép thử ngẫu nhiên và không gian mẫu.	2	- Nhận biết được phép thử ngẫu nhiên và không gian mẫu. - Nhận biết được một kết quả là thuận lợi cho một biến cố trong một số phép thử đơn giản.
52	Bài 26. Xác suất của biến cố liên quan tới phép thử.	3	- Nhận biết được khái niệm đồng khả năng. - Tính được xác suất của biến cố bằng cách kiểm đếm số trường hợp có thể và số trường hợp thuận lợi trong một số mô hình xác suất đơn giản.
53	Luyện tập chung.	2	Củng cố các kiến thức đã học về phép thử, không gian mẫu và tính xác suất của biến cố liên quan tới phép thử.
54	Bài tập cuối chương VIII.	1	- Ôn tập và củng cố các kiến thức liên quan đến chương xác suất. - Áp dụng các kiến thức đã học để giải các dạng toán liên quan và giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến nội dung đã học trong chương.
55	HĐTHTN: Gene trội trong các thế hệ lai.	2	Áp dụng các kiến thức đã học vào giải quyết vấn đề thực tiễn.
Chương IX. Đường tròn ngoại tiếp và đường tròn nội tiếp.			
56	Bài 27. Góc nội tiếp.	1	- Nhận biết được góc ở tâm, góc nội tiếp. - Giải thích được mối liên hệ giữa số đo của cung với số đo góc ở tâm, số đo góc nội tiếp.

			- Giải thích được mối liên hệ giữa số đo góc nội tiếp và số đo góc ở tâm cùng chắn một cung
57	Bài 28. Đường tròn ngoại tiếp và đường tròn nội tiếp.	2	- Nhận biết được định nghĩa đường tròn ngoại tiếp tam giác - Xác định được tâm và bán kính đường tròn ngoại tiếp tam giác, trong đó có tâm và bán kính đường tròn ngoại tiếp tam giác vuông, tam giác đều. - Vẽ được đường tròn ngoại tiếp tam giác bằng dụng cụ học tập. - Nhận biết được định nghĩa đường tròn nội tiếp tam giác. - Xác định được tâm và bán kính đường tròn nội tiếp tam giác, trong đó có tâm và bán kính đường tròn nội tiếp tam giác đều. - Vẽ được đường tròn nội tiếp tam giác bằng dụng cụ học tập.
58	Luyện tập chung.	2	- Luyện tập củng cố các kiến thức về góc với đường tròn, đường tròn ngoại tiếp, nội tiếp trong tam giác. - Áp dụng các kiến thức đã học để giải các dạng toán liên quan và giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến đường tròn.
59	Bài 29. Tứ giác nội tiếp.	2	- Nhận biết được tứ giác nội tiếp đường tròn và giải thích được định lý về tổng hai góc đối của tứ giác nội tiếp bằng 180°. - Xác định được tâm và bán kính đường tròn ngoại tiếp hình chữ nhật, hình vuông.

60	Bài 30. Đa giác đều.	2	- Nhận dạng được đa giác đều. - Nhận biết được phép quay. Mô tả được các phép quay giữ nguyên hình đa giác đều. - Nhận biết được những hình phẳng đều trong tự nhiên, nghệ thuật, kiến trúc, công nghệ chế tạo. - Nhận biết được vẻ đẹp của thế giới tự nhiên biểu hiện qua tính đều.
61	Luyện tập chung.	2	- Luyện tập củng cố các kiến thức về tứ giác nội tiếp và đa giác đều. - Áp dụng các kiến thức đã học để giải các dạng toán liên quan và giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến đường tròn.
62	Bài tập cuối chương IX.	1	- Ôn tập và củng cố các kiến thức liên quan đến nội dung đã học của chương. - Áp dụng các kiến thức đã học để giải các dạng toán liên quan và giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến đường tròn.
Chương X. Một số hình khối trong thực tiễn.			
63	Bài 31. Hình trụ và hình nón	2	- Mô tả được đường sinh, chiều cao, bán kính đáy của hình trụ, tạo lập được hình trụ. - Tính được diện tích xung quanh và thể tích của hình trụ, hình nón. - Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính diện tích xung quanh và thể tích của hình trụ, hình nón.
64	Bài 32. Hình cầu	2	- Mô tả được tâm, bán kính của hình cầu, tạo lập được hình cầu, mặt cầu. Nhận biết được phần chung của mặt phẳng và hình cầu. - Tính được diện tích của mặt cầu, thể tích của hình cầu. - Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính diện tích của mặt cầu và thể tích của hình cầu.

65	Luyện tập chung	2	- Luyện tập củng cố các kiến thức liên quan đến hình học trực quan - Áp dụng các kiến thức đã học để giải các dạng toán liên quan và giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến hình học trực quan
66	Bài tập cuối chương X	1	- Ôn tập và củng cố các kiến thức liên quan đến hình học trực quan - Áp dụng các kiến thức đã học để giải các dạng toán liên quan và giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến hình học trực quan.
67	HĐTHTN: Vẽ hình đơn giản với phần mềm GeoGebra.	2	Thực hành vẽ các hình đã học bằng phần mềm GeoGebra.
68	Ôn tập học kì II	2	Ôn tập và củng cố các kiến thức trong chương trình học kì II
69	Kiểm tra học kì II	2	Kiểm tra, đánh giá các kiến thức, năng lực học sinh được hình thành và rèn luyện trong học kì II.

1.5. Phân phối chương trình môn Tin 6

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
1	Bài 1. Thông tin và dữ liệu	1	- Hiểu dữ liệu, thông tin và vật mang tin là gì? - Nhận biết được sự khác nhau giữa thông tin và dữ liệu. - Phân biệt được thông tin và vật mang tin. - Nêu được ví dụ minh họa mối quan hệ giữa thông tin và dữ liệu - Nêu được ví dụ minh họa tầm quan trọng của thông tin.
2	Bài 2. Xử lý thông tin	1	- Nêu được các hoạt động cơ bản trong xử lý thông tin. - Giải thích được máy tính là công cụ hiệu quả để xử lý thông tin. - Nêu được ví dụ minh họa cụ thể.

3	Bài 3. Thông tin trong máy tính	2	-Giải thích được việc có thể biểu diễn thông tin chỉ với hai kí hiệu 0 và 1. - Biết được bit là đơn vị nhỏ nhất trong lưu trữ thông tin. - Nêu được tên và độ lớn của các đơn vị cơ bản đo dung lượng thông tin. - Ước lượng được khả năng lưu trữ của các thiết bị nhớ thông dụng như đĩa quang, đĩa từ, thẻ nhớ...
Chủ đề 2. Mạng máy tính và Internet			
4	Bài 4. Mạng máy tính	2	- Nêu được mạng máy tính là gì và lợi ích của nó trong cuộc sống. - Kể được các thành phần chính của một mạng máy tính. - Nêu được một số cách kết nối không dây mà em biết. - Nêu được ví dụ cụ thể về trường hợp mạng không dây tiện dụng hơn mạng có dây.
5	Bài 5. Internet	1	-Biết Internet là gì. - Nêu được một số đặc điểm chính của Internet. - Nêu được một số lợi ích chính của Internet.
6	Ôn tập giữa học kỳ 1	1	- GV hệ thống tất cả kiến thức đã học và mở rộng: bằng câu hỏi trắc nghiệm hoặc những câu hỏi tự luận liên quan đến nội dung đã học.
7	Kiểm tra giữa kì 1	1	- GV sử dụng các hình thức kiểm tra, đánh giá phù hợp. - Nội dung đánh giá có trong chương trình giảng dạy và mở rộng trong phạm vi cho phép - GV quan sát và theo dõi, nhắc nhở HS làm bài
Chủ đề 3. Tổ chức lưu trữ, tìm kiếm và trao đổi thông tin			
8	Bài 6. Mạng thông tin toàn cầu	2	- Trình bày sơ lược được các khái niệm World Wide Web, website, địa chỉ của website, trình duyệt. - Xem và nêu được các thông tin chính trên trang web cho trước. - Khai thác được thông tin trên một số trang web thông dụng: tra từ

			điền, xem tin thời tiết, thời sự, ...
9	Bài 7. Tìm kiếm thông tin trên Internet	1	- Nêu được công dụng của máy tìm kiếm. - Xác định được từ khóa ứng với mục đích tìm kiếm cho trước. - Thực hiện được việc tìm kiếm và khai thác thông tin trên Internet.
10	Bài 8. Thư điện tử	2	- Biết thư điện tử là gì; biết ưu điểm và nhược điểm cơ bản của dịch vụ thư điện tử so với các phương thức liên lạc khác. - Biết tài khoản thư điện tử, hộp thư điện tử, thành phần của địa chỉ thư điện tử và cách đăng kí tài khoản thư điện tử. - Thực hiện đăng kí tài khoản thư điện tử, đăng nhập, soạn, gửi, đăng xuất hộp thư điện tử.
Chủ đề 4. Đạo đức, pháp luật và văn hóa trong môi trường số			
11	Bài 9. An toàn thông tin trên Internet	2	- Biết một số tác hại và nguy cơ khi sử dụng Internet. Nêu và thực hiện được một số biện pháp phòng ngừa. - Trình bày được tầm quan trọng của sự an toàn và hợp pháp của thông tin cá nhân cả tập thể. - Bảo vệ được thông tin và tài khoản cá nhân với sự hỗ trợ của người lớn. - Nêu được một vài cách thông dụng để chia sẻ thông tin của bản thân và tập thể sao cho an toàn và hợp pháp. - Nhận diện được một số thông điệp lừa đảo hoặc mang nội dung xấu. - Bảo vệ được thông tin và tài khoản cá nhân với sự hỗ trợ của người lớn. - Nêu được một vài cách thông dụng để chia sẻ thông tin của bản thân và tập thể sao cho an toàn và hợp pháp. - Nhận diện được một số thông điệp lừa đảo hoặc mang nội dung xấu.
12	Ôn tập cuối học kỳ 1	1	- GV hệ thống tất cả kiến thức đã học và mở rộng: bằng câu hỏi

			trắc nghiệm hoặc những câu hỏi tự luận liên quan đến nội dung đã học.
13	Kiểm tra cuối học kỳ I	1	- GV sử dụng các hình thức kiểm tra, đánh giá phù hợp. - Nội dung đánh giá có trong chương trình giảng dạy và mở rộng trong phạm vi cho phép - GV quan sát và theo dõi, nhắc nhở HS làm bài
Chủ đề 5. Ứng dụng tin học			
14	Bài 10. Sơ đồ tư duy	2	- Sắp xếp được một cách logic và trình bày được dưới dạng sơ đồ tư duy các ý tưởng, khái niệm. - Giải thích được lợi ích của sơ đồ tư duy, nêu được nhu cầu sử dụng phần mềm sơ đồ tư duy trong học tập và trao đổi thông tin. - Tạo được sơ đồ tư duy đơn giản bằng phần mềm.
15	Bài 11. Định dạng văn bản	2	- Nêu được các chức năng đặc trưng của những phần mềm soạn thảo văn bản. - Trình bày được tác dụng của công cụ căn lề, định dạng văn bản. - Thực hiện được việc định dạng văn bản, trình bày trang văn bản và in.
16	Bài 12. Trình bày thông tin ở dạng bảng	2	- Biết được ưu điểm của việc trình bày thông tin ở dạng bảng. - Biết cách tạo và định dạng bảng. - Trình bày được thông tin ở dạng bảng bằng phần mềm soạn thảo văn bản.
17	Ôn tập giữa học kỳ 2	1	- GV hệ thống tất cả kiến thức đã học và mở rộng: bằng câu hỏi trắc nghiệm hoặc những câu hỏi tự luận liên quan đến nội dung đã học.
18	Kiểm tra giữa học kỳ 2	1	- GV sử dụng các hình thức kiểm tra, đánh giá phù hợp. - Nội dung đánh giá có trong chương trình giảng dạy và mở rộng trong phạm vi cho phép - GV quan sát và theo dõi, nhắc nhở HS làm bài
19	Bài 13. Thực hành: Tìm kiếm và	1	- Trình bày được tác dụng của công cụ tìm kiếm, thay thế trong

	thay thế		phần mềm soạn thảo văn bản. - Sử dụng được công cụ tìm kiếm và thay thế của phần mềm soạn thảo văn bản.
20	Bài 14. Thực hành tổng hợp: Hoàn thành sổ lưu niệm (dạy học STEM)	1	- Biết cách tổng hợp, sắp xếp các nội dung thành một nội dung hoàn chỉnh
Chủ đề 6. Giải quyết vấn đề với sự trợ giúp của máy tính			
21	Bài 15. Thuật toán	2	- Diễn tả được sơ lược khái niệm thuật toán. - Nêu được một vài ví dụ minh họa về thuật toán - Biết thuật toán có thể được mô tả dưới dạng liệt kê hoặc sơ đồ khối. - Tạo được sơ đồ khối
22	Bài 16. Các cấu trúc điều khiển	2	- Biết các cấu trúc: + Cấu trúc tuần tự + Cấu trúc rẽ nhánh dạng thiếu và dạng đủ + Cấu trúc lặp - Mô tả được thuật toán đơn giản có cấu trúc tuần tự, rẽ nhánh (dạng thiếu và dạng đủ) và lặp dưới dạng liệt kê hoặc sơ đồ khối.
23	Bài 17. Chương trình máy tính	1	- Biết được chương trình là mô tả một thuật toán để máy tính "hiểu". - Thực hiện được chương trình trên máy tính
24	Ôn tập cuối học kỳ 2	1	- GV hệ thống tất cả kiến thức đã học và mở rộng: bằng câu hỏi trắc nghiệm hoặc những câu hỏi tự luận liên quan đến nội dung đã học.
25	Kiểm tra cuối học kỳ 2	1	- GV sử dụng các hình thức kiểm tra, đánh giá phù hợp. - Nội dung đánh giá có trong chương trình giảng dạy và mở rộng trong phạm vi cho phép - GV quan sát và theo dõi, nhắc nhở HS làm bài

1.6. Phân phối chương trình môn Tin 7

Stt	Bài học	Số tiết	Yêu cầu cần đạt
Chủ đề 1: Máy tính và cộng đồng			
1	Bài 1: Thiết bị vào – ra	1	-Biết và nhận ra được các thiết bị vào- ra có nhiều loại, hình dáng khác nhau. - Biết được chức năng của thiết bị vào – ra trong thu nhận,lưu trữ, xử lí và truyền thông tin. - Hiểu đúng các thao tác với các thiết bị thông dụng của máy tính. - Nêu được ví dụ cụ thể những thao tác không đúng cách sẽ gây ra lỗi cho thiết bị và hệ thống xử lí thông tin.
2	Bài 2: Phần mềm máy tính	1	- Giải thích được sơ lược chức năng điều khiển và quản lí hệ điều hành. - Phân biệt được hệ điều hành với phần mềm ứng dụng. - Nêu được tên một số phần mềm ứng dụng đã sử dụng. - Giải thích được phần mở rộng của tên tệp, cho biết tệp thuộc loại gì, nêu được ví dụ minh họa.
3	Bài 3: Quản lý dữ liệu trong máy tính	2	- Biết được tệp chương trình cũng là dữ liệu, có thể được lưu trữ trong máy tính. - Nêu được ví dụ về biện pháp bảo vệ dữ liệu như sao lưu, phòng chống virus... -Thao tác thành thạo với tệp và thư mục: tạo mới, sao chép, di chuyển, đổi tên, xóa...
Chủ đề 2: Tổ chức lưu trữ, tìm kiếm và trao đổi thông tin			

Stt	Bài học	Số tiết	Yêu cầu cần đạt
4	Bài 4: Mạng xã hội và một số kênh trao đổi thông tin trên Internet	2	-Nêu được tên một kênh trao đổi thông tin thông dụng trên internet và loại thông tin trao đổi trên kênh đó. - Nêu được một số chức năng cơ bản của mạng xã hội. Nhận biết được một số website là mạng xã hội. - Sử dụng được một số chức năng cơ bản của một mạng xã hội để giao lưu và chia sẻ thông tin. - Nêu được ví dụ cụ thể về hậu quả của việc sử dụng thông tin vào mục đích sai trái. - Sử dụng được một số chức năng cơ bản của một mạng xã hội để giao lưu và chia sẻ thông tin. - Thao tác thành thạo tạo tài khoản trên mạng xã hội.
5	Bài 5: Ứng xử trên mạng	1	-Thực hiện được giao tiếp qua mạng theo đúng quy tắc và bằng ngôn ngữ lịch sự, thể hiện ứng xử có văn hóa. - Nêu được ví dụ truy cập không hợp lệ vào các nguồn thông tin; biết cách ứng xử hợp lý khi gặp những thông tin trên mạng có nội dung xấu, không phù hợp lứa tuổi. - Biết được tác hại của bệnh nghiện Internet, từ đó có ý thức phòng tránh. - Biết nhờ người lớn giúp đỡ, tư vấn khi cần thiết trong quá trình ứng xử trên mạng.
6	Ôn tập giữa học kỳ 1	1	- GV hệ thống tất cả kiến thức đã học và mở rộng: bằng câu hỏi trắc nghiệm hoặc những câu hỏi tự luận liên quan đến nội dung đã học.
7	Kiểm tra giữa kì 1	1	- GV sử dụng các hình thức kiểm tra, đánh giá phù hợp. - Nội dung đánh giá có trong chương trình giảng dạy và mở rộng trong phạm vi cho phép

Stt	Bài học	Số tiết	Yêu cầu cần đạt
			- GV quan sát và theo dõi, nhắc nhở HS làm bài
Chủ đề 4: : Ứng dụng tin học			
8	Bài 6: Làm quen với phần mềm bảng tính (giao nhiệm vụ theo dự án)	1	-Nêu được một số chức năng cơ bản của phần mềm bảng tính. - Thực hiện được một số thao tác đơn giản: chọn phông chữ, căn chỉnh dữ liệu trong ô tính, thay đổi độ rộng cột. -Thao tác thành thạo với việc nhập dữ liệu, chỉnh sửa dữ liệu và định dạng dữ liệu.
Chủ đề 4: Phần mềm trình chiếu			
9	Bài 7: Tính toán tự động trên bảng tính	2	-Nhận biết được một số kiểu dữ liệu trên bảng tính. - Sử dụng được công thức và dùng được địa chỉ trong công thức, tạo được bảng tính đơn giản có số liệu tính toán bằng công thức. - Giải thích được việc đưa các công thức vào bảng tính là một cách điều tự động dữ liệu. -Thao tác thành thạo với việc thực hiện công thức và sao chép ô tính có chứa công thức.
10	Bài 8: Công cụ hỗ trợ tính toán	2	-Thực hiện được một số phép toán thông dụng, sử dụng được một số hàm đơn giản như: MAX, MIN, SUM, AVERAGE, COUNT... -Thao tác thành thạo với các hàm trong bảng tính: MAX, MIN, SUM, AVERAGE, COUNT...
11	Bài 9: Trình bày bảng tính	1	-Biết và thực hiện được một số chức năng định dạng dữ liệu số và trình bày bảng tính. - Áp dụng được một số hàm tính toán dữ liệu như: MAX, MIN, SUM, AVERAGE, COUNT vào dự án Trường học xanh.
12	Bài 10: Hoàn thiện bảng tính (Dạy học STEM)	1	- Thực hiện được các thao tác hoàn thiện bảng tính. - Thực hành hoàn thiện dự án.

Stt	Bài học	Số tiết	Yêu cầu cần đạt
			- Sử dụng được bảng tính điện tử để giải quyết một vài công việc cụ thể đơn giản.
13	Ôn tập cuối học kỳ 1	1	- GV nêu rõ hình thức kiểm tra (<i>hình thức kiểm tra trắc nghiệm và tự luận trên giấy, trên máy tính hoặc thực hành trên máy tính</i>), thời gian kiểm tra, thang điểm kiểm tra, các quy định trong quá trình kiểm tra, mức độ phân hóa trong bài kiểm tra. - GV hệ thống tất cả kiến thức đã học và mở rộng: bằng câu hỏi trắc nghiệm hoặc những câu hỏi tự luận liên quan đến nội dung đã học.
14	Kiểm tra cuối học kỳ I	1	- GV sử dụng các hình thức kiểm tra, đánh giá phù hợp. - Nội dung đánh giá có trong chương trình giảng dạy và mở rộng trong phạm vi HK1 - GV quan sát và theo dõi, nhắc nhở HS làm bài
Chủ đề 4 : Ứng dụng tin học			
15	Bài 11: Tạo bài trình chiếu	2	- Nêu được một số chức năng cơ bản của phần mềm trình chiếu. -Tạo được một bài báo cáo có tiêu đề, cấu trúc phân cấp.
16	Bài 12: Định dạng đối tượng trên trang chiếu	2	-Sao chép được dữ liệu từ tệp văn bản sang trang trình chiếu. - Đưa được hình ảnh minh họa vào bài trình chiếu. - Biết sử dụng các định dạng cho văn bản,ảnh minh họa một cách hợp lí. -Thao tác thành tạo việc sao chép được dữ liệu từ tệp văn bản sang trang trình chiếu. - Thao tác thành tạo việc chèn hình ảnh, định dạng cho văn bản và hình ảnh trong trang chiếu.
17	Bài 13: Thực hành tổng hợp	2	- Biết đưa hiệu ứng động vào bài trình chiếu và sử dụng hiệu ứng một cách hợp lí. - Biết cách tổng hợp, sắp xếp các nội dung đã có thành một bài trình chiếu.

Stt	Bài học	Số tiết	Yêu cầu cần đạt
			- Thực hành hoàn thiện bài trình chiếu.
Chủ đề 5: Giải quyết vấn đề với sự trợ giúp của máy tính			
18	Ôn tập giữa học kỳ 2	1	- GV hệ thống tất cả kiến thức đã học và mở rộng: bằng câu hỏi trắc nghiệm hoặc những câu hỏi tự luận liên quan đến nội dung đã học.
19	Kiểm tra giữa học kỳ 2	1	- GV sử dụng các hình thức kiểm tra, đánh giá phù hợp. - Nội dung đánh giá có trong chương trình giảng dạy và mở rộng trong phạm vi ở từ đầu đến giữa HK2. - GV quan sát và theo dõi, nhắc nhở HS làm bài.
20	Bài 14: Thuật toán tìm kiếm tuần tự	2	-Giải thích được thuật toán tìm kiếm tuần tự. -Biểu diễn và mô phỏng được hoạt động của thuật toán tìm kiếm tuần tự trên một bộ dữ liệu vào có kích thước nhỏ.
Chủ đề 5: Giải quyết vấn đề với sự trợ giúp của máy tính			
21	Bài 15: Thuật toán tìm kiếm nhị phân	2	-Giải thích được thuật toán tìm kiếm nhị phân. - Biểu diễn và mô phỏng được hoạt động của thuật toán tìm kiếm nhị phân trên một bộ dữ liệu vào có kích thước nhỏ. -Giải thích được mối liên quan giữa sắp xếp và tìm kiếm, nêu được ví dụ minh họa.
22	Bài 16: Thuật toán sắp xếp	2	-Giải thích được một vài thuật toán sắp xếp cơ bản. - Biểu diễn và mô phỏng được hoạt động của thuật toán sắp xếp với bộ dữ liệu đầu vào có kích thước nhỏ. -Nêu được ý nghĩa của việc chia một bài toán thành những bài toán nhỏ hơn.
23	Bài tập tổng hợp ôn tập chủ đề 5	1	- GV hệ thống tất cả kiến thức đã học và mở rộng: bằng câu hỏi trắc nghiệm hoặc những câu hỏi tự luận liên quan đến nội dung đã học.
24	Ôn tập cuối học kỳ 2	1	GV nêu rõ hình thức kiểm tra (<i>hình thức kiểm tra trắc nghiệm và tự luận trên giấy, trên máy tính hoặc thực hành trên máy tính</i>), thời gian kiểm tra, thang điểm kiểm tra, các quy định trong quá trình kiểm tra,

Stt	Bài học	Số tiết	Yêu cầu cần đạt
			mức độ phân hóa trong bài kiểm tra. - GV hệ thống tất cả kiến thức đã học: bằng câu hỏi trắc nghiệm hoặc những câu hỏi tự luận liên quan đến nội dung đã học.
25	Kiểm tra cuối học kỳ 2	1	- GV sử dụng các hình thức kiểm tra, đánh giá phù hợp. - Nội dung đánh giá có trong chương trình giảng dạy và mở rộng trong phạm vi HK2 - GV quan sát, theo dõi và nhắc nhở HS làm bài

1.7. Phân phối chương trình môn Tin 8

STT	Bài học (2)	Số tiết (3)	Yêu cầu cần đạt (4)
CĐ 1. Máy tính và cộng đồng			
1.	Bài 1. Lược sử công cụ tính toán	1	Trình bày được sơ lược lịch sử phát triển máy tính. Nêu được ví dụ cho thấy sự phát triển máy tính đã đem đến những thay đổi lớn lao cho xã hội loài người.
CĐ 2. Tổ chức, lưu trữ và tìm kiếm và trao đổi thông tin			
2.	Bài 2. Thông tin trong môi trường số	2	–Nêu được các đặc điểm của thông tin số: đa dạng, được thu thập ngày càng nhanh và nhiều, được lưu trữ với dung lượng khổng lồ bởi nhiều tổ chức và cá nhân, có tính bản quyền, có độ tin cậy rất khác nhau, có các công cụ tìm kiếm, chuyển đổi, truyền và xử lý hiệu quả. –Trình bày được tầm quan trọng của việc khai thác các nguồn thông tin đáng tin cậy, nêu được ví dụ minh họa.

3.	Bài 3. Thực hành khai thác thông tin số	2	– Sử dụng được công cụ tìm kiếm, xử lí và trao đổi thông tin trong môi trường số. Nêu được ví dụ minh họa. – Chủ động tìm kiếm được thông tin để thực hiện nhiệm vụ (thông qua bài tập cụ thể). – Đánh giá được lợi ích của thông tin tìm được trong giải quyết vấn đề, nêu được ví dụ minh họa.
CD 3. Đạo đức, pháp luật và văn hoá trong môi trường số hoá			
5.	Bài 4. Đạo đức và văn hoá trong sử dụng công nghệ kĩ thuật số	1	– Nhận biết và giải thích được một số biểu hiện vi phạm đạo đức và pháp luật, biểu hiện thiếu văn hoá khi sử dụng công nghệ kĩ thuật số. Ví dụ: thu âm, quay phim, chụp ảnh khi không được phép, dùng các sản phẩm văn hoá vi phạm bản quyền,... – Bảo đảm được các sản phẩm số do bản thân tạo ra thể hiện được đạo đức, tính văn hoá và không vi phạm pháp luật.
6.	Bài 5. Sử dụng bảng tính giải quyết bài toán thực tế	1	– Giải thích được sự khác nhau giữa địa chỉ tương đối và địa chỉ tuyệt đối của một ô tính. – Giải thích được sự thay đổi địa chỉ tương đối trong công thức khi sao chép công thức.
7.	Ôn tập GHK1	1	- Kiểm tra lại kiến thức đã học đến thời điểm hiện tại. - Hình thành và phát triển tư duy thuật toán, bước đầu có tư duy điều khiển hệ thống. - Góp phần rèn luyện sự chăm chỉ, kiên trì và cẩn thận trong quá trình học.
8.	Kiểm tra GHK1	1	
CD 4. Ứng dụng Tin học. Xử lí và trực quan hoá dữ liệu bằng bảng tính điện tử			

9.	Bài 5. Sử dụng bảng tính giải quyết bài toán thực tế(tt)	1	–Sử dụng được phần mềm bảng tính trợ giúp giải quyết bài toán thực tế. –Sao chép được dữ liệu từ các tệp văn bản, trang trình chiếu sang trang tính.
10.	Bài 6. Sắp xếp và lọc dữ liệu	2	–Sử dụng được phần mềm bảng tính trợ giúp giải quyết bài toán thực tế. –Nêu được một số tình huống thực tế cần sử dụng chức năng lọc và sắp xếp dữ liệu. –Thực hiện được các thao tác lọc và sắp xếp dữ liệu. –Nêu được một số tình huống thực tế cần sử dụng các chức năng đó của phần mềm bảng tính.
11.	Bài 7. Trục quan hoá dữ liệu (Dạy học STEM)	2	–Nêu được một số tình huống thực tế cần sử dụng chức năng tạo biểu đồ. –Thực hiện được thao tác tạo biểu đồ của bảng tính.
CĐ 4a) Chủ đề con (lựa chọn): Soạn thảo văn bản và phần mềm trình chiếu nâng cao			
12.	Bài 8a. Danh sách dạng liệt kê và hình ảnh trong văn bản	2	–Thực hiện được các thao tác: chèn thêm, xoá bỏ, co giãn hình ảnh, vẽ hình đồ hoạ trong văn bản, tạo danh sách dạng liệt kê.
13.	Ôn tập HK1	1	- Kiểm tra lại kiến thức của các em đã học ở học kì 1. - Hình thành và phát triển tư duy thuật toán, bước đầu có tư duy điều khiển hệ thống. - Học sinh biết cách vận dụng kiến thức đã học vào để làm bài kiểm tra.
14.	KT HK1	1	
CĐ 4a) Chủ đề con (lựa chọn): Soạn thảo văn bản và phần mềm trình chiếu nâng cao (tt)			
15.	Bài 9a. Tạo đầu trang, chân trang cho văn bản	1	–Thực hiện được thao tác đánh số trang, thêm đầu trang và chân trang cho văn bản.
16.	Bài 10a. Định dạng nâng cao cho trang chiếu	2	–Chọn / đặt được màu sắc, cỡ chữ hài hoà và hợp lí với nội dung. –Thực hiện được thao tác đánh số trang, thêm đầu trang và chân trang.

17.	Bài 11a. Sử dụng bản mẫu cho bài trình chiếu	2	–Sử dụng được các bản mẫu (template) tạo bài trình chiếu. –Nhúng được vào trang chiếu đường dẫn đến video hay tài liệu khác. –Tạo được một số sản phẩm là văn bản có tính thẩm mỹ phục vụ nhu cầu thực tế.
CD 5. Giải quyết vấn đề với sự trợ giúp của máy tính			
18.	Bài 12. Từ thuật toán đến chương trình	2	–Mô tả được kịch bản đơn giản dưới dạng thuật toán và tạo được một chương trình đơn giản. –Hiểu được chương trình là dãy các lệnh điều khiển máy tính thực hiện một thuật toán.
19.	Ôn tập GHK2	1	- Kiểm tra lại kiến thức đã học ở đầu học kì 2 đến thời điểm hiện tại. - Góp phần rèn luyện sự chăm chỉ, kiên trì và cẩn thận trong quá trình học.
20.	KT GHK2	1	
CD 5. Giải quyết vấn đề với sự trợ giúp của máy tính (tt)			
21.	Bài 13. Biểu diễn dữ liệu	2	–Nêu được khái niệm hằng, biến, kiểu dữ liệu, biểu thức và sử dụng được các khái niệm này ở các chương trình đơn giản trong môi trường lập trình trực quan.
22.	Bài 14. Cấu trúc điều khiển	2	Thể hiện được cấu trúc tuần tự, rẽ nhánh và lặp ở chương trình trong môi trường lập trình trực quan.
23.	Bài 15. Gỡ lỗi	1	Chạy thử, tìm lỗi và sửa được lỗi cho chương trình.
CD 6. Hướng nghiệp với Tin học			
24.	Bài 16. Tin học với nghề nghiệp	1	–Nêu được một số nghề nghiệp mà ứng dụng tin học sẽ làm tăng hiệu quả công việc. –Nêu được tên một số nghề thuộc lĩnh vực tin học và một số nghề liên quan đến ứng dụng tin học. –Nhận thức và trình bày được vấn đề bình đẳng giới trong việc sử dụng máy tính và trong ứng dụng tin học, nêu được ví dụ minh họa.

25.	Ôn tập HK2	1	- Kiểm tra lại kiến thức của các em đã học ở học kì 2. - Hình thành và phát triển tư duy thuật toán, bước đầu có tư duy điều khiển hệ thống. - Hs biết cách vận dụng kiến thức đã học vào để làm bài kiểm tra.
26.	KTHK2	1	

1.8. Phân phối chương trình môn Tin 9

STT (1)	Bài học (2)	Số tiết (3)	YCCĐ (4)
HỌC KỲ 1			
CĐ 1. Máy tính và cộng đồng			
1.	Bài 1. Thế giới kĩ thuật số	2	-Nhận biết được sự có mặt của các thiết bị có gắn bộ xử lí thông tin ở khắp nơi (trong gia đình, ở trường học, cửa hàng, bệnh viện, công sở, nhà máy,...), trong mọi lĩnh vực (y tế, ngân hàng, hàng không, toán học, sinh học,...), nêu được ví dụ minh họa. -Nêu được khả năng của máy tính và chỉ ra được một số ứng dụng thực tế của nó trong khoa học kĩ thuật và đời sống. - Giải thích được tác động của công nghệ thông tin lên giáo dục và xã hội thông qua các ví dụ cụ thể
CĐ 2. Tổ chức, lưu trữ và tìm kiếm và trao đổi thông tin			
2.	Bài 2. Thông tin trong giải quyết vấn đề	1	- Giải thích được sự cần thiết phải quan tâm đến chất lượng thông tin khi tìm kiếm, tiếp nhận và trao đổi thông tin. Nêu được ví dụ minh họa. - Giải thích được tính mới, tính chính xác, tính đầy đủ, tính sử dụng được của thông tin. Nêu được ví dụ minh họa.
3.	Bài 3. Thực hành: Đánh giá chất lượng thông tin	1	- Biết cách tìm kiếm được thông tin để giải quyết vấn đề - Đánh giá được chất lượng thông tin trong giải quyết vấn đề

CĐ 3. Đạo đức, pháp luật và văn hoá trong môi trường số hoá

4.	Bài 4. Một số vấn đề pháp lí về sử dụng dịch vụ Internet	2	-Trình bày được một số tác động tiêu cực của công nghệ kĩ thuật số đối với đời sống con người và xã hội, nêu được ví dụ minh hoạ. -Nêu được một số nội dung liên quan đến luật Công nghệ thông tin, nghị định về sử dụng dịch vụ Internet, các khía cạnh pháp lí của việc sở hữu, sử dụng và trao đổi thông tin. -Nêu được một số hành vi vi phạm pháp luật, trái đạo đức, thiếu văn hoá khi hoạt động trong môi trường số thông qua một vài ví dụ.
5.	Bài 5. Tìm hiểu phần mềm mô phỏng	1	-Nêu được ví dụ phần mềm mô phỏng. -Nêu được những kiến thức đã thu nhận từ việc khai thác một vài phần mềm mô phỏng.
6.	Ôn tập GHK1	1	- Kiểm tra lại kiến thức đã học đến thời điểm hiện tại. - Hình thành và phát triển tư duy về giải quyết vấn đề tin học, bước đầu có tư duy điều khiển hệ thống. - Góp phần rèn luyện sự chăm chỉ, kiên trì và cẩn thận trong quá trình học.
7.	Kiểm tra GHK1	1	

CĐ 4. Ứng dụng Tin học. Sử dụng bảng tính điện tử nâng cao

8.	Bài 6. Thực hành: Khai thác phần mềm mô phỏng.	2	- Nêu được những kiến thức đã thu nhận từ việc khai thác một vài phần mềm mô phỏng - Nhận biết được sự mô phỏng thế giới thực nhờ máy tính có thể giúp con người khám phá tri thức và giải quyết vấn đề.
9.	Bài 7. Trình bày thông tin trong trao đổi và hợp tác	2	-Sử dụng được bài trình bày và sơ đồ tư duy trong trao đổi thông tin và hợp tác - Biết được khả năng đính kèm tệp văn bản, ảnh, video, trang tính vào sơ đồ tư duy

10.	Bài 8. Thực hành: Sử dụng công cụ trực quan trình bày thông tin trso đổi và hợp tác.	2	-Sử dụng được hình ảnh, biểu đồ, video một cách hợp lí. - Tạo được sơ đồ tư duy có đính kèm văn bản, hình ảnh, video và trang tính - Tạo được bài trình chiếu có sử dụng hình ảnh, biểu đồ và video hợp lí.
11	Bài 9a. Sử dụng công cụ xác thực dữ liệu	1	- Thực hiện được công cụ xác thực dữ liệu của phần mềm bảng tính để giải quyết bài toán quản lí tài chính.
13.	Ôn tập HK1	1	- Kiểm tra lại kiến thức của các em đã học ở học kì 1.
14.	KT CHK1	1	- Hình thành và phát triển tư duy trong các thuật toán, bước đầu có tư duy điều khiển hệ thống. - Học sinh biết cách vận dụng kiến thức đã học vào để làm bài kiểm tra.
HỌC KỲ 2			
CD 4a) Chủ đề con (lựa chọn): Soạn thảo văn bản và phần mềm trình chiếu nâng cao (tt)			
15.	Bài 10a. Sử dụng hàm Countif	2	- Thực hiện thao tác hàm đếm theo điều kiện Coutif trong giải quyết bài toán thực tế về quản lí quản lí tài chính.
16.	Bài 11a. Sử dụng hàm Sumif	2	– Thực hiện thao tác hàm tính tổng theo điều kiện Sumif để giải quyết bài toán quản lí gia đình.
17.	Bài 12a. Sử dụng hàm If	2	-Thực hiện thao tác hàm điều kiện If để giải quyết bài toán quản lí gia đình.
18.	Ôn tập GHK2	1	- Kiểm tra lại kiến thức đã học ở đầu học kì 2 đến thời điểm hiện tại.
19.	KT GHK2	1	- Góp phần rèn luyện sự chăm chỉ, kiên trì và cẩn thận trong quá trình học.
20.	Bài 13a. Hoàn thiện bảng tính quản lí quản lí tài chính gia đình	1	-Tạo được trang tính tổng hợp thông tin thu, chi gia đình - Hoàn thiện bảng tính quản lí tài chính gia đình.

CD 5. Giải quyết vấn đề với sự trợ giúp của máy tính			
21.	Bài 14. Giải quyết vấn đề	1	- Trình bày được quá trình giải quyết vấn đề và mô tả được giải pháp dưới dạng thuật toán (hoặc bằng phương pháp liệt kê các bước hoặc bằng sơ đồ khối)
22.	Bài 15. Bài toán tin học	2	- Giải thích được trong quy trình giải quyết vấn đề có những bước (những vấn đề nhỏ hơn) có thể chuyển giao cho máy tính thực hiện, nêu được ví dụ minh họa - Giải thích được khái niệm bài toán trong tin học là một nhiệm vụ có thể giao cho máy tính thực hiện, nêu được ví dụ minh họa. - Nêu được quy trình con người giao bài toán cho máy tính giải quyết
23.	Bài 16. Thực hành: Lập chương trình máy tính	2	- Sử dụng được cấu trúc tuần tự, rẽ nhánh, lặp trong mô tả thuật toán. - Giải thích được chương trình là bản mô tả thuật toán bằng ngôn ngữ mà máy tính có thể “hiểu” và thực hiện.
CD 6. Hướng nghiệp với Tin học			
24.	Bài 17. Tin học và thế giới nghề nghiệp	1	-Trình bày được công việc đặc thù và sản phẩm chính của người làm tin học trong ít nhất ba nhóm nghề. -Nêu và giải thích được ý kiến cá nhân (thích hay không thích,..) về một nhóm nghề nào đó. - Nhận biết được đặc trưng cơ bản của nhóm nghề thuộc hướng Tin học ứng dụng và nhóm nghề thuộc hướng Khoa học máy tính. - Tìm hiểu được (thông qua Internet và những kênh thông tin khác) công việc ở một số doanh nghiệp, công tác sử dụng nhân lực thuộc các nhóm ngành đã được giới thiệu. - Giải thích được cả nam và nữ đều có thể thích hợp với các ngành nghề trong lĩnh vực tin học, nêu được ví dụ minh họa.

25	Ôn tập HK2	1	- Kiểm tra lại kiến thức của các em đã học ở học kì 2. - Hình thành và phát triển tư duy thuật toán, bước đầu có tư duy điều khiển hệ thống. - HS biết cách vận dụng kiến thức đã học vào để làm bài kiểm tra.
26	Kiểm tra HK2	1	- HS biết cách áp dụng, vận dụng kiến thức đã học vào để làm bài kiểm tra.

1.9. Phân phối chương trình môn KHTN 6

STT	Bài học	Số tiết	Yêu cầu cần đạt
I. PHÂN MÔN SINH			
HỌC KỲ I			
CHƯƠNG I: MỞ ĐẦU VỀ KHOA HỌC TỰ NHIÊN (7 tiết)			
1	Giới thiệu về Khoa học tự nhiên	2	a/ Kiến thức: - Nhận biết được hiện tượng tự nhiên. - Nêu được khái niệm khoa học tự nhiên (KHTN). - Trình bày được các lĩnh vực chủ yếu của KHTN: Sinh học, hóa học và vật lý học. - Hiểu được vai trò, ứng dụng của KHTN trong đời sống và sản xuất. - Phân biệt được các lĩnh vực của KHTN dựa vào đối tượng nghiên cứu. b/ Năng lực: - Khám phá thiên nhiên, nhận biết được các hiện tượng tự nhiên xung quanh, giao tiếp và hợp tác c/ Phẩm chất: - Chăm học, chịu khó tìm tòi tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ cá nhân nhằm tìm hiểu về KHTN. - Có trách nhiệm trong hoạt động nhóm, chủ động nhận và thực hiện nhiệm vụ thí nghiệm, thảo luận khái niệm, vai trò, ứng dụng của KHTN. - Trung thực, cẩn thận trong thực hành, ghi chép kết quả thí nghiệm, kết quả tìm hiểu vai trò KHTN trong cuộc sống.

2	Bài 2. An toàn trong phòng thực hành	2 a/ Kiến thức: - Nêu được các quy định, quy tắc an toàn khi học trong phòng thực hành. - Phân biệt được các kí hiệu biển báo, cảnh báo trong phòng thực hành. - Đọc và phân biệt được các hình ảnh quy định an toàn phòng thực hành. b/ Năng lực: - Hình thành và phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm c/ Phẩm chất: - Chăm học, chịu khó tìm tòi tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ cá nhân nhằm tìm hiểu về các quy định, quy tắc an toàn trong phòng thực hành. - Có trách nhiệm trong hoạt động nhóm, chủ động nhận và thực hiện nhiệm vụ thí nghiệm, thảo luận về các biển báo an toàn, hình ảnh các quy tắc an toàn trong phòng thí nghiệm. - Trung thực: Báo cáo chính xác, nhận xét khách quan kết quả thực hiện. - Tôn trọng: Biết lắng nghe và tôn trọng ý kiến của người khác.
3	Sử dụng kính lúp	1 a/ Kiến thức: - Trình bày được cách sử dụng kính lúp. - Nêu được cấu tạo của kính lúp cầm tay. - Nêu được tên các loại kính lúp thông dụng. - HS nêu được cách bảo quản kính lúp. b/ Năng lực: - Năng lực tự học và tự chủ: Tự quyết định cách thức thực hiện - Năng lực giao tiếp và hợp tác trong hoạt động nhóm c/ Phẩm chất: - Chăm học, chịu khó tìm tòi tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ học tập. - Có trách nhiệm trong hoạt động nhóm, chủ động nhận và thực hiện tất cả các nhiệm vụ.

			- Trung thực, cẩn thận trong thực hành, ghi chép kết quả thí nghiệm và vẽ hình.
4	Sử dụng kính hiển vi	2	a/ Kiến thức: - Nêu được cấu tạo của kính hiển vi quang học gồm 4 hệ thống chính. - HS nêu được cách sử dụng và bảo quản kính hiển vi quang học. b/ Năng lực: - Vận dụng được kiến thức, kỹ năng sử dụng kính hiển vi quang học vào nghiên cứu để quan sát các vật có kích thước rất nhỏ. - Năng lực tự học và tự chủ trong tất cả các hoạt động học tập. - Năng lực giao tiếp và hợp tác trong các hoạt động nhóm. c/ Phẩm chất: - Chăm học, chịu khó tìm tòi tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ học tập. - Có trách nhiệm trong hoạt động nhóm, chủ động nhận và thực hiện tất cả các nhiệm vụ. - Trung thực, cẩn thận trong thực hành, ghi chép kết quả thí nghiệm và vẽ hình.
CHƯƠNG V: TẾ BÀO (8 tiết)			
5	Tế bào – Đơn vị cơ bản của sự sống	2	a/ Kiến thức: - Nêu được khái niệm và chức năng của tế bào, - Biết được chức năng của tế bào. - Nêu được hình dạng và kích thước của một số loại tế bào, hiểu được hình dạng và kích thước của tế bào khác nhau giữa các nhóm sinh vật và giữa các cơ quan trong cùng một cơ thể. - Biết được tế bào là đơn vị cấu trúc của sự sống. - Kể tên được một số loại tế bào có thể quan sát được bằng mắt thường, bằng kính lúp và kính hiển vi. b/ Năng lực: - Phát triển năng lực tìm hiểu tự nhiên, năng lực hợp tác. c/ Phẩm chất: - Yêu quý và bảo vệ bản thân, thiên nhiên và môi trường sống - Chăm chỉ và ham học hỏi

6	Cấu tạo và chức năng của các thành phần tế bào	2	-a/ Kiến thức: - Trình bày được cấu tạo tế bào và chức năng mỗi thành phần (ba thành phần chính: màng tế bào, chất tế bào, nhân tế bào); - Phân biệt được tế bào động vật, tế bào thực vật; - Phân biệt được tế bào nhân thực, tế bào nhân sơ thông qua quan sát hình ảnh. - Vận dụng để giải thích được màu xanh là do đâu? (lục lạp là bào quan thực hiện chức năng quang hợp ở cây xanh) -b/ Năng lực: - Tiềm hiểu tự nhiên, vận dụng kiến thức để giải quyết các vấn đề thực tiễn, tự học và hợp tác. -c/ Phẩm chất: - Chăm chỉ, giúp đỡ các bạn trong học tập.
7	Sự lớn lên và sinh sản của tế bào	2	-a/ Kiến thức: - Nêu được cơ chế giúp tế bào lớn lên - Dựa vào sơ đồ, nhận biết được sự lớn lên và sinh sản của tế bào (từ 1 tế bào → 2 tế bào → 4 tế bào... → n tế bào), chỉ ra được mối quan hệ giữa sự lớn lên và sinh sản của tế bào -Hiểu và nêu được ý nghĩa của sự lớn lên và sinh sản của tế bào. - Vận dụng được ý nghĩa đó vào việc có một chế độ dinh dưỡng hợp lý để có được chiều cao tối ưu. -b/ Năng lực: - Phát triển năng lực tính toán, giao tiếp và hợp tác -c/ Phẩm chất: - Chủ động trong học tập, quan tâm giúp đỡ các bạn.
8	Thực hành: Quan sát và phân biệt một số loại tế bào	2	-a/ Kiến thức: - Thực hành quan sát tế bào lớn bằng mắt thường và tế bào nhỏ dưới kính lúp và kính hiển vi quang học. - Tự soạn và chuẩn bị đầy đủ dụng cụ thực hành. - Biết và thực hiện được các bước tiến hành làm tiêu bản và quan sát tiêu bản. - Quan sát và nhận biết được các thành phần cơ bản trong tế bào.

		- Viết được bài thu hoạch và vẽ hình đã quan sát được. - b/ Năng lực: - Phát triển năng lực tự học, quan sát và tìm hiểu tự nhiên. - c/ Phẩm chất: - Yêu thích bộ môn và có trách nhiệm trong học tập.
CHƯƠNG VI: TỪ TẾ BÀO ĐẾN CƠ THỂ (7 tiết)		
9	Cơ thể sinh vật	2 - a/ Kiến thức: - Nêu được khái niệm cơ thể. Lấy được các ví dụ minh họa - Nhận biết được cơ thể đơn bào và cơ thể đa bào thông qua hình ảnh. Lấy được ví dụ minh họa (cơ thể đơn bào: vi khuẩn, tảo đơn bào, ...; cơ thể đa bào: thực vật, động vật,...). - Vận dụng để phân biệt được vật sống và vật không sống: cho ví dụ - b/ Năng lực: - Phát triển năng lực tìm hiểu tự nhiên, giải quyết vấn đề. - c/ Phẩm chất: - Có trách nhiệm cao trong học tập, thêm yêu thiên nhiên.
10	Kiểm tra giữa kì I	1 - Đảm bảo nội dung kiến thức đã học từ tuần 1 - 8 - Rèn kĩ năng vận dụng kiến thức đã học để giải thích các hiện tượng trong thực tế, kĩ năng phân tích, tổng hợp, so sánh, kĩ năng làm bài - Thật thà, trung thực trong quá trình làm bài
11	Tổ chức của cơ thể đa bào	3 - a/ Kiến thức: - Thông qua hình ảnh, nêu được quan hệ từ tế bào hình thành nên mô, cơ quan, hệ cơ và cơ thể (từ tế bào đến mô, từ mô đến cơ quan, từ cơ quan đến hệ cơ quan, từ hệ cơ quan đến cơ thể). - Kể và nêu được các khái niệm mô, cơ quan, hệ cơ quan. Lấy được các ví dụ minh họa. - Hiểu và vận dụng để giải thích được vì sao khi một cơ quan trong cơ thể bị bệnh thì cả cơ thể đều bị ảnh hưởng. - b/ Năng lực: - Tự học và tự chủ, giao tiếp và hợp tác - c/ Phẩm chất:

			- Nâng cao tinh thần trách nhiệm trong các học động học
12	Thực hành quan sát cơ thể đơn bào và cơ thể đa bào, cơ thể người	2	-a/ Kiến thức: - Tự soạn và chuẩn bị đầy đủ dụng cụ thực hành - Làm được tiêu bản và quan sát được cơ thể đơn bào trong nước ao (hồ). - Quan sát và mô tả được một số hệ cơ quan của cơ thể người. - Quan sát và mô tả được các cơ quan của thực vật. -b/ Năng lực: - Rèn luyện năng lực tự học và sáng tạo, hợp tác. - Nâng cao kỹ năng thực hành. -c/ Phẩm chất: - Yêu thích bộ môn và có trách nhiệm trong học tập.
CHƯƠNG VII: ĐA DẠNG THỂ GIỚI SỐNG (38 tiết)			
12	Hệ thống phân loại sinh vật	2	-a/ Kiến thức: - Nêu được khái niệm và sự cần thiết của việc phân loại thế giới sống. - Dựa vào sơ đồ, nhận biết được năm giới sinh vật. Lấy được ví dụ minh họa cho mỗi giới. - Dựa vào sơ đồ, phân biệt được các nhóm phân loại từ nhỏ tới lớn theo trật tự: loài, chi, họ, bộ, lớp, ngành, giới. - Lấy được ví dụ chứng minh thế giới sống đa dạng về số lượng loài và đa dạng về môi trường sống. - Nhận biết được sinh vật có hai cách gọi tên: tên địa phương và tên khoa học. -b/ Năng lực: - Tếp tục hình thành và phát triển năng lực tìm hiểu tự nhiên. -c/ Phẩm chất: - Yêu thiên nhiên, nhân ái, có tinh thần trách nhiệm cao trong học tập
13	Khoá lưỡng phân	3	-a/ Kiến thức: - Thông qua ví dụ nhận biết được cách xây dựng khoá lưỡng phân . - Hiểu và trình bày được nguyên tắc xây dựng khoá lưỡng phân. - Thực hành xây dựng được khoá lưỡng phân với đối tượng sinh vật. -b/ Năng lực:

			- Tự chủ và giao tiếp -c/ Phẩm chất: - Chăm chỉ, nhân ái, trung thực, trách nhiệm
14	Vi khuẩn	3	-a/ Kiến thức: - Nêu được khái niệm vi khuẩn. - Quan sát hình ảnh và phân biệt được (3 dạng) hình dạng và cấu tạo vi khuẩn. - Dựa vào hình thái, nhận ra được sự đa dạng của vi khuẩn. - Nêu được một số bệnh do vi khuẩn gây ra. Trình bày được một số cách phòng và chống bệnh do vi khuẩn gây ra. - Nêu được một số vai trò và ứng dụng vi khuẩn trong thực tiễn. - Vận dụng được hiểu biết về vi khuẩn vào giải thích một số hiện tượng trong thực tiễn (ví dụ: vì sao thức ăn để lâu bị ôi thiu và không nên ăn thức ăn ôi thiu, ...). - Phân biệt được virus và vi khuẩn (chưa có cấu tạo tế bào và đã có cấu tạo tế bào). -b/ Năng lực: - Nâng cao năng lực tự học và hợp tác trong giao tiếp. -c/ Phẩm chất: - Yêu thiên nhiên, nhân ái, có tinh thần trách nhiệm cao trong học tập
15	Thực hành: Làm sữa chua và quan sát hình thái vi khuẩn (Dạy học STEM)	2	-a/ Kiến thức: - Hiểu cách làm và làm được sữa chua. - Thực hành làm được tiêu bản quan sát và vẽ được hình vi khuẩn quan sát được dưới kính hiển vi quang học. -b/ Năng lực: - Rèn luyện năng lực tự học và sáng tạo, hợp tác. - Nâng cao kỹ năng thực hành. -c/ Phẩm chất: - Yêu thích bộ môn và có trách nhiệm trong học tập.
16	Virus	1	-a/ Kiến thức: - Quan sát hình ảnh và mô tả được hình dạng và cấu tạo đơn giản của virus

			(gồm vật chất di truyền và lớp vỏ protein). b/ Năng lực: – Vận dụng được hiểu biết về virus vào giải thích một số hiện tượng trong thực tiễn, từ đó biết yêu quý và bảo vệ môi trường c/ Phẩm chất: – Yêu nước, đoàn kết cao trong học tập để bảo vệ bản thân, gia đình và xã hội .
17	Ôn tập học kì I	1	- Nắm vững nội dung kiến thức đã học từ tuần 1 -17
18	Kiểm tra HKI	1	- Đảm bảo nội dung kiến thức đã học từ tuần 1 -17 - Rèn kĩ năng vận dụng kiến thức đã học để giải thích các hiện tượng trong thực tế, kĩ năng phân tích, tổng hợp, so sánh, kĩ năng làm bài - Thật thà, trung thực trong quá trình làm bài
HỌC KỲ II			
19	Virus (tt)	1	-a/ Kiến thức: – Nêu được một số bệnh do virus gây ra. Trình bày được một số cách phòng và chống bệnh do virus. – Nêu được một số vai trò và ứng dụng virus trong thực tiễn. b/ Năng lực: – Vận dụng được hiểu biết về virus vào giải thích một số hiện tượng trong thực tiễn, từ đó biết yêu quý và bảo vệ môi trường c/ Phẩm chất: – Yêu nước, đoàn kết cao trong học tập để bảo vệ bản thân, gia đình và xã hội .
20	Nguyên sinh vật	3	-a/ Kiến thức: – Nhận biết được một số đối tượng nguyên sinh vật thông qua quan sát hình ảnh, mẫu vật (ví dụ: trùng roi, trùng đế giày, trùng biến hình, tảo silic,

			tảo lục đơn bào,...). - Dựa vào hình thái, nêu được sự đa dạng của nguyên sinh vật. - Nêu được một số bệnh do nguyên sinh vật gây nên. Trình bày được cách phòng và chống bệnh do nguyên sinh vật gây ra. -b/ Năng lực: - Rèn luyện năng lực tự học và sáng tạo, hợp tác. - Tự chủ và giao tiếp -c/ Phẩm chất: - Tuyên truyền và thực hành được các hành động giữ gìn vệ sinh môi trường.
21	Thực hành: Quan sát nguyên sinh vật	1	-a/ Kiến thức: - Làm được tiêu bản nguyên sinh vật - Thực hành quan sát và vẽ được hình nguyên sinh vật dưới kính lúp hoặc kính hiển vi. -b/ Năng lực: - Vẽ được hình nguyên sinh vật dưới kính lúp hoặc kính hiển vi. -c/ Phẩm chất: - Chăm chỉ, cần cù và sáng tạo trong học tập. - Đoàn kết giúp đỡ nhau cùng tiến bộ.
22	Nấm	3	a/ Kiến thức: - Nhận biết được một số đại diện nấm thông qua quan sát hình ảnh, mẫu vật (nấm đơn bào, đa bào. Một số đại diện phổ biến: nấm đảm, nấm túi, ...). Dựa vào hình thái, trình bày được sự đa dạng của nấm. - Trình bày được vai trò của nấm trong tự nhiên và trong thực tiễn (nấm được trồng làm thức ăn, dùng làm thuốc, ...). - Nêu được một số bệnh do nấm gây ra. Trình bày được cách phòng và chống bệnh do nấm gây ra. -b/ Năng lực: - Vận dụng được hiểu biết về nấm vào giải thích một số hiện tượng trong đời sống như kĩ thuật trồng nấm, nấm ăn được, nấm độc, ... - Thông qua thực hành, quan sát và vẽ được hình nấm (quan sát bằng mắt thường hoặc kính lúp).

			-c/ Phẩm chất: - Chăm chỉ, cần cù và sáng tạo trong học tập - Đoàn kết giúp đỡ nhau cùng tiến bộ
23	Thực hành: Quan sát các loại nấm	2	-a/ Kiến thức: Thông qua thực hành, quan sát và vẽ được hình nấm (quan sát bằng mắt thường hoặc kính lúp). -b/ Năng lực: - Vẽ được hình một số loại nấm đã quan sát - Rèn luyện và phát triển năng lực tự học và khám phá -c/ Phẩm chất: - Chăm chỉ, cần cù và sáng tạo trong học tập
24	Kiểm tra giữa kì II	1	- Đảm bảo nội dung kiến thức đã học từ tuần 19 - 25 - Rèn kĩ năng vận dụng kiến thức đã học để giải thích các hiện tượng trong thực tế, kĩ năng phân tích, tổng hợp, so sánh, kĩ năng làm bài - Thật thà, trung thực trong quá trình làm bài
25	Thực vật	3	a/ Kiến thức: – Dựa vào sơ đồ, hình ảnh, mẫu vật, phân biệt được các nhóm thực vật: Thực vật không có mạch (Rêu); Thực vật có mạch, không có hạt (Dương xỉ); Thực vật có mạch, có hạt (Hạt trần); Thực vật có mạch, có hạt, có hoa (Hạt kín). – Trình bày được vai trò của thực vật trong đời sống và trong tự nhiên: làm thực phẩm, đồ dùng, bảo vệ môi trường (trồng và bảo vệ cây xanh trong thành phố, trồng cây gây rừng, ...). b/ Năng lực: - Rèn luyện năng lực quan sát, thu tập thông tin, khái quát vấn đề. - Phát triển năng lực hợp tác và giao tiếp. - Ứng dụng được những lợi ích của thực vật vào đời sống. -c/ Phẩm chất: - Yêu quý thiên nhiên đặc biệt là thực vật xung quanh em - Có ý thức bảo vệ thực vật nói riêng và môi trường sống nói chung.
26	Thực hành: Quan sát và phân biệt một số nhóm thực vật	2	a/ Kiến thức: – Quan sát hình ảnh, mẫu vật thực vật và phân chia được thành các nhóm thực vật theo các tiêu chí phân loại đã học.

			b/ Năng lực: – Phân chi được mẫu vật vào các nhóm thực vật theo các tiêu chí phân loại đã học. – Sử dụng được dụng cụ, thiết bị mẫu vật của bài thực hành. – Phát triển được các kỹ năng quan sát, năng lực thực hành. c/ Phẩm chất: – Đoàn kết giúp đỡ nhau trong học tập, hoạt động nhóm. - Yêu quý và bảo vệ thực vật.
27	Động vật	4	a/ Kiến thức: – Phân biệt được hai nhóm động vật không xương sống và có xương sống. Lấy được ví dụ minh họa. – Nhận biết được các nhóm động vật không xương sống dựa vào quan sát hình ảnh hình thái (hoặc mẫu vật, mô hình) của chúng (Ruột khoang, Giun; Thân mềm, Chân khớp). Gọi được tên một số con vật điển hình. – Nhận biết được các nhóm động vật có xương sống dựa vào quan sát hình ảnh hình thái (hoặc mẫu vật, mô hình) của chúng (Cá, Lưỡng cư, Bò sát, Chim, Thú). Gọi được tên một số con vật điển hình. – Nêu được một số tác hại của động vật trong đời sống. b/ Năng lực: – Phân biệt được các loài động vật vào các lớp/ ngành thuộc các nhóm động vật có xương và không có xương sống – Phát triển năng lực hợp tác và giao tiếp c/ Phẩm chất: - Biết yêu quý động vật và đặc biệt biết quan tâm và bảo vệ các loài động vật quý hiếm sắp bị tuyệt chủng
28	Thực hành: Quan sát và nhận biết một số nhóm động vật ngoài thiên nhiên	3	a/ Kiến thức: – Lấy được ví dụ minh họa cho từng lớp/ ngành – Nêu được tính đa dạng của động vật. – Thực hành quan sát (hoặc chụp ảnh) và kể được tên một số động vật quan sát được ngoài thiên nhiên. b/ Năng lực: - Vận dụng kiến thức đã học để phòng tránh một số bệnh do động vật gây ra.

			-c/ Phẩm chất: - Nhiệt tình tham gia các hoạt động của nhóm, biết quan tâm và giúp đỡ các bạn học. - Yêu quý và bảo vệ động vật.
29	Đa dạng sinh học	3	-a/ Kiến thức: - Nêu được vai trò của đa dạng sinh học trong tự nhiên và trong thực tiễn (làm thuốc, làm thức ăn, chỗ ở, bảo vệ môi trường,...). b/ Năng lực: - Hiểu và giải thích được vì sao cần bảo vệ đa dạng sinh học. - Trình bày được các biện pháp bảo vệ đa dạng sinh học. -c/ Phẩm chất: - Chăm chỉ, cần cù và sáng tạo trong học tập
30	Tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên	2	-a/ Kiến thức: - Thực hiện được một số biện pháp tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên. - Hiểu được vai trò của sinh vật trong thiên nhiên. - Quan sát và phân biệt được một số nhóm sinh vật ngoài thiên nhiên. b/ Năng lực: - Vận dụng khóa lưỡng phân để phân biệt một số nhóm sinh vật. - Làm và hoàn thành bộ sưu tập ảnh các sinh vật đã quan sát được. -c/ Phẩm chất: - Chăm chỉ, cần cù và sáng tạo trong học tập. - Yêu thích khoa học, đam mê khám phá và coi trọng thiên nhiên.
31	Ôn tập học kì II	1	Nắm vững nội dung kiến thức đã học từ tuần 19-34
2. PHÂN MÔN HÓA			
HỌC KÌ I			
1	Kiểm tra giữa kì I	1	- Đảm bảo nội dung kiến thức đã học từ tuần 1 – 9 (phần Lí và Sinh)

			- Rèn kĩ năng vận dụng kiến thức đã học để giải thích các hiện tượng trong thực tế, kĩ năng phân tích, tổng hợp, so sánh, kĩ năng làm bài - Thật thà, trung thực trong quá trình làm bài
CHƯƠNG II. CHẤT QUANH TA (7 TIẾT)			
2	Bài 9. Sự đa dạng của chất	2	– Nêu được sự đa dạng của chất (chất có ở xung quanh chúng ta, trong các vật thể tự nhiên, vật thể nhân tạo, vật vô sinh, vật hữu sinh...). – Nêu được một số tính chất của chất (tính chất vật lí, tính chất hoá học).
3	Bài 10. Các thể của chất và sự chuyển thể	2	– Trình bày được một số đặc điểm cơ bản ba thể (rắn; lỏng; khí) thông qua quan sát. – Đưa ra được một số ví dụ về một số đặc điểm cơ bản ba thể của chất. – Nêu được khái niệm về sự nóng chảy; sự sôi; sự bay hơi; sự ngưng tụ, đông đặc. – Tiến hành được thí nghiệm về sự chuyển thể (trạng thái) của chất. Trình bày được quá trình diễn ra sự chuyển thể (trạng thái): nóng chảy, đông đặc; bay hơi, ngưng tụ; sôi.
4	Bài 11. Oxygen không khí	3	– Nêu được một số tính chất của oxygen (trạng thái, màu sắc, tính tan, ...). – Nêu được tầm quan trọng của oxygen đối với sự sống, sự cháy và quá trình đốt nhiên liệu. Nêu được thành phần của không khí (oxygen, nitơ, carbon dioxide (cacbon đioxit), khí hiếm, hơi nước).

			– Tiến hành được thí nghiệm đơn giản để xác định thành phần phần trăm thể tích của oxygen trong không khí. – Trình bày được vai trò của không khí đối với tự nhiên. – Trình bày được sự ô nhiễm không khí: các chất gây ô nhiễm, nguồn gây ô nhiễm không khí, biểu hiện của không khí bị ô nhiễm. Nêu được một số biện pháp bảo vệ môi trường không khí.
5	Ôn tập cuối kì I	1	-Nắm vững nội dung kiến thức đã học từ tuần 1-17
6	Kiểm tra cuối kì I	1	- Đảm bảo nội dung kiến thức đã học từ tuần 1 – 17 - Rèn kĩ năng vận dụng kiến thức đã học để giải thích các hiện tượng trong thực tế, kĩ năng phân tích, tổng hợp, so sánh, kĩ năng làm bài - Thật thà, trung thực trong quá trình làm bài
HỌC KÌ II			
CHƯƠNG III. MỘT SỐ VẬT LIỆU, NGUYÊN LIỆU, NHIÊN LIỆU, LƯƠNG THỰC-THỰC PHẨM THÔNG DỤNG (8 TIẾT)			
7	Bài 12. Một số vật liệu	2	- Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số vật liệu thông dụng trong cuộc sống và sản xuất như: kim loại, nhựa, gỗ, cao su, gốm, thủy tinh, ... – Đề xuất được phương án tìm hiểu về một số tính chất của một số vật liệu thông dụng. – Thu thập dữ liệu, phân tích, thảo luận, so sánh để rút ra được kết luận về tính chất của một số vật liệu.

			- Nêu được cách sử dụng một số vật liệu an toàn, hiệu quả và bảo đảm sự phát triển bền vững.
8	Bài 13. Một số nguyên liệu	2	- Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số nguyên liệu thông dụng trong cuộc sống và sản xuất như: quặng, đá vôi, ... – Đề xuất được phương án tìm hiểu về một số tính chất của một số nguyên liệu, thông dụng. – Thu thập dữ liệu, phân tích, thảo luận, so sánh để rút ra được kết luận về tính chất của một số nguyên liệu. – Nêu được cách sử dụng một số nguyên liệu an toàn, hiệu quả và bảo đảm sự phát triển bền vững.
9	Bài 14. Một số nhiên liệu	2	- Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số nhiên liệu thông dụng trong cuộc sống và sản xuất như: than, gas, xăng dầu, ...); sơ lược về an ninh năng lượng. – Đề xuất được phương án tìm hiểu về một số tính chất của một số nhiên liệu thông dụng. – Thu thập dữ liệu, phân tích, thảo luận, so sánh để rút ra được kết luận về tính chất của một số nhiên liệu. -Nêu được cách sử dụng một số nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu an toàn, hiệu quả và bảo đảm sự phát triển bền vững.
10	Bài 15. Một số lương thực, thực phẩm	2	– Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số lương thực, thực phẩm thông dụng trong cuộc sống và sản xuất. -Đề xuất được phương án tìm hiểu về một số tính chất của một số lương thực – thực phẩm thông dụng.

			– Thu thập dữ liệu, phân tích, thảo luận, so sánh để rút ra được kết luận về tính chất của một số lương thực – thực phẩm.
11	Kiểm tra giữa kì II		- Đảm bảo nội dung kiến thức đã học từ tuần 19 – 25 - Rèn kĩ năng vận dụng kiến thức đã học để giải thích các hiện tượng trong thực tế, kĩ năng phân tích, tổng hợp, so sánh, kĩ năng làm bài - Thật thà, trung thực trong quá trình làm bài
CHƯƠNG IX. HỖN HỢP. TÁCH CHẤT RA KHỎI HỖN HỢP (6 TIẾT)			
12	Bài 16. Hỗn hợp các chất	3	– Nêu được khái niệm hỗn hợp, chất tinh khiết. – Thực hiện được thí nghiệm để biết dung môi, dung dịch là gì; phân biệt được dung môi và dung dịch. – Phân biệt được hỗn hợp đồng nhất, hỗn hợp không đồng nhất. – Quan sát một số hiện tượng trong thực tiễn để phân biệt được dung dịch với huyền phù, nhũ tương. – Nhận ra được một số khí cũng có thể hoà tan trong nước để tạo thành một dung dịch; các chất rắn hoà tan và không hoà tan trong nước. -Nêu được các yếu tố ảnh hưởng đến lượng chất rắn hoà tan trong nước.
13	Bài 17. Tách chất khỏi hỗn hợp	3	– Trình bày được một số cách đơn giản để tách chất ra khỏi hỗn hợp và ứng dụng của các cách tách đó. – Sử dụng được một số dụng cụ, thiết bị cơ bản để tách chất ra

			khỏi hỗn hợp bằng cách lọc, cô cạn, chiết. -Chỉ ra được mối liên hệ giữa tính chất vật lí của một số chất thông thường với phương pháp tách chúng ra khỏi hỗn hợp và ứng dụng của các chất trong thực tiễn.
14	Kiểm tra cuối kì II	2	- Đảm bảo nội dung kiến thức đã học từ tuần 27– 34 - Rèn kĩ năng vận dụng kiến thức đã học để giải thích các hiện tượng trong thực tế, kĩ năng phân tích, tổng hợp, so sánh, kĩ năng làm bài - Thật thà, trung thực trong quá trình làm bài

PHÂN MÔN Lí

HỌC KỲ I

CHƯƠNG I: MỞ ĐẦU VỀ KHOA HỌC TỰ NHIÊN (7 tiết)

1	Đo chiều dài	3	- Lấy được ví dụ chứng tỏ giác quan của chúng ta có thể cảm nhận sai một số hiện tượng. - Nêu được cách đo, đơn vị đo và dụng cụ thường dùng để đo chiều dài. - Học sinh biết cách sử dụng được một số loại thước đo chiều dài.
2	Đo khối lượng	2	- Hiểu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo; ước lượng được chiều dài trong một số trường hợp đơn giản. - Nêu được cách đo, đơn vị đo và dụng cụ thường dùng để đo khối lượng. - Hiểu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo khối lượng; ước lượng được khối lượng trong một số trường hợp đơn giản. - Sử dụng được một số loại dụng cụ đo khối lượng..
3	Đo thời gian	2	- Nêu đơn vị đo thời gian trong hệ SI và dụng cụ thường dùng để đo thời gian.

	(Dạy học STEM)		- Trình bày được các bước sử dụng đồng hồ để đo thời gian một hoạt động và chỉ ra được cách khắc phục một số thao tác sai bằng đồng hồ khi đo thời gian. - Hiểu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo và ước lượng được thời gian trong một số trường hợp đơn giản. - Học sinh biết đo được thời gian bằng đồng hồ.
CHƯƠNG VIII: LỰC TRONG ĐỜI SỐNG (18 TIẾT)			
4	Lực là gì?	2	- Nhận biết được sự đẩy, kéo của vật này lên vật khác là lực. - Nhận biết được lực có tác dụng làm thay đổi chuyển động, biến dạng vật. - Nhận biết được có hai loại lực là lực tiếp xúc và lực không tiếp xúc. - Mô tả được các hiện tượng trong đời sống có liên quan đến lực bằng các thuật ngữ vật lý. - Tìm được ví dụ về lực và tác dụng của lực trong đời sống. - Phân loại được các loại lực.
5	Biểu diễn lực	3	- Nhận biết được các đặc trưng của lực: điểm đặt, độ lớn, phương và chiều. - Kể tên được đơn vị lực: Niuton (N). - Mô tả được cấu tạo của lực kế lò xo và sử dụng được lực kế này để đo độ lớn của một số lực đơn giản. - Biểu diễn được lực bằng một mũi tên theo hướng của lực và mô tả được các đặc trưng của một lực dựa trên mũi tên biểu diễn lực này.
6	Biến dạng của lò xo	2	- Nhận biết được ứng dụng của lò xo và ứng dụng của nó trong một số thiết bị thường gặp - Thực hiện được thí nghiệm chứng minh độ giãn của lò xo treo thẳng đứng tỉ lệ với khối lượng vật treo.
7	Trọng lượng, lực hấp dẫn	3	- Nêu được các khái niệm: khối lượng, lực hấp dẫn, trọng lượng của vật.

			- Phân biệt được trọng lượng và khối lượng. - So sánh được các đặc điểm của trọng lượng và khối lượng của vật.
8	Lực ma sát	3	- Nhận biết lực ma sát là lực tiếp xúc xuất hiện giữa bề mặt giữa hai vật. nguyên nhân gây ra là tương tác giữa hai bề mặt của hai vật; ảnh hưởng của lực ma sát trong an toàn giao thông đường bộ - Phân biệt được lực ma sát trượt và lực ma sát nghỉ. - Vận dụng được kiến thức về lực ma sát để giải thích được một số hiện tượng đơn giản cũng như giải quyết được một số tình huống đơn giản thường gặp liên quan đến lực ma sát.
9	Lực cản của nước	2	- Nhận biết được lực cản của nước và sự phụ thuộc của nó vào diện tích bề mặt cản. - Giải thích được một số hiện tượng liên quan đến lực cản của nước trong đời sống.
10	Đo nhiệt độ	3	- Lấy được ví dụ chứng tỏ giác quan của chúng ta có thể cảm nhận sai về nhiệt độ các vật. - Phát biểu được nhiệt độ là số đo độ “nóng”, “lạnh” của vật. - Nêu đơn vị đo nhiệt độ ($^{\circ}\text{C}$, $^{\circ}\text{F}$) và dụng cụ thường dùng để đo nhiệt độ. - Kể tên được các loại nhiệt kế và công dụng của mỗi loại. - Trình bày được các bước sử dụng nhiệt kế y tế, nhiệt kế điện tử để đo nhiệt độ cơ thể. - Học sinh biết đo được nhiệt độ bằng nhiệt kế.
11	Ôn tập HK I	1	Nắm vững nội dung kiến thức đã học từ tuần 1 -17
HỌC KÌ II			
- CHƯƠNG IX: NĂNG LƯỢNG (10 TIẾT)			
12	Năng lượng và sự truyền năng lượng	2	- Nhận biết được mọi sự biến đổi trong tự nhiên đều cần năng lượng. - Lấy được ví dụ chứng tỏ năng lượng đặc trưng cho khả năng tác dụng lực. - Nhận biết được đơn vị của năng lượng là Jun (J). - Nhận biết được năng lượng có thể truyền từ vật này sang vật khác.

13	Một số dạng năng lượng	2	- Nhận biết được một số dạng năng lượng. - Phân biệt được các dạng năng lượng theo tiêu chí (theo nguồn phát ra chúng).
14	Sự chuyển hóa năng lượng	2	- Lấy ví dụ chứng tỏ được: Năng lượng có thể chuyển hóa từ dạng này sang dạng khác, từ vật này sang vật khác. - Chỉ ra được sự chuyển hóa năng lượng trong một số hiện tượng đơn giản (Sinh, lí, hóa) - Nêu được định luật bảo toàn năng lượng và lấy được ví dụ minh họa.
15	Năng lượng hao phí	1	- Chỉ ra được năng lượng nào là hữu ích, năng lượng nào là hao phí. - Nhận biết được năng lượng hao phí thường xuất hiện dưới dạng nhiệt năng. - Nêu được năng lượng hao phí luôn xuất hiện khi năng lượng được chuyển hóa từ dạng này sang dạng khác.
16	Năng lượng tái tạo	2	- Nhận biết được các nguồn năng lượng trong tự nhiên. - Hiểu được ưu điểm, nhược điểm và sự cần thiết của việc sử dụng nguồn năng lượng tái tạo. - Vận dụng được kiến thức đã học để giải quyết một số vấn đề liên quan đến năng lượng sử dụng trong cuộc sống.
17	Tiết kiệm năng lượng	1	- Hiểu được tại sao phải tiết kiệm năng lượng. - Biết được một số biện pháp tiết kiệm năng lượng và ứng dụng các biện pháp đó vào cuộc sống. - Hiểu và vận dụng tốt các biện pháp tiết kiệm năng lượng vào trong cuộc sống hằng ngày. - Tuyên truyền để mọi người có ý thức hơn trong việc tiết kiệm năng lượng.
CHƯƠNG X : TRÁI ĐẤT VÀ BẦU TRỜI (10 TIẾT)			
18	Ôn tập giữa HK II	1	- Đảm bảo nội dung kiến thức đã học từ tuần 19-26

19	Chuyển động nhìn thấy của hệ mặt trời. Thiên thể	2	- Giải thích được một cách định tính và sơ lược: từ Trái Đất thấy Mặt Trời mọc và lặn hàng ngày. - Nêu được Mặt Trời và sao là các thiên thể phát sáng, còn Mặt Trăng, các hành tinh và sao chổi phản xạ ánh sáng Mặt Trời.
20	Mặt Trăng	3	- Hiểu được: Mặt Trăng là một vệ tinh tự nhiên duy nhất của Trái Đất. - Vận dụng được kiến thức vào đời sống thực tế (nhìn Trăng đoán ngày). - Giải thích được vì sao hình dạng của mặt trăng lại không giống nhau ở các ngày trong 1 tháng.
21	Hệ Mặt Trời	3	- Mô tả được sơ lược cấu trúc hệ Mặt Trời. - Nêu được các hành tinh cách Mặt Trời các khoảng cách khác nhau và có chu kì quay khác nhau. - Vận dụng được kiến thức vào đời sống thực tế (Chế tạo dụng cụ quan sát vết đen trên Mặt Trời).
22	Ngân Hà	2	- Bằng việc tổ chức cho HS đọc theo các câu hỏi định hướng và hoạt động trải nghiệm làm một đồ chơi để hình dung được cấu trúc của Ngân Hà và vị trí của Trái Đất trong không gian vũ trụ
23	Ôn tập HK II	1	- Đảm bảo nội dung kiến thức đã học từ tuần 19-33

1.10. Phân phối chương trình môn KHTN 7

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
1. PHÂN MÔN HÓA			
HỌC KÌ I			
1	1. Phương pháp và kỹ năng học tập môn KHTN	5	Trình bày và vận dụng được một số phương pháp và kỹ năng trong học tập môn Khoa học tự nhiên: + Phương pháp tìm hiểu tự nhiên;

			+ Thực hiện được các kĩ năng tiến trình: quan sát, phân loại, liên kết, đo, dự báo; + Sử dụng được một số dụng cụ đo (trong nội dung môn Khoa học tự nhiên 7); + Làm được báo cáo, thuyết trình.
CHƯƠNG I. NGUYÊN TỬ - SƠ LƯỢC VỀ BẢNG TUẦN HOÀN CÁC NGUYÊN TỐ HÓA HỌC (15 TIẾT)			
2	2. Nguyên tử.	5	– Trình bày được mô hình nguyên tử của Rutherford – Bohr (mô hình sắp xếp electron trong các lớp vỏ nguyên tử). – Nêu được khối lượng của một nguyên tử theo đơn vị quốc tế amu (đơn vị khối lượng nguyên tử).
3	3. Nguyên tố hoá học	3	– Phát biểu được khái niệm về nguyên tố hoá học và kí hiệu nguyên tố hoá học. – Viết được công thức hoá học và đọc được tên của 20 nguyên tố đầu tiên.
4	4. Sơ lược về bảng tuần hoàn các nguyên tố hoá học	4	– Nêu được các nguyên tắc xây dựng bảng tuần hoàn các nguyên tố hoá học. – Mô tả được cấu tạo bảng tuần hoàn gồm: ô, nhóm, chu kì. – Sử dụng được bảng tuần hoàn để chỉ ra các nhóm nguyên tố/nguyên tố kim loại, các nhóm nguyên tố/nguyên tố phi kim, nhóm nguyên tố khí hiếm trong bảng tuần hoàn.
5	Kiểm tra CKI	1	- Đảm bảo nội dung kiến thức đã học từ tuần 1 -17
HỌC KÌ II			
6	4. Sơ lược về bảng tuần hoàn các nguyên tố hoá học	3	– Nêu được các nguyên tắc xây dựng bảng tuần hoàn các nguyên tố hoá học. – Mô tả được cấu tạo bảng tuần hoàn gồm: ô, nhóm, chu kì. – Sử dụng được bảng tuần hoàn để chỉ ra các nhóm nguyên tố/nguyên tố kim loại, các nhóm nguyên tố/nguyên tố phi kim, nhóm nguyên tố khí hiếm trong bảng tuần hoàn.
CHƯƠNG II. PHÂN TỬ - LIÊN KẾT HÓA HỌC (13 tiết)			
7	5. Phân tử - Đơn chất - Hợp chất	4	- Nêu được khái niệm phân tử, đơn chất, hợp chất. Đưa ra được một số ví dụ về đơn chất và hợp chất. – Tính được khối lượng phân tử theo đơn vị amu.
8	6. Giới thiệu về liên kết hoá học	5	– Nêu được mô hình sắp xếp electron trong vỏ nguyên tử của một số nguyên tố khí hiếm; sự hình thành liên kết cộng hoá trị theo nguyên tắc dùng chung electron để tạo ra lớp vỏ electron của nguyên tố khí hiếm (Áp dụng được cho các phân tử đơn giản như H_2, Cl_2, NH_3, H_2O, CO_2, N_2,...).

			– Nêu được được sự hình thành liên kết ion theo nguyên tắc cho và nhận electron để tạo ra ion có lớp vỏ electron của nguyên tố khí hiếm (Áp dụng cho phân tử đơn giản như NaCl, MgO,...). – Chỉ ra được sự khác nhau về một số tính chất của chất ion và chất cộng hoá trị.
9	7. Hoá trị và công thức hoá học	4	– Trình bày được khái niệm về hoá trị (cho chất cộng hoá trị). Cách viết công thức hoá học. – Viết được công thức hoá học của một số chất và hợp chất đơn giản thông dụng. – Nêu được mối liên hệ giữa hoá trị của nguyên tố với công thức hoá học. – Tính được phần trăm (%) nguyên tố trong hợp chất khi biết công thức hoá học của hợp chất. – Xác định được công thức hoá học của hợp chất dựa vào phần trăm (%) nguyên tố và khối lượng phân tử.
10	Kiểm tra CKII	1	- Đảm bảo nội dung kiến thức đã học từ tuần 19 -34

2. PHÂN MÔN LÝ

HỌC KÌ I

CHƯƠNG III. TỐC ĐỘ (11 TIẾT)

1	8. Tốc độ chuyển động	2	- Phát biểu được khái niệm tốc độ chuyển động, nhớ công thức tính tốc độ. – Liệt kê được một số đơn vị đo tốc độ thường dùng. - Đổi được đơn vị tốc độ từ m/s sang km/h hoặc ngược lại. - Sử dụng được công thức tính tốc độ để giải các bài tập về chuyển động trong đó đã cho giá trị của hai trong ba đại lượng v, s và t - Nêu được ý nghĩa vật lí của tốc độ
2	9. Đo tốc độ	3	– Mô tả được sơ lược cách đo tốc độ bằng đồng hồ bấm giây và cổng quang điện trong dụng cụ thực hành ở nhà trường; thiết bị “bắn tốc độ” trong kiểm tra tốc độ các phương tiện giao thông. - Xác định được tốc độ qua quãng đường vật đi được trong khoảng thời gian tương ứng, $\text{tốc độ} = \frac{\text{quãng đường vật đi}}{\text{thời gian đi quãng đường đó}}$.
3	10. Đồ thị quãng đường – thời gian	2	– Vẽ được đồ thị quãng đường – thời gian cho chuyển động thẳng. – Từ đồ thị quãng đường – thời gian cho trước, tìm được quãng đường vật đi (hoặc tốc

			độ, hay thời gian chuyển động của vật).
4	11. Thảo luận về ảnh hưởng của tốc độ trong an toàn giao thông.	4	– Dựa vào tranh ảnh (hoặc học liệu điện tử) thảo luận để nêu được ảnh hưởng của tốc độ trong an toàn giao thông. - Bước đầu biết cách sưu tầm tài liệu để tham gia thảo luận về một nội dung thực tế có liên quan đến những kiến thức đã học. - Thấy được ý nghĩa của tốc độ trong an toàn giao thông. - Thấy được để đảm bảo an toàn thì người tham gia giao thông vừa phải có ý thức tôn trọng các quy định về an toàn giao thông vừa phải có hiểu biết về ảnh hưởng của tốc độ trong an toàn giao thông.
CHƯƠNG IV. ÂM THANH (10 TIẾT)			
5	12. Sóng âm	3	– Thực hiện thí nghiệm tạo sóng âm (như gảy đàn, gõ vào thanh kim loại,...) để chứng tỏ được sóng âm có thể truyền được trong chất rắn, lỏng, khí. – Giải thích được sự truyền sóng âm trong không khí.
6	13. Độ to và độ cao của âm	3	– Từ hình ảnh hoặc đồ thị xác định được biên độ và tần số sóng âm. – Nêu được đơn vị của tần số là hertz (kí hiệu là Hz). – Nêu được sự liên quan của độ to của âm với biên độ âm. – Sử dụng nhạc cụ (hoặc học liệu điện tử, dao động kí) chứng tỏ được độ cao của âm có liên hệ với tần số âm.
7	Kiểm tra GKI	1	- Đảm bảo nội dung kiến thức đã học từ tuần 1 - 8
8	14. Phản xạ âm, chống ô nhiễm tiếng ồn	4	– Lấy được ví dụ về vật phản xạ âm tốt, vật phản xạ âm kém. – Giải thích được một số hiện tượng đơn giản thường gặp trong thực tế về sóng âm; đề xuất được phương án đơn giản để hạn chế tiếng ồn ảnh hưởng đến sức khỏe.
CHƯƠNG V. ÁNH SÁNG (8 TIẾT)			
9	15. Năng lượng ánh sáng. Tia sáng, vùng tối	2	Thực hiện thí nghiệm thu được năng lượng ánh sáng; từ đó, nêu được ánh sáng là một dạng của năng lượng. – Thực hiện thí nghiệm tạo ra được mô hình tia sáng bằng một chùm sáng hẹp song song. – Vẽ được hình biểu diễn vùng tối do nguồn sáng rộng và vùng tối do nguồn sáng hẹp.
10	16. Sự phản xạ ánh	1	– Phân biệt được phản xạ và phản xạ khuếch tán.

	sáng		– Vẽ được hình biểu diễn và nêu được các khái niệm: tia sáng tới, tia sáng phản xạ, pháp tuyến, góc tới, góc phản xạ, mặt phẳng tới, ảnh. – Thực hiện được thí nghiệm rút ra định luật và phát biểu được nội dung của định luật phản xạ ánh sáng.
11	Ôn tập CKI	1	- Nắm vững nội dung kiến thức đã học từ tuần 1 - 17
HỌC KÌ II			
12	16. Sự phản xạ ánh sáng	2	– Phân biệt được phản xạ và phản xạ khuếch tán. – Vẽ được hình biểu diễn và nêu được các khái niệm: tia sáng tới, tia sáng phản xạ, pháp tuyến, góc tới, góc phản xạ, mặt phẳng tới, ảnh. – Thực hiện được thí nghiệm rút ra định luật và phát biểu được nội dung của định luật phản xạ ánh sáng.
13	17. Ảnh của vật tạo bởi gương phẳng	3	– Vẽ được hình biểu diễn và nêu được các khái niệm: ảnh của vật qua gương phẳng. – Nêu được tính chất ảnh của vật qua gương phẳng và dựng được ảnh của một vật tạo bởi gương phẳng. – Vận dụng được định luật phản xạ ánh sáng trong một số trường hợp đơn giản.
CHƯƠNG VI. TỪ (10 TIẾT)			
14	18. Nam châm	3	Tiến hành thí nghiệm để nêu được: + Tác dụng của nam châm đến các vật liệu khác nhau; + Sự định hướng của thanh nam châm (kim nam châm). – Xác định được cực Bắc và cực Nam của một thanh nam châm.
15	Kiểm tra GKII	1	- Đảm bảo nội dung kiến thức đã học từ tuần 19 - 25
16	19. Từ trường	4	– Nêu được vùng không gian bao quanh một nam châm (hoặc dây dẫn mang dòng điện), mà vật liệu có tính chất từ đặt trong nó chịu tác dụng lực từ, được gọi là từ trường. – Nêu được khái niệm từ phổ và tạo được từ phổ bằng mặt sắt và nam châm. – Nêu được khái niệm đường sức từ và vẽ được đường sức từ quanh một thanh nam châm. – Dựa vào ảnh (hoặc hình vẽ, đoạn phim khoa học) khẳng định được Trái Đất có từ trường.

			– Nêu được cực Bắc địa từ và cực Bắc địa lí không trùng nhau. – Sử dụng la bàn để tìm được hướng địa lí.
17	20. Chế tạo nam châm điện đơn giản Dạy học STEM: Chế tạo chuông điện sử dụng để báo thời gian ra vào lớp (Có kết hợp mạch định thời gian mềm)	3	– Chế tạo được nam châm điện đơn giản và làm thay đổi được từ trường của nó bằng thay đổi dòng điện.
18	Ôn tập CKII	1	Nắm vững nội dung kiến thức đã học từ tuần 19 - 34

3. PHÂN MÔN SINH

HỌC KÌ I

CHƯƠNG VII. TRAO ĐỔI CHẤT VÀ CHUYỂN HOÁ NĂNG LƯỢNG Ở SINH VẬT (32 TIẾT)

1	21. Khái quát về trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng	3	– Phát biểu được khái niệm trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng. – Nêu được vai trò trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng trong cơ thể.
2	22. Quang hợp ở thực vật	3	Trình bày được quá trình chuyển hoá năng lượng ở tế bào, bao gồm: + Mô tả được một cách tổng quát quá trình quang hợp ở tế bào lá cây: Nêu được vai trò lá cây với chức năng quang hợp. Nêu được khái niệm, nguyên liệu, sản phẩm của quang hợp. Viết được phương trình quang hợp (dạng chữ). Vẽ được sơ đồ diễn tả quang hợp diễn ra ở lá cây, qua đó nêu được quan hệ giữa trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng.
3	23. Một số yếu tố ảnh hưởng đến quang hợp	2	+ Vận dụng hiểu biết về quang hợp để giải thích được ý nghĩa thực tiễn của việc trồng và bảo vệ cây xanh. + Nêu được một số yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến quang hợp
4	Ôn tập GKI	1	- Nắm vững nội dung kiến thức đã học từ tuần 1 - 8
5	Kiểm tra GKI	1	- Nắm vững nội dung kiến thức đã học từ tuần 1 - 8
6	24. Thực hành: Chứng	2	+ Tiến hành được thí nghiệm chứng minh quang hợp ở cây xanh.

	minh quang hợp ở cây xanh		
7	25. Hô hấp tế bào	2	+ Mô tả được một cách tổng quát quá trình hô hấp ở tế bào (ở thực vật và động vật): Nêu được khái niệm; viết được phương trình hô hấp dạng chữ thể hiện hai chiều tổng hợp và phân giải.
8	26. Một số yếu tố ảnh hưởng đến hô hấp tế bào	2	+ Nêu được một số yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến hô hấp tế bào. + Nêu được một số vận dụng hiểu biết về hô hấp tế bào trong thực tiễn (ví dụ: bảo quản hạt cần phơi khô,...).
9	27. Thực hành: Hô hấp ở thực vật	2	+ Tiến hành được thí nghiệm về hô hấp tế bào ở thực vật thông qua sự nảy mầm của hạt
10	28. Trao đổi khí ở sinh vật	3	– Nêu được khái niệm trao đổi khí ở sinh vật. – Sử dụng hình ảnh để mô tả được quá trình trao đổi khí qua khí khổng của lá. – Dựa vào hình vẽ mô tả được cấu tạo khí khổng, nêu được chức năng của khí khổng. – Dựa vào sơ đồ khái quát mô tả được con đường đi của khí qua các cơ quan của hệ hô hấp ở động vật (ví dụ ở người). – Vận dụng được những kiến thức về trao đổi khí ở thực vật, động vật và người trong trồng trọt, bảo vệ cơ thể và môi trường sống để có hệ hô hấp khỏe mạnh.
11	29. Vai trò của nước và chất dinh dưỡng đối với sinh vật.	3	– Nêu được vai trò của nước và các chất dinh dưỡng đối với cơ thể sinh vật. – Dựa vào sơ đồ (hoặc mô hình) nêu được thành phần hoá học và cấu trúc, tính chất của nước.
12	30. Trao đổi nước và chất dinh dưỡng ở thực vật	2	– Mô tả được quá trình trao đổi nước và các chất dinh dưỡng, lấy được ví dụ ở thực vật, cụ thể: + Dựa vào sơ đồ đơn giản mô tả được con đường hấp thụ, vận chuyển nước và khoáng của cây từ môi trường ngoài vào miền lông hút, vào rễ, lên thân cây và lá cây; + Dựa vào sơ đồ, hình ảnh, phân biệt được sự vận chuyển các chất trong mạch gỗ từ rễ lên lá cây (dòng đi lên) và từ lá xuống các cơ quan trong mạch rây (dòng đi xuống); + Nêu được vai trò thoát hơi nước ở lá và hoạt động đóng, mở khí khổng trong quá trình thoát hơi nước; + Nêu được một số yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến trao đổi nước và các chất dinh

			dưỡng ở thực vật; – Vận dụng được những hiểu biết về trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng ở thực vật vào thực tiễn (ví dụ giải thích việc tưới nước và bón phân hợp lí cho cây).
13	Ôn tập CKI	1	- Nắm vững nội dung kiến thức đã học từ tuần 1 - 17
14	Kiểm tra CKI	1	- Đảm bảo nội dung kiến thức đã học từ tuần 1 - 17
HỌC KÌ II			
15	30. Trao đổi nước và chất dinh dưỡng ở thực vật	2	– Mô tả được quá trình trao đổi nước và các chất dinh dưỡng, lấy được ví dụ ở thực vật, cụ thể: + Dựa vào sơ đồ đơn giản mô tả được con đường hấp thụ, vận chuyển nước và khoáng của cây từ môi trường ngoài vào miền lông hút, vào rễ, lên thân cây và lá cây; + Dựa vào sơ đồ, hình ảnh, phân biệt được sự vận chuyển các chất trong mạch gỗ từ rễ lên lá cây (dòng đi lên) và từ lá xuống các cơ quan trong mạch rây (dòng đi xuống); + Nêu được vai trò thoát hơi nước ở lá và hoạt động đóng, mở khí khổng trong quá trình thoát hơi nước; + Nêu được một số yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến trao đổi nước và các chất dinh dưỡng ở thực vật; – Vận dụng được những hiểu biết về trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng ở thực vật vào thực tiễn (ví dụ giải thích việc tưới nước và bón phân hợp lí cho cây).
16	31. Trao đổi nước và chất dinh dưỡng ở động vật	4	– Mô tả được quá trình trao đổi nước và các chất dinh dưỡng, lấy được ví dụ ở động vật, cụ thể: + Trình bày được con đường trao đổi nước và nhu cầu sử dụng nước ở động vật (lấy ví dụ ở người); + Dựa vào sơ đồ khái quát (hoặc mô hình, tranh ảnh, học liệu điện tử) mô tả được con đường thu nhận và tiêu hoá thức ăn trong ống tiêu hoá ở động vật (đại diện ở người); + Mô tả được quá trình vận chuyển các chất ở động vật (thông qua quan sát tranh, ảnh, mô hình, học liệu điện tử), lấy ví dụ cụ thể ở hai vòng tuần hoàn ở người. – Vận dụng được những hiểu biết về trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng ở động vật vào thực tiễn (ví dụ về dinh dưỡng và vệ sinh ăn uống, ...).
17	32. Thực hành: Chứng	2	+ Tiến hành được thí nghiệm chứng minh thân vận chuyển nước và lá thoát hơi nước;

	minh thân vận chuyển nước và lá thoát hơi nước		
CHƯƠNG VIII. CẢM ỨNG Ở SINH VẬT (5 TIẾT)			
18	33. Cảm ứng ở sinh vật và tập tính ở động vật	2	– Phát biểu được khái niệm cảm ứng ở sinh vật. Lấy được ví dụ về các hiện tượng cảm ứng ở sinh vật (ở thực vật và động vật). – Nêu được vai trò cảm ứng đối với sinh vật. – Phát biểu được khái niệm tập tính ở động vật; lấy được ví dụ minh họa. – Nêu được vai trò của tập tính đối với động vật.
19	34. Vận dụng hiện tượng cảm ứng ở sinh vật vào thực tiễn.	2	– Vận dụng được các kiến thức cảm ứng vào giải thích một số hiện tượng trong thực tiễn (ví dụ trong học tập, chăn nuôi, trồng trọt). – Hình thành các tập tính tốt cho vật nuôi như ăn đúng giờ, đi vệ sinh đúng chỗ, ...
20	35. Thực hành: Cảm ứng ở sinh vật	1	– Trình bày được cách làm thí nghiệm chứng minh tính cảm ứng ở thực vật (ví dụ hướng sáng, hướng nước, hướng tiếp xúc). – Thực hành: quan sát, ghi chép và trình bày được kết quả quan sát một số tập tính của động vật.
CHƯƠNG IX. SINH TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN Ở SINH VẬT (7 TIẾT)			
21	36. Khái quát về sinh trưởng và phát triển ở sinh vật	2	– Phát biểu được khái niệm sinh trưởng và phát triển ở sinh vật. Nêu được mối quan hệ giữa sinh trưởng và phát triển. – Chỉ ra được mô phân sinh trên sơ đồ cắt ngang thân cây Hai lá mầm và trình bày được chức năng của mô phân sinh làm cây lớn lên. – Dựa vào hình vẽ vòng đời của một sinh vật (một ví dụ về thực vật và một ví dụ về động vật), trình bày được các giai đoạn sinh trưởng và phát triển của sinh vật đó.
22	Ôn tập GKII	1	- Nắm vững nội dung kiến thức đã học từ tuần 19 - 25
23	Kiểm tra GKII	1	- Đảm bảo nội dung kiến thức đã học từ tuần 19 - 25
24	37. Ứng dụng sinh trưởng và phát triển ở sinh vật và thực tiễn	3	– Nêu được các nhân tố chủ yếu ảnh hưởng đến sinh trưởng và phát triển của sinh vật (nhân tố nhiệt độ, ánh sáng, nước, dinh dưỡng). – Trình bày được một số ứng dụng sinh trưởng và phát triển trong thực tiễn (ví dụ điều hoà sinh trưởng và phát triển ở sinh vật bằng sử dụng chất kích thích hoặc điều

			– khiến yếu tố môi trường). – Vận dụng được những hiểu biết về sinh trưởng và phát triển sinh vật giải thích một số hiện tượng thực tiễn (tiêu diệt muỗi ở giai đoạn ấu trùng, phòng trừ sâu bệnh, chăn nuôi).
25	38. Thực hành: Quan sát, mô tả sự sinh trưởng và phát triển ở một số sinh vật	2	– Tiến hành được thí nghiệm chứng minh cây có sự sinh trưởng. – Thực hành quan sát và mô tả được sự sinh trưởng, phát triển ở một số thực vật, động vật
CHƯƠNG X. SINH SẢN Ở SINH VẬT (10 TIẾT)			
26	39. Sinh sản vô tính ở sinh vật	3	– Phát biểu được khái niệm sinh sản ở sinh vật. – Nêu được khái niệm sinh sản vô tính ở sinh vật. – Dựa vào hình ảnh hoặc mẫu vật, phân biệt được các hình thức sinh sản sinh dưỡng ở thực vật. Lấy được ví dụ minh họa. – Dựa vào hình ảnh, phân biệt được các hình thức sinh sản vô tính ở động vật. Lấy được ví dụ minh họa. – Nêu được vai trò của sinh sản vô tính trong thực tiễn. – Trình bày được các ứng dụng của sinh sản vô tính vào thực tiễn (nhân giống vô tính cây, nuôi cấy mô).
27	40. Sinh sản hữu tính ở sinh vật	3	– Nêu được khái niệm sinh sản hữu tính ở sinh vật. Phân biệt được sinh sản vô tính và sinh sản hữu tính. – Dựa vào sơ đồ mô tả được quá trình sinh sản hữu tính ở thực vật: + Mô tả được các bộ phận của hoa lưỡng tính, phân biệt với hoa đơn tính. + Mô tả được thụ phấn; thụ tinh và lớn lên của quả. – Dựa vào sơ đồ (hoặc hình ảnh) mô tả được khái quát quá trình sinh sản hữu tính ở động vật (lấy ví dụ ở động vật đẻ con và đẻ trứng). – Nêu được vai trò của sinh sản hữu tính và một số ứng dụng trong thực tiễn.
28	41. Một số yếu tố ảnh hưởng và điều hòa, điều khiển sinh sản ở	3	– Nêu được một số yếu tố ảnh hưởng đến sinh sản ở sinh vật và điều hòa, điều khiển sinh sản ở sinh vật. – Vận dụng được những hiểu biết về sinh sản hữu tính trong thực tiễn đời sống và

	sinh vật		chăn nuôi (thụ phấn nhân tạo, điều khiển số con, giới tính). - Giải thích được vì sao phải bảo vệ một số loài côn trùng thụ phấn cho cây.
29	42. Cơ thể sinh vật là một thể thống nhất	1	– Dựa vào sơ đồ mối quan hệ giữa tế bào với cơ thể và môi trường (tế bào – cơ thể – môi trường và sơ đồ quan hệ giữa các hoạt động sống: trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng – sinh trưởng, phát triển – cảm ứng – sinh sản) chứng minh cơ thể sinh vật là một thể thống nhất.
30	Ôn tập CKII	1	- Nắm vững nội dung kiến thức đã học từ tuần 19 - 34
31	Kiểm tra CKII	1	- Đảm bảo nội dung kiến thức đã học từ tuần 19 - 34

1.11. Phân phối chương trình môn KHTN 8

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
1. PHÂN MÔN HÓA			
HỌC KÌ I			
1	MỞ ĐẦU Bài 1: Sử dụng một số hoá chất, thiết bị cơ bản trong phòng thí nghiệm.	3	- Nhận biết được một số dụng cụ và hoá chất sử dụng trong môn Khoa học tự nhiên 8. - Nêu được quy tắc sử dụng hoá chất an toàn (chủ yếu những hoá chất trong môn Khoa học tự nhiên 8). - Nhận biết được các thiết bị điện trong môn Khoa học tự nhiên 8 và trình bày được cách sử dụng điện an toàn.
CHƯƠNG I: PHẢN ỨNG HOÁ HỌC (21 TIẾT)			
2	Bài 2: Phản ứng hoá học	3	- Nêu được khái niệm sự biến đổi vật lí, biến đổi hoá học. - Phân biệt được sự biến đổi vật lí, biến đổi hoá học. Đưa ra được ví dụ về sự biến đổi vật lí và sự biến đổi hoá học. - Tiến hành được một số thí nghiệm về sự biến đổi vật lí và biến đổi hoá học. - Nêu được khái niệm phản ứng hoá học, chất đầu và sản phẩm. - Nêu được sự sắp xếp khác nhau của các nguyên tử trong phân tử chất đầu và sản phẩm.

			phẩm - Chỉ ra được một số dấu hiệu chứng tỏ có phản ứng hoá học xảy ra. - Nêu được khái niệm và đưa ra được ví dụ minh hoạ về phản ứng toả nhiệt, thu nhiệt. - Trình bày được các ứng dụng phổ biến của phản ứng toả nhiệt (đốt cháy than, xăng, dầu).
3	Bài 3: Mol và tỉ khối chất khí	3	- Nêu được khái niệm về mol (nguyên tử, phân tử). - Tính được khối lượng mol (M); Chuyển đổi được giữa số mol (n) và khối lượng (m) - Nêu được khái niệm tỉ khối, viết được công thức tính tỉ khối của chất khí. - So sánh được chất khí này nặng hay nhẹ hơn chất khí khác dựa vào công thức tính tỉ khối. - Nêu được khái niệm thể tích mol của chất khí ở áp suất 1 bar và 25 °C. - Sử dụng được công thức $n(mol) = \frac{V(L)}{24,79(L/mol)}$ để chuyển đổi giữa số mol và thể tích chất khí ở điều kiện chuẩn: áp suất 1 bar ở 25 °C.
4	Bài 4: Dung dịch và nồng độ	4	- Nêu được dung dịch là hỗn hợp lỏng đồng nhất của các chất đã tan trong nhau. - Nêu được định nghĩa độ tan của một chất trong nước, nồng độ phần trăm, nồng độ mol. - Tính được độ tan, nồng độ phần trăm; nồng độ mol theo công thức. - Tiến hành được thí nghiệm pha một dung dịch theo một nồng độ cho trước.
5	Kiểm tra GKI	2	- Đảm bảo nội dung kiến thức đã học từ tuần 1 - 8
6	Bài 5: Định luật bảo toàn khối lượng và phương trình hoá học.	4	- Tiến hành được thí nghiệm để chứng minh: Trong phản ứng hoá học, khối lượng được bảo toàn. - Phát biểu được định luật bảo toàn khối lượng.
7	Bài 6: Tính theo	4	- Nêu được khái niệm phương trình hoá học và các bước lập phương trình hoá học.

	phương trình hoá học		- Trình bày được ý nghĩa của phương trình hoá học. - Lập được sơ đồ phản ứng hoá học dạng chữ và phương trình hoá học (dùng công thức hoá học) của một số phản ứng hoá học cụ thể. - Tính được lượng chất trong phương trình hóa học theo số mol, khối lượng hoặc thể tích ở điều kiện 1 bar và 25 °C. - Nêu được khái niệm hiệu suất của phản ứng và tính được hiệu suất của một phản ứng dựa vào lượng sản phẩm thu được theo lí thuyết và lượng sản phẩm thu được theo thực tế.
8	Bài 7: Tốc độ phản ứng và chất xúc tác	3	- Nêu được khái niệm về tốc độ phản ứng (chỉ mức độ nhanh hay chậm của phản ứng hoá học). - Trình bày được một số yếu tố ảnh hưởng đến tốc độ phản ứng và nêu được một số ứng dụng thực tế. - Tiến hành được thí nghiệm và quan sát thực tiễn: + So sánh được tốc độ một số phản ứng hoá học; + Nêu được các yếu tố làm thay đổi tốc độ phản ứng; + Nêu được khái niệm về chất xúc tác.
CHƯƠNG II: MỘT SỐ CHẤT THÔNG DỤNG. (20 TIẾT)			
9	Bài 8: Acid.	3	- Nêu được khái niệm acid (tạo ra ion H^+). - Tiến hành được thí nghiệm của hydrochloric acid (làm đổi màu chất chỉ thị; phản ứng với kim loại), nêu và giải thích được hiện tượng xảy ra trong thí nghiệm (viết phương trình hoá học) và rút ra nhận xét về tính chất của acid. - Trình bày được một số ứng dụng của một số acid thông dụng (HCl, H_2SO_4, CH_3COOH).
10	Bài 9: Base. Thang pH	1	- Nêu được khái niệm base (tạo ra ion OH^-). - Nêu được kiềm là các hydroxide tan tốt trong nước. - Tiến hành được thí nghiệm base là làm đổi màu chất chỉ thị, phản ứng với acid tạo muối, nêu và giải thích được hiện tượng xảy ra trong thí nghiệm (viết phương trình hoá học) và rút ra nhận xét về tính chất của base. - Tra được bảng tính tan để biết một hydroxide cụ thể thuộc loại kiềm hoặc base không

			tan. - Nêu được thang pH, sử dụng pH để đánh giá độ acid - base của dung dịch. - Tiến hành được một số thí nghiệm đo pH (bằng giấy chỉ thị) một số loại thực phẩm (đồ uống, hoa quả,...). - Liên hệ được pH trong dạ dày, trong máu, trong nước mưa, đất.
11	Ôn tập CKI	1	- Nắm vững nội dung kiến thức đã học từ tuần 1 - 17
HỌC KÌ II			
12	Bài 9: Base. Thang pH	3	- Nêu được khái niệm base (tạo ra ion OH^-). - Nêu được kiềm là các hydroxide tan tốt trong nước. - Tiến hành được thí nghiệm base là làm đổi màu chất chỉ thị, phản ứng với acid tạo muối, nêu và giải thích được hiện tượng xảy ra trong thí nghiệm (viết phương trình hoá học) và rút ra nhận xét về tính chất của base. - Tra được bảng tính tan để biết một hydroxide cụ thể thuộc loại kiềm hoặc base không tan. - Nêu được thang pH, sử dụng pH để đánh giá độ acid - base của dung dịch. - Tiến hành được một số thí nghiệm đo pH (bằng giấy chỉ thị) một số loại thực phẩm (đồ uống, hoa quả,...). - Liên hệ được pH trong dạ dày, trong máu, trong nước mưa, đất.
13	Bài 10: Oxide.	4	- Nêu được khái niệm oxide là hợp chất của oxygen với một nguyên tố khác. - Viết được phương trình hoá học tạo oxide từ kim loại/phi kim với oxygen. - Phân loại được các oxide theo khả năng phản ứng với acid/base (oxide acid, oxide base, oxide lưỡng tính, oxide trung tính). - Tiến hành được thí nghiệm oxide kim loại phản ứng với acid; oxide phi kim phản ứng với base; nêu và giải thích được hiện tượng xảy ra trong thí nghiệm (viết phương trình hoá học) và rút ra nhận xét về tính chất hoá học của oxide.
14	Bài 11: Muối.	6	- Nêu được khái niệm về muối (các muối thông thường là hợp chất được hình thành từ sự

			thay thế ion H^+ của acid bởi ion kim loại hoặc ion NH_4^{+}). - Chỉ ra được một số muối tan và muối không tan từ bảng tính tan. - Trình bày được một số phương pháp điều chế muối. - Đọc được tên một số loại muối thông dụng. - Tiến hành được thí nghiệm muối phản ứng với kim loại, với acid, với base, với muối; nêu và giải thích được hiện tượng xảy ra trong thí nghiệm (viết phương trình hoá học) và rút ra kết luận về tính chất hoá học của muối. - Trình bày được mối quan hệ giữa acid, base, oxide và muối; rút ra được kết luận về tính chất hoá học của acid, base, oxide.
15	Bài 12: Phân bón hoá học (Dạy học STEM: Tác dụng của phân bón đối với cây trồng)	3	- Trình bày được vai trò của phân bón (một trong những nguồn bổ sung một số nguyên tố: đa lượng, trung lượng, vi lượng dưới dạng vô cơ và hữu cơ) cho đất, cây trồng. - Nêu được thành phần và tác dụng cơ bản của một số loại phân bón hoá học đối với cây trồng (phân đạm, phân lân, phân kali, phân N–P–K). - Trình bày được ảnh hưởng của việc sử dụng phân bón hoá học (không đúng cách, không đúng liều lượng) đến môi trường của đất, nước và sức khoẻ của con người. - Đề xuất được biện pháp giảm thiểu ô nhiễm của phân bón.
16	Ôn tập CKII	1	- Nắm vững nội dung kiến thức đã học từ tuần 19 - 34

2. PHÂN MÔN LÝ

HỌC KÌ I

CHƯƠNG III: KHỐI LƯỢNG RIÊNG VÀ ÁP SUẤT (11 TIẾT)

1	Bài 13: Khối lượng riêng	2	- Nêu được định nghĩa khối lượng riêng, xác định được khối lượng riêng qua khối lượng và thể tích tương ứng, <i>khối lượng riêng = khối lượng/thể tích</i> . - Liệt kê được một số đơn vị đo khối lượng riêng thường dùng.
2	Bài 14: Thực hành xác định khối lượng riêng.	2	- Thực hiện thí nghiệm để xác định được khối lượng riêng của một khối hộp chữ nhật, của một vật có hình dạng bất kì, của một lượng chất lỏng.
3	Bài 15: Áp suất trên	2	- Dùng dụng cụ thực hành, khẳng định được: áp suất sinh ra khi có áp lực tác dụng lên một diện tích bề mặt, <i>áp suất = áp lực/diện tích bề mặt</i> .

	một bề mặt		- Liệt kê được một số đơn vị đo áp suất thông dụng. - Thảo luận được công dụng của việc tăng, giảm áp suất qua một số hiện tượng thực tế.
4	Bài 16: Áp suất chất lỏng. Áp suất khí quyển.	3	- Thực hiện thí nghiệm khảo sát tác dụng của chất lỏng lên vật đặt trong chất lỏng. - Nêu được: Áp suất tác dụng vào chất lỏng sẽ được chất lỏng truyền đi nguyên vẹn theo mọi hướng; lấy được ví dụ minh họa. - Thực hiện được thí nghiệm để chứng tỏ tồn tại áp suất khí quyển và áp suất này tác dụng theo mọi phương. - Mô tả được sự tạo thành tiếng động trong tai khi tai chịu sự thay đổi áp suất đột ngột. - Giải thích được một số ứng dụng về áp suất không khí trong đời sống (ví dụ như: giác mút, bình xịt, tàu đệm khí).
5	Bài 17: Lực đẩy Archimedes	2	- Thực hiện thí nghiệm khảo sát tác dụng của chất lỏng lên vật đặt trong chất lỏng, rút ra được: Điều kiện định tính về vật nổi, vật chìm; định luật Archimedes (Acsimet).
CHƯƠNG IV: TÁC DỤNG LÀM QUAY CỦA LỰC (8 TIẾT)			
6	Bài 18: Tác dụng làm quay của lực. Moment lực.	4	- Thực hiện thí nghiệm để mô tả được tác dụng làm quay của lực. - Nêu được: tác dụng làm quay của lực lên một vật quanh một điểm hoặc một trục được đặc trưng bằng moment lực.
7	Bài 19: Đòn bẩy và ứng dụng (Dạy học STEM)	2	- Dùng dụng cụ đơn giản, minh họa được đòn bẩy có thể làm thay đổi hướng tác dụng của lực. - Lấy được ví dụ về một số loại đòn bẩy khác nhau trong thực tiễn. - Sử dụng kiến thức, kỹ năng về đòn bẩy để giải quyết được một số vấn đề thực tiễn.
8	Ôn tập CKI	1	- Nắm vững nội dung kiến thức đã học từ tuần 1 - 17
HỌC KÌ II			
9	Bài 19: Đòn bẩy và ứng dụng	2	- Dùng dụng cụ đơn giản, minh họa được đòn bẩy có thể làm thay đổi hướng tác dụng của lực. - Lấy được ví dụ về một số loại đòn bẩy khác nhau trong thực tiễn.

			- Sử dụng kiến thức, kĩ năng về đòn bẩy để giải quyết được một số vấn đề thực tiễn.
CHƯƠNG V: ĐIỆN (11 TIẾT)			
10	Bài 20: Hiện tượng nhiễm điện do cọ xát.	2	- Giải thích được sơ lược nguyên nhân một vật cách điện nhiễm điện do cọ xát. - Giải thích được một vài hiện tượng thực tế liên quan đến sự nhiễm điện do cọ xát.
11	Bài 21: Dòng điện, nguồn điện.	2	- Định nghĩa được dòng điện là dòng chuyển dời có hướng của các hạt mang điện. - Nêu được nguồn điện có khả năng cung cấp năng lượng điện và liệt kê được một số nguồn điện thông dụng trong đời sống. - Phân loại được vật dẫn điện, vật không dẫn điện.
12	Bài 22: Mạch điện đơn giản	2	- Vẽ được sơ đồ mạch điện với kí hiệu mô tả: điện trở, biến trở, chuông, ampe kế (ammeter), vôn kế (voltmeter), đi ốt (diode) và đi ốt phát quang. - Lắp được mạch điện đơn giản với: pin, công tắc, dây nối, bóng đèn. - Mô tả được sơ lược công dụng của cầu chì, rơ le (relay), cầu dao tự động, chuông điện.
13	Bài 23: Tác dụng của dòng điện.	2	- Thực hiện thí nghiệm để minh họa được các tác dụng cơ bản của dòng điện: nhiệt, phát sáng, hoá học, sinh lí.
14	Bài 24: Cường độ dòng điện và hiệu điện thế.	2	- Thực hiện thí nghiệm để nêu được số chỉ của ampe kế là giá trị của cường độ dòng điện. - Thực hiện thí nghiệm để nêu được khả năng sinh ra dòng điện của pin (hay ắc quy) được đo bằng hiệu điện thế (còn gọi là điện áp) giữa hai cực của nó. - Nêu được đơn vị đo cường độ dòng điện và đơn vị đo hiệu điện thế.
15	Bài 25: Thực hành đo cường độ dòng điện và hiệu điện thế	1	- Đo được cường độ dòng điện và hiệu điện thế bằng dụng cụ thực hành. - Vẽ được sơ đồ mạch điện với kí hiệu mô tả: ampe kế (ammeter), vôn kế (voltmeter).
CHƯƠNG VI: NHIỆT (8 TIẾT)			
16	Bài 26: Năng lượng nhiệt và nội năng.	2	- Nêu được khái niệm năng lượng nhiệt, khái niệm nội năng. - Nêu được: Khi một vật được làm nóng, các phân tử của vật chuyển động nhanh hơn và nội năng của vật tăng.

17	Bài 27: Thực hành đo năng lượng nhiệt bằng joulemeter.	2	- Đo được năng lượng nhiệt mà vật nhận được khi bị đun nóng (có thể sử dụng joulemeter hay oát kế (wattmeter).
18	Bài 28: Sự truyền nhiệt.	2	- Lấy được ví dụ về hiện tượng dẫn nhiệt, đối lưu, bức xạ nhiệt và mô tả sơ lược được sự truyền năng lượng trong mỗi hiện tượng đó. - Mô tả được sơ lược sự truyền năng lượng trong hiệu ứng nhà kính. - Phân tích được một số ví dụ về công dụng của vật dẫn nhiệt tốt, công dụng của vật cách nhiệt tốt. - Vận dụng kiến thức về sự truyền nhiệt giải thích được một số hiện tượng đơn giản thường gặp trong thực tế.
19	Bài 29: Sự nổ vì nhiệt.	2	- Thực hiện thí nghiệm để chứng tỏ được các chất khác nhau nổ vì nhiệt khác nhau. - Lấy được một số ví dụ về công dụng và tác hại của sự nổ vì nhiệt. - Vận dụng kiến thức về sự nổ vì nhiệt, giải thích được một số hiện tượng đơn giản thường gặp trong thực tế.
20	Ôn tập CKII	1	- Nắm vững nội dung kiến thức đã học từ tuần 1 - 33
21	Kiểm tra CKII	1	- Đảm bảo nội dung kiến thức đã học từ tuần 1 - 33

3. PHÂN MÔN SINH

HỌC KÌ I

CHƯƠNG VII: SINH HỌC CƠ THỂ NGƯỜI (28 TIẾT)

1	Bài 30: Khái quát về cơ thể người.	1	- Nêu được tên và vai trò chính của các cơ quan và hệ cơ quan trong cơ thể người
2	Bài 31: Hệ vận động ở người.	3	- Nêu được chức năng của hệ vận động ở người. - Dựa vào sơ đồ (hoặc hình vẽ), mô tả được cấu tạo sơ lược các cơ quan của hệ vận động. Phân tích được sự phù hợp giữa cấu tạo với chức năng của hệ vận động. Liên hệ được kiến thức đón bẫy vào hệ vận động. - Trình bày được một số bệnh, tật liên quan đến hệ vận động và một số bệnh về sức

			khỏe học đường liên quan hệ vận động (ví dụ: cong vẹo cột sống). Nêu được một số biện pháp bảo vệ các cơ quan của hệ vận động và cách phòng chống các bệnh, tật. - Nêu được ý nghĩa của tập thể dục, thể thao và chọn phương pháp luyện tập thể thao phù hợp (tự đề xuất được một chế độ luyện tập cho bản thân nhằm nâng cao thể lực và thể hình). - Vận dụng được hiểu biết về hệ vận động và các bệnh học đường để bảo vệ bản thân và tuyên truyền, giúp đỡ cho người khác. - Vận dụng được hiểu biết về lực và thành phần hoá học của xương để giải thích sự co cơ, khả năng chịu tải của xương. - Nêu được tác hại của bệnh loãng xương. - Thực hành: Thực hiện được sơ cứu và băng bó khi người khác bị gãy xương; tìm hiểu được tình hình mắc các bệnh về hệ vận động trong trường học và khu dân cư.
3	Bài 32: Dinh dưỡng và tiêu hoá ở người.	4	- Nêu được khái niệm dinh dưỡng, chất dinh dưỡng. Nêu được mối quan hệ giữa tiêu hoá và dinh dưỡng. - Trình bày được chức năng của hệ tiêu hoá. - Quan sát hình vẽ (hoặc mô hình, sơ đồ khái quát) hệ tiêu hoá ở người, kể tên được các cơ quan của hệ tiêu hoá. Nêu được chức năng của mỗi cơ quan và sự phối hợp các cơ quan thể hiện chức năng của cả hệ tiêu hoá. - Trình bày được chế độ dinh dưỡng của con người ở các độ tuổi. - Nêu được nguyên tắc lập khẩu phần thức ăn cho con người. Thực hành xây dựng chế độ dinh dưỡng cho bản thân và những người trong gia đình. - Nêu được một số bệnh về đường tiêu hoá và cách phòng và chống (bệnh răng, miệng; bệnh dạ dày; bệnh đường ruột, ...). - Vận dụng được hiểu biết về dinh dưỡng và tiêu hoá để phòng và chống các bệnh về tiêu hoá cho bản thân và gia đình. - Trình bày được một số vấn đề về an toàn thực phẩm, cụ thể: + Nêu được khái niệm an toàn thực phẩm. Trình bày được một số điều cần biết về vệ sinh thực phẩm. + Nêu được một số nguyên nhân chủ yếu gây ngộ độc thực phẩm. Lấy được ví dụ

			minh hoạ. Kể được tên một số loại thực phẩm dễ bị mất an toàn vệ sinh thực phẩm do sinh vật, hoá chất, bảo quản, chế biến. + Kể được tên một số hoá chất (độc tố), cách chế biến, cách bảo quản gây mất an toàn vệ sinh thực phẩm. + Trình bày được cách bảo quản, chế biến thực phẩm an toàn. + Trình bày được một số bệnh do mất vệ sinh an toàn thực phẩm và cách phòng và chống các bệnh này. - Vận dụng được hiểu biết về an toàn vệ sinh thực phẩm để đề xuất các biện pháp lựa chọn, bảo quản, chế biến, chế độ ăn uống an toàn cho bản thân và gia đình; đọc và hiểu được ý nghĩa của các thông tin ghi trên nhãn hiệu bao bì thực phẩm và biết cách sử dụng thực phẩm đó một cách phù hợp. - Thực hiện được dự án điều tra về vệ sinh an toàn thực phẩm tại địa phương; dự án điều tra một số bệnh đường tiêu hoá trong trường học hoặc tại địa phương (bệnh sởi, bệnh dạ dày,...).
4	Bài 33: Máu và hệ tuần hoàn của cơ thể người.	3	- Nêu được chức năng của máu và hệ tuần hoàn. - Nêu được các thành phần của máu và chức năng của mỗi thành phần (hồng cầu, bạch cầu, tiểu cầu, huyết tương). - Nêu được khái niệm nhóm máu. Phân tích được vai trò của việc hiểu biết về nhóm máu trong thực tiễn (ví dụ trong cấp cứu phải truyền máu; ý nghĩa của truyền máu, cho máu và tuyên truyền cho người khác). - Quan sát mô hình (hoặc hình vẽ, sơ đồ khái quát) hệ tuần hoàn ở người, kể tên được các cơ quan của hệ tuần hoàn. Nêu được chức năng của mỗi cơ quan và sự phối hợp các cơ quan thể hiện chức năng của cả hệ tuần hoàn. - Nêu được khái niệm miễn dịch, kháng nguyên, kháng thể. - Nêu được vai trò vaccine (vacxin) và vai trò của tiêm vaccine trong việc phòng bệnh. - Dựa vào sơ đồ, trình bày được cơ chế miễn dịch trong cơ thể người. Giải thích được vì sao con người sống trong môi trường có nhiều vi khuẩn có hại nhưng vẫn có

			thể sống khoẻ mạnh. - Nêu được một số bệnh về máu, tim mạch và cách phòng chống các bệnh đó. - Vận dụng được hiểu biết về máu và tuần hoàn để bảo vệ bản thân và gia đình. - Thực hành: + Thực hiện được tình huống giả định cấp cứu người bị chảy máu, tai biến, đột quỵ; băng bó vết thương khi bị chảy nhiều máu; + Thực hiện được các bước đo huyết áp. - Thực hiện được dự án, bài tập: Điều tra bệnh cao huyết áp, tiểu đường tại địa phương. Tìm hiểu được phong trào hiến máu nhân đạo ở địa phương.
5	Bài 34: Hệ hô hấp ở người.	3	- Nêu được chức năng của hệ hô hấp. - Quan sát mô hình (hoặc hình vẽ, sơ đồ khái quát) hệ hô hấp ở người, kể tên được các cơ quan của hệ hô hấp. Nêu được chức năng của mỗi cơ quan và sự phối hợp các cơ quan thể hiện chức năng của cả hệ hô hấp. - Nêu được một số bệnh về phổi, đường hô hấp và cách phòng chống. - Vận dụng được hiểu biết về hô hấp để bảo vệ bản thân và gia đình. - Trình bày được vai trò của việc chống ô nhiễm không khí liên quan đến các bệnh về hô hấp. - Điều tra được một số bệnh về đường hô hấp trong trường học hoặc tại địa phương, nêu được nguyên nhân và cách phòng tránh. - Tranh luận trong nhóm và đưa ra được quan điểm nên hay không nên hút thuốc lá và kinh doanh thuốc lá. - Thực hành: + Thực hiện được tình huống giả định hô hấp nhân tạo, cấp cứu người đuối nước; + Thiết kế được áp phích tuyên truyền không hút thuốc lá.
6	Bài 35: Hệ bài tiết ở người.	3	- Nêu được chức năng của hệ bài tiết. - Dựa vào hình ảnh hay mô hình, kể tên được các cơ quan của hệ bài tiết nước tiểu. - Dựa vào hình ảnh sơ lược, kể tên được các bộ phận chủ yếu của thận. - Trình bày được một số bệnh về hệ bài tiết và cách phòng chống các bệnh đó.

			- Vận dụng được hiểu biết về hệ bài tiết để bảo vệ sức khoẻ. - Thực hiện được dự án, bài tập: Điều tra bệnh về thận như sỏi thận, viêm thận,... trong trường học hoặc tại địa phương. - Tìm hiểu được một số thành tựu ghép thận, chạy thận nhân tạo.
7	Bài 36: Điều hoà môi trường trong của cơ thể người.	1	- Nêu được khái niệm môi trường trong của cơ thể. - Nêu được khái niệm cân bằng môi trường trong và vai trò của sự duy trì ổn định môi trường trong của cơ thể (ví dụ nồng độ glucose, nồng độ muối trong máu, urea, uric acid, pH). - Đọc và hiểu được thông tin một ví dụ cụ thể về kết quả xét nghiệm nồng độ đường và uric acid trong máu.
8	Bài 37: Hệ thần kinh và các giác quan ở người.	2	- Nêu được chức năng của hệ thần kinh và các giác quan. - Dựa vào hình ảnh kể tên được hai bộ phận của hệ thần kinh là bộ phận trung ương (não, tuỷ sống) và bộ phận ngoại biên (các dây thần kinh, hạch thần kinh). - Trình bày được một số bệnh về hệ thần kinh và cách phòng các bệnh đó. - Nêu được tác hại của các chất gây nghiện đối với hệ thần kinh. Không sử dụng các chất gây nghiện và tuyên truyền hiểu biết cho người khác. - Nêu được chức năng của giác quan thị giác. - Dựa vào hình ảnh hay sơ đồ, kể tên được các bộ phận của mắt và sơ đồ đơn giản quá trình thu nhận ánh sáng. Liên hệ được kiến thức truyền ánh sáng trong thu nhận ánh sáng ở mắt. - Trình bày được một số bệnh về thị giác và cách phòng và chống các bệnh đó (ví dụ: bệnh về mắt: bệnh đau mắt đỏ, ...; tật về mắt: cận thị, viễn thị, ...). - Vận dụng được hiểu biết về các giác quan để bảo vệ bản thân và người thân trong gia đình; - Tìm hiểu được các bệnh và tật về mắt trong trường học (cận thị, viễn thị,...), tuyên truyền chăm sóc và bảo vệ đôi mắt.
9	Ôn tập CKI	1	- Nắm vững nội dung kiến thức đã học từ tuần 1 - 17
10	Kiểm tra CKI	2	- Đảm bảo nội dung kiến thức đã học từ tuần 1 - 17

HỌC KÌ II

11	Bài 37: Hệ thần kinh và các giác quan ở người.	1	- Nêu được chức năng của giác quan thính giác. - Dựa vào hình ảnh hay sơ đồ, kể tên được các bộ phận của tai ngoài, tai giữa, tai trong và sơ đồ đơn giản quá trình thu nhận âm thanh. Liên hệ được cơ chế truyền âm thanh trong thu nhận âm thanh ở tai. - Trình bày được một số bệnh về thính giác và cách phòng và chống các bệnh đó. - Vận dụng được hiểu biết về các giác quan để bảo vệ bản thân và người thân trong gia đình;
12	Bài 38: Hệ nội tiết ở người.	2	- Kể được tên và nêu được chức năng của các tuyến nội tiết. - Nêu được một số bệnh liên quan đến hệ nội tiết (tiểu đường, bướu cổ do thiếu iodine, ...) và cách phòng chống các bệnh đó. - Vận dụng được hiểu biết về các tuyến nội tiết để bảo vệ sức khỏe bản thân và người thân trong gia đình. - Tìm hiểu được các bệnh nội tiết ở địa phương (ví dụ bệnh tiểu đường, bướu cổ).
13	Bài 39: Da và điều hoà thân nhiệt ở người.	2	- Nêu được cấu tạo sơ lược và chức năng của da. Trình bày được một số bệnh về da và các biện pháp chăm sóc, bảo vệ và làm đẹp da an toàn. - Nêu được khái niệm thân nhiệt. Thực hành được cách đo thân nhiệt và nêu được ý nghĩa của việc đo thân nhiệt. - Nêu được vai trò và cơ chế duy trì thân nhiệt ổn định ở người. - Nêu được vai trò của da và hệ thần kinh trong điều hoà thân nhiệt. - Trình bày được một số phương pháp chống nóng, lạnh cho cơ thể. Nêu được một số biện pháp chống cảm lạnh, cảm nóng. - Vận dụng được hiểu biết về da để chăm sóc da, trang điểm an toàn cho da. - Thực hiện được tình huống giả định cấp cứu khi cảm nóng hoặc lạnh. - Tìm hiểu được các bệnh về da trong trường học hoặc trong khu dân cư. - Tìm hiểu được một số thành tựu ghép da trong y học.
14	Bài 40: Sinh sản ở người.	3	- Nêu được chức năng của hệ sinh dục. - Kể tên được các cơ quan và trình bày được chức năng của các cơ quan sinh dục nam và nữ.

			- Nêu được khái niệm thụ tinh và thụ thai. - Nêu được hiện tượng kinh nguyệt và cách phòng tránh thai. - Kể tên được một số bệnh lây truyền qua đường sinh dục và trình bày được cách phòng chống các bệnh đó (bệnh HIV/AIDS, giang mai, lậu,...). - Nêu được ý nghĩa và các biện pháp bảo vệ sức khoẻ sinh sản vị thành niên. Vận dụng được hiểu biết về sinh sản để bảo vệ sức khoẻ bản thân. - Điều tra được sự hiểu biết của học sinh trong trường về sức khoẻ sinh sản vị thành niên (an toàn tình dục).
15	Kiểm tra GKII	2	- Đảm bảo nội dung kiến thức đã học từ tuần 19 - 25
CHƯƠNG VIII: SINH VẬT VÀ MÔI TRƯỜNG (16 TIẾT)			
16	Bài 41: Môi trường sống và các nhân tố sinh thái.	2	- Nêu được khái niệm môi trường sống của sinh vật, phân biệt được 4 môi trường sống chủ yếu: môi trường trên cạn, môi trường dưới nước, môi trường trong đất và môi trường sinh vật. Lấy được ví dụ minh họa các môi trường sống của sinh vật. - Nêu được khái niệm nhân tố sinh thái. Phân biệt được nhân tố sinh thái vô sinh và nhân tố hữu sinh (bao gồm cả nhân tố con người). Lấy được ví dụ minh họa các nhân tố sinh thái và ảnh hưởng của nhân tố sinh thái lên đời sống sinh vật. - Trình bày được sơ lược khái niệm về giới hạn sinh thái, lấy được ví dụ minh họa.
17	Bài 42: Quần thể sinh vật.	2	- Phát biểu được khái niệm quần thể sinh vật. Nêu được các đặc trưng cơ bản của quần thể (đặc trưng về số lượng, giới tính, lứa tuổi, phân bố). Lấy được ví dụ minh họa. - Nêu được một số biện pháp bảo vệ quần thể.
18	Bài 43: Quần xã sinh vật.	2	- Phát biểu được khái niệm quần xã sinh vật. Nêu được một số đặc điểm cơ bản của quần xã (Đặc điểm về độ đa dạng: số lượng loài và số cá thể của mỗi loài; đặc điểm về thành phần loài: loài ưu thế, loài đặc trưng). Lấy được ví dụ minh họa. - Nêu được một số biện pháp bảo vệ đa dạng sinh học trong quần xã.
19	Bài 44: Hệ sinh thái	3	- Phát biểu được khái niệm hệ sinh thái. Lấy được ví dụ về các kiểu hệ sinh thái (hệ sinh thái trên cạn, hệ sinh thái nước mặn, hệ sinh thái nước ngọt). - Nêu được khái niệm chuỗi, lưới thức ăn; sinh vật sản xuất, sinh vật tiêu thụ, sinh

			vật phân giải, tháp sinh thái. Lấy được ví dụ chuỗi thức ăn, lưới thức ăn trong quần xã. - Quan sát sơ đồ vòng tuần hoàn của các chất trong hệ sinh thái, trình bày được khái quát quá trình trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng trong hệ sinh thái. - Nêu được tầm quan trọng của bảo vệ một số hệ sinh thái điển hình của Việt Nam: các hệ sinh thái rừng, hệ sinh thái biển và ven biển, các hệ sinh thái nông nghiệp. - Thực hành: điều tra được thành phần quần xã sinh vật trong một hệ sinh thái.
20	Bài 45: Sinh quyển.	3	- Nêu được khái niệm sinh quyển.
21	Bài 46: Cân bằng tự nhiên.	2	- Nêu được khái niệm cân bằng tự nhiên. Trình bày được các nguyên nhân gây mất cân bằng tự nhiên. - Phân tích được một số biện pháp bảo vệ, duy trì cân bằng tự nhiên.
22	Bài 47: Bảo vệ môi trường	2	- Trình bày được tác động của con người đối với môi trường qua các thời kì phát triển xã hội; tác động của con người làm suy thoái môi trường tự nhiên; vai trò của con người trong bảo vệ và cải tạo môi trường tự nhiên. - Nêu được khái niệm ô nhiễm môi trường. Trình bày được sơ lược về một số nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường (ô nhiễm do chất thải sinh hoạt và công nghiệp, ô nhiễm hoá chất bảo vệ thực vật, ô nhiễm phóng xạ, ô nhiễm do sinh vật gây bệnh) và biện pháp hạn chế ô nhiễm môi trường. - Trình bày được sự cần thiết phải bảo vệ động vật hoang dã, nhất là những loài có nguy cơ bị tuyệt chủng cần được bảo vệ theo Công ước quốc tế về buôn bán các loài động, thực vật hoang dã (CITES) (ví dụ như các loài voi, tê giác, hổ, sếu đầu đỏ và các loài linh trưởng,...). - Nêu được khái niệm khái quát về biến đổi khí hậu và một số biện pháp chủ yếu nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu. - Điều tra được hiện trạng ô nhiễm môi trường ở địa phương.
23	Ôn tập CKII	1	- Nắm vững nội dung kiến thức đã học từ tuần 19 - 34
24	Kiểm tra CKII	1	- Đảm bảo nội dung kiến thức đã học từ tuần 1 - 34

1.12. Phân phối chương trình môn KHTN 9

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
1. PHÂN MÔN LÝ			
HỌC KÌ I			
CHƯƠNG I – NĂNG LƯỢNG CƠ HỌC (5 Tiết)			
1	Bài 2. Động năng. Thế năng.	02	- Viết được biểu thức tính động năng của vật. $W_d = \frac{1}{2}mv^2$ - Viết được biểu thức tính thế năng của vật ở gần mặt đất. $W_t = P.h$ - Nêu được đơn vị của thế năng. - Nêu được cơ năng là tổng động năng và thế năng của vật. - Liệt kê được một số đơn vị thường dùng đo công và công suất.
2	Bài 3. Cơ năng.	01	- Cơ năng là tổng động năng và thế năng của vật. - Công thức tính cơ năng: $W_C = W_d + W_t = \frac{1}{2}mv^2 + P.h$ - Đ.năng và T.năng của vật có thể chuyển hoá qua lại lẫn nhau. - Vận dụng k/n cơ năng phân tích được sự chuyển hoá năng lượng trong một số trường hợp đơn giản.
3	Bài 4. Công và công suất	02	- Phân tích rút ra được: + Công có giá trị bằng lực nhân với quãng đường dịch chuyển theo hướng của lực => Công thức tính: $A = F.s$ + Công suất là tốc độ thực hiện công => Ct tính: $P = A/t$ - Liệt kê được 1 số đ.vị thường dùng đo công và công suất. - Tính được công, công suất trong 1 số tr/hợp đơn giản. - Phân tích rút ra được: + Công có giá trị bằng lực nhân với quãng đường dịch chuyển theo hướng của lực => Công thức tính: $A = F.s$ + Công suất là tốc độ thực hiện công => Công thức tính: $P = A/t$

			- Liệt kê được 1 số đ.vị thường dùng đo công và công suất. - Tính được công, công suất trong 1 số tr/hợp đơn giản.
CHƯƠNG II – ÁNH SÁNG (13 Tiết)			
4	Bài 5. Khúc xạ ánh sáng.	02	- Thực hiện thí nghiệm chứng tỏ được khi truyền từ môi trường này sang môi trường khác, tia sáng có thể bị khúc xạ (bị lệch khỏi phương truyền ban đầu). - Nêu được chiết suất có giá trị bằng tỉ số tốc độ ánh sáng trong không khí (hoặc chân không) với tốc độ ánh sáng trong môi trường. - Thực hiện được thí nghiệm để rút ra và phát biểu được định luật khúc xạ ánh sáng. - Vận dụng được biểu thức $n = \sin i / \sin r$ trong một số trường hợp đơn giản. - Vận dụng kiến thức để giải thích được một số hiện tượng đơn giản thường gặp trong thực tế.
5	Bài 6. Phản xạ toàn phần.	02	- Thực hiện thí nghiệm để rút ra được điều kiện xảy ra phản xạ toàn phần và xác định được góc tới hạn. - Vận dụng kiến thức để giải thích được một số hiện tượng đơn giản thường gặp trong thực tế.
6	Kiểm tra, đánh giá giữa học kỳ I	01	- Kiểm tra, đánh giá phân loại trình độ học sinh.
7	Bài 6. Phản xạ toàn phần.	01	- Thực hiện thí nghiệm để rút ra được điều kiện xảy ra phản xạ toàn phần và xác định được góc tới hạn. - Vận dụng kiến thức để giải thích được một số hiện tượng đơn giản thường gặp trong thực tế.
8	Bài 7. Lăng kính	02	- Vẽ được sơ đồ đường truyền của tia sáng qua lăng kính. - Thực hiện thí nghiệm với lăng kính tạo được quang phổ của ánh sáng trắng qua lăng kính. - Giải thích được một cách định tính sự tán sắc ánh sáng Mặt Trời qua lăng kính. - Từ kết quả thí nghiệm truyền ánh sáng qua lăng kính, nêu được khái niệm về ánh sáng màu. - Nêu được màu sắc của một vật được nhìn thấy phụ thuộc vào màu sắc của ánh sáng bị vật đó hấp thụ và phản xạ.

			- Vận dụng kiến thức về sự truyền ánh sáng, màu sắc ánh sáng, giải thích được một số h.tượng đơn giản thường gặp trong thực tế.
9	Bài 8. Thấu kính.	02	- Nêu được các khái niệm: quang tâm, trục chính, tiêu điểm chính và tiêu cự của thấu kính. - Giải thích được nguyên lí hoạt động của thấu kính bằng việc sử dụng sự khúc xạ của một số các lăng kính nhỏ. - Tiến hành TN0 rút ra được đường đi một số tia sáng qua thấu kính (tia qua quang tâm, tia song song quang trục chính). - Vẽ được ảnh qua thấu kính. - Thực hiện thí nghiệm khẳng định được: Ảnh thật là ảnh hứng được trên màn; ảnh ảo là ảnh không hứng được trên màn.
10	Bài 9. Thực hành đo tiêu cự của thấu kính hội tụ.	02	- Đo được tiêu cự của thấu kính hội tụ bằng dụng cụ thực hành.
11	Bài 10. Kính lúp. Bài tập thấu kính.	02	- Mô tả được cấu tạo và sử dụng được kính lúp. - Vẽ được sơ đồ tỉ lệ để giải các b.tập đơn giản về t.kính hội tụ.
CHƯƠNG III – ĐIỆN (10 Tiết)			
12	Bài 11. Điện trở. Định luật Ohm.	04	- Thực hiện thí nghiệm đơn giản để nêu được điện trở có tác dụng cản trở dòng điện trong mạch. - Nêu được (không yêu cầu thành lập): Công thức tính điện trở của 1 đoạn dây dẫn (theo độ dài, tiết diện, điện trở suất); Công thức tính điện trở tương đương của đoạn mạch 1 chiều nối tiếp, song song. - Sử dụng công thức đã cho để tính được điện trở của một đoạn dây dẫn, điện trở tương đương của đoạn mạch một chiều nối tiếp, song song trong một số trường hợp đơn giản. - Thực hiện TN0 để xây dựng được định luật Ohm: cường độ dòng điện đi qua một đoạn dây dẫn tỉ lệ thuận với hiệu điện thế giữa hai đầu đoạn dây và tỉ lệ nghịch với điện trở của nó.
13	Bài 12. Đoạn mạch nối tiếp,	03	- Thực hiện TN0 rút ra được: Trong đoạn mạch điện mắc nối tiếp, cường độ dòng điện là như nhau cho mọi điểm; trong đoạn mạch điện mắc song song, tổng cường độ dòng điện

	song song.		trong các nhánh bằng cường độ dòng điện chạy trong mạch chính. - Tính được cường độ dòng điện trong đoạn mạch 1 chiều mắc nối tiếp, mắc song song, trong một số trường hợp đơn giản. - Lắp được mạch điện và đo được giá trị cường độ dòng điện trong một đoạn mạch điện mắc nối tiếp. - Lắp được mạch điện và đo được giá trị cường độ dòng điện trong một đoạn mạch điện mắc song song.
14	Ôn tập cuối học kỳ I	01	- Củng cố, hệ thống lại toàn bộ k.thức đã học.
15	Kiểm tra, đánh giá cuối học kỳ I	01	- Kiểm tra, đánh giá phân loại trình độ học sinh.
HỌC KÌ II			
16	Bài 13. Năng lượng của dòng điện và công suất điện.	03	- Nêu được công suất điện định mức của dụng cụ điện (công suất mà dụng cụ tiêu thụ khi hoạt động bình thường). - Lấy ví dụ để chứng tỏ được dòng điện có năng lượng. - Tính được năng lượng của dòng điện và công suất điện trong trường hợp đơn giản.
CHƯƠNG IV – ĐIỆN TỪ (7 Tiết)			
17	Bài 14. Cảm ứng điện từ. Nguyên tắc tạo ra dòng điện xoay chiều.	04	- Thực hiện thí nghiệm để rút ra được: Khi số đường sức từ xuyên qua tiết diện của cuộn dây dẫn kín biến thiên thì trong cuộn dây đó xuất hiện dòng điện cảm ứng. - Thực hiện thí nghiệm để nêu được nguyên tắc tạo ra dòng điện xoay chiều (dòng điện luân phiên đổi chiều).
18	Kiểm tra, đánh giá giữa học kỳ II	01	- Kiểm tra, đánh giá phân loại trình độ học sinh.
19	Bài 15. Tác dụng của dòng điện xoay chiều.	03	- Lấy được ví dụ chứng tỏ dòng điện xoay chiều có tác dụng nhiệt, phát sáng, tác dụng từ, tác dụng sinh lí.

CHƯƠNG V – NĂNG LƯỢNG VỚI CUỘC SỐNG (4 Tiết)			
20	Bài 16. Vòng năng lượng trên trái đất. Năng lượng hóa thạch.	02	- Dựa vào ảnh (hoặc hình vẽ) mô tả vòng Năng lượng trên Trái Đất để rút ra được: Năng lượng của Trái Đất đến từ Mặt Trời. - Nêu được sơ lược ưu, nhược điểm của năng lượng hoá thạch. - Lấy được ví dụ chứng tỏ việc đốt cháy các nhiên liệu hoá thạch có thể gây ô nhiễm môi trường. - Thảo luận để chỉ ra được giá nhiên liệu phụ thuộc vào chi phí khai thác nó.
21	Bài 17. Một số dạng năng lượng tái tạo.	02	- Nêu được sơ lược ưu điểm và nhược điểm của một số dạng năng lượng tái tạo (Năng lượng Mặt Trời, năng lượng từ gió, năng lượng từ sóng biển, năng lượng từ dòng sông). - Thảo luận để nêu được một số biện pháp sử dụng hiệu quả năng lượng và bảo vệ môi trường.
22	Ôn tập cuối học kỳ II	01	- Củng cố, hệ thống lại toàn bộ k.thức đã học.
23	Kiểm tra, đánh giá cuối học kỳ II	01	- Kiểm tra, đánh giá phân loại trình độ học sinh.
2. PHÂN MÔN HÓA			
HỌC KÌ I			
1	Bài 1. Nhận biết 1 số dụng cụ, hóa chất. Thuyết trình một vấn đề khoa học.	3	- Nhận biết được một số dụng cụ và hoá chất sử dụng trong dạy học môn Khoa học tự nhiên 9. - Trình bày được các bước viết và trình bày báo cáo; làm được bài thuyết trình một vấn đề khoa học.
CHƯƠNG VII: GIỚI THIỆU VỀ CHẤT HỮU CƠ. HYDROCACBON VÀ NGUỒN NHIÊN LIỆU(10 tiết)			
2	Bài 22. Giới thiệu về hợp chất hữu cơ.	2	– Nêu được khái niệm hợp chất hữu cơ, hoá học hữu cơ. – Nêu được khái niệm công thức phân tử, công thức cấu tạo và ý nghĩa của nó; đặc điểm cấu tạo hợp chất hữu cơ. – Phân biệt được chất vô cơ hay hữu cơ theo công thức phân tử.

			Trình bày được sự phân loại sơ bộ hợp chất hữu cơ gồm hydrocarbon (hidrocacbon) và dẫn xuất của hydrocarbon.
3	Bài 23. Alkane.	3	– Nêu được khái niệm hydrocarbon, alkane. – Viết được công thức cấu tạo và gọi tên được một số alkane (ankan) đơn giản và thông dụng (C1 – C4). – Viết được phương trình hoá học phản ứng đốt cháy của butane. – Tiến hành được (hoặc quan sát qua học liệu điện tử) thí nghiệm đốt cháy butane từ đó rút ra được tính chất hoá học cơ bản của alkane. Trình bày được ứng dụng làm nhiên liệu của alkane trong thực tiễn.
4	Bài 24. Alkene.	3	– Nêu được khái niệm về alkene. – Viết được công thức cấu tạo và nêu được tính chất vật lí của ethylene. Trình bày được tính chất hoá học của ethylene (phản ứng cháy, phản ứng làm mất màu nước bromine (nước brom), phản ứng trùng hợp. Viết được các phương trình hoá học xảy ra. – Tiến hành được thí nghiệm (hoặc quan sát thí nghiệm) của ethylene: phản ứng đốt cháy, phản ứng làm mất màu nước bromine, quan sát và giải thích được tính chất hoá học cơ bản của alkene. – Trình bày được một số ứng dụng của ethylene: tổng hợp ethylic alcohol, tổng hợp nhựa polyethylene (PE).
5	Bài 25. Nguồn nhiên liệu.	2	– Nêu được khái niệm, thành phần, trạng thái tự nhiên của dầu mỏ, khí thiên nhiên và khí mỏ dầu. – Trình bày được phương pháp khai thác dầu mỏ, khí thiên nhiên và khí mỏ dầu; một số sản phẩm chế biến từ dầu mỏ; ứng dụng của dầu mỏ và khí thiên nhiên (là nguồn nhiên liệu và nguyên liệu quý trong công nghiệp).

			– Nêu được khái niệm về nhiên liệu, các dạng nhiên liệu phổ biến (rắn, lỏng, khí). Trình bày được cách sử dụng nhiên liệu (gas, dầu hỏa, than...), từ đó có cách ứng xử thích hợp đối với việc sử dụng nhiên liệu (gas, xăng, dầu hỏa, than...) trong cuộc sống.
CHƯƠNG VIII. ETHYLIC ALCOHOL VÀ ACETIC ACID (6 tiết)			
6	Bài 26. Ethylic Alcohol	3	– Viết được công thức phân tử, công thức cấu tạo và nêu được đặc điểm cấu tạo của ethylic alcohol. – Quan sát mẫu vật hoặc hình ảnh, trình bày được một số tính chất vật lí của ethylic alcohol: trạng thái, màu sắc, mùi vị, tính tan, khối lượng riêng, nhiệt độ sôi. – Nêu được khái niệm và ý nghĩa của độ cồn. Trình bày được tính chất hoá học của ethylic alcohol: phản ứng cháy, phản ứng với natri. Viết được các phương trình hoá học xảy ra. – Tiến hành được (hoặc quan sát qua video) thí nghiệm phản ứng cháy, phản ứng với natri của ethylic alcohol, nêu và giải thích hiện tượng thí nghiệm, nhận xét và rút ra kết luận về tính chất hoá học cơ bản của ethylic alcohol. – Trình bày được phương pháp điều chế ethylic alcohol từ tinh bột và từ ethylene. – Nêu được ứng dụng của ethylic alcohol (dung môi, nhiên liệu,...). Trình bày được tác hại của việc lạm dụng rượu bia.
7	Kiểm tra, đánh giá giữa học kỳ I	01	- Kiểm tra, đánh giá phân loại trình độ học sinh.
8	Bài 27. Acetic acid.	3	– Quan sát mô hình hoặc hình vẽ, viết được công thức phân tử, công thức cấu tạo; nêu được đặc điểm cấu tạo của acid acetic. – Quan sát mẫu vật hoặc hình ảnh, trình bày được một số tính chất vật lí của acetic acid:

			trạng thái, màu sắc, mùi vị, tính tan, khối lượng riêng, nhiệt độ sôi. – Trình bày được phương pháp điều chế acetic acid bằng cách lên men ethylic alcohol. – Trình bày được tính chất hoá học của acetic acid: phản ứng với quỳ tím, đá vôi, kim loại, oxide kim loại, base, phản ứng cháy, phản ứng ester hoá. Viết được các phương trình hoá học xảy ra. – Tiến hành được (hoặc quan sát qua video) thí nghiệm của acid acetic (phản ứng với quỳ tím, đá vôi, kim loại, oxide kim loại, base, phản ứng cháy, phản ứng ester hoá), nhận xét, rút ra được tính chất hoá học cơ bản của acetic acid. – Nêu được khái niệm ester và phản ứng ester hoá. Trình bày được ứng dụng của acetic acid (làm nguyên liệu, làm giấm).
CHƯƠNG IX. LIPID. CARBOHYDRATE. PROTEIN.POLYMER (11 tiết)			
9	Bài 28. Lipid.	2	– Nêu được khái niệm lipid, khái niệm chất béo, trạng thái thiên nhiên, công thức tổng quát của chất béo đơn giản là $(R-COO)_3C_3H_5$, đặc điểm cấu tạo. – Trình bày được tính chất vật lí của chất béo (trạng thái, tính tan) và tính chất hoá học (phản ứng xà phòng hoá). Viết được phương trình hoá học xảy ra. – Nêu được vai trò của lipid tham gia vào cấu tạo tế bào và tích lũy năng lượng trong cơ thể. – Trình bày được ứng dụng của chất béo và đề xuất biện pháp sử dụng chất béo cho phù hợp trong việc ăn uống hàng ngày để có cơ thể khoẻ mạnh, tránh được bệnh béo phì.
10	Bài 29. Carbohydrate. Glucose và saccharose.	2	– Nêu được thành phần nguyên tố, công thức chung của carbohydrate. – Nêu được công thức phân tử, trạng thái tự nhiên, tính chất vật lí (trạng thái, màu sắc, mùi, vị, tính tan, khối lượng riêng) của glucose và saccharose. – Trình bày được tính chất hoá học của glucose (phản ứng tráng bạc, phản ứng lên men rượu), của saccharose (phản ứng thủy phân có xúc tác axit hoặc enzyme). Viết được các

			phương trình hoá học xảy ra dưới dạng công thức phân tử. – Tiến hành được thí nghiệm (hoặc quan sát thí nghiệm) phản ứng tráng bạc của glucose. Trình bày được vai trò và ứng dụng của glucose (chất dinh dưỡng quan trọng của người và động vật) và của saccharose (nguyên liệu quan trọng trong công nghiệp thực phẩm). Ý thức được tầm quan trọng của việc sử dụng hợp lí saccharose. Nhận biết được các loại thực phẩm giàu saccharose và hoa quả giàu glucose.
11	Ôn tập cuối học kỳ I	01	- Củng cố, hệ thống lại toàn bộ k.thức đã học.
12	Kiểm tra, đánh giá cuối học kỳ I	01	- Kiểm tra, đánh giá phân loại trình độ học sinh.
HỌC KÌ II			
13	Bài 30. Tinh bột và cellulose.	2	– Nêu được trạng thái tự nhiên, tính chất vật lí của tinh bột và cellulose. Trình bày được tính chất hoá học của tinh bột và cellulose (xenlulozơ): phản ứng thuỷ phân; hồ tinh bột có phản ứng màu với iodine (iot). Viết được các phương trình hoá học của phản ứng thuỷ phân dưới dạng công thức phân tử. – Tiến hành được (hoặc quan sát qua video) thí nghiệm phản ứng thuỷ phân; phản ứng màu với iodine; nêu được hiện tượng thí nghiệm, nhận xét và rút ra kết luận về tính chất hoá học của tinh bột và cellulose (xenlulozơ). – Trình bày được ứng dụng của tinh bột và cellulose trong đời sống và sản xuất, sự tạo thành tinh bột, cellulose và vai trò của chúng trong cây xanh. – Nêu được tầm quan trọng của sự tạo thành tinh bột, cellulose trong cây xanh. Nhận biết được các loại lương thực, thực phẩm giàu tinh bột và biết cách sử dụng hợp lí tinh

			bột.
14	Bài 31. Protein.	2	– Nêu được khái niệm, đặc điểm cấu tạo phân tử (do nhiều amino acid tạo nên, liên kết peptit) và khối lượng phân tử của protein. – Trình bày được tính chất hoá học của protein: Phản ứng thuỷ phân có xúc tác acid, base hoặc enzyme, bị đông tụ khi có tác dụng của acid, base hoặc nhiệt độ; dễ bị phân huỷ khi đun nóng mạnh. – Tiến hành được (hoặc quan sát qua video) thí nghiệm của protein: bị đông tụ khi có tác dụng của HCl, nhiệt độ, dễ bị phân huỷ khi đun nóng mạnh. – Phân biệt được protein (len lông cừu, tơ tằm) với chất khác (tơ nylon). Trình bày được vai trò của protein đối với cơ thể con người.
15	Bài 32. Polymer.	3	– Nêu được khái niệm polymer, monomer, mắt xích..., cấu tạo, phân loại polymer (polymer thiên nhiên và polymer tổng hợp). – Trình bày được tính chất vật lí chung của polymer (trạng thái, khả năng tan). Viết được các phương trình hoá học của phản ứng điều chế PE, PP từ các monomer. – Nêu được khái niệm chất dẻo, tơ, cao su, vật liệu composite và cách sử dụng, bảo quản một số vật dụng làm bằng chất dẻo, tơ, cao su trong gia đình an toàn, hiệu quả. Trình bày được ứng dụng của polyethylene; vấn đề ô nhiễm môi trường khi sử dụng polymer không phân huỷ sinh học (polyethylene) và các cách hạn chế gây ô nhiễm môi trường khi sử dụng vật liệu polymer trong đời sống.
CHƯƠNG VI: KIM LOẠI. SỰ KHÁC NHAU CƠ BẢN GIỮA KIM LOẠI VÀ PHI KIM (16 tiết)			
16	Bài 18. Tính chất chung của kim loại.	3	– Nêu được tính chất vật lí của kim loại. – Trình bày được tính chất hoá học cơ bản của kim loại: Tác dụng với phi kim (oxygen, lưu huỳnh, chlorine), nước hoặc hơi nước, dung dịch hydrochloric acid (axit clohidric),

			dùng dịch muối. Mô tả được một số khác biệt về tính chất giữa các kim loại thông dụng (nhôm, sắt, vàng...).
17	Bài 19. Dãy hoạt động hóa học.	3	– Tiến hành được một số thí nghiệm hoặc mô tả được thí nghiệm (qua hình vẽ hoặc học liệu điện tử thí nghiệm) khi cho kim loại tiếp xúc với nước, hydrochloric acid... – Nêu được dãy hoạt động hoá học (K, Na, Ca, Mg, Al, Zn, Fe, Pb, H, Cu, Ag, Au). điện tử thí nghiệm) khi cho kim loại tiếp xúc với nước, hydrochloric acid... – Trình bày được ý nghĩa của dãy hoạt động hoá học.
18	Bài 20. Tách kim loại và việc sử dụng hợp kim.	5	– Nêu được phương pháp tách kim loại theo mức độ hoạt động hoá học của chúng. – Trình bày được quá trình tách một số kim loại có nhiều ứng dụng, như: + Tách sắt ra khỏi iron(III) oxide (sắt(III) oxit) bởi carbon oxide (oxit cacbon); + Tách nhôm ra khỏi aluminium oxide (nhôm oxit) bởi phản ứng điện phân; + Tách kẽm khỏi zinc sulfide (kẽm sunfua) bởi oxygen và carbon (than) – Nêu được khái niệm hợp kim. – Giải thích vì sao trong một số trường hợp thực tiễn, kim loại được sử dụng dưới dạng hợp kim; – Nêu được thành phần, tính chất đặc trưng của một số hợp kim phổ biến, quan trọng, hiện đại. – Trình bày được các giai đoạn cơ bản sản xuất gang và thép trong lò cao từ nguồn quặng chứa iron (III) oxide.
19	Kiểm tra, đánh giá giữa học kỳ II	01	- Kiểm tra, đánh giá phân loại trình độ học sinh.
20	Bài 21. Sự khác nhau cơ bản	5	– Nêu được ứng dụng của một số đơn chất phi kim thiết thực trong cuộc sống (than, lưu huỳnh, khí chlorine...).

	giữa phi kim và kim loại.		– Chỉ ra được sự khác nhau cơ bản về một số tính chất giữa phi kim và kim loại: Khả năng dẫn điện, nhiệt độ nóng chảy, nhiệt độ sôi, khối lượng riêng; khả năng tạo ion dương, ion âm; phản ứng với oxygen tạo oxide acid, oxide base.
CHƯƠNG X. KHAI THÁC TÀI NGUYÊN TỪ VỎ TRÁI ĐẤT (6 tiết)			
21	Bài 33. Sơ lược về hóa học vỏ trái đất và khai thác tài nguyên từ vỏ trái đất.	2	- Nêu được hàm lượng các nguyên tố hoá học chủ yếu trong vỏ Trái Đất. - Phân loại được các dạng chất chủ yếu trong vỏ Trái Đất (oxide, muối, ...). - Trình bày được những lợi ích cơ bản về kinh tế, xã hội từ việc khai thác vỏ Trái Đất (nhiên liệu, vật liệu, nguyên liệu); lợi ích của sự tiết kiệm và bảo vệ nguồn tài nguyên, sử dụng vật liệu tái chế, ... phục vụ cho sự phát triển bền vững.
22	Bài 34. Khai thác đá vôi. Công nghiệp Silicate.	2	- Trình bày được nguồn đá vôi, thành phần chính của đá vôi trong tự nhiên; các ứng dụng từ đá vôi: sản phẩm đá vôi nghiền, calcium oxide, calcium hydroxide, nguyên liệu sản xuất xi măng. - Nêu được một số ứng dụng quan trọng của silicon (silic) và hợp chất của silicon. - Trình bày được sơ lược ngành công nghiệp silicate. Mô tả được các công đoạn chính sản xuất đồ gốm, thủy tinh, xi măng.
23	Bài 35. Khai thác nhiên liệu hóa thạch. Nguồn carbon. Chu trình carbon và sự ấm lên toàn cầu.	2	- Nêu được khái niệm nhiên liệu hoá thạch. - Trình bày được lợi ích của việc sử dụng nhiên liệu hoá thạch và thực trạng của việc khai thác nhiên liệu hoá thạch hiện nay. - Nêu được một số giải pháp hạn chế việc sử dụng nhiên liệu hoá thạch - Nêu được một số dạng tồn tại phổ biến của nguyên tố carbon trong tự nhiên (than, kim cương, carbon dioxide, các muối carbonate, các hợp chất hữu cơ). - Trình bày được sản phẩm và sự phát năng lượng từ quá trình đốt cháy than, các hợp chất hữu cơ; chu trình carbon trong tự nhiên và vai trò của carbon dioxide trong chu trình đó.

			– Trình bày được nguồn gốc tự nhiên và nguồn gốc nhân tạo của methane (metan). – Nêu được khí carbon dioxide và methane là nguyên nhân chính gây hiệu ứng nhà kính, sự ấm lên toàn cầu – Trình bày được những bằng chứng của biến đổi khí hậu, thời tiết do tác động của sự ấm lên toàn cầu trong thời gian gần đây; những dự đoán về các tác động tiêu cực trước mắt và lâu dài. – Nêu được được một số biện pháp giảm lượng khí thải carbon dioxide ở trong nước và ở phạm vi toàn cầu.
24	Ôn tập cuối học kỳ II	01	- củng cố, hệ thống lại toàn bộ k.thức đã học.
25	Kiểm tra, đánh giá cuối học kỳ II	01	- Kiểm tra, đánh giá phân loại trình độ học sinh.

3. PHÂN MÔN SINH

HỌC KÌ I

CHƯƠNG XI: DI TRUYỀN HỌC MENDEL. CƠ SỞ PHÂN TỬ CỦA HIỆN TƯỢNG DI TRUYỀN (13 tiết)

1	Bài 36. Khái quát về di truyền học	2	- Nêu được khái niệm di truyền, khái niệm biến dị. - Nêu được gene quy định di truyền và biến dị ở sinh vật, qua đó gene được xem là trung tâm của di truyền học. - Nêu được ý tưởng của Mendel là cơ sở cho những nghiên cứu về nhân tố di truyền (gene). - Dựa vào thí nghiệm lai một cặp tính trạng, nêu được các thuật ngữ trong nghiên cứu các quy luật di truyền: tính trạng, nhân tố di truyền, cơ thể thuần chủng, cặp tính trạng tương phản, tính trạng trội, tính trạng lặn, kiểu hình, kiểu gene, allele (alen), dòng thuần. - Phân biệt, sử dụng được một số kí hiệu trong nghiên cứu di truyền học (P, F1, F2, ...)
---	------------------------------------	---	--

2	Bài 37. Các quy luật di truyền của Mendel	2	- Dựa vào công thức lai 1 cặp tính trạng và kết quả lai trong thí nghiệm của Mendel, phát biểu được quy luật phân li; giải thích được kết quả thí nghiệm theo Mendel. - Trình bày được thí nghiệm lai phân tích. Nêu được vai trò của phép lai phân tích. - Dựa vào công thức lai 2 cặp tính trạng và kết quả lai trong thí nghiệm của Mendel, phát biểu được quy luật phân li độc lập và tổ hợp tự do. Giải thích được kết quả thí nghiệm theo Mendel - Giải được 1 số bài tập cơ bản về quy luật phân li, quy luật phân li độc lập
3	Bài 38. Nucleic acid và gene	2	- Nêu được khái niệm nucleic acid. Kể tên được các loại nucleic acid: DNA (Deoxyribonucleic acid) và RNA (Ribonucleic acid). - Thông qua hình ảnh, mô tả được DNA có cấu trúc xoắn kép, gồm các đơn phân là 4 loại nucleotide, các nucleotide liên kết giữa 2 mạch theo nguyên tắc bổ sung. - Nêu được chức năng của DNA trong việc lưu giữ, bảo quản, truyền đạt thông tin di truyền. - Giải thích được vì sao chỉ từ 4 loại nucleotide nhưng tạo ra được sự đa dạng của phân tử DNA. - Trình bày được RNA có cấu trúc 1 mạch, chứa 4 loại ribonucleotide. - Phân biệt được các loại RNA dựa vào chức năng. - Nêu được khái niệm gene. - Nêu được sơ lược về tính đặc trưng cá thể của hệ gene và một số ứng dụng của phân tích DNA trong xác định huyết thống, truy tìm tội phạm,... - Giải được 1 số bài tập cơ bản về DNA, RNA.
4	Bài 39. Tái bản DNA và phiên mã RNA	2	- Quan sát hình ảnh (hoặc sơ đồ), mô tả sơ lược quá trình tái bản của DNA gồm các giai đoạn: tháo xoắn tách hai mạch đơn, các nucleotide tự do trong môi trường tế bào kết hợp 2 mạch đơn theo nguyên tắc bổ sung. Kết quả tạo 2 DNA con giống DNA mẹ, từ đó nêu được ý nghĩa di truyền của tái bản DNA. - Dựa vào sơ đồ, hình ảnh quá trình phiên mã, nêu được khái niệm phiên mã. - Giải được 1 số bài tập cơ bản về DNA, RNA.
5	Bài 40. Dịch mã và mối quan hệ từ gene đến tính	3	- Nêu được khái niệm mã di truyền, giải thích được từ 4 loại nucleotide tạo ra được sự đa dạng của mã di truyền; nêu được ý nghĩa của đa dạng mã di truyền, mã di truyền quy định thành phần hoá học và cấu trúc của protein.

	trạng		- Dựa vào sơ đồ hoặc hình ảnh quá trình dịch mã, nêu được khái niệm dịch mã. - Dựa vào sơ đồ, nêu được mối quan hệ giữa DNA – RNA – protein – tính trạng thông qua phiên mã, dịch mã và ý nghĩa di truyền của mối quan hệ này. - Vận dụng kiến thức “từ gene đến tính trạng”, nêu được cơ sở của sự đa dạng về tính trạng của các loài.
6	Bài 41. Đột biến gene	2	- Phát biểu được khái niệm đột biến gene. Lấy được ví dụ minh họa. Trình bày được ý nghĩa và tác hại của đột biến gene.
CHƯƠNG XII: DI TRUYỀN NHIỄM SẮC THỂ (10 tiết)			
7	Bài 42. Nhiễm sắc thể và bộ nhiễm sắc thể	2	- Nêu được khái niệm nhiễm sắc thể. Lấy được ví dụ chứng minh mỗi loài có bộ nhiễm sắc thể đặc trưng. - Mô tả được hình dạng nhiễm sắc thể thông qua hình vẽ nhiễm sắc thể ở kì giữa với tâm động, các cánh. - Dựa vào hình ảnh (hoặc mô hình, học liệu điện tử) mô tả được cấu trúc nhiễm sắc thể có lõi là DNA và cách sắp xếp của gene trên nhiễm sắc thể. - Phân biệt được bộ nhiễm sắc thể lưỡng bội, đơn bội. Lấy được ví dụ minh họa. - Quan sát được tiêu bản nhiễm sắc thể dưới kính hiển vi. - Giải được 1 số bài tập cơ bản về NST
8	Bài 43. Nguyên phân và giảm phân	2	- Dựa vào hình vẽ (hoặc sơ đồ, học liệu điện tử) về quá trình nguyên phân nêu được khái niệm nguyên phân. - Dựa vào hình vẽ (hoặc sơ đồ, học liệu điện tử) về quá trình giảm phân nêu được khái niệm giảm phân. - Phân biệt được nguyên phân và giảm phân; nêu được ý nghĩa của nguyên phân, giảm phân trong di truyền và mối quan hệ giữa hai quá trình này trong sinh sản hữu tính. - Nêu được nhiễm sắc thể vừa là vật chất mang thông tin di truyền vừa là đơn vị truyền đạt vật chất di truyền qua các thế hệ tế bào và cơ thể. - Trình bày được cơ chế biến dị tổ hợp thông qua sơ đồ đơn giản về quá trình giảm phân và thụ tinh (minh họa bằng sơ đồ lai 2 cặp gene). - Trình bày được các ứng dụng và lấy được ví dụ của nguyên phân và giảm phân trong thực tiễn.

			- Giải được 1 số bài tập cơ bản về nguyên phân, giảm phân
9	Ôn tập cuối HK I	1	- Nắm vững nội dung kiến thức đã học từ tuần 1 - 17
HỌC KÌ II			
10	Bài 44. Nhiễm sắc thể giới tính và cơ chế xác định giới tính	2	- Nêu khái niệm nhiễm sắc thể giới tính và nhiễm sắc thể thường. - Trình bày được cơ chế xác định giới tính. Nêu được một số yếu tố ảnh hưởng đến sự phân hoá giới tính.
11	Bài 45. Di truyền liên kết	2	- Dựa vào sơ đồ phép lai trình bày được khái niệm di truyền liên kết và phân biệt với quy luật phân li độc lập. - Nêu được một số ứng dụng về di truyền liên kết trong thực tiễn.
12	Bài 46. Đột biến nhiễm sắc thể	2	- Nêu được khái niệm đột biến nhiễm sắc thể. Lấy được ví dụ minh họa. - Trình bày được ý nghĩa và tác hại của đột biến nhiễm sắc thể.
CHƯƠNG XIII: DI TRUYỀN HỌC VỚI CON NGƯỜI VÀ ĐỜI SỐNG (4 tiết)			
13	Bài 47. Di truyền học với con người	2	- Nêu được một số ví dụ về tính trạng ở người. - Nêu được khái niệm về bệnh và tật di truyền ở người. - Trình bày được một số tác nhân gây bệnh di truyền như: các chất phóng xạ từ các vụ nổ, thử vũ khí hạt nhân, hoá chất do công nghiệp, thuốc trừ sâu, diệt cỏ. - Kể tên được một số hội chứng và bệnh di truyền ở người (Down (Đao), Turner (Tóc nơ), bệnh câm điếc bẩm sinh, bạch tạng). - Dựa vào ảnh (hoặc học liệu điện tử) kể tên được một số tật di truyền ở người (hở khe môi, hàm; dính ngón tay). - Tìm hiểu được một số bệnh di truyền ở địa phương. - Nêu được vai trò của di truyền học với hôn nhân và trình bày được quan điểm về lựa chọn giới tính trong sinh sản ở người. Nêu được ý nghĩa của việc cấm kết hôn gần huyết thống. - Tìm hiểu được tuổi kết hôn ở địa phương.
14	Bài 48. Ứng dụng công nghệ di truyền vào	2	- Nêu được một số ứng dụng công nghệ di truyền trong y học, pháp y, làm sạch môi trường, nông nghiệp, an toàn sinh học. - Nêu được một số vấn đề về đạo đức sinh học trong nghiên cứu và ứng dụng công nghệ di

	đời sống		truyền. - Tìm hiểu được một số sản phẩm ứng dụng công nghệ di truyền tại địa phương.
CHƯƠNG XIV: TIẾN HÓA (8 tiết)			
15	Bài 49. Khái niệm tiến hóa và các hình thức chọn lọc	2	- Phát biểu được khái niệm tiến hoá. - Phát biểu được khái niệm chọn lọc nhân tạo. - Trình bày được một số bằng chứng của quá trình chọn lọc do con người tiến hành đưa đến sự đa dạng và thích nghi của các loài vật nuôi và cây trồng từ vài dạng hoang dại ban đầu. - Phát biểu được khái niệm chọn lọc tự nhiên. Dựa vào các hình ảnh hoặc sơ đồ, mô tả được quá trình chọn lọc tự nhiên. - Thông qua phân tích các ví dụ về tiến hoá thích nghi, chứng minh được vai trò của chọn lọc tự nhiên đối với sự hình thành đặc điểm thích nghi và đa dạng của sinh vật.
16	Bài 50. Cơ chế tiến hóa	3	- Nêu được quan điểm của Lamarck về cơ chế tiến hoá. - Trình bày được quan điểm của Darwin về cơ chế tiến hoá. - Trình bày được một số luận điểm về tiến hoá theo quan niệm của thuyết tiến hoá tổng hợp hiện đại (cụ thể: nguồn biến dị di truyền của quần thể, các nhân tố tiến hoá, cơ chế tiến hoá lớn)
17	Bài 51. Sự phát sinh và phát triển sự sống trên Trái Đất	3	- Dựa vào sơ đồ, trình bày được khái quát sự phát triển của thế giới sinh vật trên Trái Đất; nguồn gốc xuất hiện của sinh vật nhân thực từ sinh vật nhân sơ; sự xuất hiện và sự đa dạng hoá của sinh vật đa bào. - Dựa vào sơ đồ, trình bày được khái quát sự hình thành loài người.
18	Ôn tập cuối kì 2	1	Ôn tập, hệ thống hóa kiến thức đã học của học kỳ 2 (từ tuần 19- 34)

1.13. Phân phối chương trình môn Công nghệ 6

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
HỌC KỲ I			

Từ tuần 1 đến tuần 18 (thực học): 18 tuần x 1 tiết = 18 tiết

9 tuần đầu: 1 tiết/tuần = 9 tiết

9 tuần sau: 1 tiết/tuần = 9 tiết

Chương I. Nhà ở

1	Bài 1: Khái quát về nhà ở	1 (Tiết 1)	1. Kiến thức - Nêu được vai trò của nhà ở. - Nêu đặc điểm chung của nhà ở. - Nhận biết một số kiến trúc nhà ở đặc trưng ở Việt Nam. 2. Năng lực 2.1 Năng lực công nghệ Nhận thức công nghệ: Nhận biết được vai trò của nhà ở. Nhận biết được đặc điểm chung của nhà ở. 2.2 Năng lực chung - Năng lực tự chủ, tự học: HS tự sưu tầm, tìm kiếm thông tin trên Internet kết hợp kiến thức thực tế về nhà ở. - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết sử dụng thông tin để trình bày, thảo luận các vấn đề liên quan đến khái quát về nhà ở, lắng nghe và phản hồi tích cực trong quá trình hoạt động nhóm - Năng lực giải quyết vấn đề: Giải quyết được các tình huống đặt ra. 3. Phẩm chất - Có ý thức tìm hiểu về lịch sử nhà ở của gia đình. - Có ý thức bảo vệ nhà cổ, nhà di sản - Tích cực trong các hoạt động.
2	Bài 2: Xây dựng nhà ở	1 (Tiết 2)	1. Kiến thức - Kể được tên một số vật liệu phổ biến được sử dụng trong xây dựng nhà ở. - Mô tả một số bước chính trong xây dựng nhà ở. 2. Năng lực 2.1. Năng lực công nghệ - Nhận thức công nghệ: Nhận biết được tên một số vật liệu phổ biến được sử dụng

			trong xây dựng nhà ở. Nhận biết được một số bước chính trong xây dựng nhà ở. - Sử dụng công nghệ: Lựa chọn được vật liệu trong xây dựng nhà ở. Thiết kế được ngôi nhà với các phòng chức năng phù hợp với các thành viên trong gia đình. 2.2. Năng lực chung - Năng lực tự chủ, tự học: HS tự sưu tầm, tìm kiếm thông tin trên Internet kết hợp kiến thức thực tế về xây dựng nhà ở. - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết sử dụng thông tin để trình bày, thảo luận các vấn đề liên quan đến đèn điện, lắng nghe và phản hồi tích cực trong quá trình hoạt động nhóm - Năng lực giải quyết vấn đề: Giải quyết được các tình huống đặt ra. 3. Phẩm chất - Có ý thức tìm hiểu và sẵn sàng tham gia các hoạt động tuyên truyền và bảo vệ môi trường. - Tích cực trong các hoạt động.
3	Bài 3: Ngôi nhà thông minh	2 (Tiết 3,4)	1. Về kiến thức - Mô tả, nhận diện được những đặc điểm của ngôi nhà thông minh, các hệ thống trong ngôi nhà thông minh. - Thực hiện được một số biện pháp dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong gia đình. 2. Về Năng lực 2.1 Năng lực công nghệ - Nhận biết được những đặc điểm cơ bản của ngôi nhà thông minh. - Đề xuất những ý tưởng để cải tạo để ngôi nhà của mình trở thành ngôi nhà thông minh. 2.2 Năng lực chung - <i>Nhận thức:</i> Mô tả được những đặc điểm cơ bản của ngôi nhà thông minh và ảnh hưởng của nó đến đời sống sinh hoạt của con người trong gia đình. - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác:</i> Biết sử dụng thông tin để trình bày, thảo luận các vấn đề liên quan đến ngôi nhà, lắng nghe và phản hồi tích cực trong quá trình hoạt

			động nhóm. - <i>Sử dụng</i>: có biện pháp sử dụng năng lượng trong gia đình tiết kiệm, hiệu quả - <i>Đánh giá</i>: Biết lựa chọn các nguồn tài liệu học tập để thiết kế ngôi nhà thông minh. 3. Phẩm chất - Có ý thức tiết kiệm năng lực, thích tìm hiểu thông tin để mở rộng hiểu biết về nhà thông minh. - Tích cực trong các hoạt động.
Chương IV. Đồ dùng điện trong gia đình			
4	Bài 10: Khái quát về đồ dùng điện trong gia đình	2 (Tiết 5,6)	1. Kiến thức - Kể được tên một số đồ dùng điện trong gia đình. - Đọc và hiểu được ý nghĩa của thông số kỹ thuật của đồ dùng điện trong gia đình. - Nêu được cách lựa chọn và một số lưu ý khi sử dụng đồ dùng điện trong gia đình an toàn và hiệu quả. - Trình bày được cách đọc đại lượng điện và thông số kỹ thuật của một số đồ dùng điện 2. Năng lực 2.1. Năng lực công nghệ - <i>Nhận thức công nghệ</i>: Nhận biết và nêu được chức năng của bộ phận chính của một số đồ dùng điện trong gia đình. Nhận biết được nguyên lý làm việc và công dụng của một số đồ dùng điện gia đình. Nhận biết được cách lựa chọn một số đồ dùng điện trong gia đình. - <i>Giao tiếp công nghệ</i>: Đọc và hiểu được ý nghĩa của thông số kỹ thuật của đồ dùng điện trong gia đình. - <i>Sử dụng công nghệ</i>: Lựa chọn được đồ dùng điện tiết kiệm năng lượng, phù hợp với điều kiện gia đình. 2.2. Năng lực chung - Năng lực tự chủ, tự học: HS tự sưu tầm, tìm kiếm thông tin trên Internet kết hợp kiến thức thực tế về đồ dùng điện trong gia đình. - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết sử dụng thông tin để trình bày, thảo luận các

			vấn đề liên quan đến khái quát về đồ dùng điện trong gia đình, lắng nghe và phản hồi tích cực trong quá trình hoạt động nhóm - Năng lực giải quyết vấn đề: Giải quyết được các tình huống đặt ra. 3. Phẩm chất - Chăm chỉ trong học tập, tham gia các công việc gia đình, có trách nhiệm trong việc đảm bảo an toàn và tiết kiệm đối với đồ dùng điện trong gia đình. - Trách nhiệm: Tích cực trong các hoạt động.
5	Bài 11: Đèn điện	1 (Tiết 7)	1. Kiến thức - Nhận biết được các bộ phận chính của một số loại đèn điện. - Mô tả được nguyên lý làm việc của một số loại đèn điện. - Lựa chọn và sử dụng được các loại đèn điện đúng cách, tiết kiệm và an toàn. 2. Năng lực 2.1. Năng lực công nghệ - Nhận thức công nghệ: Nhận biết được các bộ phận chính của đèn điện. Nhận biết được nguyên lý làm việc của một số đèn điện. - Sử dụng công nghệ: Lựa chọn và sử dụng được các loại bóng đèn đúng cách, tiết kiệm và an toàn. 2.2. Năng lực chung - Năng lực tự chủ, tự học: HS tự sưu tầm, tìm kiếm thông tin trên Internet kết hợp kiến thức thực tế về Đèn điện. - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết sử dụng thông tin để trình bày, thảo luận các vấn đề liên quan đến đèn điện, lắng nghe và phản hồi tích cực trong quá trình hoạt động nhóm - Năng lực giải quyết vấn đề: Giải quyết được các tình huống đặt ra. 3. Phẩm chất - Chăm chỉ trong học tập, tham gia các công việc gia đình, có trách nhiệm trong việc đảm bảo an toàn và tiết kiệm đối với đèn điện trong gia đình. - Trách nhiệm: Tích cực trong các hoạt động.
6	Ôn Tập	1	1. Kiến thức

		(Tiết 8) – Nêu được vai trò và đặc điểm chung của nhà ở; một số kiến trúc nhà ở đặc trưng ở Việt Nam. – Kể được tên một số vật liệu, mô tả các bước chính để xây dựng một ngôi nhà. – Mô tả, nhận diện được những đặc điểm của ngôi nhà thông minh. – Thực hiện được một số biện pháp sử dụng năng lượng trong gia đình tiết kiệm, hiệu quả. - Hệ thống lại kiến thức đèn điện và cách sử dụng an toàn và tiết kiệm điện. 2. Năng lực 2.1. Năng lực công nghệ - <i>Nhận thức công nghệ:</i> + Mô tả được một số sản phẩm công nghệ và tác động của nó trong đời sống gia đình (nhà ở) + Tóm tắt được các tri thức, kỹ năng cơ bản của một số quá trình kỹ thuật, công nghệ có tính nghề phù hợp với sở thích, năng lực của bản thân - <i>Sử dụng công nghệ</i> + Lựa chọn được vật liệu trong xây dựng nhà ở. Thiết kế được ngôi nhà với các phòng chức năng phù hợp với các thành viên trong gia đình. + Có biện pháp sử dụng năng lượng trong gia đình tiết kiệm, hiệu quả + Lựa chọn được đồ dùng điện tiết kiệm năng lượng, phù hợp với điều kiện gia đình. - Biết lựa chọn các nguồn tài liệu học tập phù hợp để tìm hiểu thêm về đồ dùng điện. - Xác định được và biết tìm hiểu các thông tin liên quan đến vấn đề, đề xuất giải pháp giải quyết vấn đề. 2.2. Năng lực chung - <i>Năng lực tự chủ, tự học:</i> HS tự sưu tầm, tìm kiếm thông tin trên Internet kết hợp kiến thức thực tế về nhà ở - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác:</i> Biết sử dụng thông tin để trình bày, thảo luận các vấn đề liên quan đến khái quát về nhà ở lắng nghe và phản hồi tích cực trong quá trình hoạt động nhóm 3. Phẩm chất
--	--	--

			- Chăm chỉ trong học tập, tham gia các công việc gia đình, có trách nhiệm trong việc đảm bảo an toàn và tiết kiệm đối với đồ dùng điện trong gia đình, nhà ở. - Trách nhiệm: Tích cực trong các hoạt động.
7	Kiểm tra giữa kỳ	1 (Tiết 9)	1. Kiến thức – Nêu được vai trò và đặc điểm chung của nhà ở; một số kiến trúc nhà ở đặc trưng ở Việt Nam. – Kể được tên một số vật liệu, mô tả các bước chính để xây dựng một ngôi nhà. – Mô tả, nhận diện được những đặc điểm của ngôi nhà thông minh. – Thực hiện được một số biện pháp sử dụng năng lượng trong gia đình tiết kiệm, hiệu quả. - Kể được tên một số đồ dùng điện trong gia đình. - Đọc và hiểu được ý nghĩa của thông số kỹ thuật của đồ dùng điện trong gia đình. - Nêu được cách lựa chọn và một số lưu ý khi sử dụng đồ dùng điện trong gia đình an toàn và hiệu quả. - Nhận biết được các bộ phận chính của một số loại đèn điện. - Mô tả được nguyên lý làm việc của một số loại đèn điện. - Lựa chọn và sử dụng được các loại đèn điện đúng cách, tiết kiệm và an toàn. 2. Năng lực 2.1. Năng lực công nghệ - <i>Nhận thức công nghệ:</i> + Mô tả được một số sản phẩm công nghệ và tác động của nó trong đời sống gia đình (nhà ở, đèn điện). + Tóm tắt được các tri thức, kỹ năng cơ bản của một số quá trình kỹ thuật, công nghệ có tính nghề phù hợp với sở thích, năng lực của bản thân - <i>Sử dụng công nghệ</i> + Lựa chọn được vật liệu trong xây dựng nhà ở. Thiết kế được ngôi nhà với các phòng chức năng phù hợp với các thành viên trong gia đình. + Có biện pháp sử dụng năng lượng trong gia đình tiết kiệm, hiệu quả + Lựa chọn được đồ dùng điện tiết kiệm năng lượng, phù hợp với điều kiện gia đình.

			2.2. Năng lực chung - <i>Năng lực tự chủ, tự học:</i> HS tự sưu tầm, tìm kiếm thông tin trên Internet kết hợp kiến thức thực tế về nhà ở, đèn điện. - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác:</i> Biết sử dụng thông tin để trình bày, thảo luận các vấn đề liên quan đến khái quát về nhà ở, đèn điện lắng nghe và phản hồi tích cực trong quá trình hoạt động nhóm 3. Phẩm chất - Chăm chỉ trong học tập, tham gia các công việc gia đình, có trách nhiệm trong việc đảm bảo an toàn và tiết kiệm đối với đồ dùng điện trong gia đình, nhà ở. - Trung thực trong kiểm tra. - Trách nhiệm: Tích cực học tập và tham gia làm bài kiểm tra
8	Bài 11: Đèn điện (tiếp theo)	1 (Tiết 10)	1. Kiến thức - Nhận biết được các bộ phận chính của một số loại đèn điện. - Mô tả được nguyên lí làm việc của một số loại đèn điện. - Lựa chọn và sử dụng được các loại đèn điện đúng cách, tiết kiệm và an toàn. 2. Năng lực 2.1. Năng lực công nghệ - Nhận thức công nghệ: Nhận biết được các bộ phận chính của đèn điện. Nhận biết được nguyên lí làm việc của một số đèn điện. - Sử dụng công nghệ: Lựa chọn và sử dụng được các loại bóng đèn đúng cách, tiết kiệm và an toàn. 2.2. Năng lực chung - <i>Năng lực tự chủ, tự học:</i> HS tự sưu tầm, tìm kiếm thông tin trên Internet kết hợp kiến thức thực tế về Đèn điện. - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác:</i> Biết sử dụng thông tin để trình bày, thảo luận các vấn đề liên quan đến đèn điện, lắng nghe và phản hồi tích cực trong quá trình hoạt động nhóm - <i>Năng lực giải quyết vấn đề:</i> Giải quyết được các tình huống đặt ra. 3. Phẩm chất

			- Chăm chỉ trong học tập, tham gia các công việc gia đình, có trách nhiệm trong việc đảm bảo an toàn và tiết kiệm đối với đèn điện trong gia đình. - Trách nhiệm: Tích cực trong các hoạt động.
9	Bài 12: Nồi cơm điện	2 (Tiết 11,12)	1. Kiến thức - Nhận biết và nêu được chức năng các bộ phận chính của nồi cơm điện. - Vẽ được sơ đồ khối, mô tả được nguyên lí làm việc và công dụng của nồi cơm điện. - Đọc được thông số kĩ thuật, lựa chọn và sử dụng được nồi cơm điện đúng cách, tiết kiệm và an toàn. 2. Năng lực 2.1. Năng lực công nghệ - Nhận thức công nghệ: Nhận biết và nêu được chức năng của bộ phận chính của nồi cơm điện. Nhận biết được nguyên lí làm việc và công dụng của nồi cơm điện. - Giao tiếp công nghệ: Đọc và hiểu được ý nghĩa của thông số kĩ thuật nồi cơm điện. Vẽ được sơ đồ khối của nồi cơm điện. - Sử dụng công nghệ: Lựa chọn và sử dụng được nồi cơm điện đúng cách, tiết kiệm và an toàn. 2.2. Năng lực chung - Năng lực tự chủ, tự học: HS tự sưu tầm, tìm kiếm thông tin trên Internet kết hợp kiến thức thực tế về Nồi cơm điện. - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết sử dụng thông tin để trình bày, thảo luận các vấn đề liên quan đến nồi cơm điện, lắng nghe và phản hồi tích cực trong quá trình hoạt động nhóm - Năng lực giải quyết vấn đề: Giải quyết được các tình huống đặt ra. 3. Phẩm chất - Chăm chỉ vận dụng kiến thức nồi cơm điện vào thực tiễn cuộc sống. - Trách nhiệm: Tích cực trong các hoạt động.
10	Bài 13: Bếp hồng	2	1. Kiến thức

	ngoại	(Tiết 13,14)	- Nhận biết và nêu được chức năng các bộ phận chính của bếp hồng ngoại. - Vẽ được sơ đồ khối, mô tả được nguyên lý làm việc và công dụng của bếp hồng ngoại. - Lựa chọn và sử dụng được bếp hồng ngoại đúng cách, tiết kiệm và an toàn. - Trình bày được cấu tạo và chức năng của các bộ phận chính của bếp hồng ngoại. - Tự chuẩn bị được dụng cụ và vật liệu thực hành. - Đọc được thông số kỹ thuật, - Thực hiện cấp điện cho bếp, bật/tắt, tăng/giảm nhiệt độ, chọn chế độ nấu của bếp hồng ngoại 2. Năng lực 2.1. Năng lực công nghệ - <i>Nhận thức công nghệ:</i> Nhận biết và nêu được chức năng của bộ phận chính của bếp hồng ngoại. Nhận biết được nguyên lý làm việc và công dụng của bếp hồng ngoại. - <i>Thiết kế kỹ thuật:</i> Vẽ được sơ đồ khối của bếp hồng ngoại. - <i>Sử dụng công nghệ:</i> Lựa chọn và sử dụng được bếp hồng ngoại đúng cách, tiết kiệm và an toàn. - <i>Nhận thức công nghệ:</i> Nhận biết được cấu tạo và chức năng của các bộ phận chính của bếp hồng ngoại. Nhận biết quy trình bật/tắt, tăng/giảm nhiệt độ, chọn chế độ nấu của bếp hồng ngoại. - <i>Giao tiếp công nghệ:</i> Đọc được các thông số kỹ thuật ghi trên bếp hồng ngoại. - <i>Đánh giá công nghệ:</i> Đánh giá được sản phẩm bếp hồng ngoại sau khi sử dụng. - <i>Sử dụng công nghệ:</i> Tự chuẩn bị được dụng cụ và vật liệu thực hành. Thực hiện cấp điện cho bếp, bật/tắt, tăng/giảm nhiệt độ, chọn chế độ nấu của bếp hồng ngoại. 2.2. Năng lực chung - Năng lực tự chủ, tự học: HS tự sưu tầm, tìm kiếm thông tin trên Internet kết hợp kiến thức thực tế về Bếp hồng ngoại. - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết sử dụng thông tin để trình bày, thảo luận các vấn đề liên quan đến bếp hồng ngoại, lắng nghe và phản hồi tích cực trong quá trình hoạt động nhóm
--	-------	--------------	--

			- Năng lực giải quyết vấn đề: Giải quyết được các tình huống đặt ra. - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. 3. Phẩm chất - Chăm chỉ vận dụng kiến thức bếp hồng ngoại vào thực tiễn cuộc sống. - Trách nhiệm: Tích cực trong các hoạt động.
11	Bài 14: Dự án: An toàn và tiết kiệm điện trong gia đình	2 (Tiết 15,16)	1. Kiến thức - Đánh giá được thực trạng sử dụng điện năng trong gia đình. - Đề xuất việc làm cụ thể để sử dụng điện năng trong gia đình an toàn, tiết kiệm và hiệu quả. 2. Năng lực 2.1. Năng lực công nghệ - Nhận thức công nghệ: Nhận biết được quá trình đánh giá thực trạng sử dụng điện năng trong gia đình. Nhận biết được nguyên nhân gây lãng phí điện năng. Nhận biết được các biện pháp sử dụng điện năng an toàn, tiết kiệm và hiệu quả. - Sử dụng công nghệ: Lựa chọn và sử dụng được một số đồ dùng điện trong gia đình an toàn và tiết kiệm. - Giao tiếp công nghệ: Đọc và hiểu được các kí hiệu an toàn điện trên các thiết bị điện. 2.2. Năng lực chung - Năng lực tự chủ, tự học: HS tự sưu tầm, tìm kiếm thông tin trên Internet kết hợp kiến thức thực tế về an toàn và tiết kiệm điện trong gia đình. - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết sử dụng thông tin để trình bày, thảo luận các vấn đề liên quan đến an toàn và tiết kiệm điện trong gia đình, lắng nghe và phản hồi tích cực trong quá trình hoạt động nhóm - Năng lực giải quyết vấn đề: Giải quyết được các tình huống về an toàn điện trong gia đình. 3. Phẩm chất - Chăm chỉ: Có ý thức thức sử dụng điện an toàn và tiết kiệm vào thực tiễn cuộc sống.

			- Trách nhiệm: Có trách nhiệm sử dụng điện an toàn, tiết kiệm cho bản thân, gia đình và xã hội.
12	Ôn tập	1 (Tiết 17)	1. Kiến thức – Nêu được vai trò và đặc điểm chung của nhà ở; một số kiến trúc nhà ở đặc trưng ở Việt Nam. – Kể được tên một số vật liệu, mô tả các bước chính để xây dựng một ngôi nhà. – Mô tả, nhận diện được những đặc điểm của ngôi nhà thông minh. – Thực hiện được một số biện pháp sử dụng năng lượng trong gia đình tiết kiệm, hiệu quả – Nhận biết và nêu được chức năng của các bộ phận chính, vẽ được sơ đồ khối, mô tả được nguyên lí làm việc và công dụng của một số đồ dùng điện trong gia đình (Ví dụ: nồi cơm điện, bếp điện, đèn điện, quạt điện, máy điều hoà,...). – Sử dụng được một số đồ dùng điện trong gia đình đúng cách, tiết kiệm và an toàn. – Lựa chọn được đồ dùng điện tiết kiệm năng lượng, phù hợp với điều kiện gia đình. 2. Năng lực 2.1 Năng lực công nghệ - <i>Nhận thức công nghệ:</i> + Mô tả được một số sản phẩm công nghệ và tác động của nó trong đời sống gia đình về nhà ở, đồ dùng điện. + Tóm tắt được các tri thức, kĩ năng cơ bản của một số quá trình kĩ thuật, công nghệ có tính nghề phù hợp với sở thích, năng lực của bản thân - <i>Sử dụng công nghệ</i> + Lựa chọn được vật liệu trong xây dựng nhà ở. Thiết kế được ngôi nhà với các phòng chức năng phù hợp với các thành viên trong gia đình. + Có biện pháp sử dụng năng lượng trong gia đình tiết kiệm, hiệu quả + Lựa chọn được đồ dùng điện tiết kiệm năng lượng, phù hợp với điều kiện gia đình. 2.2. Năng lực chung - <i>Năng lực tự chủ, tự học:</i> HS tự sưu tầm, tìm kiếm thông tin trên Internet kết hợp kiến thức thực tế về nhà ở, đồ dùng điện.

			- <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác</i>: Biết sử dụng thông tin để trình bày, thảo luận các vấn đề liên quan đến khái quát về nhà ở, đồ dùng điện lắng nghe và phản hồi tích cực trong quá trình hoạt động nhóm 3. Phẩm chất - Chăm chỉ: Có ý thức vận dụng kiến thức về nhà ở, đồ dùng điện và sử dụng điện an toàn và tiết kiệm vào thực tiễn cuộc sống. - Trách nhiệm: Có trách nhiệm sử dụng điện an toàn, tiết kiệm cho bản thân, gia đình và xã hội.
13	Kiểm tra cuối kỳ I	1 (Tiết 18)	1. Kiến thức – Nêu được vai trò và đặc điểm chung của nhà ở; một số kiến trúc nhà ở đặc trưng ở Việt Nam. – Kể được tên một số vật liệu, mô tả các bước chính để xây dựng một ngôi nhà. – Mô tả, nhận diện được những đặc điểm của ngôi nhà thông minh. – Thực hiện được một số biện pháp sử dụng năng lượng trong gia đình tiết kiệm, hiệu quả – Nhận biết và nêu được chức năng của các bộ phận chính, vẽ được sơ đồ khối, mô tả được nguyên lí làm việc và công dụng của một số đồ dùng điện trong gia đình (Ví dụ: nồi cơm điện, bếp điện, đèn điện, quạt điện, máy điều hoà,...). – Sử dụng được một số đồ dùng điện trong gia đình đúng cách, tiết kiệm và an toàn. – Lựa chọn được đồ dùng điện tiết kiệm năng lượng, phù hợp với điều kiện gia đình. 2. Năng lực 2.1 Năng lực công nghệ - <i>Nhận thức công nghệ</i>: + Mô tả được một số sản phẩm công nghệ và tác động của nó trong đời sống gia đình về nhà ở, đồ dùng điện. + Tóm tắt được các tri thức, kĩ năng cơ bản của một số quá trình kĩ thuật, công nghệ có tính nghề phù hợp với sở thích, năng lực của bản thân - <i>Sử dụng công nghệ</i> + Lựa chọn được vật liệu trong xây dựng nhà ở. Thiết kế được ngôi nhà với các

			phòng chức năng phù hợp với các thành viên trong gia đình. + Có biện pháp sử dụng năng lượng trong gia đình tiết kiệm, hiệu quả + Lựa chọn được đồ dùng điện tiết kiệm năng lượng, phù hợp với điều kiện gia đình. 2.2. Năng lực chung - <i>Năng lực tự chủ, tự học</i>: HS tự sưu tầm, tìm kiếm thông tin trên Internet kết hợp kiến thức thực tế về nhà ở, đồ dùng điện. - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác</i>: Biết sử dụng thông tin để trình bày, thảo luận các vấn đề liên quan đến khái quát về nhà ở, đồ dùng điện lắng nghe và phản hồi tích cực trong quá trình hoạt động nhóm 3. Phẩm chất - Chăm chỉ: Có ý thức vận dụng kiến thức về nhà ở, đồ dùng điện và sử dụng điện an toàn và tiết kiệm vào thực tiễn cuộc sống. Có trách nhiệm sử dụng điện an toàn, tiết kiệm cho bản thân, gia đình và xã hội. - Tích cực học tập và tham gia làm bài kiểm tra; trung thực trong kiểm tra.
Tuần dự trữ HỌC KỲ II Từ tuần 19 đến tuần 35 (thực học): 17 tuần x 1 tiết = 17 tiết 8 tuần đầu: 1 tiết/tuần = 8 tiết 9 tuần sau: 1 tiết/tuần = 9 tiết			
Chương II: Bảo quản và chế biến thực phẩm			
14	Bài 4: Thực phẩm và dinh dưỡng	2 (Tiết 19,20)	1. Kiến thức - Nhận biết được một số nhóm thực phẩm chính - Trình bày được giá trị dinh dưỡng, ý nghĩa của các nhóm thực phẩm đối với sức khỏe con người. 2. Năng lực 2.1. Năng lực công nghệ - Nhận thức công nghệ: Nhận biết được một số nhóm thực phẩm chính. Nhận biết được giá trị dinh dưỡng, ý nghĩa của các nhóm thực phẩm đối với sức khỏe con người.

			- Sử dụng công nghệ: Lựa chọn được thực phẩm phù hợp với cơ thể. - Đánh giá công nghệ: Đưa ra nhận xét cho sự phù hợp về dinh dưỡng cho một thực đơn ăn uống. 2.2. Năng lực chung - Năng lực tự chủ, tự học: Biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân khi thực hiện các nhiệm vụ học tập. - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết sử dụng thông tin để trình bày, thảo luận các vấn đề liên quan đến thực phẩm và dinh dưỡng, lắng nghe và phản hồi tích cực trong quá trình hoạt động nhóm - Năng lực giải quyết vấn đề: Giải quyết được các tình huống đặt ra. 3. Phẩm chất - Ham học hỏi, tìm tòi tài liệu liên quan đến thực phẩm và dinh dưỡng để mở rộng hiểu biết trong và sau giờ học. - Có ý thức vận dụng kiến thức về thực phẩm và dinh dưỡng vào cuộc sống hằng ngày. - Có trách nhiệm với bản thân khi ý thức được tầm quan trọng của thực phẩm và dinh dưỡng đối với sức khỏe của chính mình và gia đình. - Tích cực trong các hoạt động.
15	Bài 5: Phương pháp bảo quản và chế biến thực phẩm	3 (Tiết 21,22,23)	1. Kiến thức - Nêu được vai trò, ý nghĩa của bảo quản và chế biến thực phẩm. - Trình bày được một số phương pháp bảo quản thực phẩm phổ biến. - Trình bày được những vấn đề cơ bản về vệ sinh an toàn thực phẩm. 2. Năng lực 2.1. Năng lực công nghệ - Nhận thức công nghệ: Nhận biết được vai trò, ý nghĩa của bảo quản và chế biến thực phẩm. Nhận biết được một số phương pháp bảo quản phổ biến. Nhận biết

			được những vấn đề cơ bản về vệ sinh an toàn thực phẩm. - Sử dụng công nghệ: Thực hiện các biện pháp giữ vệ sinh an toàn thực phẩm. - Đánh giá công nghệ: Đưa ra nhận xét cho sự phù hợp về dinh dưỡng cho một thực đơn ăn uống. 2.2. Năng lực chung - Năng lực tự chủ, tự học: Biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân khi thực hiện các nhiệm vụ học tập. - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết sử dụng thông tin để trình bày, thảo luận các vấn đề liên quan đến bảo quản và chế biến thực phẩm, lắng nghe và phản hồi tích cực trong quá trình hoạt động nhóm - Năng lực giải quyết vấn đề: Giải quyết được các tình huống đặt ra. 3. Phẩm chất - Ham học hỏi, tìm tòi tài liệu liên quan đến bảo quản và chế biến thực phẩm để mở rộng hiểu biết trong và sau giờ học. - Có ý thức vận dụng kiến thức về bảo quản và chế biến thực phẩm vào cuộc sống hằng ngày. - Có trách nhiệm với bản thân khi ý thức được tầm quan trọng của bảo quản và chế biến thực phẩm đối với sức khỏe của chính mình và gia đình. - Tích cực trong các hoạt động.
16	Bài 6: Dự án: Bữa ăn kết nối yêu thương	2 (Tiết 24,27)	1. Kiến thức - Thiết kế được thực đơn một bữa ăn hợp lí cho gia đình.

		- Tính toán sơ bộ được dinh dưỡng, chi phí tài chính cho một bữa ăn gia đình. 2. Năng lực 2.1. Năng lực chung - Năng lực tự chủ và tự học: tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về cách thiết kế được thực đơn một bữa ăn hợp lí cho gia đình và tính toán sơ bộ được dinh dưỡng, chi phí tài chính cho một bữa ăn gia đình. - Năng lực giao tiếp và hợp tác: thảo luận nhóm để thống nhất thiết kế được thực đơn một bữa ăn hợp lí, tính toán chi phí tài chính và làm báo cáo về kết quả dự án học tập. - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: GQVĐ trong thực hiện thiết kế thực đơn, tính toán sơ bộ dinh dưỡng và chi phí tài chính một bữa ăn (1/3 nhu cầu trong 1 ngày). 2.2. Năng lực công nghệ - Nhận thức công nghệ: Nhận biết được quá trình tính toán sơ bộ được dinh dưỡng, chi phí tài chính và lên được thực đơn cho một bữa ăn gia đình. Nhận biết được quy trình chế biến được một món ăn có trong thực đơn gia đình. - Sử dụng công nghệ: Tính toán sơ bộ được dinh dưỡng, chi phí tài chính và lên được thực đơn cho một bữa ăn gia đình. - Thiết kế công nghệ: Chế biến được một món ăn có trong thực đơn gia đình - Đánh giá công nghệ: Đưa ra nhận xét cho sự phù hợp về dinh dưỡng cho một thực đơn ăn uống. Đưa ra nhận xét món ăn sau khi chế biến.
--	--	---

			3. Phẩm chất: - Ham học hỏi, tìm tòi tài liệu để mở rộng hiểu biết về dinh dưỡng, thực phẩm, cách chế biến món ăn; có ý thức vận dụng kiến thức về dinh dưỡng và chế biến món ăn vào cuộc sống hằng ngày - Có trách nhiệm trong hoạt động nhóm, chủ động nhận và thực hiện nhiệm vụ thảo luận về thiết kế thực đơn cũng như tính toán dinh dưỡng hay tài chính cho một bữa ăn. - Có trách nhiệm với bản thân và gia đình về lựa chọn, sử dụng, bảo quản và chế biến món ăn. - Trung thực, cẩn thận trong thực hành, ghi chép trong việc thiết kế thực đơn, báo cáo; tự bản thân hoàn thiện mà không phụ thuộc vào sự giúp đỡ của người thân trong gia đình.
17	Ôn tập	1 (Tiết 25)	1. Kiến thức – Nhận biết được một số nhóm thực phẩm chính, dinh dưỡng từng loại, ý nghĩa đối với sức khỏe con người. – Nêu được vai trò, ý nghĩa của bảo quản và chế biến thực phẩm. – Trình bày được một số phương pháp bảo quản, chế biến thực phẩm phổ biến. – Lựa chọn và chế biến được món ăn đơn giản theo phương pháp không sử dụng nhiệt. – Hình thành thói quen ăn, uống khoa học; chế biến thực phẩm đảm bảo an toàn vệ sinh. – Tính toán sơ bộ được dinh dưỡng, chi phí tài chính cho một bữa ăn gia đình 2. Năng lực 2.1 Năng lực công nghệ - Nhận thức công nghệ: Nhận biết được một số nhóm thực phẩm chính; vai trò, ý

		nghĩa của bảo quản và chế biến thực phẩm; một số phương pháp bảo quản phổ biến và những vấn đề cơ bản về vệ sinh an toàn thực phẩm; Nhận biết được giá trị dinh dưỡng, ý nghĩa của các nhóm thực phẩm đối với sức khỏe con người. - Sử dụng công nghệ: Lựa chọn phương pháp bảo quản và chế biến thực phẩm; Lựa chọn được thực phẩm phù hợp với cơ thể; Tính toán sơ bộ được dinh dưỡng, chi phí tài chính và lên được thực đơn cho một bữa ăn gia đình. - Đánh giá công nghệ: Đưa ra nhận xét cho sự phù hợp về dinh dưỡng cho một thực đơn ăn uống; sự phù hợp về dinh dưỡng cho một thực đơn ăn uống; sự phù hợp về dinh dưỡng cho một thực đơn ăn uống. Đưa ra nhận xét món ăn sau khi chế biến. - Thiết kế công nghệ: Chế biến được một món ăn có trong thực đơn gia đình. Bảo quản được thực phẩm trong gia đình. 2.2. Năng lực chung - Năng lực tự chủ, tự học: tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về bảo quản và chế biến thực phẩm trong gia đình gia đình. - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết sử dụng thông tin để trình bày, thảo luận các vấn đề liên quan đến bảo quản và chế biến thực phẩm, lắng nghe và phản hồi tích cực trong quá trình hoạt động nhóm - Năng lực giải quyết vấn đề: Giải quyết được các tình huống đặt ra. 3. Phẩm chất - Ham học hỏi, tìm tòi tài liệu để mở rộng hiểu biết về dinh dưỡng, thực phẩm, cách chế biến món ăn; có ý thức vận dụng kiến thức về dinh dưỡng và chế biến món ăn
--	--	---

			vào cuộc sống hằng n - Có trách nhiệm trong hoạt động nhóm, chủ động nhận và thực hiện nhiệm vụ thảo luận về thiết kế thực đơn cũng như tính toán dinh dưỡng hay tài chính cho một bữa ăn. - Có trách nhiệm với bản thân và gia đình về lựa chọn, sử dụng, bảo quản và chế biến món ăn. - Trung thực, cẩn thận trong thực hành, ghi chép trong việc thiết kế thực đơn, báo cáo; t ự bản thân hoàn thiện mà không phụ thuộc vào sự giúp đỡ của người thân trong gia đình.
18	Kiểm tra giữa kỳ	1 (Tiết 26)	1. Kiến thức – Nhận biết được một số nhóm thực phẩm chính, dinh dưỡng từng loại, ý nghĩa đối với sức khỏe con người. – Nêu được vai trò, ý nghĩa của bảo quản và chế biến thực phẩm. – Trình bày được một số phương pháp bảo quản, chế biến thực phẩm phổ biến. – Lựa chọn và chế biến được món ăn đơn giản theo phương pháp không sử dụng nhiệt. – Hình thành thói quen ăn, uống khoa học; chế biến thực phẩm đảm bảo an toàn vệ sinh. – Tính toán sơ bộ được dinh dưỡng, chi phí tài chính cho một bữa ăn gia đình 2. Năng lực

		2.1 Năng lực công nghệ - Nhận thức công nghệ: Nhận biết được một số nhóm thực phẩm chính; vai trò, ý nghĩa của bảo quản và chế biến thực phẩm; một số phương pháp bảo quản phổ biến và những vấn đề cơ bản về vệ sinh an toàn thực phẩm; Nhận biết được giá trị dinh dưỡng, ý nghĩa của các nhóm thực phẩm đối với sức khỏe con người. - Sử dụng công nghệ: Lựa chọn phương pháp bảo quản và chế biến thực phẩm; Lựa chọn được thực phẩm phù hợp với cơ thể; Tính toán sơ bộ được dinh dưỡng, chi phí tài chính và lên được thực đơn cho một bữa ăn gia đình. - Đánh giá công nghệ: Đưa ra nhận xét cho sự phù hợp về dinh dưỡng cho một thực đơn ăn uống; sự phù hợp về dinh dưỡng cho một thực đơn ăn uống; sự phù hợp về dinh dưỡng cho một thực đơn ăn uống. Đưa ra nhận xét món ăn sau khi chế biến. - Thiết kế công nghệ: Chế biến được một món ăn có trong thực đơn gia đình. Bảo quản được thực phẩm trong gia đình. 2.2. Năng lực chung - Năng lực tự chủ, tự học: tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về bảo quản và chế biến thực phẩm trong gia đình gia đình. - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết sử dụng thông tin để trình bày, thảo luận các vấn đề liên quan đến bảo quản và chế biến thực phẩm, lắng nghe và phản hồi tích cực trong quá trình hoạt động nhóm - Năng lực giải quyết vấn đề: Giải quyết được các tình huống đặt ra. 3. Phẩm chất
--	--	---

			- Ham học hỏi, tìm tòi tài liệu để mở rộng hiểu biết về dinh dưỡng, thực phẩm, cách chế biến món ăn; có ý thức vận dụng kiến thức về dinh dưỡng và chế biến món ăn vào cuộc sống hằng n - Có trách nhiệm trong hoạt động nhóm, chủ động nhận và thực hiện nhiệm vụ thảo luận về thiết kế thực đơn cũng như tính toán dinh dưỡng hay tài chính cho một bữa ăn. - Có trách nhiệm với bản thân và gia đình về lựa chọn, sử dụng, bảo quản và chế biến món ăn. - Trung thực, cẩn thận kiểm tra - Tích cực học tập và tham gia bài kiểm tra.
Chương III: Trang phục và thời trang			
19	Bài 7: Trang phục và đời sống	2 (Tiết 28,29)	1. Kiến thức - Nhận biết được vai trò, sự đa dạng của trang phục trong đời sống. - Mô tả được một số đặc điểm cơ bản của trang phục làm cơ sở để lựa chọn, sử dụng và bảo quản trang phục. - Nhận biết được một số loại vải thông dụng được dùng để may trang phục. 2. Năng lực 2.1. Năng lực chung - Năng lực tự chủ và tự học: Tự tin trong hoạt động, phát huy tính tích cực, chủ động trong học tập - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết sử dụng thông tin để trình bày, thảo luận các

			vấn đề liên quan đến trang phục trong đời sống, lắng nghe và phản hồi tích cực trong quá trình hoạt động nhóm - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Giải quyết được các tình huống đặt ra. 2.2. Năng lực công nghệ - Nhận thức công nghệ: Nhận biết được vai trò của trang phục trong đời sống và một số loại vải thông dụng được dùng để may trang phục. - Sử dụng công nghệ: Phân loại được một số trang phục cơ bản trong đời sống. Lựa chọn loại vải phù hợp để may mặc. - Đánh giá công nghệ: Nhận xét được chất liệu của một số loại vải trong trang phục. 3. Phẩm chất - Tích cực vận dụng hiểu biết về trang phục vào thực tiễn cuộc sống. - Tích cực trong các hoạt động. - Trung thực: Trong báo cáo kết quả hoạt động nhóm
20	Bài 8: Sử dụng và bảo quản trang phục	2 (Tiết 30,31)	1. Kiến thức - Lựa chọn được trang phục phù hợp với đặc điểm và sở thích của bản thân, tính chất công việc và điều kiện tài chính của gia đình. - Sử dụng và bảo quản được một số loại hình trang phục thông dụng. 2. Năng lực 2.1. Năng lực công nghệ

			- Xác định được cơ sở để lựa chọn trang phục. Từ đó lựa chọn trang phục phù hợp với bản thân. - Mô tả được một số đặc điểm của trang phục phù hợp với hoạt động. - Trình bày được cách phối hợp trang phục. - Trình bày được các phương pháp làm sạch quần áo. - Sử dụng và phối hợp trang phục một cách hợp lí phù hợp với bản thân. - Lựa chọn được các phương pháp bảo quản phù hợp với từng loại trang phục. 2.2. Năng lực chung - Biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong khi thực hiện các nhiệm vụ học tập. - Nhận ra và điều chỉnh được những sai sót, hạn chế của bản thân khi được góp ý, chủ động tìm kiếm sự hỗ trợ của người khác khi gặp khó khăn trong học tập. - Hiểu rõ nhiệm vụ của nhóm, biết chủ động và gương mẫu hoàn thành phần việc được giao, góp ý điều chỉnh thúc đẩy hoạt động chung; khiêm tốn học hỏi các thành viên khi hoạt động nhóm. 3. Phẩm chất - Có trách nhiệm trong việc bảo quản trang phục trong thực tiễn cuộc sống. - Tích cực trong các hoạt động nhóm, hoạt động tập thể.
21	Ôn tập	1	1. Kiến thức

		(Tiết 32) – Nhận biết được một số nhóm thực phẩm chính, dinh dưỡng từng loại, ý nghĩa đối với sức khỏe con người. – Nêu được vai trò, ý nghĩa của bảo quản và chế biến thực phẩm. – Trình bày được một số phương pháp bảo quản, chế biến thực phẩm phổ biến. – Lựa chọn và chế biến được món ăn đơn giản theo phương pháp không sử dụng nhiệt. – Hình thành thói quen ăn, uống khoa học; chế biến thực phẩm đảm bảo an toàn vệ sinh. – Tính toán sơ bộ được dinh dưỡng, chi phí tài chính cho một bữa ăn gia đình – Nhận biết được vai trò, sự đa dạng của trang phục trong cuộc sống; các loại vải thông dụng được dùng để may trang phục. – Trình bày được những kiến thức cơ bản về thời trang, nhận ra và bước đầu hướng thời trang của bản thân. – Lựa chọn được trang phục phù hợp với đặc điểm và sở thích của bản thân, tính chất công việc và điều kiện tài chính của gia đình. – Sử dụng và bảo quản được một số loại hình trang phục thông dụng. 2. Năng lực 2.1. Năng lực công nghệ - <i>Nhận thức công nghệ:</i> + Nhận biết được những kiến thức cơ bản về trang phục và thời trang, sử dụng và bảo quản trang phục. Nhận biết được phong cách thời trang. Nhận biết các yếu tố ảnh hưởng tới thời trang + Nhận biết được một số nhóm thực phẩm chính; vai trò, ý nghĩa của bảo quản và chế biến thực phẩm; một số phương pháp bảo quản phổ biến và những vấn đề cơ bản về vệ sinh an toàn thực phẩm; Nhận biết được giá trị dinh dưỡng, ý nghĩa của các nhóm thực phẩm đối với sức khỏe con người.
--	--	--

		- <i>Sử dụng công nghệ:</i> + Nhận ra và bước đầu hình thành phong cách thời trang của bản thân, sử dụng và bảo quản được trang phục. Chỉ ra những đặc điểm thể hiện sự thay đổi của thời trang + Lựa chọn phương pháp bảo quản và chế biến thực phẩm; Lựa chọn được thực phẩm phù hợp với cơ thể; Tính toán sơ bộ được dinh dưỡng, chi phí tài chính và lên được thực đơn cho một bữa ăn gia đình. - <i>Đánh giá công nghệ:</i> + Đánh giá được xu hướng, phong cách thời trang. Mô tả được một số phong cách thời trang cơ bản. + Đưa ra nhận xét cho sự phù hợp về dinh dưỡng cho một thực đơn ăn uống; sự phù hợp về dinh dưỡng cho một thực đơn ăn uống; sự phù hợp về dinh dưỡng cho một thực đơn ăn uống. Đưa ra nhận xét món ăn sau khi chế biến. - Thiết kế công nghệ: Chế biến được một món ăn có trong thực đơn gia đình. Bảo quản được thực phẩm trong gia đình. 2.2. Năng lực chung - Năng lực tự chủ, tự học: Biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân khi thực hiện các nhiệm vụ học tập. - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết sử dụng thông tin để trình bày, thảo luận các vấn đề liên quan đến thời trang, lắng nghe và phản hồi tích cực trong quá trình hoạt động nhóm - Năng lực giải quyết vấn đề: Nhận ra và điều chỉnh các sai sót, hạn chế trong quá
--	--	--

			trình thực hiện nhiệm vụ 3. Phẩm chất - Chăm chỉ: Có ý thức vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn sử dụng trang phục trong cuộc sống. Khiêm tốn học hỏi các thành viên trong nhóm trong quá trình hoạt động nhóm. - Trách nhiệm: Tích cực trong các hoạt động.
22	Kiểm tra cuối kỳ II	1 (Tiết 33)	1. Kiến thức – Nhận biết được một số nhóm thực phẩm chính, dinh dưỡng từng loại, ý nghĩa đối với sức khỏe con người. – Nêu được vai trò, ý nghĩa của bảo quản và chế biến thực phẩm. – Trình bày được một số phương pháp bảo quản, chế biến thực phẩm phổ biến. – Lựa chọn và chế biến được món ăn đơn giản theo phương pháp không sử dụng nhiệt. – Hình thành thói quen ăn, uống khoa học; chế biến thực phẩm đảm bảo an toàn vệ sinh. – Tính toán sơ bộ được dinh dưỡng, chi phí tài chính cho một bữa ăn gia đình – Nhận biết được vai trò, sự đa dạng của trang phục trong cuộc sống; các loại vải thông dụng được dùng để may trang phục. – Trình bày được những kiến thức cơ bản về thời trang, nhận ra và bước đầu hướng thời trang của bản thân. – Lựa chọn được trang phục phù hợp với đặc điểm và sở thích của bản thân, tính chất công việc và điều kiện tài chính của gia đình. – Sử dụng và bảo quản được một số loại hình trang phục thông dụng. 2. Năng lực 2.1. Năng lực công nghệ

			- <i>Nhận thức công nghệ:</i> + Nhận biết được những kiến thức cơ bản về trang phục và thời trang, sử dụng và bảo quản trang phục. Nhận biết được phong cách thời trang. Nhận biết các yếu tố ảnh hưởng tới thời trang + Nhận biết được một số nhóm thực phẩm chính; vai trò, ý nghĩa của bảo quản và chế biến thực phẩm; một số phương pháp bảo quản phổ biến và những vấn đề cơ bản về vệ sinh an toàn thực phẩm; Nhận biết được giá trị dinh dưỡng, ý nghĩa của các nhóm thực phẩm đối với sức khỏe con người. - <i>Sử dụng công nghệ:</i> + Nhận ra và bước đầu hình thành phong cách thời trang của bản thân, sử dụng và bảo quản được trang phục. Chỉ ra những đặc điểm thể hiện sự thay đổi của thời trang + Lựa chọn phương pháp bảo quản và chế biến thực phẩm; Lựa chọn được thực phẩm phù hợp với cơ thể; Tính toán sơ bộ được dinh dưỡng, chi phí tài chính và lên được thực đơn cho một bữa ăn gia đình. - <i>Đánh giá công nghệ:</i> + Đánh giá được xu hướng, phong cách thời trang. Mô tả được một số phong cách thời trang cơ bản. + Đưa ra nhận xét cho sự phù hợp về dinh dưỡng cho một thực đơn ăn uống; sự phù hợp về dinh dưỡng cho một thực đơn ăn uống; sự phù hợp về dinh dưỡng cho một thực đơn ăn uống. Đưa ra nhận xét món ăn sau khi chế biến. - <i>Thiết kế công nghệ:</i> Chế biến được một món ăn có trong thực đơn gia đình. Bảo
--	--	--	---

			quản được thực phẩm trong gia đình. 2.2. Năng lực chung - Năng lực tự chủ, tự học: Biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân khi thực hiện các nhiệm vụ học tập. - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết sử dụng thông tin để trình bày, thảo luận các vấn đề liên quan đến thời trang, lắng nghe và phản hồi tích cực trong quá trình hoạt động nhóm - Năng lực giải quyết vấn đề: Nhận ra và điều chỉnh các sai sót, hạn chế trong quá trình thực hiện nhiệm vụ 3. Phẩm chất - Trung thực trong kiểm tra. - Tích cực trong học tập và tham gia làm bài kiểm tra.
23	Bài 8: Sử dụng và bảo quản trang phục <i>(tiếp theo)</i>	1 (Tiết 34)	1. Kiến thức - Lựa chọn được trang phục phù hợp với đặc điểm và sở thích của bản thân, tính chất công việc và điều kiện tài chính của gia đình. - Sử dụng và bảo quản được một số loại hình trang phục thông dụng. 2. Năng lực 2.1. Năng lực công nghệ - Xác định được cơ sở để lựa chọn trang phục. Từ đó lựa chọn trang phục phù hợp với bản thân.

			- Mô tả được một số đặc điểm của trang phục phù hợp với hoạt động. - Trình bày được cách phối hợp trang phục. - Trình bày được các phương pháp làm sạch quần áo. - Sử dụng và phối hợp trang phục một cách hợp lí phù hợp với bản thân. - Lựa chọn được các phương pháp bảo quản phù hợp với từng loại trang phục. 2.2. Năng lực chung - Biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong khi thực hiện các nhiệm vụ học tập. - Nhận ra và điều chỉnh được những sai sót, hạn chế của bản thân khi được góp ý, chủ động tìm kiếm sự hỗ trợ của người khác khi gặp khó khăn trong học tập. - Hiểu rõ nhiệm vụ của nhóm, biết chủ động và gương mẫu hoàn thành phần việc được giao, góp ý điều chỉnh thúc đẩy hoạt động chung; khiêm tốn học hỏi các thành viên khi hoạt động nhóm. 3. Phẩm chất - Có trách nhiệm trong việc bảo quản trang phục trong thực tiễn cuộc sống. - Tích cực trong các hoạt động nhóm, hoạt động tập thể.
24	Bài 9: Thời trang (Dạy học STEM)	1 (Tiết 35)	1. Kiến thức - Trình bày được những kiến thức cơ bản về thời trang. - Nhận ra và bước đầu hình thành phong cách thời trang của bản thân

			2. Năng lực 2.1. Năng lực công nghệ - Nhận thức công nghệ: Nhận biết được những kiến thức cơ bản về thời trang. Nhận biết được phong cách thời trang. Nhận biết các yếu tố ảnh hưởng tới thời trang - Sử dụng công nghệ: Nhận ra và bước đầu hình thành phong cách thời trang của bản thân. Chỉ ra những đặc điểm thể hiện sự thay đổi của thời trang - Đánh giá công nghệ: Đánh giá được xu hướng, phong cách thời trang. Mô tả được một số phong cách thời trang cơ bản. 2.2. Năng lực chung - Năng lực tự chủ, tự học: Biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân khi thực hiện các nhiệm vụ học tập. - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết sử dụng thông tin để trình bày, thảo luận các vấn đề liên quan đến thời trang, lắng nghe và phản hồi tích cực trong quá trình hoạt động nhóm - Năng lực giải quyết vấn đề: Nhận ra và điều chỉnh các sai sót, hạn chế trong quá trình thực hiện nhiệm vụ 3. Phẩm chất - Có ý thức vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn sử dụng trang phục trong cuộc sống. - Tích cực trong các hoạt động.
--	--	--	---

1.14. Phân phối chương trình môn Công nghệ 7

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
HỌC KÌ I			
Chương I. Trồng trọt (11 tiết)			
1	1. Giới thiệu về trồng trọt	2	– Trình bày được vai trò, triển vọng của trồng trọt, kể tên được các nhóm cây trồng phổ biến ở Việt Nam. – Nêu được một số phương thức trồng trọt phổ biến ở Việt Nam. – Nhận biết được những đặc điểm cơ bản của trồng trọt công nghệ cao. – Trình bày được đặc điểm cơ bản của một số ngành nghề phổ biến trong trồng trọt. – Nhận thức được sở thích, sự phù hợp của bản thân với các ngành nghề trong trồng trọt.
2	2. Làm đất trồng cây	1	– Nêu được các bước trong quy trình trồng trọt. – Nêu được thành phần và vai trò của đất trồng. – Trình bày được mục đích, yêu cầu kĩ thuật của các bước trong làm đất trồng cây.
3	3. Gieo trồng, chăm sóc và phòng trừ sâu, bệnh cho cây trồng	2	– Trình bày được mục đích, yêu cầu kĩ thuật của gieo trồng, chăm sóc và phòng trừ sâu, bệnh cho cây trồng. – Vận dụng kiến thức vào thực tiễn trồng trọt ở gia đình. - Có ý thức đảm bảo an toàn lao động và vệ sinh môi trường trong trồng trọt.
4	4. Thu hoạch sản phẩm trồng trọt	1	– Trình bày được mục đích, yêu cầu của thu hoạch sản phẩm trồng trọt. - Nêu được một số phương pháp phổ biến trong thu hoạch sản phẩm trồng trọt. – Vận dụng được kiến thức thu hoạch sản phẩm trồng trọt vào thực tiễn.
5	5. Nhân giống vô tính cây trồng	2	– Trình bày được kĩ thuật nhân giống cây trồng bằng giâm cành. – Thực hiện được việc nhân giống cây trồng bằng phương pháp giâm cành. – Đảm bảo an toàn lao động và vệ sinh môi trường.

6	Ôn tập giữa HKI	1	
7	Kiểm tra giữa HKI	1	
8	6. Dự án trồng rau an toàn	3	– Lập được kế hoạch, tính toán được chi phí cho việc trồng và chăm sóc một loại cây trồng phổ biến trong gia đình. – Thực hiện được một số công việc trong quy trình trồng và chăm sóc một loại cây trồng phổ biến. – Tích cực vận dụng kiến thức vào thực tiễn, có ý thức về an toàn lao động và bảo vệ môi trường trong trồng trọt.
Chương II: Lâm nghiệp (3 tiết)			
9	7. Giới thiệu về rừng	1	– Trình bày được vai trò của rừng, phân biệt được các loại rừng phổ biến ở nước ta.
10	8. Trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng	2	– Tóm tắt được quy trình trồng, chăm sóc cây rừng và các biện pháp bảo vệ rừng. – Có ý thức trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng và môi trường sinh thái.
11	Ôn tập HKI	1	
12	Kiểm tra cuối HKI	1	
HỌC KÌ II			
Chương III. Chăn nuôi (8 tiết)			
13	9. Giới thiệu về chăn nuôi	2	– Trình bày được vai trò, triển vọng của chăn nuôi, nhận biết được một số vật nuôi được nuôi nhiều, các loại vật nuôi đặc trưng vùng miền ở nước ta. – Nêu được một số phương thức chăn nuôi phổ biến ở Việt Nam. – Trình bày được đặc điểm cơ bản của một số ngành nghề phổ biến trong chăn nuôi. – Nhận thức được sở thích, sự phù hợp của bản thân với các ngành nghề trong chăn nuôi. – Có ý thức vận dụng kiến thức vào thực tiễn và bảo vệ môi trường trong chăn nuôi.
14	10. Nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi	2	– Trình bày được vai trò của việc nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi. – Nêu được các công việc cơ bản trong nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi

			non, vật nuôi đực giống, vật nuôi cái sinh sản.
15	11. Phòng và trị bệnh cho vật nuôi	1	– Trình bày được vai trò của việc phòng, trị bệnh cho vật nuôi. – Trình bày được nguyên nhân gây bệnh và biện pháp phòng, trị bệnh cho vật nuôi phổ biến.
16	12. Chăn nuôi gà thịt trong nông hộ	2	– Trình bày được kỹ thuật nuôi, chăm sóc và phòng, trị bệnh cho gà thịt.
17	Ôn tập giữa HKII	1	
18	Kiểm tra giữa HKII	1	
19	13. Thực hành: Lập kế hoạch nuôi vật nuôi trong gia đình	1	– Lập được kế hoạch, tính toán được chi phí cho việc nuôi dưỡng và chăm sóc một loại vật nuôi trong gia đình.
Chương IV – Thủy sản (5 tiết)			
20	14. Giới thiệu về thủy sản	1	– Trình bày được vai trò của thủy sản; nhận biết được một số thủy sản có giá trị kinh tế cao ở nước ta. – Có ý thức bảo vệ môi trường nuôi thủy sản và nguồn lợi thủy sản.
21	15. Nuôi cá ao	2	– Nêu được quy trình kỹ thuật nuôi, chăm sóc, phòng, trị bệnh, thu hoạch cá. – Đo được nhiệt độ, độ trong của nước nuôi cá bằng phương pháp đơn giản.
22	16. Thực hành: Lập kế hoạch nuôi cá cảnh	2	– Lập được kế hoạch, tính toán được chi phí cho việc nuôi và chăm sóc một loại cá cảnh.
23	Ôn tập cuối HKII	1	
24	Kiểm tra cuối HKII	1	

1.15. Phân phối chương trình môn Công nghệ 8

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
-----	----------------	----------------	------------------------

HỌC KỲ I

Từ tuần 1 đến tuần 18 (thực học): 18 tuần = 27 tiết

9 tuần đầu: 2 tiết/tuần = 18 tiết

9 tuần sau: 1 tiết/tuần = 9 tiết

1	Bài 1. Một số tiêu chuẩn trình bày bản vẽ kỹ thuật	1 (Tiết 1)	- Mô tả được tiêu chuẩn về khổ giấy, tỉ lệ, đường nét và ghi kích thước của bản vẽ kỹ thuật.
2	Bài 2. Hình chiếu vuông góc	3 (Tiết 2,3,4)	- Vẽ được hình chiếu vuông góc của một số khối đa diện, khối tròn xoay thường gặp theo phương pháp chiếu thứ nhất. - Vẽ và ghi được kích thước các hình chiếu vuông góc của vật thể đơn giản.
3	Bài 3. Bản vẽ chi tiết	2 (Tiết 5,6)	- Đọc được bản vẽ chi tiết đơn giản.
4	Bài 4. Bản vẽ lắp	2 (Tiết 7,8)	- Đọc được bản vẽ lắp đơn giản.
5	Bài 5. Bản vẽ nhà	2 (Tiết 9, 10)	- Đọc được bản vẽ nhà đơn giản.
6	Bài 6. Vật liệu cơ khí	2 (Tiết 11, 12)	- Nhận biết được một số vật liệu cơ khí thông dụng.
7	Bài 7. Truyền và biến đổi chuyển động	3 (Tiết 13,14,15)	- Trình bày được nội dung cơ bản của truyền và biến đổi chuyển động. - Mô tả được cấu tạo, nguyên lý làm việc của một số cơ cấu truyền và biến đổi chuyển động. - Tháo lắp và tính toán được tỉ số truyền của một số bộ truyền và biến đổi chuyển động.
8	Bài 8. Gia công cơ khí bằng tay	1 (Tiết 16)	- Trình bày được một số phương pháp và quy trình một số phương pháp gia công cơ khí bằng tay bằng tay.

		16)	- Thực hiện một số phương pháp gia công vật liệu bằng dụng cụ cầm tay.
9	<i>Ôn tập giữa học kỳ I</i>	1 (Tiết 17)	-Yêu cầu cần đạt từ bài 1 đến bài 7.
10	<i>Kiểm tra giữa học kỳ I</i>	1 (Tiết 18)	Đánh giá yêu cầu cần đạt về vẽ kỹ thuật và cơ khí
11	Bài 8. Gia công cơ khí bằng tay (tt)	2 (Tiết 19,20)	- Trình bày được một số phương pháp và quy trình một số phương pháp gia công cơ khí bằng tay bằng tay. - Thực hiện một số phương pháp gia công vật liệu bằng dụng cụ cầm tay.
12	Bài 9. Ngành nghề trong lĩnh vực cơ khí	2 (Tiết 21,22)	- Trình bày được đặc điểm cơ bản của một số ngành nghề cơ khí phổ biến. - Nhận biết được sự phù hợp của bản thân đối với một số ngành nghề cơ khí phổ biến.
13	Bài 10. Dự án: Gia công chi tiết bằng dụng cụ cầm tay (Dạy học STEM)	2 (Tiết 23,24)	- <i>Thực hiện được một số phương pháp gia công vật liệu bằng dụng cụ cầm tay</i>
14	Bài 11.Tai nạn điện	1 (Tiết 25)	- Nhận biết được một số nguyên nhân gây tai nạn điện.
15	<i>Ôn tập cuối học kỳ I</i>	1 (Tiết 26)	<i>Hệ thống kiến thức phần vẽ kỹ thuật, cơ khí, an toàn điện.</i>
16	<i>Kiểm tra cuối kì 1</i>	1 (Tiết 27)	Đánh giá yêu cầu cần đạt về vẽ kỹ thuật, cơ khí, an toàn điện

HỌC KỲ II

Từ tuần 19 đến tuần 35 (thực học) = 17 tuần = 26 tiết

9 tuần đầu: 2 tiết/tuần = 18 tiết

8 tuần sau: 1 tiết/tuần = 8 tiết

17	Bài 12. Biện pháp an toàn điện	2 (Tiết 28,29)	- Trình bày được một số biện pháp an toàn điện. - Sử dụng được một số dụng cụ bảo vệ an toàn điện
18	Bài 13. Sơ cứu người bị tai nạn điện	2 (Tiết 30,31)	- Thực hiện được một số động tác cơ bản sơ cứu người bị tai nạn điện.
19	Bài 14. Khái quát về mạch điện	2 (Tiết 32,33)	- Trình bày được khái quát về mạch điện. - Trình bày được thành phần và chức năng của các bộ phận chính của mạch điện. - Vẽ và mô tả sơ đồ khối của mạch điện điều khiển.
20	Bài 15. Cảm biến và mô đun cảm biến	2 (Tiết 34,35)	- Phân loại và nêu được vai trò của một số modul cảm biến trong mạch điện điều khiển đơn giản.
21	Bài 16. Mạch điện điều khiển sử dụng mô đun cảm biến	4 (Tiết 36,37,38,39)	- Lắp ráp được mạch điều khiển đơn giản có sử dụng modul cảm biến: modul cảm biến ánh sáng, modul cảm biến ánh sáng, modul cảm biến độ ẩm.
22	Bài 17. Ngành nghề trong lĩnh vực kỹ thuật điện	2 (Tiết 40,41)	- Trình bày được đặc điểm cơ bản của một số ngành nghề phổ biến trong lĩnh vực kỹ thuật điện. - Nhận biết được sự phù hợp của bản thân đối với một số ngành nghề phổ biến trong lĩnh vực kỹ thuật điện.
23	Ôn tập giữa kì II	1 (Tiết 42)	Hệ thống kiến thức từ bài 11 đến bài 17.
24	Kiểm tra đánh giá giữa kì II	1 (Tiết 43)	Đánh giá yêu cầu cần đạt phần kỹ thuật điện
25	Bài 18. Giới thiệu về thiết kế kỹ thuật	2 (Tiết 44,45)	- Trình bày được mục đích và vai trò của thiết kế kỹ thuật. - Kể tên được một số ngành nghề chính liên quan đến thiết kế.

26	Bài 19. Các bước cơ bản trong thiết kế kỹ thuật	2 (Tiết 46,47)	- Mô tả được các bước cơ bản trong thiết kế kỹ thuật
27	Bài 20. Dự án: Thiết kế hệ thống tưới cây tự động (Dạy học STEM)	2 (Tiết 48,49)	- <i>Thiết kế được một sản phẩm đơn giản theo gợi ý hướng dẫn</i>
28	Ôn tập cuối kì II	1 (Tiết 50)	- Hệ thống kiến thức phần kỹ thuật điện, thiết kế kỹ thuật.
29	Kiểm tra đánh giá cuối kì II	1 (Tiết 51)	Đánh giá yêu cầu cần đạt về phần kỹ thuật điện, thiết kế kỹ thuật.
30	Bài 20. Dự án: Thiết kế hệ thống tưới cây tự động (tt)	2 (Tiết 52,53)	- <i>Thiết kế được một sản phẩm đơn giản theo gợi ý hướng dẫn</i>

1.16. Phân phối chương trình môn Công nghệ 9

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
HỌC KÌ I ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP			
1	Bài 1. Nghề nghiệp trong lĩnh vực kỹ thuật và công nghệ.	3	1. Kiến thức: - Trình bày được khái niệm nghề nghiệp. - Trình bày được tầm quan trọng của nghề nghiệp đối với con người và xã hội. - Trình bày được ý nghĩa của việc lựa chọn đúng đắn nghề nghiệp của mỗi người. - Kể tên và phân tích được đặc điểm, những yêu cầu chung của các ngành nghề trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ. 2. Năng lực:

		2.1. Năng lực chung: - Năng lực tự chủ và tự học: Chủ động, tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập. Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm. Lựa chọn được nguồn tài liệu phù hợp để hiểu thêm về nghề nghiệp trong lĩnh vực kỹ thuật và công nghệ.. - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên. - Năng lực giải quyết vấn đề: Có khả năng phát hiện và giải quyết hiệu quả các vấn đề phát sinh trong quá trình học tập và thể hiện sự sáng tạo. Thông qua tìm tòi khám phá thêm về các ngành nghề thuộc lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ. 2.2. Năng lực công nghệ: + Năng lực nhận thức công nghệ: - Trình bày được khái niệm nghề nghiệp. - Trình bày được tầm quan trọng của nghề nghiệp đối với con người và xã hội. - Trình bày được ý nghĩa của việc lựa chọn đúng đắn nghề nghiệp của mỗi người. - Kể tên và phân tích được đặc điểm, những yêu cầu chung của các ngành nghề trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ. 3. Phẩm chất: - Chăm chỉ: Chăm học, ham học hỏi, chịu khó tìm tòi tài liệu và thực hiện tốt các nhiệm vụ học tập của GV đưa ra. Chăm chỉ vận dụng kiến thức đã học về yêu cầu, đặc điểm của các ngành nghề vào việc tìm hiểu các ngành nghề thuộc lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ phù hợp với bản thân. - Trách nhiệm: Có trách nhiệm trong hoạt động nhóm, chủ động nhận và thực hiện nhiệm vụ. Có trách nhiệm tìm hiểu nội dung bài học và các tài liệu liên quan.
2	Bài 2. Cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân	2 1. Kiến thức: - Mô tả được cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân của Việt Nam. - Nhận ra, giải thích được các thời điểm có sự phân luồng và cơ hội lựa chọn nghề nghiệp kỹ thuật, công nghệ trong hệ thống giáo dục. - Hiểu được sau khi kết thúc trung học cơ sở có những hướng đi nào liên quan tới

		ngành nghiệp trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ. 2. Năng lực: 2.1. Năng lực chung: - Năng lực tự chủ và tự học: Chủ động, tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập. Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm. Lựa chọn được nguồn tài liệu phù hợp để hiểu thêm về ngành nghiệp trong lĩnh vực kỹ thuật và công nghệ.. - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên. - Năng lực giải quyết vấn đề: Có khả năng phát hiện và giải quyết hiệu quả các vấn đề phát sinh trong quá trình học tập và thể hiện sự sáng tạo. Thông qua tìm tòi khám phá thêm về hệ thống giáo dục quốc dân của Việt Nam, các thời điểm phân luồng, các hướng đi thuộc lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ sau tốt nghiệp THPT. 2.2. Năng lực công nghệ: - Mô tả được cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân của Việt Nam. - Nhận ra, giải thích được các thời điểm có sự phân luồng và cơ hội lựa chọn ngành nghiệp kỹ thuật, công nghệ trong hệ thống giáo dục. - Hiểu được sau khi kết thúc trung học cơ sở có những hướng đi nào liên quan tới ngành nghiệp trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ. 3. Phẩm chất: - Chăm chỉ: Chăm học, ham học hỏi, chịu khó tìm tòi tài liệu có nội dung liên quan đến bài học và thực hiện tốt các nhiệm vụ học tập của GV đưa ra. Có ý thức vận dụng kiến thức đã học để biết được các thời điểm phân luồng trong giáo dục phổ thông từ đó xác định hướng đi liên quan đến ngành nghiệp trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ sau khi tốt nghiệp THPT. - Trách nhiệm: Có trách nhiệm trong hoạt động nhóm, chủ động nhận và thực hiện nhiệm vụ.
3	Bài 3. Thị trường lao động kỹ thuật,	3 1. Kiến thức: - Trình bày được khái niệm về thị trường lao động.

công nghệ tại Việt Nam		- Trình bày được các yếu tố ảnh hưởng tới thị trường lao động. - Trình bày được vai trò của thị trường lao động trong việc định hướng nghề nghiệp thuộc lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ. - Mô tả được những vấn đề cơ bản của thị trường lao động tại Việt Nam hiện nay. - Tìm kiếm được các thông tin về thị trường lao động trong lĩnh vực kỹ thuật và công nghệ. 2. Năng lực: 2.1. Năng lực chung: - Năng lực tự chủ và tự học: Chủ động, tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập. Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm. Lựa chọn được nguồn tài liệu phù hợp để hiểu thêm về thị trường lao động trong lĩnh vực kỹ thuật và công nghệ.. - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên. - Năng lực giải quyết vấn đề: Có khả năng phát hiện và giải quyết hiệu quả các vấn đề phát sinh trong quá trình học tập và thể hiện sự sáng tạo. Thông qua tìm tòi khám phá thêm về thị trường lao động đối với các ngành nghề thuộc lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ. 2.2. Năng lực công nghệ: - Trình bày được khái niệm về thị trường lao động. - Trình bày được các yếu tố ảnh hưởng tới thị trường lao động. - Trình bày được vai trò của thị trường lao động trong việc định hướng nghề nghiệp thuộc lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ. - Mô tả được những vấn đề cơ bản của thị trường lao động tại Việt Nam hiện nay. - Tìm kiếm được các thông tin về thị trường lao động trong lĩnh vực kỹ thuật và công nghệ. 3. Phẩm chất: - Chăm chỉ: Chăm học, ham học hỏi, chịu khó tìm tòi tài liệu có nội dung liên quan đến bài học và thực hiện tốt các nhiệm vụ học tập của GV đưa ra. Có ý thức vận dụng
-------------------------------	--	---

			kiến thức đã học thị trường lao động vào việc tìm hiểu ngành nghề thuộc lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ phù hợp với bản thân. - Trách nhiệm: Có trách nhiệm trong hoạt động nhóm, chủ động nhận và thực hiện nhiệm vụ.
4	Kiểm tra giữa học kì II	1	1. Kiến thức: - Củng cố, khắc sâu kiến thức đã học về nghề nghiệp trong lĩnh vực kỹ thuật và công nghệ; Cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân; Thị trường lao động kỹ thuật, công nghệ tại Việt Nam. - Vận dụng những kiến thức đã học về nghề nghiệp trong lĩnh vực kỹ thuật và công nghệ; Cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân; Thị trường lao động kỹ thuật, công nghệ tại Việt Nam vào thực tiễn - Kiểm tra đánh giá chất lượng học sinh để điều chỉnh phương pháp giảng dạy của GV và phương pháp học tập của HS. 2. Năng lực: 2.1. Năng lực chung: + Năng lực tự chủ và tự học: Chủ động, tích cực học tập, vận dụng một cách linh hoạt những kiến thức về nghề nghiệp trong lĩnh vực kỹ thuật và công nghệ; Cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân; Thị trường lao động kỹ thuật, công nghệ tại Việt Nam để giải quyết vấn đề trong khi làm bài kiểm tra. + Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Có khả năng phát hiện và giải quyết hiệu quả các vấn đề trong khi làm bài. 2.2. Năng lực công nghệ: - Củng cố, khắc sâu kiến thức đã học về nghề nghiệp trong lĩnh vực kỹ thuật và công nghệ; Cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân; Thị trường lao động kỹ thuật, công nghệ tại Việt Nam. - Vận dụng những kiến thức đã học về nghề nghiệp trong lĩnh vực kỹ thuật và công nghệ; Cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân; Thị trường lao động kỹ thuật, công nghệ tại Việt Nam vào thực tiễn - Kiểm tra đánh giá chất lượng học sinh để điều chỉnh phương pháp giảng dạy của

			GV và phương pháp học tập của HS. 3. Phẩm chất: - Chăm chỉ: Chăm học, chịu khó tìm tòi tài liệu để làm tốt bài kiểm tra. - Trách nhiệm: Có trách nhiệm với bản thân, gia đình, thầy cô khi tham gia học tập và làm bài kiểm tra. - Trung thực: Tự giác, trung thực khi làm bài kiểm tra.
5	Bài 4. Quy trình lựa chọn nghề nghiệp.	3	1. Kiến thức: - Tóm tắt được một số lí thuyết cơ bản về lựa chọn nghề nghiệp. - Tìm hiểu được các bước trong quy trình lựa chọn nghề nghiệp. - Nhận ra và giải thích được các yếu tố ảnh hưởng tới quyết định lựa chọn nghề nghiệp của bản thân trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ. 2. Năng lực: 2.1. Năng lực chung: - Năng lực tự chủ và tự học: Chủ động, tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập. Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm. Lựa chọn được nguồn tài liệu phù hợp để hiểu thêm về quy trình lựa chọn nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật và công nghệ. - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên. - Năng lực giải quyết vấn đề: Có khả năng phát hiện và giải quyết hiệu quả các vấn đề phát sinh trong quá trình học tập và thể hiện sự sáng tạo. Thông qua tìm tòi khám phá thêm về các ngành nghề thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ. 2.2. Năng lực công nghệ: - Tóm tắt được một số lí thuyết cơ bản về lựa chọn nghề nghiệp. - Tìm hiểu được các bước trong quy trình lựa chọn nghề nghiệp. - Nhận ra và giải thích được các yếu tố ảnh hưởng tới quyết định lựa chọn nghề nghiệp của bản thân trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ. 3. Phẩm chất: - Chăm chỉ: Chăm học, ham học hỏi, chịu khó tìm tòi tài liệu có nội dung liên quan

			đến bài học và thực hiện tốt các nhiệm vụ học tập của GV đưa ra. Có ý thức vận dụng kiến thức đã học về các lí thuyết lựa chọn nghề nghiệp, các yếu tố ảnh hưởng đến lựa chọn nghề nghiệp để bước đầu đưa ra định hướng nghề nghiệp cho bản thân. - Trách nhiệm: Có trách nhiệm trong hoạt động nhóm, chủ động nhận và thực hiện nhiệm vụ.
6	Bài 5. Dự án: Tự đánh giá mức độ phù hợp của bản thân với một số ngành nghề thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ	3	1. Kiến thức: - Tự đánh giá được năng lực, sở thích, cá tính của bản thân, bối cảnh gia đình về mức độ phù hợp với một số ngành nghề thuộc lĩnh vực kĩ thuật công nghệ. 2. Năng lực: 2.1. Năng lực chung: - Năng lực tự chủ và tự học: Chủ động, tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập. Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm. Lập kế hoạch thực hiện nhiệm vụ của dự án thông qua tìm tòi, khám phá các đặc điểm của bản thân và các ngành nghề thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ. - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và thực hiện dự án. - Năng lực giải quyết vấn đề: Có khả năng phát hiện và giải quyết hiệu quả các vấn đề phát sinh trong quá trình học tập và thể hiện sự sáng tạo. 2.2. Năng lực công nghệ: - Tự đánh giá được năng lực, sở thích, cá tính của bản thân, bối cảnh gia đình về mức độ phù hợp với một số ngành nghề thuộc lĩnh vực kĩ thuật công nghệ. 3. Phẩm chất: - Chăm chỉ: Chăm học, chịu khó tìm tòi tài liệu và thực hiện tốt các nhiệm vụ học tập của GV đưa ra. Thực hành đúng quy trình và không bỏ bước. Kiên nhẫn tìm hiểu về các đặc điểm bản thân và các đặc điểm yêu cầu của nghề nghiệp thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ. Cầu tiến và có tinh thần vượt khó khi thực hiện dự án. - Trách nhiệm: Có trách nhiệm trong hoạt động nhóm, chủ động nhận và thực hiện nhiệm vụ.
7	Ôn tập cuối học kì II	1	1. Kiến thức:

			- Trình bày được tóm tắt những kiến thức đã học trong học kì II. - Vận dụng những kiến thức đã học trong học kì II vào thực tiễn. 2. Năng lực: 2.1. Năng lực chung: + Năng lực tự chủ và tự học: Chủ động, tích cực học tập; vận dụng một cách linh hoạt những kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề trong cuộc sống. + Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết trình bày ý tưởng, thảo luận những vấn đề của bài học, thực hiện có trách nhiệm các phần việc của cá nhân và phối hợp tốt với các thành viên trong nhóm. + Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Có khả năng phát hiện và giải quyết hiệu quả các vấn đề trong quá trình ôn tập. 2.2. Năng lực công nghệ: - Trình bày được tóm tắt những kiến thức đã học trong học kì II. - Vận dụng những kiến thức đã học trong học kì II vào thực tiễn. 3. Phẩm chất: - Chăm chỉ: Chăm học, chịu khó tìm tòi tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ cá nhân. - Trách nhiệm: Có ý thức hỗ trợ hợp tác với các thành viên trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ. - Nhân ái: Có ý thức tôn trọng ý kiến của các thành viên trong nhóm khi hợp tác.
8	Kiểm tra cuối học kì II	1	1. Kiến thức: - củng cố, khắc sâu kiến thức đã học trong học kì II. - Vận dụng những kiến thức đã học trong học kì II vào thực tiễn - Kiểm tra đánh giá chất lượng học sinh để điều chỉnh phương pháp giảng dạy của GV và phương pháp học tập của HS. 2. Năng lực: 2.1. Năng lực chung: + Năng lực tự chủ và tự học: Chủ động, tích cực học tập, vận dụng một cách linh hoạt những kiến thức đã học để giải quyết vấn đề trong khi làm bài kiểm tra.

			+ Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Có khả năng phát hiện và giải quyết hiệu quả các vấn đề trong khi làm bài. 2.2. Năng lực công nghệ: - Củng cố, khắc sâu kiến thức đã học trong học kì II. - Vận dụng những kiến thức đã học trong học kì II vào thực tiễn - Kiểm tra đánh giá chất lượng học sinh để điều chỉnh phương pháp giảng dạy của GV và phương pháp học tập của HS. 3. Phẩm chất: - Chăm chỉ: Chăm học, chịu khó tìm tòi tài liệu để làm tốt bài kiểm tra. - Trách nhiệm: Có trách nhiệm với bản thân, gia đình, thầy cô khi tham gia học tập và làm bài kiểm tra. - Trung thực: Tự giác, trung thực khi làm bài kiểm tra.
HỌC KÌ II: TRẢI NGHIỆM NGHỀ NGHIỆP - MÔ ĐUN LẮP ĐẶT MẠNG ĐIỆN TRONG NHÀ			
1	Bài 1. Thiết bị đóng cắt và lấy điện trong gia đình	4	1. Kiến thức: - Mô tả được chức năng, cấu tạo và thông số kỹ thuật của thiết bị đóng cắt, lấy điện trong gia đình. 2. Năng lực: 2.1. Năng lực chung: - Năng lực tự chủ và tự học: Chủ động, tích cực học tập. Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm. Lựa chọn được nguồn tài liệu phù hợp để hiểu thêm về thiết bị đóng cắt và lấy điện trong gia đình. - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên. Tích cực giao tiếp, hợp tác để giải quyết các nhiệm vụ học tập trong quá trình tìm hiểu chức năng, cấu tạo và thông số kỹ thuật của thiết bị đóng cắt, lấy điện. - Năng lực giải quyết vấn đề: Có khả năng phát hiện và giải quyết hiệu quả các vấn đề phát sinh trong quá trình học tập và thể hiện sự sáng tạo. 2.2. Năng lực công nghệ:

			- Kể tên các thiết bị đóng cắt và lấy điện trong gia đình. - Mô tả được chức năng, cấu tạo, thông số kỹ thuật của các thiết bị đóng cắt và lấy điện. 3. Phẩm chất: - Chăm chỉ: Cần thận, tỉ mỉ. Chăm học, chịu khó tìm tòi tài liệu và thực hiện tốt các nhiệm vụ học tập của GV đưa ra. Biết vận dụng những kiến thức đã học để sử dụng an toàn các thiết bị đóng cắt và lấy điện trong gia - Trách nhiệm: Có trách nhiệm trong việc sử dụng và đảm bảo an toàn đối với các thiết bị đóng cắt và lấy điện trong gia đình. Có trách nhiệm trong hoạt động nhóm, chủ động nhận và thực hiện nhiệm vụ. Có tính kỉ luật cao.
2	Bài 2. Dụng cụ đo điện cơ bản	4	1. Kiến thức: - Sử dụng được một số dụng cụ đo điện cơ bản. 2. Năng lực: 2.1. Năng lực chung: - Năng lực tự chủ và tự học: Chủ động, tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập. Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm. Chủ động học tập, tìm hiểu chức năng, cấu tạo và cách sử dụng các dụng cụ đo điện cơ bản. Lựa chọn được nguồn tài liệu phù hợp để hiểu thêm về dụng cụ đo điện. - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Tích cực giao tiếp, hợp tác nhóm để giải quyết các nhiệm vụ trong quá trình tìm hiểu chức năng, cấu tạo và cách sử dụng các dụng cụ đo điện cơ bản góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên. - Năng lực giải quyết vấn đề: Có khả năng phát hiện và giải quyết hiệu quả các vấn đề phát sinh trong quá trình học tập và thể hiện sự sáng tạo. 2.2. Năng lực công nghệ: - Mô tả được chức năng, cấu tạo của một số dụng cụ đo điện cơ bản. - Sử dụng được một số dụng cụ đo điện cơ bản. 3. Phẩm chất: - Chăm chỉ: Chăm học, cần thận, chịu khó tìm tòi tài liệu và thực hiện tốt các nhiệm

			vụ học tập của GV đưa ra. Biết vận dụng kiến thức về dụng cụ đo điện vào thực tiễn. - Trách nhiệm: Có trách nhiệm trong hoạt động nhóm, chủ động nhận và thực hiện nhiệm vụ. Có tính kỉ luật cao. Có trách nhiệm trong việc sử dụng và đảm bảo an toàn đối với dụng cụ đo điện cơ bản.
3	Bài 3. Thiết kế mạng điện trong nhà	4	1. Kiến thức: - Đọc hiểu các bản vẽ sơ đồ nguyên lí, sơ đồ lắp đặt, thông số kĩ thuật của dây dẫn điện và các thiết bị tiêu thụ điện. - Mô tả được các bản vẽ sơ đồ nguyên lí, sơ đồ lắp đặt và cách kết nối các thiết bị, đồ dùng điện trong các sơ đồ mạng điện. - Thiết kế được sơ đồ nguyên lí và sơ đồ lắp đặt mạng điện trong nhà. 2. Năng lực: 2.1. Năng lực chung: - Năng lực tự chủ và tự học: Chủ động, tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập. Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm. Lựa chọn được nguồn tài liệu phù hợp để hiểu thêm về mạng điện trong nhà. - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên. - Năng lực giải quyết vấn đề: Có khả năng phát hiện và giải quyết hiệu quả các vấn đề phát sinh trong quá trình học tập và thể hiện sự sáng tạo. 2.2. Năng lực công nghệ: - Đọc hiểu các bản vẽ sơ đồ nguyên lí, sơ đồ lắp đặt, thông số kĩ thuật của dây dẫn điện và các thiết bị tiêu thụ điện. - Mô tả được các bản vẽ sơ đồ nguyên lí, sơ đồ lắp đặt và cách kết nối các thiết bị, đồ dùng điện trong các sơ đồ mạng điện. - Thiết kế được sơ đồ nguyên lí và sơ đồ lắp đặt mạng điện trong nhà. 3. Phẩm chất: - Chăm chỉ: Chăm học, cẩn thận, tỉ mỉ, chịu khó tìm tòi tài liệu và thực hiện tốt các nhiệm vụ học tập của GV đưa ra. Biết vận dụng được các tiêu chuẩn vào thiết kế mạng điện trong nhà.

			- Trách nhiệm: Có trách nhiệm trong hoạt động nhóm, chủ động nhận và thực hiện nhiệm vụ. Có tính kỉ luật cao.
4	Bài 4. Vật liệu, thiết bị và dụng cụ dùng cho lắp đặt mạng điện trong nhà.	4	1. Kiến thức: - Biết được một số thuật ngữ về tên gọi các vật liệu và thiết bị điện dùng trong lắp đặt mạng điện trong nhà. - Lựa chọn được thiết bị, dụng cụ, vật liệu phù hợp cho mạng điện trong nhà - Mô tả được các bản vẽ sơ đồ nguyên lý, sơ đồ lắp đặt và cách kết nối các thiết bị, đồ dùng điện trong các sơ đồ mạng điện. - Bước đầu nhận xét, đánh giá các vật liệu được sử dụng trong lắp đặt mạng điện trong nhà. 2. Năng lực: 2.1. Năng lực chung: - Năng lực tự chủ và tự học: Chủ động, tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập. Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm. Lựa chọn được nguồn tài liệu phù hợp để hiểu thêm về vật liệu, thiết bị và dụng cụ dùng cho lắp đặt mạng điện trong nhà. - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên. - Năng lực giải quyết vấn đề: Có khả năng phát hiện và giải quyết hiệu quả các vấn đề phát sinh trong quá trình học tập và thể hiện sự sáng tạo. 2.2. Năng lực công nghệ: - Biết được một số thuật ngữ về tên gọi các vật liệu và thiết bị điện dùng trong lắp đặt mạng điện trong nhà. - Lựa chọn được thiết bị, dụng cụ, vật liệu phù hợp cho mạng điện trong nhà - Mô tả được các bản vẽ sơ đồ nguyên lý, sơ đồ lắp đặt và cách kết nối các thiết bị, đồ dùng điện trong các sơ đồ mạng điện. - Bước đầu nhận xét, đánh giá các vật liệu được sử dụng trong lắp đặt mạng điện trong nhà. 3. Phẩm chất:

			- Chăm chỉ: Chăm học, cẩn thận, tỉ mỉ, chịu khó tìm tòi tài liệu và thực hiện tốt các nhiệm vụ học tập của GV đưa ra. Biết vận dụng vận dụng các tiêu chuẩn vào lắp đặt mạng điện trong nhà. - Trách nhiệm: Có trách nhiệm trong hoạt động nhóm, chủ động nhận và thực hiện nhiệm vụ. Có ý thức tìm hiểu về bản vẽ lắp. Thích tìm hiểu thông tin để mở rộng hiểu biết.
5	Kiểm tra giữa học kì II	1	1. Kiến thức: - Củng cố, khắc sâu kiến thức đã học về thiết bị đóng cắt và lấy điện trong gia đình; Dụng cụ đo điện cơ bản; Thiết kế mạng điện trong nhà; Vật liệu, thiết bị và dụng cụ dùng cho lắp đặt mạng điện trong nhà. - Vận dụng những kiến thức đã học về về thiết bị đóng cắt và lấy điện trong gia đình; Dụng cụ đo điện cơ bản; Thiết kế mạng điện trong nhà; Vật liệu, thiết bị và dụng cụ dùng cho lắp đặt mạng điện trong nhà vào thực tiễn - Kiểm tra đánh giá chất lượng học sinh để điều chỉnh phương pháp giảng dạy của GV và phương pháp học tập của HS. 2. Năng lực: 2.1. Năng lực chung: + Năng lực tự chủ và tự học: Chủ động, tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập, vận dụng một cách linh hoạt những kiến thức về về thiết bị đóng cắt và lấy điện trong gia đình; Dụng cụ đo điện cơ bản; Thiết kế mạng điện trong nhà; Vật liệu, thiết bị và dụng cụ dùng cho lắp đặt mạng điện trong nhà để giải quyết vấn đề trong khi làm bài kiểm tra. + Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Có khả năng phát hiện và giải quyết hiệu quả các vấn đề trong khi làm bài. 2.2. Năng lực công nghệ: - Củng cố, khắc sâu kiến thức đã học về thiết bị đóng cắt và lấy điện trong gia đình; Dụng cụ đo điện cơ bản; Thiết kế mạng điện trong nhà; Vật liệu, thiết bị và dụng cụ dùng cho lắp đặt mạng điện trong nhà. - Vận dụng những kiến thức đã học về về thiết bị đóng cắt và lấy điện trong gia đình;

			Dụng cụ đo điện cơ bản; Thiết kế mạng điện trong nhà; Vật liệu, thiết bị và dụng cụ dùng cho lắp đặt mạng điện trong nhà vào thực tiễn - Kiểm tra đánh giá chất lượng học sinh để điều chỉnh phương pháp giảng dạy của GV và phương pháp học tập của HS. 3. Phẩm chất: - Chăm chỉ: Chăm học, chịu khó tìm tòi tài liệu để làm tốt bài kiểm tra. - Trách nhiệm: Có trách nhiệm với bản thân, gia đình, thầy cô khi tham gia học tập và làm bài kiểm tra. - Trung thực: Tự giác, trung thực khi làm bài kiểm tra.
6	Bài 5. Tính toán chi phí mạng điện trong nhà.	4	1. Kiến thức: - Đọc được bản vẽ sơ đồ lắp đặt mạng điện trong nhà. - Nhận biết được các vật liệu và thiết bị được sử dụng trong mạng điện. - Nhận biết được thông số kỹ thuật của dây dẫn và thiết bị điện sử dụng trong bản vẽ sơ đồ lắp đặt mạng điện. - Tính toán được chi phí cho một mạng điện trong nhà đơn giản. 2. Năng lực: 2.1. Năng lực chung: - Năng lực tự chủ và tự học: Chủ động, tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập. Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm. Lựa chọn được nguồn tài liệu phù hợp để hiểu thêm về tính toán chi phí mạng điện trong nhà.. - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên. - Năng lực giải quyết vấn đề: Có khả năng phát hiện và giải quyết hiệu quả các vấn đề phát sinh trong quá trình học tập và thể hiện sự sáng tạo. 2.2. Năng lực công nghệ: - Đọc được bản vẽ sơ đồ lắp đặt mạng điện trong nhà. - Nhận biết được các vật liệu và thiết bị được sử dụng trong mạng điện. - Nhận biết được thông số kỹ thuật của dây dẫn và thiết bị điện sử dụng trong bản vẽ sơ đồ lắp đặt mạng điện.

			- Tính toán được chi phí cho một mạng điện trong nhà đơn giản. 3. Phẩm chất: - Chăm chỉ: Chăm học, cẩn thận, tỉ mỉ, chịu khó tìm tòi tài liệu và thực hiện tốt các nhiệm vụ học tập của GV đưa ra. Biết vận dụng được cách tính toán chi phí mạng điện đơn giản trong gia đình. - Trách nhiệm: Có trách nhiệm trong hoạt động nhóm, chủ động nhận và thực hiện nhiệm vụ. Tích cực giao tiếp và hợp tác khi làm việc nhóm.
7	Bài 6. Thực hành: Lắp đặt mạng điện trong nhà	8	1. Kiến thức: - Lắp đặt được mạng điện trong nhà theo thiết kế. - Đọc được bản vẽ sơ đồ lắp đặt mạng điện trong nhà. Nhận biết được các vật liệu và thiết bị được sử dụng trong mạng điện. - Nhận biết được các thông số kỹ thuật của dây dẫn và thiết bị điện sử dụng trong bản vẽ sơ đồ lắp đặt mạng điện. - Lựa chọn và sử dụng được các dụng cụ cho lắp đặt mạng điện. Lắp đặt được mạng điện trong nhà theo sơ đồ lắp đặt mạng điện. - Kiểm tra được mạng điện an toàn, hoạt động đúng yêu cầu kỹ thuật. - Thực hiện an toàn, vệ sinh lao động, nghiêm túc, trách nhiệm trong công việc. - Đánh giá được sản phẩm sau khi tiến hành thực hành. 2. Năng lực: 2.1. Năng lực chung: - Năng lực tự chủ và tự học: Chủ động, tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập. Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm. Lựa chọn được nguồn tài liệu phù hợp để hiểu thêm về lắp đặt mạng điện trong nhà. - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên. - Năng lực giải quyết vấn đề: Có khả năng phát hiện và giải quyết hiệu quả các vấn đề phát sinh trong quá trình học tập và thể hiện sự sáng tạo. Giải quyết được một số vấn đề trong quá trình tìm hiểu lắp đặt mạng điện. 2.2. Năng lực công nghệ:

			- Đọc được bản vẽ sơ đồ lắp đặt mạng điện trong nhà. Nhận biết được các vật liệu và thiết bị được sử dụng trong mạng điện. - Nhận biết được các thông số kỹ thuật của dây dẫn và thiết bị điện sử dụng trong bản vẽ sơ đồ lắp đặt mạng điện. - Lựa chọn và sử dụng được các dụng cụ cho lắp đặt mạng điện. Lắp đặt được mạng điện trong nhà theo sơ đồ lắp đặt mạng điện. - Kiểm tra được mạng điện an toàn, hoạt động đúng yêu cầu kỹ thuật. - Thực hiện an toàn, vệ sinh lao động, nghiêm túc, trách nhiệm trong công việc. - Đánh giá được sản phẩm sau khi tiến hành thực hành. 3. Phẩm chất: - Chăm chỉ: Chăm học, chịu khó tìm tòi tài liệu và thực hiện tốt các nhiệm vụ học tập của GV đưa ra. Vận dụng được kiến thức về lắp đặt mạng điện trong nhà vào thực tế. - Trách nhiệm: Có trách nhiệm trong hoạt động nhóm, chủ động nhận và thực hiện nhiệm vụ. Có ý thức tìm hiểu về lắp đặt mạng điện trong nhà. Có tính kỷ luật cao. - Nhân ái: Có ý thức tôn trọng ý kiến của các thành viên trong nhóm khi hợp tác.
8	Bài 7. Một số ngành nghề liên quan đến lắp đặt mạng điện trong nhà.	3	1. Kiến thức: - Đánh giá được khả năng và sở thích của bản thân đối với một số ngành nghề liên quan. - Giới thiệu được một số ngành nghề liên quan đến lắp đặt mạng điện trong nhà. - Trình bày được đặc điểm chung của một số ngành nghề liên quan đến lắp đặt mạng điện trong nhà. - Nêu được yêu cầu đối với người lao động của ngành nghề liên quan đến lắp đặt mạng điện trong nhà. - Đánh giá được khả năng và sở thích của bản thân đối với một số ngành nghề liên quan tới lắp đặt mạng điện trong nhà. 2. Năng lực: 2.1. Năng lực chung: - Năng lực tự chủ và tự học: Chủ động, tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập. Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm. Chủ động học tập,

		tìm hiểu các ngành nghề liên quan đến lắp đặt mạng điện trong nhà. Lựa chọn được nguồn tài liệu phù hợp để hiểu thêm về các ngành nghề liên quan đến lắp đặt mạng điện trong nhà. - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên. - Năng lực giải quyết vấn đề: Có khả năng phát hiện và giải quyết hiệu quả các vấn đề phát sinh trong quá trình học tập và thể hiện sự sáng tạo. 2.2. Năng lực công nghệ: - Đánh giá được khả năng và sở thích của bản thân đối với một số ngành nghề liên quan. - Giới thiệu được một số ngành nghề liên quan đến lắp đặt mạng điện trong nhà. - Trình bày được đặc điểm chung của một số ngành nghề liên quan đến lắp đặt mạng điện trong nhà. - Nêu được yêu cầu đối với người lao động của ngành nghề liên quan đến lắp đặt mạng điện trong nhà. - Đánh giá được khả năng và sở thích của bản thân đối với một số ngành nghề liên quan tới lắp đặt mạng điện trong nhà. 3. Phẩm chất: - Chăm chỉ: Chăm học, ham học hỏi, chịu khó tìm tòi tài liệu và thực hiện tốt các nhiệm vụ học tập của GV đưa ra. Vận dụng những kiến thức đã học về một số ngành nghề liên quan đến lắp đặt mạng điện trong nhà nhằm đánh giá sự phù hợp của bản thân mình để có định hướng học tập tốt đáp ứng nhu cầu của ngành nghề đó. - Trách nhiệm: Có trách nhiệm trong hoạt động nhóm, chủ động nhận và thực hiện nhiệm vụ của GV. Có trách nhiệm với bản thân trong việc đánh giá sự phù hợp với các ngành nghề để có định hướng học tập đúng đắn.
9	Ôn tập cuối học kì I	1 1. Kiến thức: - Trình bày được tóm tắt những kiến thức đã học trong học kì I - Vận dụng những kiến thức đã học trong học kì I vào thực tiễn. 2. Năng lực:

			2.1. Năng lực chung: + Năng lực tự chủ và tự học: Chủ động, tích cực học tập; vận dụng một cách linh hoạt những kiến thức trong học kì I để giải quyết những vấn đề trong cuộc sống. + Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết trình bày ý tưởng, thảo luận những vấn đề của bài học, thực hiện có trách nhiệm các phần việc của cá nhân và phối hợp tốt với các thành viên trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ thầy cô giao. + Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Có khả năng phát hiện và giải quyết hiệu quả các vấn đề trong quá trình ôn tập. 2.2. Năng lực công nghệ: - Trình bày được tóm tắt những kiến thức đã học trong học kì I. - Vận dụng những kiến thức đã học trong học kì I vào thực tiễn. 3. Phẩm chất: - Chăm chỉ: Chăm học, chịu khó tìm tòi tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ cá nhân. - Trách nhiệm: Có ý thức hỗ trợ hợp tác với các thành viên trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ. - Nhân ái: Có ý thức tôn trọng ý kiến của các thành viên trong nhóm khi hợp tác.
10	Kiểm tra cuối học kì I	1	1. Kiến thức: - Củng cố, khắc sâu kiến thức đã học trong học kì I. - Vận dụng những kiến thức đã học trong học kì I vào thực tiễn - Kiểm tra đánh giá chất lượng học sinh để điều chỉnh phương pháp giảng dạy của GV và phương pháp học tập của HS. 2. Năng lực: 2.1. Năng lực chung: + Năng lực tự chủ và tự học: Chủ động, tích cực học tập, vận dụng một cách linh hoạt những kiến thức trong học kì I để giải quyết vấn đề trong khi làm bài kiểm tra. + Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Có khả năng phát hiện và giải quyết hiệu quả các vấn đề trong khi làm bài. 2.2. Năng lực công nghệ: - Củng cố, khắc sâu kiến thức đã học trong học kì I.

			- Vận dụng những kiến thức đã học trong học kì I vào thực tiễn - Kiểm tra đánh giá chất lượng học sinh để điều chỉnh phương pháp giảng dạy của GV và phương pháp học tập của HS. 3. Phẩm chất: - Chăm chỉ: Chăm học, chịu khó tìm tòi tài liệu để làm tốt bài kiểm tra. - Trách nhiệm: Có trách nhiệm với bản thân, gia đình, thầy cô khi tham gia học tập và làm bài kiểm tra. - Trung thực: Tự giác, trung thực khi làm bài kiểm tra.
--	--	--	--

1.17. Phân phối chương trình môn HĐTN 6

Tuần	Chủ đề (1)	Tiết theo KHGD (2)	Bài học (3)	Yêu cầu cần đạt (4)	Ghi chú (5)
HỌC KÌ I					
1	Chủ đề 1: Em với nhà trường	1	SH dưới cờ: Lễ Khai giảng năm học.	- Nhận thức được ý nghĩa của ngày khai giảng. - Thể hiện được cảm xúc vui vẻ, hào hứng, tự hào; có ấn tượng tốt đẹp về ngày khai giảng. - Rèn sự tự tin, ý thức tổ chức kỉ luật, kĩ năng lắng nghe tích cực; phát triển phẩm chất trách nhiệm.	
		2	HĐGDCĐ: Lớp học mới của em	- Kể được tên các bạn trong lớp, trong tổ, và tên các thầy cô giáo dạy lớp mình. -Nêu được những việc nên làm và những việc không nên làm với bạn bè, thầy cô để có giữ gìn tình bạn, tình thầy trò. - Biết cách thiết lập mối quan hệ thân thiện với bạn bè và thầy cô. - Rèn luyện kĩ năng thiết lập quan hệ thân thiện với bạn bè, kính trọng thầy cô, kĩ năng làm chủ cảm xúc, lắng nghe	

				tích cực , trình bày suy nghĩ, ý tưởng , sự tự tin, thiện chí, phẩm chất nhân ái .	
		3	SH lớp: Xây dựng nội quy lớp học.	- HS nêu được những việc nên làm và không nên làm với bạn bè, thầy cô để thiết lập quan hệ bạn bè thân thiện kính trọng thầy cô. - Thảo luận để xây dựng được nội qui lớp học. - Phát triển phẩm chất trách nhiệm.	
2	Chủ đề 1: Em với nhà trường	4	SH dưới cờ: Tìm hiểu truyền thống nhà trường.	- Nêu được truyền thống tốt đẹp của nhà trường và ý nghĩa của truyền thống đó. - Xác định được trách nhiệm của bản thân trong việc phát huy truyền thống nhà trường. - Rèn kĩ năng chú ý lắng nghe, kĩ năng thuyết trình, tự giác tham gia các hoạt động; phát triển phẩm chất trách nhiệm.	
		5	HĐGDCĐ: Truyền thống trường em	- Giới thiệu được những nét nổi bật của nhà trường. - Chủ động tự giác tham gia xây dựng truyền thống nhà trường.	
		6	SH lớp: Giới thiệu về truyền thống nhà trường	- Nêu được truyền thống tốt đẹp của nhà trường và ý nghĩa của truyền thống đó. - Xác định được trách nhiệm của bản thân trong việc phát huy truyền thống nhà trường. - Rèn kĩ năng chú ý lắng nghe, kĩ năng thuyết trình, tự giác tham gia các hoạt động; phẩm chất trách nhiệm.	
3	Chủ đề 1: Em với nhà trường	7	SH dưới cờ: Đăng kí tuần học tốt, tháng học tốt	- Tự ý thức được trách nhiệm của bản thân, chọn lựa được các tiết học có thể đăng ký để cả lớp cùng thực hiện. - Rèn kĩ năng hợp tác trong công việc, tổ chức hoạt động. Phát triển phẩm chất trách nhiệm, trung thực.	-
		8	HĐGDCĐ: Điều chỉnh bản thân cho phù hợp với môi	- Kể được những khó khăn của bản thân trong môi trường học tập mới. - Nêu được những việc đã làm và nên làm để điều chỉnh	

			trường học tập mới	bản thân cho phù hợp với môi trường học tập mới. - Xây dựng và thực hiện được kế hoạch học tập, rèn luyện trong môi trường học tập mới. - Rèn kỹ năng tự nhận thức bản thân, kỹ năng lắng nghe tích cực, kỹ năng trình bày suy nghĩ, ý tưởng....	
		9	SH lớp:	- Tự ý thức được trách nhiệm của bản thân, tự giác phấn đấu, rèn luyện, điều chỉnh bản thân phù hợp với yêu cầu thi đua của lớp. - Rèn kỹ năng tự học, phối hợp trong công việc, tổ chức hoạt động. - Phát triển phẩm chất chăm chỉ, trách nhiệm.	-
4	Chủ đề 1: Em với nhà trường	10	SH dưới cờ: Diễn đàn “Phòng chống bạo lực học đường”	- Nêu được các hình thức bạo lực học đường có thể xảy ra và ảnh hưởng của bạo lực học đường đối với cá nhân, lớp học và nhà trường; - Thể hiện quan điểm, thái độ không đồng tình với hành vi bạo lực học đường; - Đề xuất được các biện pháp phòng tránh bạo lực học đường và xây dựng trường học thân thiện; - Rèn kỹ năng xây dựng kế hoạch, tổ chức hoạt động và đánh giá; phẩm chất nhân ái, trách nhiệm.	
		11	HĐGDCĐ: Em và các bạn	- Nhận thức được tình bạn là một khía cạnh quan trọng đối với tuổi THCS nên cần phải gìn giữ. - Nhận diện, xác định được một số vấn đề nảy sinh trong quan hệ bạn bè. - Giải quyết được một số vấn đề nảy sinh trong tình bạn một cách tích cực, mang tính xây dựng. - Rèn luyện kỹ năng tự nhận thức bản thân, làm chủ cảm xúc, lắng nghe tích cực, kỹ năng trình bày suy nghĩ, ý tưởng, kỹ năng thể hiện sự thiện chí trong tình bạn.	

		12	SH lớp:	- Xây dựng được quy tắc ứng xử để tạo môi trường lớp học an toàn, thân thiện; - Nêu được những cách giải quyết mâu thuẫn với bạn theo hướng tích cực, thân thiện. - Phát triển phẩm chất nhân ái, trách nhiệm.	
5	Chủ đề 2: Khám phá bản thân	13	SH dưới cờ: Diễn đàn” Chăm ngoan học giỏi”	- Biết được sự cần thiết phải chăm ngoan học giỏi và rèn luyện để trở thành HS chăm ngoan học giỏi là cách để phát triển bản thân. - Chia sẻ được các biện pháp rèn luyện để trở thành HS chăm ngoan học giỏi. - Có động lực thực hiện các biện pháp rèn luyện để trở thành HS chăm ngoan học giỏi. - Rèn kỹ năng lắng nghe tích cực, trình bày suy nghĩ, sự tự tin, đồng thời góp phần hình thành năng lực tự chủ, giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề, và các phẩm chất chăm chỉ, trách nhiệm, trung thực.	
		14	HĐGDCĐ: Em đã lớn hơn	- Nhận diện được những thay đổi về thể chất và tinh thần của bản thân. - Nhận biết được những tha đổi tích cực của bản thân và những điều bản thân cần khắc phục, thay đổi tích cực. - Rèn luyện kỹ năng tự nhận thức bản thân, kỹ năng lắng nghe tích cực , kỹ năng trình bày suy nghĩ, ý tưởng...góp phần hình thành năng lực tự chủ giao tiếp, hợp tác...và các phẩm chất trung thực, trách nhiệm..	
		15	SH lớp:	- Rèn kĩ năng lập kế hoạch, thực hiện và đánh giá kết quả hoạt động, năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động, năng lực hợp tác. - Viết được bài giới thiệu về các biểu hiện phát triển của bản thân để có thể tham gia diễn đàn “Em đã lớn hơn” của	

				lớp. - Phát triển phẩm chất trách nhiệm với bản thân.	
6	Chủ đề 2: Khám phá bản thân	16	SH dưới cờ: Kể chuyện về tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh	- Học tập tấm gương đạo đức của Bác Hồ, điều chỉnh bản thân để trở thành con ngoan, trò giỏi, đội viên tốt. - Rèn kĩ năng thiết kế, tổ chức, đánh giá hoạt động; - Phát triển phẩm chất nhân ái, chăm chỉ, trách nhiệm.	
		17	HĐGDCĐ: Đức tính đặc trưng của em	- Nhận diện được đức tính đặc trưng của bản thân. - Giới thiệu được đức tính đặc trưng của bản thân. - Xây dựng và thực hiện kế hoạch rèn luyện những đức tính cần thiết. - Rèn luyện kỹ năng lắng nghe tích cực, kỹ năng trình bày suy nghĩ, ý tưởng, kỹ năng xây dựng và thực hiện kế hoạch, phẩm chất trung thực, trách nhiệm.	
		18	SH lớp:	- Biết được đức tính đặc trưng của các bạn trong lớp để có thể đoán đúng được tên bạn. - Mạnh dạn, tự tin chia sẻ đức tính đặc trưng của mình. - Phát triển phẩm chất trung thực.	
7	Chủ đề 2: Khám phá bản thân	19	SH dưới cờ: Chúng ta cùng tài giỏi	- Nhận thức được sở thích, khả năng và những giá trị khác của bản thân. - Mạnh dạn, tự tin thể hiện khả năng của mình và biết học hỏi bạn bè. - Phát triển phẩm chất chăm chỉ, trách nhiệm.	
		20	HĐGDCĐ: Sở thích và khả năng của em	- Phát hiện và nêu được sở thích của bản thân, tự tin thể hiện sở thích của mình. - Phát hiện và nêu được khả năng của bản thân, tự tin thể hiện khả năng của mình. - Tiếp tục rèn luyện, phát triển khả năng và sở thích của bản thân. - Rèn luyện kỹ năng tự nhận thức bản thân, sự tự tin, kỹ	

				năng lắng nghe tích cực, kỹ năng trình bày suy nghĩ, ý tưởng ..góp phần hình thành năng lực tự chủ, giao tiếp, hợp tác và có phẩm chất trung thực, trách nhiệm.	
		21	SH lớp:	- Chia sẻ được sản phẩm làm theo nhóm cùng sở thích, khả năng. - Chia sẻ được việc rèn luyện để phát triển khả năng và sở thích của bản thân.	
8	Chủ đề 2: Khám phá bản thân	22	SH dưới cờ: Diễn đàn: Tình bạn	- Biết đoàn kết, yêu thương, chia sẻ, cảm thông và tôn trọng bạn bè; - Biết giúp đỡ bạn có hoàn cảnh khó khăn; - Phát triển phẩm chất chăm chỉ.	
		23	HĐGDCĐ: Những giá trị của bản thân	-Nêu được thế nào là giá trị của một con người. -Phát hiện được những giá trị của bản thân. - Biết giữ gìn và phát huy được những giá trị của bản thân. - Rèn luyện kỹ năng tự nhận thức bản thân, lắng nghe tích cực, kỹ năng trình bày suy nghĩ, ý tưởng hợp tác, phẩm chất trung thực, trách nhiệm.	
		24	SH lớp: Giao lưu chia sẻ “Giá trị của tôi, giá trị của bạn”.	- Chia sẻ được ý kiến chân thực về những giá trị đã thực sự chi phối hành động, hành vi của bản thân; - Bày tỏ thái độ tôn trọng những giá trị chung và giá trị riêng của từng người. - Phát triển phẩm chất chăm chỉ, nhân ái.	
9	Chủ đề 3: Trách nhiệm với bản thân	25	SH dưới cờ: Giao lưu “Khỏe và đẹp”.	- Nhận thức được sự cần thiết phải rèn luyện thân thể để trở nên khỏe và đẹp, thể hiện sự quý trọng bản thân. - Biết cách rèn luyện để trở nên khỏe và đẹp. - Tự tin thể hiện vẻ đẹp của mình qua biểu diễn trang phục; Tích cực tham gia các trò chơi rèn luyện thể lực. - Góp phần hình thành năng lực thích ứng, năng lực thiết kế và tổ chức, đánh giá hoạt động.	

		26	HĐGDCCĐ: Kiểm tra giữa kỳ I		
		27	SH lớp: - Chia sẻ về những điều em học được về cách chăm sóc dáng vẻ bên ngoài, sức khỏe thể chất và sức khỏe tinh thần của bản thân; - Tập dân vũ để tham gia biểu diễn trong tiết sinh hoạt dưới cờ tuần sau.	- Nêu được những việc đã làm để chăm sóc dáng vẻ bên ngoài và chia sẻ với bạn trong lớp. - Nêu được cách chăm sóc dáng vẻ bên ngoài phù hợp với lứa tuổi và chia sẻ với bạn trong lớp. - Nêu được những việc cần làm để chăm sóc sức khỏe tinh thần và cách chăm sóc sức khỏe tinh thần phù hợp với lứa tuổi. - Rèn luyện kỹ năng dân vũ tập thể.	
10	Chủ đề 3: Trách nhiệm với bản thân	28	SH dưới cờ: Rèn luyện sức khỏe học đường	- Nêu được tầm quan trọng của việc rèn luyện sức khỏe học đường. - Xác định được mục tiêu rèn luyện sức khỏe dưới những hình thức khác nhau. - Tích cực tham gia các hình thức thể dục, thể thao được nhà trường tổ chức và có ý thức tự giác rèn luyện sức khỏe ở nhà kết hợp với ăn uống hợp lý. - Rèn kỹ năng lập kế hoạch, thực hiện và đánh giá kết quả hoạt động, năng lực tự chủ, có ý chí rèn luyện đảm bảo sức khỏe trong học tập và phát triển thể lực sau này; phát triển phẩm chất trách nhiệm đối với bản thân.	
		29	HĐGDCCĐ: Tự chăm sóc bản thân	- Nêu được những việc cần làm để chăm sóc bản thân về mọi mặt: thể chất, tinh thần, dáng vẻ bên ngoài; - Biết cách chăm sóc bản thân và thực hiện được các công việc chăm sóc bản thân; - Rèn luyện kỹ năng tự nhận thức bản thân, lắng nghe tích	

				cực, kĩ năng trình bày suy nghĩ, ý tưởng, kĩ năng hợp tác; - Góp phần phát triển các phẩm chất chung như: trung thực, trách nhiệm,...	
		30	SH lớp: Chia sẻ về kế hoạch chăm sóc bản thân đã xây dựng: Những việc đã thực hiện được, những việc còn gặp khó khăn.	- Trình bày được kế hoạch chăm sóc bản thân và những việc đã thực hiện được, những việc còn gặp khó khăn.	
11	Chủ đề 3: Trách nhiệm với bản thân	31	SH dưới cờ: Tham gia giao thông an toàn.	- Có những hiểu biết cơ bản về an toàn khi tham gia giao thông. - Tuân thủ pháp luật giao thông để tự bảo vệ bản thân khi tham gia giao thông. - Rèn kĩ năng thiết kế, tổ chức hoạt động, hợp tác, làm việc nhóm. - Phát triển phẩm chất trách nhiệm, nhân ái.	
		32	HĐGDCĐ: Ứng phó với thiên tai	- Nhận biết được những dấu hiệu của thiên tai; - Nêu được và biết cách tự bảo vệ bản thân trong một số tình huống thiên tai cụ thể; - Rèn luyện năng lực tự chủ, giải quyết vấn đề. thích ứng với cuộc sống, thiết kế và tổ chức hoạt động; phẩm chất trách nhiệm, chăm chỉ.	
		33	SH lớp: Tự bảo vệ bản thân với một số tình huống thiên tai cụ thể	- Nêu được tên một số loại thiên tai đã xảy ra ở nước ta và thế giới. - Nêu được dấu hiệu đặc trưng của một số loại thiên tai phổ biến. - Xác định được những việc cần làm để tự bảo vệ bản thân trong một số tình huống thiên tai cụ thể.	

				- Phát triển phẩm chất trách nhiệm.	
12	Chủ đề 3: Trách nhiệm với bản thân	34	SH dưới cờ: Ứng phó với các tình huống nguy hiểm.	- Nhận diện được các tình huống nguy hiểm trong cuộc sống, trong thiên tai để tìm cách ứng phó. - Biết giải quyết các tình huống nguy hiểm trong cuộc sống. - Rèn luyện kỹ năng quan sát, kỹ năng ra quyết định, giải quyết vấn đề, biết tìm sự giúp đỡ; - Rèn kỹ năng thiết kế, tổ chức hoạt động. - Bồi dưỡng phẩm chất nhân ái, trách nhiệm.	
		35	HĐGDCĐ: Ứng phó với thiên tai (TT)	- Vận dụng, củng cố kiến thức, kinh nghiệm mới về ứng phó với một số tình huống thiên tai cụ thể, phổ biến; - Rèn kỹ năng lắng nghe, hợp tác.	
		36	SH lớp: Đảm bảo an toàn trong một số tình huống nguy hiểm và thiên tai	- Vận dụng được tri thức, kinh nghiệm mới về ứng phó với thiên tai vào hoạt động thực tiễn ở nhà trường, gia đình, địa phương; - Rèn luyện kỹ năng chủ động, sẵn sàng ứng phó với thiên tai trong mọi tình huống.	
13	Chủ đề 4 Rèn luyện bản thân	37	SH dưới cờ: Diễn đàn “Nhiệm vụ đội viên”.	- Nhận thức được trách nhiệm và yêu cầu của Đội viên. - Có ý thức rèn luyện bản thân để xây dựng tổ chức Đội, góp phần xây dựng trường học hạnh phúc. - Rèn luyện kỹ năng giao tiếp, xây dựng kế hoạch, tổ chức hoạt động, đánh giá. - Phát triển phẩm chất chăm chỉ, trách nhiệm. - Mạnh dạn, tự tin trong công việc và hình thành những thói quen tốt.	
		38	HĐGDCĐ: Góc học tập của em	- Biết cách sắp xếp và sắp xếp được góc học tập gọn gàng, ngăn nắp; - Rèn luyện năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động, năng lực hợp tác, tính ngăn nắp, gọn gàng, phẩm chất chăm chỉ,	

				trách nhiệm.	
		39	SH lớp: Chia sẻ về những việc em đã tham gia, những điều đã học được và cảm nhận của bản thân khi tham gia diễn đàn “Nhiệm vụ đội viên”; Những việc em đã làm và cảm nhận của em khi sắp xếp góc học tập gọn gàng ngăn nắp.	- Rèn luyện kỹ năng giao tiếp, kỹ năng hùng biện trước đám đông; Có ý thức rèn luyện bản thân để xây dựng tổ chức Đội. - Rèn thói quen sắp xếp góc học tập gọn gàng ngăn nắp. - Phát triển phẩm chất chăm chỉ, trách nhiệm.	
14	Chủ đề 4 Rèn luyện bản thân	40	SH dưới cờ: Giao lưu “Vẻ đẹp đội viên”.	- Nhận thức được trách nhiệm và yêu cầu của người Đội viên; - Có ý thức rèn luyện bản thân để xây dựng tổ chức đội, góp phần xây dựng trường học hạnh phúc; - Rèn luyện kỹ năng giao tiếp, xây dựng kế hoạch, tổ chức hoạt động. - Phát triển phẩm chất chăm chỉ, trách nhiệm.	
		41	HĐGDCĐ: Sắp xếp nơi ở của em	- Biết cách sắp xếp và sắp xếp được nơi sinh hoạt cá nhân gọn gàng, ngăn nắp; - Rèn luyện năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động, năng lực hợp tác, tính ngăn nắp, gọn gàng; phẩm chất chăm chỉ, trách nhiệm.	
		42	SH lớp: Chia sẻ về những việc em đã làm, những thói quen chưa tốt đã thay	- Vận dụng được tri thức, kinh nghiệm mới để tranh biện về việc sắp xếp nơi sinh hoạt cá nhân gọn gàng, ngăn nắp; - Rèn luyện kỹ năng lập luận, bảo vệ ý kiến của bản thân. - Phát triển phẩm chất chăm chỉ, trách nhiệm.	

			đổi để nơi ở của em gọn gàng ngăn nắp; Tham gia sinh hoạt văn nghệ trong lớp.		
15	Chủ đề 4 Rèn luyện bản thân	43	SH dưới cờ: Giao tiếp trên mạng xã hội.	- Hiểu được tính chất hai mặt của mạng xã hội; - Biết cách ứng xử văn hoá trên mạng và tránh những việc không nên làm khi giao tiếp trên mạng xã hội; - Tự tin thể hiện những hiểu biết của bản thân về giao tiếp trên mạng xã hội.	
		44	HĐGDCĐ: Giao tiếp phù hợp	- Nhận diện được những tình huống giao tiếp phù hợp hoặc chưa phù hợp; - Điều chỉnh được bản thân phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp; - Rèn luyện kỹ năng giao tiếp, tự nhận thức bản thân, lắng nghe tích cực, trình bày suy nghĩ, ý tưởng, hợp tác, phẩm chất nhân ái, trách nhiệm.	
		45	SH lớp: Chia sẻ về những điều nên và không nên khi giao tiếp trên mạng xã hội; Những điều em thể hiện trong giao tiếp để khích lệ người khác tự tin và tránh làm người khác tổn thương; Những cách giao tiếp phù hợp và chưa phù hợp còn tồn tại trên lớp.	- Vận dụng được kiến thức, kinh nghiệm chia sẻ về những điều nên và không nên khi giao tiếp trên mạng xã hội; - Thực hiện được yêu cầu nói lời hay, làm việc tốt trong giao tiếp với mọi người ở trường, gia đình và cộng đồng; - Điều chỉnh được bản thân phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp trong cuộc sống hằng ngày.	

16	Chủ đề 4 Rèn luyện bản thân	46	SH dưới cờ: Diễn đàn “Người tiêu dùng thông minh”.	- Hiểu được tầm quan trọng của việc lập kế hoạch tài chính trong cuộc sống; - Xác định được những khoản chi tiêu cần thiết khi số tiền của mình hạn chế; - Phát triển năng lực tự chủ, rèn thói quen tiết kiệm, rèn kỹ năng lập kế hoạch, xác định mục tiêu, phẩm chất trách nhiệm, nhân ái.	
		47	HĐGDCĐ: Chi tiêu hợp lý	- Xác định được những khoản chi tiêu ưu tiên khi số tiền của mình hạn chế. - Biết cách chi tiêu tiết kiệm. - Rèn luyện kỹ năng ra quyết định, thói quen tiết kiệm; góp phần phát triển năng lực tự chủ; phẩm chất trách nhiệm, nhân ái,...	
		48	SH lớp: Chia sẻ về những việc em đã thực hiện sử dụng tiền hợp lý và thói quen chi tiêu chưa tiết kiệm em đã thay đổi; Chuẩn bị tham gia triển lãm tranh ảnh, chủ đề “Yêu thương và chia sẻ”.	- Kể được việc sử dụng tiền hợp lý và những thói quen chi tiêu chưa tiết kiệm đã thay đổi của bản thân; - Tích cực tham gia chuẩn bị triển lãm tranh, ảnh với chủ đề “Yêu thương và chia sẻ” - Phát triển phẩm chất: Trách nhiệm, nhân ái.	
17	Chủ đề 5: Em với gia đình	49	SH dưới cờ: Yêu thương và chia sẻ.	- Biết được ý nghĩa sự yêu thương và chia sẻ của những người thân trong gia đình. - Thể hiện được sự yêu thương và chia sẻ đối với những người thân trong gia đình. - Rèn sự tự tin khi diễn đạt suy nghĩ, trình bày ý tưởng trước đông người; rèn kỹ năng xây dựng kế hoạch, tổ chức	

				hoạt động và đánh giá; phẩm chất nhân ái, trách nhiệm.	
		50	HĐGDCĐ: Động viên, chăm sóc người thân trong gia đình	- Nhận diện được hành động, lời nói thể hiện sự quan tâm, động viên, chăm sóc người thân trong gia đình - Xác định và thực hiện được những lời nói, hành động để động viên, chăm sóc người thân trong gia đình - Đưa ra được lời khuyên cho các bạn về hành động và lời nói thể hiện sự động viên chăm sóc người thân - Rèn kỹ năng lắng nghe tích cực, kỹ năng trình bày suy nghĩ, ý tưởng, kỹ năng biểu lộ cảm xúc	
		51	SH lớp: Tình cảm gia đình	- Nêu và thực hiện được những lời nói, hành động thể hiện sự động viên, chăm sóc người thân trong gia đình; - Chủ động tự giác động viên chăm sóc người thân trong gia đình - Thể hiện trách nhiệm tích cực tham gia thảo luận hợp tác thực hiện nhiệm vụ	
18	Chủ đề 5: Em với gia đình	52	SH dưới cờ: Giải quyết một số vấn đề thường gặp trong gia đình.	- Phân tích được nguyên nhân các vấn đề xảy ra trong gia đình. - Biết cách ứng phó, giải quyết các vấn đề nảy sinh. - Rèn kỹ năng tổ chức thiết kế hoạt động, tự đánh giá phẩm chất trách nhiệm, nhân ái.	
		53	HĐGDCĐ: Kiểm tra cuối kỳ I		
		54	SH lớp: Kỹ năng giải quyết một số vấn đề thường gặp trong gia đình.	- Nêu được những điều đã biết tiếp thu học hỏi được về kỹ năng giải quyết một số vấn đề thường gặp trong gia đình. - Chủ động tự tin khi tham gia giải quyết một số vấn đề nảy sinh trong gia đình. - Thể hiện trách nhiệm tích cực tham gia thảo luận hợp tác khi thực hiện nhiệm vụ.	

HỌC KÌ II

Tuần	Chủ đề (1)	Tiết theo KHGD (2)	Bài học (3)	Yêu cầu cần đạt (4)	Ghi chú (5)
19	Chủ đề 5: Em với gia đình	55	SH dưới cờ: Hội chợ quê.	- Tự hào về truyền thống của quê hương, đất nước qua các món ăn truyền thống, các trò chơi dân gian, các bài hát về quê hương,... - Rèn kĩ năng tự tin, tự chủ, năng lực giao tiếp, hợp tác, thiết kế và tổ chức hoạt động; phẩm chất yêu quê hương, đất nước, chăm chỉ, trung thực.	
		56	HĐGDCĐ: Giải quyết một số vấn đề nảy sinh trong gia đình	- Nhận diện, phân tích được nguyên nhân xảy ra các vấn đề trong gia đình - Biết cách ứng phó, giải quyết phù hợp các vấn đề nảy sinh trong gia đình - Biết được một số vấn đề thường nảy sinh trong gia đình và biết cách giải quyết vấn đề khéo léo, hợp lí - Biết việc gì nên làm và không nên làm khi giải quyết các vấn đề nảy sinh trong gia đình - Rèn kĩ năng tự nhận thức bản thân, kĩ năng làm chủ cảm xúc, kĩ năng lắng nghe tích cực, kĩ năng trình bày suy nghĩ, ý tưởng, kĩ năng giải quyết các vấn đề nảy sinh	
		57	SH lớp: Chia sẻ về những việc nhà em đã chủ động, tự giác làm; những việc nhà bản thân ngại làm.	- Nêu được những việc nhà phù hợp với khả năng bản thân đã chủ động, tự giác thực hiện ở gia đình	
20	Chủ đề 5: Em với gia	58	SH dưới cờ: Khéo tay - Hay làm.	- Thể hiện sự khéo tay qua các công việc trong gia đình như: nấu ăn, trang trí nhà cửa...;	

	đình			- Thực hiện được một số việc trong gia đình bằng đôi bàn tay khéo léo; - Có ý thức làm các công việc trong gia đình; biết quan tâm đến mọi người, mọi việc trong gia đình; biết quý trọng những sản phẩm do mình làm ra - Phát triển phẩm chất nhân ái, trách nhiệm.	
		59	HĐGDCĐ: Em làm việc nhà	- Trình bày được bí quyết làm việc nhà - Hiểu rõ hơn cách làm tốt một số việc nhà	
		60	SH lớp: Chia sẻ về những việc em đã thực hiện và cảm xúc khi tham gia ngày hội Khéo tay - Hay làm; kế hoạch rèn luyện để khắc phục và thực hiện những việc nhà trước đây em ngại làm.	- Chia sẻ được những việc đã tham gia và cảm xúc của bản thân sau khi tham gia ngày hội “Khéo tay - Hay làm”; - Nêu được những việc nhà em đã chủ động, tự giác thực hiện và cách khắc phục tính ngại làm một số việc nhà. - Phát triển phẩm chất trách nhiệm.	
21	Chủ đề 6: Em với cộng đồng	61	SH dưới cờ: Mừng Đảng mừng Xuân.	- Cùng cổ niệm tin yêu Đảng, niềm tự hào quê hương, đất nước, về mùa xuân của dân tộc. - Lạc quan, yêu đời, tích cực học tập và rèn luyện để lập thành tích mừng Đảng, mừng xuân. - Phát huy tiềm năng văn nghệ, biết thêm nhiều bài hát ca ngợi Đảng, ca ngợi quê hương, đất nước và mùa xuân. - Rèn luyện kỹ năng thiết kế và tổ chức hoạt động, giao tiếp và hợp tác, phẩm chất yêu hương, đất nước, trách nhiệm	
		62	HĐGDCĐ: Thiết lập quan hệ với cộng đồng	- Nêu được những việc cần làm để thiết lập được các mối quan hệ với cộng đồng. - Thực hiện được những việc cần làm để thiết lập được các	

				mối quan hệ với cộng đồng.	
		63	SH lớp: Tổ chức hát, múa theo chủ đề mừng Đảng, mừng Xuân.	- Tích cực, hào hứng tham gia văn nghệ mừng Đảng, mừng xuân. - Nêu được hoạt động chung đã thực hiện với những người bạn hàng xóm.	
22	Chủ đề 6: Em với cộng đồng	64	SH dưới cờ: Hưởng ứng chương trình nhân đạo “Lá lành đùm lá rách”	- Hiểu quyền góp, ủng hộ những người gặp khó khăn là một truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta. - Biết cảm thông, chia sẻ, giúp đỡ bạn có hoàn cảnh khó khăn, hình thành phẩm chất nhân ái.	
		65	HĐGDCĐ: Em tham gia hoạt động thiện nguyện	- Thiết lập được các mối quan hệ với cộng đồng thông qua việc sẵn sàng giúp đỡ chia sẻ với những hoàn cảnh khó khăn. - Lập và thực hiện được kế hoạch hoạt động thiện nguyện tại địa phương, biết vận động người thân và bạn bè tham gia các hoạt động thiện nguyện nơi cư trú.	
		66	SH lớp: Cả lớp thực hiện hoạt động thiện nguyện theo kế hoạch. Tổng kết và đánh giá hoạt động.	- Tích cực tham gia đóng góp cho kế hoạch thiện nguyện theo kế hoạch đã lập. - Đánh giá được kết quả hoạt động thiện nguyện.	
23	Chủ đề 6: Em với cộng đồng	67	SH dưới cờ: Vẽ tranh tuyên truyền “Vì một cộng đồng văn minh sạch sẽ”	- Nhận thức rõ hơn về tác động ảnh hưởng của môi trường đối với sức khỏe cộng đồng nói chung và sức khỏe học đường nói riêng, giúp các em tiếp tục có ý thức bảo vệ môi trường và nâng cao ý thức bảo vệ, chăm sóc sức khỏe của bản thân và cộng đồng. - Góp phần giáo dục thẩm mỹ, phát huy năng khiếu hội họa.	
		68	HĐGDCĐ:	- Nêu được những hành vi văn hóa cần có ở nơi cộng đồng.	

24	Chủ đề 6: Em với cộng đồng		Hành vi có văn hóa nơi cộng đồng	- Đánh giá được những hành vi của bản thân và mọi người ở nơi công cộng. - Thực hiện được hành vi có văn hóa ở nơi công cộng. - Góp phần hình thành năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực tự chủ, năng lực tham gia hoạt động và thể hiện trách nhiệm của bản thân đối với cộng đồng.	
		69	SH lớp: Chia sẻ những hành vi có văn hóa mà em đã thực hiện nơi công cộng; những hành vi mà em đã thay đổi theo hướng tích cực.	- Nêu được những hành vi văn hóa bản thân đã thực hiện ở nơi công cộng. - Nêu được những hành vi ở nơi công cộng bản thân đã thay đổi theo hướng tích cực.	
		70	SH dưới cờ: Ngày hội văn hóa dân gian.	- Biết một số trò chơi dân gian thêm yêu quê hương đất nước. - Tăng cường sự đoàn kết giao lưu các lớp trong toàn trường. - Rèn kỹ năng tổ chức trò chơi, kỹ năng quản lý. - Tuân thủ luật chơi và hợp tác làm việc nhóm, giáo dục tinh thần trách nhiệm.	
		71	HĐGDCĐ: Truyền thống quê em	- Nêu được những truyền thông tốt đẹp của quê hương. - Có ý thức giữ gìn phát huy truyền thống của địa phương. - Góp phần hình thành năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực tự chủ, năng lực tham gia hoạt động và thể hiện trách nhiệm của bản thân đối với cộng đồng.	
		72	SH lớp: Giới thiệu lễ hội hoặc phong tục tập quán quê em	- Tự tin, hứng thú giới thiệu về truyền thống quê hương. - Tự hào về truyền thống quê hương.	

25	Chủ đề 7: Em với thiên nhiên và môi trường	73	SH dưới cờ: Giới thiệu di sản thế giới tại Việt Nam.	- Biết và chia sẻ được một vài di sản của Việt nam được thế giới công nhận - Có thái độ tích cực để bảo tồn các di sản thế giới tại Việt Nam - Rèn kĩ năng xây dựng kế hoạch, tổ chức hoạt động và đánh giá hoạt động; phát triển phẩm chất trách nhiệm, yêu quê hương, đất nước.	
		74	HĐGDCĐ: Khám phá cảnh quan thiên nhiên	- Nhận biết được một số cảnh quan thiên nhiên nổi tiếng ở nước ta và địa phương; - Mô tả được vẻ đẹp của một cảnh quan thiên nhiên ở quê hương qua tranh vẽ hoặc bài viết; - Thể hiện được cảm xúc, hứng thú với việc khám phá cảnh quan thiên nhiên; - Rèn luyện năng lực tự chủ, giao tiếp và hợp tác; phẩm chất yêu nước và trách nhiệm.	
		75	SH lớp: Giới thiệu cảnh quan của quê hương, đất nước	- Đoán được tên một số cảnh quan thiên nhiên qua bài hát, bài thơ; - Biết những hành động và việc làm tốt để bảo tồn cảnh quan thiên nhiên. - Tự tin giới thiệu các tranh, ảnh, bài viết về cảnh quan thiên nhiên của quê hương, đất nước.	
26	Chủ đề 7: Em với thiên nhiên và môi trường	76	SH dưới cờ: Ngày hội Stem: Làm sản phẩm sáng tạo từ vật liệu tái chế.	- Vận dụng các kiến thức khoa học, kĩ thuật, toán học, công nghệ, mỗi nhóm làm một sản phẩm tái chế từ vật liệu phế thải; - Phát triển trí tưởng tượng, sáng tạo và phát triển kĩ năng kĩ thật; - Rèn luyện ý thức giữ gìn vệ sinh môi trường, kĩ năng hợp tác, kĩ năng giải quyết vấn đề và sáng tạo, kĩ năng lập kế hoạch, thực hiện kế hoạch và điều chỉnh, đánh giá kết quả	

				hoạt động; phẩm chất chăm chỉ, trách nhiệm. - Cùng đoàn kết và lắng nghe ý kiến của tập thể để hoàn chỉnh một sản phẩm có ích cho cuộc sống.	
		77	HĐGDCĐ: Kiểm tra giữa kỳ II		
		78	SH lớp: Thuyết trình sản phẩm sáng tạo từ rác tái chế	- Vận dụng các kiến thức khoa học, kĩ thuật, toán học, công nghệ để làm sản phẩm từ vật liệu tái chế; - Phát triển trí tưởng tượng, sáng tạo, và phát triển kĩ năng kĩ thuật.	
27	Chủ đề 7: Em với thiên nhiên và môi trường	79	SH dưới cờ: Diễn đàn tuyên truyền “Chung tay giảm thiểu biến đổi khí hậu”.	- Biết được các nguyên nhân, tác hại của biến đổi khí hậu; - Đề ra được biện pháp và có thái độ tích cực để giảm thiểu biến đổi khí hậu; - Rèn kĩ năng thiết kế, tổ chức và đánh giá hoạt động; phẩm chất yêu nước và trách nhiệm.	
		80	HĐGDCĐ: Bảo tồn cảnh quan thiên nhiên	- Xác định và nêu được những việc làm cụ thể để bảo tồn cảnh quan thiên nhiên; - Thực hiện được những việc làm cụ thể đã xác định để bảo tồn cảnh quan thiên nhiên; - Vận động người thân, bạn bè không sử dụng các đồ dùng có nguồn gốc từ động vật quý hiếm; - Rèn luyện ý thức bảo tồn cảnh quan thiên nhiên, năng lực giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề, thích ứng với sự thay đổi; phẩm chất yêu nước, chăm chỉ, trách nhiệm.	
		81	SH lớp: Tác động của biến đổi khí hậu đối với sức khỏe con người	- Học sinh nắm được tác động của biến đổi khí hậu đến sức khỏe con người: nguyên nhân, hậu quả và cách khắc phục... - Hứng thú, tự tin tham gia hoạt động văn nghệ với các bạn trong lớp.	
28	Chủ đề 7:	82	SH dưới cờ:	- Hiểu rõ việc bảo vệ động vật quý hiếm cũng là bảo vệ	

	Em với thiên nhiên và môi trường		Diễn đàn tuyên truyền “Chung tay bảo vệ động vật quý hiếm”	thiên nhiên và môi trường. - Đề xuất được một số giải pháp bảo vệ động vật quý hiếm; - Rèn kĩ năng thiết kế, tổ chức, đánh giá hoạt động; bồi dưỡng phẩm chất yêu nước, nhân ái, trách nhiệm.	
		83	HĐGDCĐ: Ứng phó với biến đổi khí hậu	- Nêu được những tác động của biến đổi khí hậu đến sức khỏe con người; - Xác định được những việc nên làm để góp phần giảm thiểu biến đổi khí hậu; - Tuyên truyền, vận động người thân, bạn bè có ý thức thực hiện các việc làm giảm thiểu biến đổi khí hậu;	
		84	SH lớp: Tuyên truyền bảo vệ động vật quý hiếm và giảm thiểu biến đổi khí hậu	- Trình bày được những việc làm và cách thức tuyên truyền, vận động mọi người bảo vệ động vật quý hiếm, thực hiện những hành động góp phần giảm thiểu biến đổi khí hậu.	
29	Chủ đề 8: Khám phá thế giới nghề nghiệp	85	SH dưới cờ: Tìm hiểu thế giới nghề nghiệp.	- Biết được sự đa dạng phong phú của thế giới nghề nghiệp. - Nhận biết được một số nghề trong thế giới nghề nghiệp qua đặc điểm hoạt động đặc trưng của nghề nghiệp. - Rèn kỹ năng thiết kế tổ chức hoạt động phát triển phẩm chất chăm chỉ.	
		86	HĐGDCĐ: Thế giới nghề nghiệp quanh ta	- Nêu được tên của các nghề phổ biến trong xã hội và các nghề đang có ở địa phương. - Trình bày được lợi ích, giá trị của các nghề trong xã hội và có thái độ tôn trọng đối với các hoạt động lao động nghề nghiệp. - Rèn luyện năng lực tự chủ, giao tiếp và hợp tác, thiết kế và tổ chức hoạt, định hướng nghề nghiệp; phẩm chất trách nhiệm, chăm chỉ.	
		87	SH lớp: Tìm hiểu về	- Nắm được lợi ích, giá trị của nghề nghiệp đối với con	

			thế giới nghề nghiệp	người và xã hội. - Bước đầu xác định được khả năng và sở thích của bản thân phù hợp và yêu thích nghề gì? Cần chuẩn bị hành trang gì cho tương lai... - Phát triển phẩm chất yêu nước, có trách nhiệm, trung thực.	
30	Chủ đề 8: Khám phá thế giới nghề nghiệp	88	SH dưới cờ: Tìm hiểu về các làng nghề truyền thống.	- Biết được một số nghề truyền thống ở Việt Nam. - Có thái độ tích cực giữ gìn và phát huy giá trị các làng nghề truyền thống. - Rèn kỹ năng thiết kế, tổ chức hoạt động, tự tin: phẩm chất yêu nước, chăm chỉ, trách nhiệm.	
		89	HĐGDCĐ: Khám phá nghề truyền thống ở nước ta	- Nêu được tên một số nghề truyền thống ở Việt Nam và địa phương; - Nêu được hoạt động đặc trưng và lợi ích của nghề truyền thống; - Lập được kế hoạch tìm hiểu các nghề truyền thống; - Rèn luyện năng lực tự chủ, giao tiếp và hợp tác, thiết kế và tổ chức hoạt động, định hướng nghề nghiệp; phẩm chất trách nhiệm, chăm chỉ.	
		90	SH lớp: Lập kế hoạch tìm hiểu về nghề truyền thống	- Trình bày được những hiểu biết của bản thân về nghề truyền thống. - Nêu được nội dung phiếu phỏng vấn và kết quả tìm hiểu một nghề truyền thống qua hoạt động sau giờ học.	
31	Chủ đề 8: Khám phá thế giới nghề nghiệp	91	SH dưới cờ: Ngày hội trải nghiệm hướng nghiệp.	- Thể hiện được hiểu biết và khả năng của bản thân về hoạt động nghề nghiệp; - Tích cực học tập bồi dưỡng kiến thức, rèn luyện các kỹ năng chuẩn bị hành trang cho nghề nghiệp mai sau; - Rèn kỹ năng tự học, giao tiếp và hợp tác, tự tin; phẩm chất chăm chỉ, trách nhiệm.	

		92	HĐGDCĐ: Trải nghiệm nghề truyền thống	- Mô tả được hoạt động đặc trưng, những yếu tố cơ bản, trang thiết bị, dụng cụ lao động của nghề truyền thống ở địa phương; - Nêu được yêu cầu về an toàn khi sử dụng công cụ lao động của nghề truyền thống được tham gia trải nghiệm. - Rèn luyện năng lực tự chủ, giao tiếp và hợp tác, thiết kế và tổ chức hoạt động, định hướng nghề nghiệp; phẩm chất trách nhiệm, chăm chỉ.	
		93	SH lớp: Viết bài thu hoạch về HĐTN nghề truyền thống	Trình bày được những thu hoạch sau khi tham gia ngày hội Trải nghiệm hướng nghiệp trường; Hoàn thành được báo cáo thu hoạch trải nghiệm nghề truyền thống.	
32	Chủ đề 9: Hiểu bản thân chọn đúng nghề	94	SH dưới cờ: Ngày hội tư vấn hướng nghiệp.	- Tìm hiểu được nghề mình yêu thích. - Nhận biết được một số đặc điểm của bản thân phù hợp hoặc chưa phù hợp với nghề nghiệp mình yêu thích; - Tích cực học tập bồi dưỡng kiến thức, rèn luyện các kỹ năng chuẩn bị hành trang cho nghề nghiệp mai sau. - Rèn kỹ năng tự học hỏi, tự tin; phẩm chất chăm chỉ, trách nhiệm.	
		95	HĐGDCĐ: Em với nghề truyền thống	- Bước đầu xác định được sở thích, khả năng nghề nghiệp của bản thân, làm cơ sở cho việc nhận biết những đặc điểm của bản thân phù hợp hoặc chưa phù hợp với nghề em yêu thích; - Đánh giá được một số đặc điểm của bản thân phù hợp hoặc chưa phù hợp với yêu cầu của nghề truyền thống; - Rèn luyện năng lực tự chủ, giao tiếp và hợp tác, thiết kế và tổ chức hoạt động, định hướng nghề nghiệp; phẩm chất trách nhiệm, chăm chỉ.	
		96	SH lớp:	- Trình bày được kế hoạch rèn luyện bản thân theo yêu cầu	

			Phát triển nghề truyền thống ở địa phương.	của nghề truyền thống và những việc đã thực hiện được; - Xác định được sản phẩm của nghề truyền thống sẽ làm vào tuần tới.	
33	Chủ đề 9: Hiểu bản thân chọn đúng nghề	97	SH dưới cờ: Hiểu bản thân- Chọn đúng nghề	- Nêu được ý nghĩa tầm quan trọng, vị trí của nghề mình yêu thích trong xã hội hiện nay. - Nêu được hoạt động đặc trưng, những yêu cầu cơ bản trang thiết bị dụng cụ lao động của các nghề truyền thống. - Nhận biết được một số đặc điểm của bản thân phù hợp hoặc chưa phù hợp với nghề nghiệp mình yêu thích. - Rèn kỹ năng thiết kế tổ chức đánh giá hoạt động tự tin, khả năng thuyết trình phẩm chất trách nhiệm với bản thân.	
		98	HĐGDCĐ: Em tập làm nghề truyền thống	- Bước đầu xác định được sở thích khả năng nghề nghiệp của bản thân, làm cơ sở cho việc nhận biết những đặc điểm của bản thân phù hợp hoặc chưa phù hợp với nghề em yêu thích. - Đánh giá được một số đặc điểm của bản thân phù hợp hoặc chưa phù hợp với yêu cầu của nghề truyền thống. - Rèn luyện năng lực tự chủ giao tiếp và hợp tác, thiết kế và tổ chức hoạt động định hướng nghề nghiệp phẩm chất trách nhiệm, chăm chỉ.	
		99	SH lớp: Kế hoạch rèn luyện của bản thân theo yêu cầu của nghề truyền thống	- Trình bày được kế hoạch rèn luyện của bản thân theo yêu cầu của nghề truyền thống và những việc đã thực hiện được. - Xác định được sản phẩm của nghề truyền thống sẽ làm vào tuần tới.	
34	Chủ đề 9: Hiểu bản thân chọn	100	SH dưới cờ: Diễn đàn “Hành trang vì ngày mai lập	- Nhận thức được ý nghĩa quan trọng của vấn đề chuẩn bị hành trang cần thiết cho bản thân để ngày mai lập nghiệp. - Biết tìm hiểu thông tin thực tế nghề nghiệp mình yêu	

	đúng nghề		ngiệp”	thích để định hướng cho tương lai. - Bước đầu định hướng được nghề nghiệp mình yêu thích. - Rèn kỹ năng thiết kế tổ chức hoạt động, kỹ năng thuyết trình.	
		101	HĐGDCĐ: Trở tài chế biến món ăn truyền thống	- củng cố nhận thức về bản thân thông qua việc thực hành chế biến món ăn truyền thống. - Chế biến được một món ăn truyền thống theo sở thích, khả năng của bản thân. - Tự hào về món ăn truyền thống. - Rèn luyện năng lực tự chủ, giao tiếp và hợp tác, thiết kế và tổ chức hoạt động, định hướng nghề nghiệp; phẩm chất trách nhiệm, chăm chỉ.	
		102	SH lớp: Tham quan, giới thiệu sản phẩm nghề truyền thống do chính các em làm.	- Nêu được những điều đã học hỏi và cảm nhận được của bản thân sau khi tham gia diễn đàn “Hành trang vì ngày mai lập nghiệp” ở trường. - Giới thiệu và nêu được cảm xúc của bản thân về sản phẩm nghề truyền thống đã làm.	
35		103	HĐGDCĐ: Kiểm tra Cuối học kỳ II		
		104	SH lớp: Tổng kết năm học. Lập kế hoạch hoạt động hè. Cam kết thực hiện kì nghỉ hè vui bổ ích	- Đánh giá được kết quả học tập và rèn luyện của tập thể lớp, trường và bản thân. - Có kế hoạch học tập và rèn luyện cho năm học tiếp theo. - Rèn kỹ năng tự đánh giá bản thân, bồi dưỡng phẩm chất trách nhiệm, cần cù. - Cam kết thực hiện hè vui, bổ ích, an toàn.	
		105	SH dưới cờ: Tổng kết năm học	- Biết được kết quả học tập, rèn luyện của toàn trường trong năm học vừa qua, từ đó có hướng phấn đấu.	

1.18. Phân phối chương trình môn HĐTN 7

Tuần	Tên chủ đề/ bài học	Hình thức dạy học	Số tiết PPCT	Nội dung/ Mạch kiến thức	Yêu cầu đạt được	Ghi chú
HỌC KÌ I						
1	Chủ đề 1: Em với nhà trường	SH dưới cờ	1.	Lễ Khai giảng năm học.	Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: - Nhận thức được ý nghĩa của ngày khai giảng. - Thể hiện được cảm xúc vui vẻ, hào hứng, tự hào; có ấn tượng tốt đẹp về ngày khai giảng. - Rèn sự tự tin, ý thức tổ chức kỉ luật, kĩ năng lắng nghe tích cực; phát triển phẩm chất trách nhiệm.	
		SH chủ đề	2.	Phát triển mối quan hệ hòa đồng với thầy cô và các bạn	- Phát triển mối quan hệ hòa đồng với thầy cô, các bạn và hài lòng về các mối quan hệ. - Hợp tác với thầy cô, các bạn để thực hiện các nhiệm vụ chung và giải quyết vấn đề nảy sinh.	
		SH lớp	3.	Xây dựng nội quy lớp học.	- Hs nêu được cảm xúc bản thân về ngày khai trường. - Xây dựng được tiêu chí “Lớp học hạnh phúc”	
2		SH dưới cờ	4.	Nghe phổ biến và cam kết thực hiện nội quy trường, lớp.	Sau khi tham gia hoạt động này, HS: - Trình bày được nội quy, quy định trường học, lớp học. - Hợp tác với thầy cô và các bạn để thực hiện nội quy trường lớp.	
		SH chủ đề	5.	Phát triển mối quan hệ hoà đồng với	- Phát triển mối quan hệ hòa đồng với thầy cô, các bạn và hài lòng về các mối quan hệ.	

				thầy cô và các bạn (tiếp theo).	- Hợp tác với thầy cô, các bạn để thực hiện các nhiệm vụ chung và giải quyết vấn đề nảy sinh.	
		SH lớp	6.	Cam kết thực hiện nội quy lớp học, hướng tới xây dựng “Trường học hạnh phúc”.	Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: - hs trình bày được kết quả thực hiện hoạt động vận dụng. - GV thu thập được thông tin phản hồi về kết quả thực hiện hoạt động vận dụng của học sinh – Cam kết thực hiện nội quy lớp học, hướng tới xây dựng “Lớp học hạnh phúc”	
Tuần 3	Chủ đề 1: Em với nhà trường	Sinh hoạt dưới cờ	7.	Giới thiệu truyền thống nhà trường	Sau khi tham gia hoạt động này, HS: - Hợp tác được với các bạn để tạo ra các sản phẩm giới thiệu những nét nổi bật, tự hào về nhà trường.	
		Sinh hoạt lớp	8.	Triển lãm sản phẩm giới thiệu truyền thống nhà trường	Sau khi tham gia hoạt động này, HS: - Triển lãm giới thiệu được những nét nổi bật, tự hào về nhà trường. - Học sinh ý thức giữ gìn, xây dựng truyền thống nổi bật, tự hào của nhà trường.	
		Sinh hoạt theo chủ đề	9.	Tự hào truyền thống trường em.	Sau khi tham gia hoạt động này, HS - Giới thiệu được những nét nổi bật, tự hào về nhà trường. - Tham gia hoạt động giáo dục theo chủ đề của Đội TNTP Hồ Chí Minh, của nhà trường.	Đánh giá chủ đề
Tuần 4	Chủ đề 2: Khám phá	Sinh hoạt dưới cờ	10.	Nghe nói chuyện về gương hoàn thiện	Sau khi tham gia hoạt động này, HS - Học hỏi được những tấm gương tự hoàn thiện bản	

	bản thân			bản thân của một số danh nhân Việt Nam và thế giới.	thân của một số danh nhân Việt Nam và thế giới. - Rèn luyện bản thân theo những tấm gương tự hoàn thiện bản thân.	
		Sinh hoạt lớp	11.	Tranh biện về ý nghĩa của kỹ năng tự nhận thức điểm mạnh, điểm hạn chế của bản thân.	Sau khi tham gia hoạt động này, HS - Đưa ra được những lý lẽ, lập luận, ví dụ để ủng hộ hoặc phản đối khi tranh biện về ý nghĩa của việc tự nhận thức điểm mạnh, điểm hạn chế của bản thân.	
		Sinh hoạt theo chủ đề	12.	Điểm mạnh, điểm hạn chế của tôi.	Sau khi tham gia hoạt động này, HS - Nhận diện được điểm mạnh, điểm hạn chế của bản thân trong học tập và cuộc sống. - Rèn luyện kỹ năng tự nhận thức điểm mạnh, điểm hạn chế của bản thân. - Rèn luyện kỹ năng lập và thực hiện kế hoạch phát huy điểm mạnh, khắc phục điểm hạn chế để tự hoàn thiện bản thân.	
5	Chủ đề 2: Khám phá bản thân	Sinh hoạt dưới cờ	13.	Chúng mình đều tài giỏi.	Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: - Nhận thức được điểm mạnh của bản thân, tự tin và biết thể hiện điểm mạnh qua các hoạt động/sản phẩm cụ thể - Rèn luyện tính tự tin và khả năng tự nhận thức bản thân	
		HĐGDTCD	14.	Điểm mạnh, điểm hạn chế của tôi (tiếp theo).	Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: - Học sinh nhận diện được điểm mạnh, điểm hạn chế của bản thân trong học tập và cuộc sống.	

					-Rèn luyện kỹ năng tự nhận thức điểm mạnh, điểm hạn chế của bản thân -Rèn luyện kỹ năng lập và thực hiện kế hoạch, phát huy điểm mạnh, khắc phục điểm hạn chế để tự hoàn thiện bản thân -Phát triển phẩm chất trách nhiệm, năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực lập kế hoạch cá nhân; phẩm chất trung thực trách nhiệm	
		SH LỚP	15.	Chia sẻ về kết quả rèn luyện tự hoàn thiện bản thân theo kế hoạch đã xây dựng	- Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: - HS đưa ra được những lý lẽ, lập luận, VD để ủng hộ hoặc phản đối khi tranh biện về ý nghĩa của việc tự nhận thức điểm mạnh, điểm hạn chế của bản thân	
6	Chủ đề 2: Khám phá bản thân	Sinh hoạt dưới cờ	16.	Chơi trò chơi “Nhìn hành động, đoán cảm xúc”.	Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: - Thể hiện được cảm xúc qua ngôn ngữ cơ thể và nhận biết được cảm xúc của người khác qua ngôn ngữ cơ thể của họ	
		HĐGDTCD	17.	Kiểm soát cảm xúc của bản thân.	Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: - Rèn luyện kỹ năng thể hiện và nhận biết cảm xúc - Nhận ra được khả năng kiểm soát cảm xúc của bản thân	

					- Rèn luyện kỹ năng kiểm soát cảm xúc của bản thân, đặc biệt là kỹ năng giải tỏa những cảm xúc tiêu cực	
		SH LỚP	18.	Luyện tập “Vũ điệu mang lại niềm vui”.	Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: - HS tập được một số điệu nhảy vui nhộn để giải tỏa cảm xúc tiêu cực	
7	Chủ đề 2: Khám phá bản thân	SH dưới cờ	19.	Vũ điệu mang lại niềm vui	Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: - Cảm nhận được cảm xúc tích cực do các vũ điệu nhảy thể thao/dân vũ khỏe khoắn, vui nhộn, phù hợp với lứa tuổi mang lại - Rèn luyện, tham gia các điệu nhảy thể thao/dân vũ vui khỏe phù hợp với lứa tuổi THCS để có sức khỏe, tinh thần thoải mái, vượt qua các cảm xúc tiêu cực.	
		SH theo CĐ	20.	Kiểm soát cảm xúc của bản thân (tiếp theo).	Sau khi tham gia hoạt động này, HS: - Nhận ra được khả năng kiểm soát cảm xúc của bản thân - Rèn luyện kỹ năng kiểm soát cảm xúc của bản thân, đặc biệt là kỹ năng giải tỏa những cảm xúc tiêu cực.	
		SHL	21.	Chia sẻ kết quả rèn luyện kỹ năng kiểm soát cảm xúc của bản thân trong một số tình huống	Sau khi tham gia hoạt động này, HS: - HS chia sẻ được kết quả rèn luyện kỹ năng kiểm soát cảm xúc được bản thân.	

				cụ thể.			
8	Chủ đề 3: Trách nhiệm với bản thân	SHDC	22.	Tìm hiểu về những tấm gương vượt khó	Sau khi tham gia hoạt động này HS có khả năng: - Học hỏi được cách vượt qua khó khăn từ những tấm gương vượt khó. - Rèn kỹ năng xây dựng kế hoạch, tổ chức hoạt động và đánh giá. -Phát triển phẩm chất nhân ái, trách nhiệm		
		HĐGD theo chủ đề	23.	Vượt qua khó khăn	Sau khi tham gia hoạt động này HS có khả năng: - Biết cách vượt qua khó khăn trong một số tình huống cụ thể. - Rèn tính kiên trì, không ngại khó, ngại khổ; rèn luyện phẩm chất trách nhiệm.		
		SHL	24.	Chia sẻ kinh nghiệm vượt qua khó khăn	Sau khi tham gia hoạt động này HS có khả năng: - Học sinh chia sẻ được những kinh nghiệm của bản thân để vượt qua một số khó khăn cụ thể.		
9	Trách nhiệm với bản thân	SHDC	25.	Phát động phong trào “đọc sách mỗi ngày”	Sau khi tham gia hoạt động này HS có khả năng: - Biết được ý nghĩa tác dụng của việc thường xuyên đọc sách. - Định hướng được kế hoạch vượt qua khó khăn để thực hiện phong trào “đọc sách mỗi ngày” do nhà trường phát động.		
		HĐGD theo chủ đề	26.	Kiểm tra định kì giữa học kì I.			
		SHL	27.	Chia sẻ kết quả rèn luyện cách vượt qua khó khăn	Sau khi tham gia hoạt động này HS có khả năng: - HS chia sẻ được kế hoạch và những việc đã làm theo kế hoạch để vượt qua một khó khăn cụ thể của bản thân. - GV thu thập được thông tin phản hồi về kết quả thực hiện hoạt động vận dụng của HS.		

10	Chủ đề 3: Trách nhiệm với bản thân	SHDC	28.	Kịch tương tác “nghiện trò chơi điện tử ở lứa tuổi thiếu niên”	Sau khi tham gia hoạt động này HS có khả năng: - Xác định được sự nguy hiểm từ việc nghiện chơi trò chơi điện tử. - Biết cách tránh xa các cám dỗ của trò chơi điện tử. - Hình thành kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và đánh giá.	
		HĐGD theo chủ đề	29.	Vượt qua khó khăn (t2)	Sau khi tham gia hoạt động này HS có khả năng: - Biết cách vượt qua khó khăn trong một số tình huống cụ thể. - Rèn tính kiên trì, không ngại khó, ngại khổ; rèn luyện phẩm chất trách nhiệm.	
		SHL	30.	Chia sẻ về việc tự bảo vệ trong một số tình huống nguy hiểm.	Sau khi tham gia hoạt động này HS có khả năng: HS chia sẻ được những tình huống nguy hiểm mà bản thân hay các bạn đã gặp, hoặc những tình huống các em biết qua việc nghe kể lại hay đọc được và cách xử lý khi gặp tình huống nguy hiểm.	
11	Chủ đề 3: Trách nhiệm với bản thân	SH dưới cờ	31.	Diễn đàn về phòng tránh xâm hại cơ thể.	- Thể hiện được hiểu biết của mình về phòng tránh xâm hại cơ thể. - Rèn luyện kỹ năng xây dựng kế hoạch, tổ chức hoạt động và đánh giá.	
		HĐGD theo CĐ	32.	Tự bảo vệ trong tình huống nguy hiểm. (TÍCH HỢP GIÁO DỤC PHÒNG TRÁNH TAI NẠN BOM Mìn, VẬT NỔ)	- Xác định được một số tình huống nguy hiểm và biết tự bảo vệ trong các tình huống đó. - Xác định được một số việc làm và tình huống nguy hiểm liên quan đến bom mìn, vật nổ từ đó biết được những việc nên làm và không nên làm để tự bảo vệ bản thân trong các tình huống đó.	

		SH lớp	33.	Chia sẻ sản phẩm hướng dẫn kỹ năng tự bảo vệ.	- Học sinh chia sẻ được sản phẩm hướng dẫn kỹ năng tự bảo vệ trước các tình huống nguy hiểm (áp phích, video, tiểu phẩm, bài thơ/bài vẽ...)	
12	Chủ đề 3: Trách nhiệm với bản thân	SH dưới cờ	34.	Giao lưu với chuyên gia về phòng tránh lừa đảo.	- Học hỏi được cách phòng chống lừa đảo. - Thể hiện được quan điểm của mình về phòng tránh lừa đảo. - Phát triển phẩm chất trung thực, trách nhiệm.	
		HĐGD theo CĐ	35.	Tự bảo vệ trong tình huống nguy hiểm (tiếp theo) (TÍCH HỢP GIÁO DỤC PHÒNG TRÁNH TAI NẠN BOM Mìn, VẬT NỔ)	- Rèn luyện kỹ năng tự bảo vệ, phẩm chất trách nhiệm. - Xác định được một số việc làm và tình huống nguy hiểm liên quan đến bom mìn, vật nổ từ đó biết được những việc nên làm và không nên làm để tự bảo vệ bản thân trong các tình huống đó.	
		SH lớp	36.	Chia sẻ kết quả rèn luyện kỹ năng bảo vệ bản thân trong các tình huống nguy hiểm. Đánh giá chủ đề 3.	- Học sinh chia sẻ được kết quả rèn luyện kỹ năng bảo vệ bản thân trong tình huống nguy hiểm. - Giáo viên thu thập được thông tin phản hồi về kết quả thực hiện hoạt động vận dụng của học sinh. - Đánh giá được kết quả thực hiện chủ đề 3.	
13	Rèn luyện bản thân	SHDC	37.	Lễ phát động phong trào “Gọn nhà, đẹp trường”.	- Biết được ý nghĩa, tác dụng của thói quen gọn gàng, ngăn nắp trong gia đình, nhà trường, lớp học - Hiểu được sự cần thiết của việc hình thành thói quen ngăn nắp, gọn gàng - Bồi dưỡng phẩm chất chăm chỉ, trách nhiệm	

		HĐGDTCD	38.	Rèn luyện thói quen ngăn nắp, gọn gàng, sạch sẽ.	- Lập và thực hiện được kế hoạch sắp xếp nhà cửa, lớp học ngăn nắp, gọn gàng. - Hình thành được thói quen ngăn nắp, gọn gàng - Phát triển được năng lực hợp tác, tổ chức hoạt động	
		SHL	39.	Chia sẻ việc thay đổi những hành động chưa tốt để rèn luyện thói quen ngăn nắp, gọn gàng, sạch sẽ.	- Học sinh thảo luận, chia sẻ những hành động chưa tốt gây ảnh hưởng đến việc học và cuộc sống. - Nêu gương những cá nhân có thói quen ngăn nắp, gọn gàng, sạch sẽ có tác động tích cực đến bản thân	
14	Rèn luyện bản thân	SHDC:	40.	Toạ đàm về chủ đề “Kiên trì, chăm chỉ – chìa khoá của thành công”.	- Học sinh thực hiện được kế hoạch rèn luyện tính kiên trì, chăm chỉ trong thực tiễn để rèn luyện các đức tính này trong học tập và trong việc thực hiện các công việc gia đình	
		HĐGDTCD:	41.	Rèn luyện tính kiên trì, chăm chỉ.	- Xác định được những hành động, việc làm thể hiện tính kiên trì, sự chăm chỉ - Rèn luyện được tính kiên trì, chăm chỉ trong công việc - Phát triển năng lực hợp tác, tổ chức các hoạt động; phẩm chất chăm chỉ trách nhiệm.	
		SHL	42.	Chia sẻ bài viết về một người thành đạt trong cuộc sống nhờ tính kiên trì và sự chăm chỉ.	- Học sinh xây dựng được bài chia sẻ về tấm gương thành đạt nhờ tính kiên trì. - Thảo luận và trao đổi cùng với các bạn trong lớp để rút ra lợi ích của tính kiên trì, chăm chỉ trong học tập và cuộc sống	
15		SH dưới cờ	43.	Diễn đàn về chủ đề	- Thể hiện được quan điểm của mình khi bàn	

				“Rèn luyện tính kiên trì, chăm chỉ không khó”.	luận về vấn đề thực hiện rèn luyện tính kiên trì, chăm chỉ khó hay dễ. - Sử dụng được kỹ năng tranh biện để bảo vệ hoặc thuyết phục người khác đồng ý với quan điểm của mình. - Rèn kỹ năng thiết kế, tổ chức, đánh giá hoạt động; bồi dưỡng phẩm chất kiên trì, chăm chỉ, trách nhiệm.	
	Rèn luyện bản thân	SH theo chủ đề	44.	Rèn luyện tính kiên trì, chăm chỉ (tiếp theo)	- Xác định được những hành động, việc làm thể hiện tính kiên trì, sự chăm chỉ. - Lập và thực hiện được kế hoạch rèn luyện tính kiên trì, chăm chỉ trong học tập và trong công việc hằng ngày. - Rèn luyện được tính kiên trì, chăm chỉ trong công việc. - Phát triển năng lực hợp tác, tổ chức các hoạt động; phẩm chất chăm chỉ, trách nhiệm.	
		SH lớp	45.	Chia sẻ kết quả rèn luyện tính kiên trì, sự chăm chỉ trong học tập và công việc gia đình.	- HS chia sẻ những việc cụ thể đã làm và kết quả rèn luyện tính kiên trì, chăm chỉ trong học tập và trong công việc gia đình. - GV thu thập thông tin phản hồi về kết quả thực hiện hoạt động vận dụng của HS.	
16	Rèn luyện bản thân	SH dưới cờ	46.	Văn nghệ về chủ đề “Chi tiêu hợp lý”.	- Hiểu được ý nghĩa, vai trò của việc chi tiêu hợp lý trong đời sống của mỗi người. - Hiểu được sự cần thiết phải kiểm soát chi tiêu để luôn chủ động trong cuộc sống. - Rèn luyện kỹ năng thiết kế, tổ chức, đánh giá hoạt động; bồi dưỡng phẩm chất tiết kiệm, trách nhiệm.	

		SH theo chủ đề	47.	Quản lí chi tiêu.	- Bước đầu biết kiểm soát các khoảng chi tiêu và tiết kiệm tiền. - Lập được kế hoạch chi tiêu cho một số sự kiện trong gia đình phù hợp với lứa tuổi.	
		SH lớp	48.	Chia sẻ về việc thực hiện kế hoạch chi tiêu hợp lí.	- HS chia sẻ được kết quả từ việc thực hiện kế hoạch chi tiêu và tiết kiệm của bản thân.	
17	Rèn luyện bản thân	SHDC	49.	Lễ phát động phong trào “Hộp quà tiết kiệm”	- Hiểu được ý nghĩa của phong trào “Hộp quà tiết kiệm” - Hiểu được sự cần thiết phải tiết kiệm chi tiêu trong cuộc sống để đề phòng những bất trắc có thể xảy ra. - Rèn kĩ năng thiết kế, tổ chức, đánh giá hoạt động. - Bồi dưỡng phẩm chất tiết kiệm, trách nhiệm.	
		SHCD	50.	Kiểm tra học kì I		
		SHL	51.	Giới thiệu một sự kiện gia đình do em tổ chức	- HS chia sẻ được những việc đã làm và kết quả tổ chức sự kiện ở gia đình. - GV thu thập được thông tin phản hồi về kết quả thực hiện hoạt động vận dụng của học sinh. - Đánh giá được việc thực hiện chủ đề 4.	
18		SHDC	52.	Biểu diễn văn nghệ về chủ đề “Gia đình”.	- Lựa chọn và thể hiện được các tiết mục văn nghệ về chủ đề “Gia đình” - Cảm thụ được cái hay, cái đẹp qua các tiết mục văn nghệ trên cơ sở đó phát triển tình cảm gắn bó và trách nhiệm với gia đình. - Rèn kĩ năng xây dựng kế hoạch, tổ chức hoạt động và đánh giá.	

					- Phát triển phẩm chất nhân ái, trách nhiệm	
		SHCD	53.	Kỹ năng chăm sóc người thân khi bị mệt, ốm.	- Xác định được việc nên và không nên làm khi chăm sóc người thân bị mệt, ốm - Thể hiện được kỹ năng chăm sóc người thân khi bị mệt, ốm - Rèn luyện kỹ năng tự nhận thức bản thân, kỹ năng lắng nghe tích cực; phẩm chất nhân ái, chăm chỉ, trách nhiệm	
		SHL	54.	Chia sẻ kết quả rèn luyện kỹ năng chăm sóc người thân trong gia đình khi bị mệt, ốm.	- Học sinh chia sẻ được những việc đã làm khi chăm sóc người thân bị mệt, ốm - Giáo viên thu thập được thông tin phản hồi và kết quả thực hiện hoạt động vận dụng sau giờ học của học sinh	
HỌC KÌ II						
19		SHDC	55.	Diễn đàn “Bổn phận, trách nhiệm của người con trong gia đình”.	- Thể hiện được quan điểm của mình về bổn phận, trách nhiệm đối với gia đình. - Sử dụng tư duy phản biện để phản đối những quan điểm chưa phù hợp, thuyết phục người khác tham gia việc thực hiện bổn phận, trách nhiệm của người con đối với gia đình, trên cơ sở đó phát triển tình cảm gắn bó và trách nhiệm với gia đình - Rèn kỹ năng xây dựng kế hoạch, tổ chức hoạt động và đánh giá. - Phát triển phẩm chất nhân ái, trách nhiệm	
		SHCD	56.	Kế hoạch lao động tại gia đình.	- Chia sẻ được kinh nghiệm lao động tại gia đình	

					- Xây dựng được kế hoạch lao động tại gia đình - Rèn luyện được kỹ năng tự nhận thức bản thân, kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch; phẩm chất chăm chỉ, trách nhiệm	
		SHL	57.	Chia sẻ kết quả rèn luyện kỹ năng lao động tại gia đình.	- Học sinh chia sẻ được việc thực hiện kế hoạch lao động tại gia đình và việc điều chỉnh kế hoạch cho phù hợp. - Giáo viên thu thập được thông tin phản hồi và kết quả thực hiện hoạt động vận dụng sau giờ học của học sinh	
20		SHDC	58.	Lắng nghe tích cực để thấu hiểu	-Nêu được ý nghĩa và sự cần thiết của việc lắng nghe tích cực. -Kể được những yêu cầu cần thể hiện sự lắng nghe tích cực -Có nhu cầu vận dụng các yêu cầu cần thể hiện khi lắng nghe tích cực. - Hình thành được kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và đánh giá . - Phát triển được năng lực hợp tác ,tư duy phản biện, tôn trọng giá trị	
		SHCD	59.	Lắng nghe tích cực ý kiến người thân trong gia đình.	-Nhận biết và chia sẻ được những biểu hiện của sự lắng nghe tích cực các thành viên trong gia đình. - Xá định được yêu cầu của việc lắng nghe tích cực các thành viên trong gia đình. -Thể hiện được kỹ năng lắng nghe tích cực các thành viên trong gia đình.	

					-Rèn luyện được kỹ năng tự nhận thức bản thân, kỹ năng lắng nghe tích cực; phẩm chất nhân ái, tôn trọng, trách nhiệm.	
		SHL	60.	Chia sẻ kết quả rèn luyện kỹ năng lắng nghe tích cực ý kiến người thân trong gia đình.	-HS chia sẻ được việc được thay đổi để rèn luyện kỹ năng lắng nghe tích cực các thành viên trong gia đình. - HS thu thập những thông tin phản hồi về kết quả thực hiện hoạt động vận dụng sau giờ học của HS	
21		SHDC	61.	Diễn đàn “Học sinh Trung học cơ sở giao tiếp, ứng xử có văn hoá”.	- Nhận thức được những hành vi giao tiếp ứng xử chưa có văn hóa như chế giễu, chê bai, kì thị và làm tổn thương người khác, không tuân theo các nguyên tắc nơi công cộng... - Bết thể hiện sự không đồng tình với những hành vi chế giễu, kì thị, làm tổn thương người khác. - Hình thành ý thức tôn trọng các qui tắc ứng xử trong cộng đồng để giữ gìn hành vi ứng xử có văn hóa	
		SHCĐ	62.	Giao tiếp, ứng xử có văn hoá và tôn trọng sự khác biệt.	- Xác định được các hành vi giao tiếp, ứng xử có văn hóa - Rèn luyện kỹ năng giao tiếp ứng xử có văn hóa trong cuộc sống hàng ngày. - Hình thành được thái độ tôn trọng và chấp nhận sự khác biệt để có hành vi giao tiếp ứng xử có văn hóa.	
		SHL	63.	SHL: Phản hồi kết quả rèn luyện hành vi giao tiếp, ứng xử có văn hoá và tôn trọng sự khác biệt	- Học sinh thực hiện và lan tỏa được những giá trị của hành vi giao tiếp, ứng xử có văn hóa và tôn trọng sự khác biệt của người khác trong các tình huống giao tiếp hàng ngày. - Học sinh hình thành ý thức trách nhiệm trong	

				trong các tình huống giao tiếp hằng ngày.	việc xây dựng văn hóa cộng đồng.	
22		SHDC	64.	Lễ phát động phong trào “Thiện nguyện – một hành động văn hoá, nghĩa tình”.	- Xác định những hoạt động thiện nguyện phù hợp mà các em có thể tham gia. - Nên tham gia với tinh thần tự giác, tự nguyện, biết vận động và cùng chung tay với mọi người làm thiện nguyện. - Phát triển phẩm chất: Nhân ái	
		SHCD	65.	Tham gia hoạt động thiện nguyện.	- Nêu và thực hiện những việc cần làm để thiết lập được mối quan hệ với cộng đồng - Thể hiện sự sẵn sàng giúp đỡ, chia sẻ với những người có hoàn cảnh khó khăn - Lập và thực hiện được kế hoạch hoạt động thiện nguyện tại địa phương và vận động mọi người tham gia thiện nguyện. - Thể hiện hành vi văn hóa nơi công cộng. - Giới thiệu được truyền thống của địa phương. - Đánh giá chủ đề 6. - Phát triển phẩm chất nhân ái, trách nhiệm, biết yêu thương chia sẻ.	
		SHL	66.	Chia sẻ kết quả tham gia và vận động người thân, bạn bè tham gia hoạt động thiện nguyện, nhân đạo. Phối hợp với Đoàn	- Biết đánh giá hoạt động thiện nguyện đem lại lợi ích như thế nào? Vì sao cần phải tham gia các hoạt động thiện nguyện? - Phát triển phẩm chất: Nhân ái, trách nhiệm.	

				Thanh niên tổ chức các chương trình thiện nguyện.		
23		SHDC	67.	Tự hào truyền thống quê hương.	- Biết và chia sẻ được một vài di sản của Việt nam được thế giới công nhận - Tìm hiểu truyền thống quê hương Hội An. - Biết về các làng nghề truyền thống tại quê hương, một số làng nghề em biết khác - Tham gia được một hoạt động mang tính dân gian tại trường: thi hát dân ca, trò chơi dân gian....	
		SHCĐ	68.	Tự hào truyền thống quê hương.	- Tự hào truyền thống quê hương - Phát triển phẩm chất nhân ái, trách nhiệm, biết yêu thương chia sẻ. - Lựa chọn nghề em thấy phù hợp nhất để cố gắng phấn đấu trong học tập, rèn luyện	
		SHL	69.	Giới thiệu truyền thống đáng tự hào của quê hương.	- Qua đó học sinh nắm được những đức tính nào cần có để xác định nghề cho bản thân: cần cù, siêng năng, chăm chỉ, cẩn thận, tỉ mỉ.... - Tập làm phóng viên phỏng vấn các bạn trong lớp để hiểu rõ hơn về lễ hội quê hương. - Phát triển phẩm chất yêu nước, yêu quê hương.	
24		SHDC	70.	Văn nghệ về chủ đề “Quê hương đất nước tươi đẹp”	Sau khi tham gia hoạt động này, Giáo dục HS: Tình yêu quê hương, đất nước. - Thể hiện được cảm xúc vui vẻ, hào hứng, tự hào về quê hương đất nước	
		SHCĐ	71.	Cảnh quan thiên nhiên quê hương tôi	Sau khi tham gia hoạt động này, HS: -Thiết kế được một số sản phẩm thể hiện sự hiểu biết, cảm xúc bản thân sau chuyến tham quan cảnh thiên nhiên.	

					-Thực hiện được các hành vi, việc làm bảo vệ di tích, danh lam thắng cảnh tại những nơi đến tham quan.....	
		SHL	72.	Làm các sản phẩm thu hoạch sau tham quan (tranh, ảnh, mẫu vật, bài thu hoạch, bài thơ, bài hát, áp pích, thông điệp kêu gọi mọi người bảo vệ cảnh quan thiên nhiên quê hương...)	Học sinh chia sẻ, củng cố, mở rộng hiểu biết về các cảnh quan thiên nhiên ở địa phương và nói lên cảm xúc của mình về những cảnh quan thiên nhiên đó.	
25		SHDC	73.	Trò chơi “Nhìn ảnh, đoán tên cảnh quan thiên nhiên	-HS nhận thức được một số cảnh quan thiên nhiên của quê hương, đất nước qua quan sát hình ảnh. -Khuyến khích HS tìm hiểu về các cảnh quan thiên nhiên của quê hương, đất nước. -Tự hào về quê hương, đất nước.	
		SHCĐ	74.	Cảnh quan thiên nhiên quê hương tôi (tiếp theo)	Sau khi tham gia hoạt động này, tiếp tục giúp HS: -Tự giác thực hiện các hành vi, việc làm bảo vệ di tích, danh lam thắng cảnh tại những nơi đến tham quan. -Vận động nhắc nhở mọi người cùng thực hiện. -Phát triển năng lực hợp tác, năng lực sáng tạo, phẩm chất trách nhiệm.	
		SHL	75.	Triển lãm ảnh các sản phẩm đã thiết kế về cảnh quan thiên nhiên/ Biểu diễn các	Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: HS trưng bày, giới thiệu được một số sản phẩm thể hiện sự hiểu biết, cảm xúc của bản thân sau chuyến tham quan cảnh thiên nhiên	

				tiết mục văn nghệ ca ngợi cảnh quan thiên của địa phương và của đất nước		
26		SHDC	76.	Giao lưu với chuyên gia môi trường về hiệu ứng nhà kính.	- HS thu nhận được một số thông tin, kiến thức về hiệu ứng nhà kính - Phát triển năng lực giao tiếp, hợp tác, phẩm chất tự tin	
		SHCĐ	77.	Kiểm tra định kì giữa học kì II.		
		SHL	78.	Báo cáo kết quả tìm hiểu về ảnh hưởng của hiệu ứng nhà kính đến sự sống trên Trái Đất và biện pháp giảm thiểu hiệu ứng nhà kính.	- HS trình bày được kết quả tìm hiểu về ảnh hưởng của hiệu ứng nhà kính đến sự sống trên trái đất và biện pháp khắc phục.	
27		SHDC	79.	Trò chơi “Rung chuông vàng”.	- HS biết vận dụng những kiến thức, kinh nghiệm đã có để bảo vệ môi trường, giảm thiểu hiệu ứng nhà kính để trả lời các câu hỏi được đặt ra trong trò chơi - Rèn luyện phẩm chất trách nhiệm	
		SHCĐ	80.	Bảo vệ môi trường, giảm thiểu hiệu ứng nhà kính.	- HS tìm hiểu được ảnh hưởng của hiệu ứng nhà kính đến sự sống trên trái đất. - Thực hiện được chiến dịch truyền thông bảo vệ môi trường thiên nhiên, giảm thiểu hiệu ứng nhà kính bằng các hình thức khác nhau.	

		SHL	81.	Các nhóm chuẩn bị cho việc truyền thông bảo vệ môi trường thiên nhiên, giảm thiểu hiệu ứng nhà kính trước toàn trường.	- HS luyện tập được một số kỹ năng truyền thông cần thiết, đồng thời chuẩn bị được một số phương tiện, công cụ cần thiết để truyền thông bảo vệ môi trường, giảm thiểu hiệu ứng nhà kính theo kế hoạch đã xây dựng	
28		SHDC	82.	Truyền thông bảo vệ môi trường, giảm thiểu hiệu ứng nhà kính.	Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: - Truyền thông được về bảo vệ môi trường thiên nhiên, giảm thiểu hiệu ứng nhà kính dưới các hình thức khác nhau trước toàn trường. - Phát triển cho HS năng lực giao tiếp, năng lực sáng tạo; phẩm chất tự tin.	
		SHCĐ	83.	Bảo vệ môi trường, giảm thiểu hiệu ứng nhà kính (tiếp theo).	Sau khi tham gia hoạt động này, HS: - Tìm hiểu được ảnh hưởng của hiệu ứng nhà kính đến sự sống trên Trái Đất. - Thực hiện được chiến dịch truyền thông bảo vệ môi trường thiên nhiên, giảm thiểu hiệu ứng nhà kính bằng các hình thức khác nhau.	
		SHL	84.	Báo cáo kết quả thực hiện chiến dịch truyền thông bảo vệ môi trường thiên, giảm thiểu hiệu ứng nhà kính.	- HS trình bày được báo cáo về kết quả chiến dịch truyền thông bảo vệ môi trường thiên nhiên, giảm thiểu hiệu ứng nhà kính đã thực hiện.	
29		SHDC	85.	Giới thiệu một số	Sau khi tham gia hoạt động này, HS:	

				nghề hiện có ở địa phương.	- Nhận biết được các hoạt động nghề nghiệp và một số nghề hiện có ở địa phương. - Biết được những đóng góp của hoạt động nghề nghiệp đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. - Rèn luyện năng lực thiết kế và tổ chức các hoạt động, định hướng nghề nghiệp; phẩm chất chăm chỉ.	
		SHCĐ	86.	Tìm hiểu một số nghề hiện có ở địa phương.	Sau khi tham gia hoạt động này, HS: - Xác định được một số nghề hiện có ở địa phương. - Nêu được đặc trưng của một số nghề ở địa phương (công việc đặc trưng; trang thiết bị, dụng cụ lao động cơ bản của một số nghề; những phẩm chất và năng lực cần có của người làm các nghề ở địa phương; những nguy hiểm có thể xảy ra và cách giữ an toàn khi làm một số nghề ở địa phương). - Lập và thực hiện được một dự án tìm hiểu đặc trưng của một số nghề ở địa phương. - Giới thiệu, trình bày được sản phẩm của dự án, trong đó thể hiện được các đặc trưng của nghề cụ thể ở địa phương. - Rèn luyện kỹ năng lập kế hoạch, định hướng nghề nghiệp, giao tiếp và hợp tác; phẩm chất yêu quê hương, trách nhiệm, tự chủ.	
		SHL	87.	Chia sẻ kết quả khám phá nghề hiện có ở địa phương.	Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: - Chia sẻ được những điều đã thu nhận về hoạt động nghề nghiệp và kết quả khám phá một số	

				Chuẩn bị cho ngày hội trải nghiệm hướng nghiệp. Chia sẻ về ngày hội trải nghiệm hướng nghiệp.	nghề hiện có ở địa phương. - Nêu được cảm nhận về nghề hiện có ở địa phương.	
30		SHDC	88.	Tìm hiểu đặc trưng của một số nghề ở địa phương qua giao lưu với người lao động giỏi	Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: - Biết đặc trưng của 1 số nghề cụ thể ở địa phương qua việc giao lưu với người lao động giỏi - Nhận biết được sự tương quan giữa phẩm chất năng lực với vị trí công việc và sự thành công trong hoạt động nghề nghiệp. - Rèn luyện năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động định hướng nghề nghiệp phẩm chất chăm chỉ	
		SHCD	89.	Tìm hiểu một số nghề hiện có ở địa phương (tiếp theo).	- Học sinh khám phá và thực hiện hiểu biết của bản thân về một số nghề hiện có ở địa phương. - Chia sẻ được đặc trưng của một số nghề hiện có ở địa phương.	
		SHL	90.	Tìm hiểu một số nghề hiện có ở địa phương (tiếp theo).	- Trình bày được cảm nhận và những điều học hỏi được sau buổi giao lưu với người lao động giỏi ở địa phương Chia sẻ được dự án tìm hiểu nghề ở địa phương. - Đưa ra được ý tưởng thiết kế bộ thời trang nghề nghiệp và nêu ra được những việc cần làm để thực hiện ý tưởng thiết kế	
31		SHDC	91.	Ngày hội trải nghiệm hướng nghiệp.	Sau khi tham gia hoạt động này, HS: - Thực hiện được hiểu biết, sở thích, khả năng của bản thân về hoạt động nghề nghiệp qua các hoạt động triển lãm, giới thiệu nghề ở địa phương và	

					diễn biến thời trang nghề nghiệp. - Tự tin hứng thú tham gia các hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp. - Rèn luyện năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động định hướng nghề nghiệp phẩm chất chăm chỉ.	
		SHCĐ	92.	Tìm hiểu một số nghề hiện có ở địa phương (tiếp theo).	- Học sinh nêu được cá thu thập tìm kiếm thông tin nghề nghiệp khi tìm hiểu một số nghề khi tìm hiểu một số nghề hiện có ở địa phương - Xây dựng được kế hoạch dự án tìm hiểu nghề ở địa phương	
		SHL	93.	Tìm hiểu một số nghề hiện có ở địa phương (tiếp theo).	- Trình bày được cảm nhận những điều học hỏi được qua các việc tham gia ngày hội trải nghiệm hướng nghiệp. - Lựa chọn và chuẩn bị tiết mục cho buổi giao lưu văn nghệ về chủ đề nghề nghiệp	
32		SHDC	94.	Giao lưu văn nghệ với chủ đề “Nghề nghiệp”	Sau khi tham gia hoạt động này HS có khả năng: - Thể hiện được các tiết mục văn nghệ (hát, múa, kịch,...) về nghề nghiệp. - Phát huy tiềm năng văn nghệ, biết thêm bài hát, điệu múa về nghề nghiệp. - Tự tin, hứng thú tham gia các tiết mục văn nghệ về nghề nghiệp. - Rèn luyện năng lực giao tiếp và hợp tác, thiết kế và tổ chức hoạt động, định hướng nghề nghiệp.	
		SHCĐ	95.	Tìm hiểu một số nghề nghiệp hiện có ở địa phương (tt)	Sau khi tham gia hoạt động này HS có khả năng: - HS thực hiện được nhiệm vụ đã phân công trong kế hoạch dự án tìm hiểu nghề. - HS xử lý, phân loại, phân tích được các dữ liệu,	

					thông tin cần thiết về nghề ở địa phương do các thành viên trong nhóm thu thập được. - Xây dựng được sản phẩm dự án, trong đó thể hiện rõ các đặc trưng của nghề mà nhóm tìm hiểu. - Giới thiệu, trình bày được sản phẩm dự án, tìm hiểu nghề ở địa phương. - Đánh giá được kết quả và rút kinh nghiệm sau khi thực hiện được dự án.	
		SHL	96.	Chuẩn bị cho việc báo cáo kết quả trải nghiệm nghề.	Sau khi tham gia hoạt động này HS có khả năng: - Nêu được cảm nhận của bản thân về các tiết mục văn nghệ được trình diễn trong giờ SHDC. - Chia sẻ được báo cáo kết quả thực hiện dự án và giới thiệu sản phẩm dự án	
33		SHDC	97.	Định hướng nghề nghiệp với học sinh THCS	Sau khi tham gia hoạt động này HS có khả năng: - Biết được mục đích, ý nghĩa của việc định hướng nghề nghiệp. - Biết được những việc cần làm và cách thức thực hiện những việc cần làm để đưa ra được định hướng nghề nghiệp cho bản thân. - Rèn luyện năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động, định hướng nghề nghiệp; phẩm chất trách nhiệm.	
		SHCD	98.	Tìm hiểu một số nghề nghiệp hiện có ở địa phương (tt)	Sau khi tham gia hoạt động này HS có khả năng: - Hiểu rõ hơn về đặc trưng của nghề ở địa phương mà học sinh quan tâm. - củng cố, mở rộng hiểu biết về nghề ở địa phương. - Rèn kĩ năng tìm hiểu nghề qua trải nghiệm thực tế, tính tự chủ, năng lực nhận thức nghề nghiệp, phẩm chất trách nhiệm.	

		SHL	99.	Đánh giá, rút kinh nghiệm sau khi thực hiện dự án tìm hiểu đặc trưng một số nghề ở địa phương.	Sau khi tham gia hoạt động này HS có khả năng: - HS chia sẻ được những việc đã thực hiện và kết quả tìm hiểu, trải nghiệm nghề ở địa phương mà em quan tâm, yêu thích. - Nêu được những điều rút ra được sau khi tham gia trải nghiệm nghề ở địa phương.	
34		SHDC	100.	Giao lưu văn nghệ với chủ đề “Nghề nghiệp”	Sau khi tham gia hoạt động này HS có khả năng: - Thể hiện được các tiết mục văn nghệ (hát, múa, kịch,...) về nghề nghiệp. - Phát huy tiềm năng văn nghệ, biết thêm bài hát, điệu múa về nghề nghiệp. - Tự tin, hứng thú tham gia các tiết mục văn nghệ về nghề nghiệp. - Rèn luyện năng lực giao tiếp và hợp tác, thiết kế và tổ chức hoạt động, định hướng nghề nghiệp.	
		SHCĐ	101.	Tìm hiểu một số nghề nghiệp hiện có ở địa phương (tt)	Sau khi tham gia hoạt động này HS có khả năng: - HS thực hiện được nhiệm vụ đã phân công trong kế hoạch dự án tìm hiểu nghề. - HS xử lý, phân loại, phân tích được các dữ liệu, thông tin cần thiết về nghề ở địa phương do các thành viên trong nhóm thu thập được. - Xây dựng được sản phẩm dự án, trong đó thể hiện rõ các đặc trưng của nghề mà nhóm tìm hiểu. - Giới thiệu, trình bày được sản phẩm dự án, tìm hiểu nghề ở địa phương. - Đánh giá được kết quả và rút kinh nghiệm sau khi thực hiện được dự án.	
		SHL	102.	Chuẩn bị cho việc báo cáo kết quả trải	Sau khi tham gia hoạt động này HS có khả năng: - Nêu được cảm nhận của bản thân về các tiết mục	

				nghiệm nghề.	văn nghệ được trình diễn trong giờ SHDC. - Chia sẻ được báo cáo kết quả thực hiện dự án và giới thiệu sản phẩm dự án	
35		SHDC	103.	Định hướng nghề nghiệp với học sinh THCS	Sau khi tham gia hoạt động này HS có khả năng: - Biết được mục đích, ý nghĩa của việc định hướng nghề nghiệp. - Biết được những việc cần làm và cách thức thực hiện những việc cần làm để đưa ra được định hướng nghề nghiệp cho bản thân. - Rèn luyện năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động, định hướng nghề nghiệp; phẩm chất trách nhiệm.	
		SHCD	104.	Tìm hiểu một số nghề nghiệp hiện có ở địa phương (tt)	Sau khi tham gia hoạt động này HS có khả năng: - Hiểu rõ hơn về đặc trưng của nghề ở địa phương mà học sinh quan tâm. - củng cố, mở rộng hiểu biết về nghề ở địa phương. - Rèn kĩ năng tìm hiểu nghề qua trải nghiệm thực tế, tính tự chủ, năng lực nhận thức nghề nghiệp, phẩm chất trách nhiệm.	
		SHL	105.	Đánh giá, rút kinh nghiệm sau khi thực hiện dự án tìm hiểu đặc trưng một số nghề ở địa phương.	Sau khi tham gia hoạt động này HS có khả năng: - HS chia sẻ được những việc đã thực hiện và kết quả tìm hiểu, trải nghiệm nghề ở địa phương mà em quan tâm, yêu thích. - Nêu được những điều rút ra được sau khi tham gia trải nghiệm nghề ở địa phương.	

1.19. Phân phối chương trình môn HĐTN 8

Tuần	Chủ đề	Số	Số tiết	Nội dung/ Mạch	
------	--------	----	---------	----------------	--

		tiết	PPCT	kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
1	Chủ đề 1: Em với nhà trường	3	1	SHDC: Khai giảng năm học mới	- Nêu được ý nghĩa và những thông tin nhà trường phổ biến - Thể hiện được cảm xúc hào hứng, tự tin; có tâm thế sẵn sàng bước vào năm học mới	
			2	HĐGDCĐ: Xây dựng và giữ gìn tình bạn	- Chia sẻ và nêu được cách xây dựng tình bạn - Giải quyết được những khó khăn trong tình bạn như hiểu lầm, đổ kị, áp lực từ bạn hoặc nhóm bạn để giữ gìn tình bạn - Trân trọng những giá trị tốt đẹp của tình bạn, những phẩm chất của một người bạn tốt	
			3	SHL: Chia sẻ kết quả của hoạt động xây dựng và giữ gìn tình bạn	- HS thể hiện được sự chân thành trong việc xây dựng và giữ gìn tình bạn - Tạo được bầu không khí thoải mái, tích cực ở lớp học để tình bạn của HS trong lớp thêm gắn kết - HS chia sẻ được kết quả rèn luyện kĩ năng xây dựng và giữ gìn tình bạn với các bạn trong lớp, trường và cộng đồng	
2	Chủ đề 1: Em với nhà trường	3	4	SHDC: Trao đổi về phòng, tránh bắt nạt học đường	- Nhận diện được các dấu hiệu của bắt nạt học đường. - Có kĩ năng phòng, tránh và xử lí các tình huống bị bắt nạt học đường. - HS chia sẻ được kết quả rèn luyện kĩ năng xây dựng và giữ gìn tình bạn với các bạn trong lớp, trường và cộng đồng	
			5	HĐGD theo chủ đề: Phòng, tránh	- Nhận diện được các dấu hiệu của bắt nạt học đường.	

				bắt nạt học đường	-Có kĩ năng phòng, tránh và xử lí các tình huống bị bắt nạt học đường. -Hình thành thái độ thận trọng để phòng, tránh và xử lí các tình huống bị bắt nạt học đường.	
			6	SHL: Triển lãm hình ảnh với chủ đề “lớp học không có bắt nạt”	-HS có ý thức về việc phòng, tránh bắt nạt học đường -Chia sẻ được những sản phẩm đã làm được về phòng, tránh bắt nạt học đường - Chia sẻ được những kết quả rèn luyện kĩ năng phòng, tránh bắt nạt học đường	
3	Chủ đề 1: Em với nhà trường	3	7	SHDC: Phát động cuộc thi “Em yêu trường em”	- Tự hào, gắn bó với mái trường và sẵn sàng thực hiện các hoạt động để xây dựng truyền thống nhà trường	
			8	HĐGD theo chủ đề: Xây dựng truyền thống nhà trường	- Hiểu biết và tự hào hơn về truyền thống của nhà trường -Thực hiện được các việc làm cụ thể góp phần xây dựng truyền thống nhà trường	
			9	SHL: Chia sẻ kết quả cuộc thi “Em yêu trường em” Đánh giá chủ đề 1	- HS cảm nhận được bầu không khí thoải mái, tích cực khi được tham gia vào các hoạt động xây dựng truyền thống nhà trường -Chia sẻ được những việc làm cụ thể bản thân đã thực hiện để góp phần xây dựng truyền thống nhà trường - Đánh giá được kết quả thực hiện chủ đề 1	
4	Chủ đề 2: Khám phá bản	3	10	SHDC: Tham gia nói chuyện về	-Giới thiệu được một số đặc điểm của lứa tuổi HS THCS thông qua các hình thức khác nhau	

	thân			chuyên đề: “Nét đẹp tuổi trăng tròn”	- Rèn luyện được tính tự tin và khả năng tự nhận thức bản thân	
			11	HĐGD theo chủ đề: Tính cách và cảm xúc của tôi	- Nhận diện được những nét đặc trưng trong tính cách của bản thân - Rèn luyện được kĩ năng nhận thức những nét tính cách đặc trưng của bản thân và biết điều chỉnh cảm xúc của bản thân theo hướng tích cực	
			12	SHL: Chia sẻ kết quả rèn luyện tính cách của bản thân	- HS chia sẻ được kết quả rèn luyện tính cách của bản thân - GV thu thập được thông tin phản hồi về kết quả rèn luyện tính cách trong thực tiễn của HS	
5	Chủ đề 2: Khám phá bản thân	3	13	SHDC: Tham gia cuộc thi: Nghệ sĩ kịch câm tài ba	-Thể hiện được cảm xúc thông qua ngôn ngữ cụ thể - Rèn luyện được kĩ năng thể hiện và nhận biết cảm xúc.	
			14	HĐGD theo chủ đề: Tính cách và cảm xúc của tôi (tiếp theo)	- Nhận diện được sự thay đổi cảm xúc của bản thân và biết điều chỉnh cảm xúc theo hướng tích cực. - Rèn luyện được kĩ năng nhận thức những nét tính cách đặc trưng của bản thân và biết điều chỉnh cảm xúc của bản thân theo hướng tích cực	
			15	SHL: Chia sẻ kết quả rèn luyện khả năng nhận diện cảm xúc và điều chỉnh cảm xúc của bản thân theo hướng tích	- HS chia sẻ được kết quả rèn luyện kĩ năng điều chỉnh cảm xúc của bản thân theo hướng tích cực	

				cực		
6	Chủ đề 2: Khám phá bản thân	3	16	SHDC: Tọa đàm về vai trò của tranh biện và thương thuyết trong cuộc sống hiện đại	- Trình bày được vai trò quan trọng của tranh biện và thương thuyết trong cuộc sống hiện đại -có ý thức rèn luyện khả năng tranh biện và thương thuyết.	
			17	HĐGD theo chủ đề: Khả năng tranh biện, thương thuyết của tôi	- Nêu được cách tranh biện, thương thuyết - Rèn luyện được kỹ năng tranh biện, thương thuyết, năng lực giao tiếp, hợp tác, phẩm chất trung thực, trách nhiệm.	
			18	SHL: Chia sẻ kế hoạch rèn luyện khả năng tranh biện, thương thuyết của bản thân	Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: - HS chia sẻ được kế hoạch rèn luyện khả năng tranh biện, thương thuyết của bản thân.	
7	Chủ đề 2: Khám phá bản thân	3	19	SHDC: Tham gia tranh biện về một số vấn đề liên quan đến HS THCS	- Tranh biện được về một số vấn đề liên quan đến HS THCS - Rèn luyện được tính tự tin, khả năng tranh biện để bảo vệ quan điểm của bản thân	
			20	HĐGD theo chủ đề: Khả năng tranh biện, thương thuyết	- Nêu được cách tranh biện, thương thuyết - Rèn luyện được kỹ năng tranh biện, thương thuyết, năng lực giao tiếp, hợp tác, phẩm chất trung thực, trách nhiệm.	

				của tôi (tt)		
			21	SHL: Chia sẻ kết quả rèn luyện khả năng tranh biện, thương thuyết của bản thân Đánh giá chủ đề 2	- HS chia sẻ được kết quả rèn luyện kỹ năng tranh biện, thương thuyết của bản thân. - Đánh giá được kết quả thực hiện chủ đề 2	
8	Chủ đề 3: Trách nhiệm với bản thân	3	22	SHDC: Nghe nói chuyện: Trách nhiệm của HS THCS	- Xác định được ý nghĩa của việc sống có trách nhiệm. - Biết được những việc cần làm để thể hiện là người sống có trách nhiệm - Hình thành ý thức rèn luyện để trở thành người có trách nhiệm.	
			23	HĐGDCĐ: Sống có trách nhiệm (1 tiết).	-Xác định được biểu hiện của người sống có trách nhiệm. - Xác định được trách nhiệm với bản thân và với mọi người xung quanh. - Thể hiện được trách nhiệm của bản thân trong các tình huống và hoạt động cụ thể	
			24	SHL: Chia sẻ những việc đã làm để thể hiện trách nhiệm với bản thân và mọi người xung	Sau khi tham gia hoạt động này HS có khả năng: - Học sinh tự đánh giá được việc thực hiện trách nhiệm của bản thân. - HS chia sẻ được kết quả thực hiện hoạt động vận dụng với thầy cô và các bạn	

				quanh		
9	Chủ đề 3: Trách nhiệm với bản thân	3	25	SHDC: Kịch tương tác thể hiện trách nhiệm của bản thân.	- Xác định được trách nhiệm của bản thân với mọi người xung quanh. - Biết được các việc làm để thể hiện là người sống có trách nhiệm.	
			26-27	Kiểm tra giữa kì I	- Đề kiểm tra. - Nêu và thực hiện được những việc nên làm để thiết lập được các mối quan hệ với bạn, thầy cô và giữ gìn được tình bạn, tình thầy trò. - Nêu và thực hiện được những việc nên làm để điều chỉnh bản thân cho phù hợp với môi trường học tập mới. - Rèn luyện năng lực giao tiếp và hợp tác, tự chủ, thích ứng với cuộc sống, phẩm chất nhân ái, trách nhiệm - Phát hiện và nêu được sở thích, khả năng của bản thân; tự tin với sở thích, khả năng của mình; - Rèn luyện năng lực tự chủ, giao tiếp, hợp tác, thích ứng với cuộc sống; phẩm chất trung thực, nhân ái, trách nhiệm.	
10	Chủ đề 3: Trách nhiệm với bản thân	3	28	SHDC: Cuộc thi: Ai nhanh trí hơn	- Xác định được trách nhiệm của bản thân với mọi người xung quanh. - Biết được việc làm thể hiện là người sống có trách nhiệm.	
			29	HĐGD theo chủ đề: Sống có trách nhiệm (tt)	- Đánh giá được trách nhiệm của bản thân trong các tình huống và hoạt động cụ thể. - Xây dựng và thực hiện được cam kết về trách	

					nhiệm của bản thân trong các hoạt động - Rèn luyện được kĩ năng giải quyết vấn đề, tự chủ, phẩm chất, trách nhiệm	
			30	SHL: Chia sẻ về những trường hợp đã từ chối và cách từ chối	- Chia sẻ được cảm nhận của bản thân và những điều học được sau khi tham dự cuộc thi “Ai nhanh trí hơn” trong tiết sinh hoạt dưới cờ - HS chia sẻ những trường hợp bản thân đã từ chối và cách từ chối	
11	Chủ đề 3: Trách nhiệm với bản thân	3	31	SHDC: Diễn đàn kĩ năng từ chối trong cuộc sống	- Thể hiện được hiểu biết của mình về kĩ năng từ chối trong cuộc sống - Rèn luyện được kĩ năng xây dựng kế hoạch, tổ chức các hoạt động và đánh giá	
			32	HĐGD theo chủ đề: Kĩ năng từ chối	- Nhận biết được những tình huống cần từ chối -Thực hiện được các kĩ năng từ chối trong một số tình huống cụ thể.	
			33	SHL: Chia sẻ kết quả sưu tầm các mẫu câu từ chối cụ thể ứng với mỗi hình thức từ chối	- HS chia sẻ được cảm nhận của bản thân và những điều học hỏi được sau khi tham dự diễn đàn “kĩ năng từ chối” trong tiết sinh hoạt dưới cờ -HS chia sẻ được kết quả sưu tầm các mẫu câu từ chối cụ thể ứng với mỗi hình thức từ chối	
12	Chủ đề 3: Trách nhiệm với bản thân	3	34	SHDC: Biểu diễn tiểu phẩm thể hiện kĩ năng từ chối trong tình huống cụ thể	Sau khi tham gia hoạt động này HS: - Thực hiện được kĩ năng từ chối trong tình huống cụ thể	
			35	HĐGD theo chủ	- Rèn luyện được kĩ năng từ chối, phẩm chất trách	

				đề: Kỹ năng từ chối (tt)	nhiệm	
			36	SHL: Chia sẻ kết quả rèn luyện kỹ năng từ chối trong cuộc sống hằng ngày Đánh giá chủ đề 3.	- HS chia sẻ được kết quả rèn luyện kỹ năng từ chối trong các tình huống của cuộc sống hằng ngày - Đánh giá được kết quả thực hiện chủ đề 3.	
13	Chủ đề 4: Rèn luyện bản thân	3	37	SHDC: Tọa đàm xu hướng tiêu dùng của giới trẻ hiện nay	-Thể hiện được ý kiến, quan điểm của mình về việc tiêu dùng trong đời sống xã hội hiện đại. -Chia sẻ được kinh nghiệm tiêu dùng của mình về các khía cạnh như: các mặt hàng thường mua sắm, các kênh bán hàng uy tín, các cách mua sắm đạt hiệu quả,...	
			38	HĐGD theo chủ đề: Người tiêu dùng thông thái	- HS liệt kê được các hình thức tiếp thị, quảng cáo thường gặp trong đời sống. - Nhận ra được một số hình thức tiếp thị, quảng cáo trong đời sống.	
			39	SHL: Chia sẻ những việc đã làm để rèn luyện kỹ năng ra quyết định chỉ tiêu của bản thân trước tác động của tiếp	- HS chia sẻ được những việc làm cụ thể để rèn luyện kỹ năng chỉ tiêu phù hợp của mình trước những tác động của tiếp thị, quảng cáo - GV thu thập được thông tin phản hồi về kết quả thực hiện hoạt động vận dụng của HS	

				thị, quảng cáo		
14	Chủ đề 4: Rèn luyện bản thân	3	40	SHDC: Diễn tiểu phẩm về tiếp thị, quảng cáo và tiêu dùng	- Nhận biết được một số cách tiếp thị, quảng cáo sản phẩm trong đời sống. - Nhận ra được ảnh hưởng, tác động của tiếp thị, quảng cáo đối với việc mua sắm, tiêu dùng trong tiểu phẩm. - Rút ra được kinh nghiệm ứng xử cho bản thân trước các hình thức tiếp thị, quảng cáo đối với việc mua sắm và tiêu dùng. - Rèn luyện được kĩ năng thiết kế, tổ chức, đánh giá hoạt động; phẩm chất tiết kiệm, trách nhiệm.	
			41	HĐGD theo chủ đề: Người tiêu dùng thông thái (tt).	Sau khi tham gia hoạt động này, HS: - Nhận ra ảnh hưởng của các yếu tố bên ngoài như tiếp thị, quảng cáo đến quyết định mua sắm của cá nhân và thể hiện được kĩ năng ra quyết định chi tiêu phù hợp trước những ảnh hưởng của chúng. - Rèn luyện được năng lực tự chủ, hợp tác và giao tiếp, lập kế hoạch và tổ chức các hoạt động, phẩm chất trách nhiệm.	
			42	SHL: Chia sẻ kết quả rèn luyện chi tiêu phù hợp của bản thân trước tác động của tiếp thị, quảng cáo	- HS chia sẻ kết quả đạt được khi thực hiện hoạt động vận dụng, rèn luyện kĩ năng chi tiêu phù hợp trước tác động của tiếp thị, quảng cáo - GV thu thập được thông tin phản hồi về kết quả thực hiện hoạt động vận dụng của HS	

15	Chủ đề 4: Rèn luyện bản thân	3	43	SHDC: Giao lưu với những nhà kinh doanh trẻ ở địa phương	- Nhận thức được rằng HS có thể kinh doanh phù hợp với khả năng của mình. - Hiểu được những việc cần làm khi bắt đầu kinh doanh. - Rèn luyện được kỹ năng thiết kế, tổ chức, đánh giá hoạt động; phẩm chất kiên trì, chăm chỉ.	
			44	HĐGD theo chủ đề: Nhà kinh doanh nhỏ	-Đưa ra được ý tưởng kinh doanh. -Nếu được những nội dung cơ bản của một bản kế hoạch kinh doanh. -Xây dựng được bản kế hoạch kinh doanh phù hợp với bản thân. -Phát triển năng lực hợp tác, năng lực tổ chức các hoạt động.	
			45	SHL: Chia sẻ kết quả tham vấn ý kiến người thân về việc lập kế hoạch kinh doanh và bản kế hoạch kinh doanh của bản thân đã điều chỉnh phù hợp với lứa tuổi	- HS chia sẻ những việc cụ thể đã làm và kết quả rèn luyện tính kiên trì, chăm chỉ trong học tập và trong công việc gia đình. - GV thu thập thông tin phản hồi về kết quả thực hiện hoạt động vận dụng của HS.	
16	Chủ đề 4: Rèn luyện bản thân	3	46	SHDC: Trao đổi về sự tự chủ của giới trẻ trong các mối quan hệ	-Hiểu được thế nào là tự chủ và ý nghĩa của tự chủ trong các mối quan hệ trong đời sống xã hội. -Nhận thức được những biểu hiện của sự tự chủ -Hiểu được sự cần thiết và cách rèn luyện sự tự chủ	

				trong đời sống xã hội	trong đời sống xã hội. -Rèn luyện được kĩ năng thiết kế, tổ chức, đánh giá hoạt động; phẩm chất kiên trì, chăm chỉ.	
			47	HĐGDCĐ: Rèn luyện tính tự chủ (1 tiết).	- Xác định được những biểu hiện của sự tự chủ và thể hiện được sự tự chủ trong các mối quan hệ trong đời sống và trên mạng xã hội. -Thực hiện việc rèn luyện sự tự chủ cho bản thân trong các mối quan hệ trong đời sống và trên mạng xã hội. -Phát triển năng lực tự chủ, hợp tác, thiết kế và tổ chức các hoạt động, phẩm chất trách nhiệm, trung thực.	
			48	SHL: Chia sẻ những việc đã làm để rèn luyện sự tự chủ của bản thân trong đời sống và trên mạng XH	- HS chia sẻ được những điều đã học sau khi tham gia trao đổi về “Sự tự chủ của giới trẻ trong các mối quan hệ trong đời sống XH” ở tiết sinh hoạt dưới cờ - HS chia sẻ những việc đã làm để rèn luyện sự tự chủ của bản thân trong các mối quan hệ trong đời sống và trên mạng XH - HS nêu được những thuận lợi và khó khăn trong quá trình rèn luyện sự tự chủ - GV thu thập được thông tin phản hồi về quá trình rèn luyện của HS	
17	Chủ đề 4: Rèn luyện bản thân	3	49	SHDC: Diễn đàn tự chủ trên mạng XH	-Thể hiện được quan điểm của mình khi bàn luận về vấn đề tự chủ trên mạng xã hội. -Sử dụng được kĩ năng tranh biện để bảo vệ hoặc thuyết phục người khác đồng ý với quan điểm của mình.	

					-Rèn luyện được kĩ năng thiết kế, tổ chức, đánh giá hoạt động; phẩm chất kiên trì, chăm chỉ, trách nhiệm.	
			50-51	Kiểm tra cuối kì I	- Đề kiểm tra. - Nêu được những việc cần làm để chăm sóc bản thân về mọi mặt: thể chất, tinh thần, dáng vẻ bên ngoài; - Biết cách chăm sóc bản thân và thực hiện được các công việc chăm sóc bản thân; - Sắp xếp được góc học tập, nơi sinh hoạt cá nhân gọn gàng, ngăn nắp; - Điều chỉnh được bản thân phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp; - Xác định được những khoản chi ưu tiên khi số tiền của mình hạn chế; - Rèn luyện năng lực tự chủ, giao tiếp, hợp tác, thích ứng với cuộc sống; phẩm chất chăm chỉ, trách nhiệm.	
18	Chủ đề 5: Em với gia đình	3	52	SHDC: Tọa đàm “ứng xử khi có bất đồng ý kiến trong gia đình”	-Thể hiện được quan điểm và đưa ra ý kiến của bản thân về cách ứng xử khi có bất đồng ý kiến trong gia đình. - Hiểu được sự cần thiết của việc biết cách ứng xử phù hợp khi gia đình nảy sinh bất đồng ý kiến. - Rèn luyện được kĩ năng xây dựng kế hoạch, tổ chức hoạt động và đánh giá. - Phát triển được phẩm chất nhân ái, trách nhiệm.	
			53	HDGD theo chủ đề: Tôn trọng,	- Thực hiện được những việc làm và lời nói để người thân hài lòng.	

				thuyết phục và ứng xử để người thân hài lòng	- Biết tôn trọng ý kiến khác nhau của các thành viên trong gia đình và thể hiện được khả năng thuyết phục. - Rèn luyện được kỹ năng lắng nghe, thuyết phục, ứng xử để người thân hài lòng; phẩm chất nhân ái, trách nhiệm.	
			54	SHL: Chia sẻ kết quả rèn luyện kỹ năng thuyết phục thể hiện sự tôn trọng và ứng xử để người thân hài lòng	- HS chia sẻ được kết quả rèn luyện kỹ năng thể hiện sự tôn trọng và thuyết phục để người thân hài lòng - GV thu thập được thông tin phản hồi về kết quả thực hiện hoạt động vận dụng của HS	
19	Chủ đề 5: Em với gia đình	3	55	SHDC: Giao lưu về cách sống tiết kiệm trong sinh hoạt gia đình	- Nhận thức được cần phải biết tiết kiệm trong sinh hoạt hằng ngày ở gia đình. - Hiểu được những việc làm thể hiện cách sống tiết kiệm trong gia đình. - Rèn luyện được kỹ năng xây dựng kế hoạch, tổ chức hoạt động và đánh giá. - Phát triển được phẩm chất trách nhiệm.	
			56	HĐGD theo chủ đề: Tiết kiệm và thực hiện công việc gia đình	- <i>Thể hiện được cách sống tiết kiệm trong sinh hoạt gia đình</i> - Biết sắp xếp công việc và hoàn thành các công việc trong gia đình.	
			57	SHL: Chia sẻ kết quả rèn luyện kỹ năng sống tiết	- HS chia sẻ được kết quả rèn luyện kỹ năng sống tiết kiệm trong sinh hoạt gia đình - GV thu thập được thông tin phản hồi về kết quả	

				kiệm trong sinh hoạt gia đình	thực hiện hoạt động vận dụng của HS	
20	Chủ đề 5: Em với gia đình	3	58	SHDC: Chia sẻ kinh nghiệm: Sắp xếp hợp lí các công việc gia đình	-Nhận thức được trách nhiệm tham gia các công việc giúp đỡ gia đình. -Chia sẻ được kinh nghiệm sắp xếp hợp lí các công việc trong gia đình để kết hợp học tập và giúp đỡ gia đình. -Rèn luyện được kĩ năng xây dựng kế hoạch, tổ chức hoạt động và đánh giá. -Phát triển được phẩm chất chăm chỉ, trách nhiệm.	
			59	HĐGD theo chủ đề: Tiết kiệm và thực hiện công việc gia đình (tt)	-Biết sắp xếp công việc và hoàn thành các công việc trong gia đình. -Rèn luyện được kĩ năng lập kế hoạch và tổ chức, thực hiện kế hoạch; phẩm chất chăm chỉ, trách nhiệm.	
			60	SHL: Chia sẻ kết quả rèn luyện kĩ năng sắp xếp và hoàn thành các công việc trong gia đình Đánh giá chủ đề 5	- HS chia sẻ được kết quả rèn luyện kĩ năng sắp xếp và hoàn thành các công việc gia đình - GV thu thập được thông tin phản hồi về kết quả thực hiện hoạt động vận dụng của HS - Đánh giá được kết quả thực hiện chủ đề 5	
21	Chủ đề 6: Em với cộng đồng	3	61	SHDC: Nghe nói chuyện về các hoạt động giáo dục	- <i>Biết được các truyền thống và các hoạt động giáo dục để phát huy truyền thống ở địa phương</i> - <i>Tích cực, tự giác tham gia các hoạt động giáo dục</i>	

				dục để phát huy truyền thống ở địa phương <i>truyền thống ở địa phương</i> - Rèn luyện được phẩm chất, trách nhiệm, yêu quê hương	
			62	HĐGD theo chủ đề: Tham gia các hoạt động giáo dục truyền thống và phát triển cộng đồng ở địa phương - Nêu được các hoạt động giáo dục truyền thống và phát triển cộng đồng ở địa phương - Rèn luyện được kỹ năng tìm kiếm sự hỗ trợ khi gặp khó khăn trong việc tham gia vào các hoạt động truyền thống và phát triển cộng đồng tại địa phương	
			63	SHL: Chia sẻ về những khó khăn và kết quả tìm kiếm sự hỗ trợ khi tham gia hoạt động giáo dục truyền thống và phát triển cộng đồng ở địa phương - HS nêu được cảm nhận và những điều học hỏi được sau khi nghe nói chuyện về các hoạt động giáo dục để phát huy truyền thống của địa phương trong tiết sinh hoạt dưới cờ - HS chia sẻ được những khó khăn và biết cách tìm kiếm sự hỗ trợ khi gặp khó khăn trong quá trình tham gia hoạt động giáo dục truyền thống và phát triển cộng đồng ở địa phương	
22	Chủ đề 6: Em với cộng đồng	3	64	SHDC: Trao đổi những khó khăn, thách thức của giới trẻ trong XH hiện đại - Biết được những khó khăn và thách thức của giới trẻ trong XH hiện đại - Biết cách tìm kiếm sự hỗ trợ khi gặp khó khăn - Rèn luyện được phẩm chất trách nhiệm	
			65	HĐGD theo chủ đề: Tham gia các - Xác định được các hoạt động giáo dục truyền thống mà HS có thể tham gia	

				hoạt động giáo dục truyền thông và phát triển cộng đồng ở địa phương (tt)	<i>-Rèn luyện được kỹ năng tìm kiếm sự hỗ trợ khi gặp khó khăn trong việc tham gia vào các hoạt động truyền thông và phát triển cộng đồng tại địa phương</i>	
			66	SHL: Chia sẻ kết quả tham gia hoạt động giáo dục truyền thông và phát triển cộng đồng ở địa phương	- HS chia sẻ được cảm nhận và kết quả thực hiện hoạt động kết nối sau khi tham gia trao đổi về những khó khăn, thách thức của giới trẻ trong XH hiện đại ở tiết sinh hoạt dưới cờ - HS chia sẻ được kết quả tham gia hoạt động giáo dục truyền thông và phát triển cộng đồng ở địa phương - Rèn luyện được kỹ năng tìm kiếm sự hỗ trợ.	
23	Chủ đề 6: Em với cộng đồng	3	67	SHDC: Lễ phát động “Hoạt động thiện nguyện”	<i>-Xác định được những việc làm phù hợp để tham gia hoạt động thiện nguyện</i> <i>- Tích cực, tự giác tham gia và vận động các bạn tham gia hoạt động thiện nguyện do Đoàn thanh niên cộng sản HCM phát động</i> <i>-Rèn luyện được phẩm chất nhân ái, trách nhiệm</i>	
			68	HĐGD theo chủ đề: Lập và thực hiện kế hoạch hoạt động thiện nguyện	<i>- Lập và thực hiện được kế hoạch hoạt động thiện nguyện</i> <i>- Rèn luyện được kỹ năng tìm kiếm sự hỗ trợ khi gặp khó khăn trong quá trình tham gia thực hiện kế hoạch hoạt động thiện nguyện</i> <i>-Rèn luyện được phẩm chất nhân ái, trách nhiệm</i>	
			69	SHL: Chia sẻ kế hoạch và kết quả	- HS chia sẻ được cảm xúc và kết quả thực hiện hoạt động kết nối sau khi tham gia lễ phát động	

				thực hiện hoạt động thiện nguyện của lớp Đánh giá chủ đề 6	“Hoạt động thiện nguyện” do <i>Đoàn thanh niên cộng sản HCM tổ chức</i> - Chia sẻ được kết quả thực hiện kế hoạch hoạt động thiện nguyện của bản thân và của nhóm - Đánh giá được kết quả thực hiện chủ đề 6	
24	Chủ đề 7: Em với thiên nhiên và môi trường	3	70	SHDC: Biểu diễn chương trình văn nghệ về chủ đề: Tự hào quê hương tôi	- Giáo dục HS: Tình yêu quê hương, đất nước. -Thể hiện được sự tự hào về cảnh quan thiên nhiên, danh lam thắng của địa phương qua việc trình diễn hoặc xem trình diễn các tiết mục văn nghệ về chủ đề “Tự hào quê hương tôi”. -Rèn luyện được năng lực thiết và tổ chức hoạt động, phẩm chất yêu nước.	
			71	HĐGD theo chủ đề: Cảnh quang thiên nhiên quê hương tôi	-Thiết kế được sản phẩm thể hiện vẻ đẹp cảnh quang thiên nhiên, danh lam thắng cảnh của địa phương. -Tổ chức được sự kiện giới thiệu về vẻ đẹp cảnh quan thiên nhiên, danh lam thắng cảnh của địa phương và cách bảo tồn. -Rèn luyện được năng lực hợp tác, thiết kế và tổ chức hoạt động; phẩm chất trách nhiệm, yêu quê hương đất nước.	
			72	SHL: Trình bày giới thiệu sản phẩm thể hiện vẻ đẹp cảnh quang thiên nhiên, danh lam thắng cảnh của địa phương	- Học sinh giới thiệu được sản phẩm đã thiết kế thể hiện vẻ đẹp cảnh quan thiên nhiên, danh lam thắng cảnh của địa phương thông qua triển lãm. - Giáo viên thu nhận sản phẩm thể hiện kết quả hoạt động của học sinh.	

				đã thiết kế được		
25	Chủ đề 7: Em với thiên nhiên và môi trường	3	73	SHDC: Triển lãm giới thiệu các sản phẩm đã thiết kế để thể hiện vẻ đẹp cảnh quang thiên nhiên, danh lam thắng cảnh của địa phương	Sau khi tham gia hoạt động này, học sinh: - Trưng bày và giới thiệu được các sản phẩm đã thiết kế thể hiện được vẻ đẹp cảnh quan thiên nhiên, danh lam thắng cảnh của địa phương. - Rèn luyện được năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động, phẩm chất yêu nước, trách nhiệm.	
			74	HĐGD theo chủ đề: Cảnh quang thiên nhiên quê hương tôi (tt)	-Thiết kế được sản phẩm thể hiện vẻ đẹp cảnh quang thiên nhiên, danh lam thắng cảnh của địa phương. -Tổ chức được sự kiện giới thiệu về vẻ đẹp cảnh quan thiên nhiên, danh lam thắng cảnh của địa phương và cách bảo tồn. -Rèn luyện được năng lực hợp tác, thiết kế và tổ chức hoạt động; phẩm chất trách nhiệm, yêu quê hương đất nước.	
			75	SHL: Báo cáo kết quả tổ chức sự kiện giới thiệu về vẻ đẹp cảnh quang thiên nhiên, danh lam thắng cảnh của địa phương và cách bảo tồn	-Học sinh chia sẻ được kết quả tổ chức sự kiện giới thiệu về đẹp cảnh quang thiên nhiên, danh lam thắng cảnh của địa phương và cách bảo tồn. -Giáo viên thu thập được thông tin phản hồi về kết quả tổ chức sự kiện giới thiệu về đẹp cảnh quan thiên nhiên, danh lam thắng cảnh của địa phương và cách bảo tồn của học sinh.	

26	Chủ đề 7: Em với thiên nhiên và môi trường	3	76	SHDC: Giao lưu với chuyên gia môi trường về tình hình thiên tai ở địa phương và trên cả nước	-Thu thập được thông tin về tình hình thiên tai ở địa phương và trên cả nước sau khi tham gia giao lưu với chuyên gia môi trường. -Rèn luyện được năng lực giao tiếp, hợp tác, thích ứng với cuộc sống, phẩm chất trách nhiệm.	
			77	Kiểm tra giữa học kì II	- Đề kiểm tra.	
			78		- Nêu và thực hiện được những lời nói, hành động thể hiện sự động viên, chăm sóc người thân trong gia đình. - Nêu được những việc nhà em cần chủ động, tự giác thực hiện trong gia đình. Thể hiện được sự chủ động, tự giác làm việc nhà. - Tham gia giải quyết được một số vấn đề nảy sinh trong quan hệ gia đình. - Thể hiện được sự sẵn sàng giúp đỡ, chia sẻ với những người có hoàn cảnh khó khăn; - Thực hiện được những việc làm cụ thể để bảo tồn cảnh quan thiên nhiên; - Chỉ ra được những tác động của biến đổi khí hậu đến sức khỏe con người; - Tuyên truyền, vận động người thân, bạn bè có ý thức thực hiện các việc làm giảm thiểu biến đổi khí hậu;	
27	Chủ đề 7: Em với thiên nhiên và môi trường	3	79	SHDC: Chơi trò chơi:"Rung chuông vàng" về chủ đề thiên tai.	Học sinh tham gia và trả lời được các câu hỏi trong trò chơi.	

			80	HĐGDCĐ: Truyền thông về biện pháp đề phòng và giảm nhẹ rủi ro thiên tai ở địa phương (1 tiết).	- Suru tầm được tài liệu và viết được báo cáo về thiên tai và thiệt hại do thiên tai gây ra cho địa phương trong một số năm. -Xây dựng và thực hiện được kế hoạch truyền thông cho người dân địa phương về những biện pháp đề phòng thiên tai và giảm nhẹ rủi ro khi gặp thiên tai. -Rèn luyện được năng lực lập kế hoạch và tổ chức hoạt động, khả năng thích ứng với sự thay đổi, phẩm chất trách nhiệm.	
			81	SHL: Trình bày báo cáo về thiên tai và thiệt hại do thiên tai gây ra cho địa phương trong một số năm	- Học sinh báo cáo được về tình hình thiên tai và thiệt hại do thiên tai gây ra cho địa phương trong 3 đến 5 năm gần đây. - Giáo viên thu nhập thông tin phản hồi về kết quả tìm hiểu của học sinh về thiên tai và thiệt hại do thiên tai gây ra cho địa phương trong một số năm.	
28	Chủ đề 7: Em với thiên nhiên và môi trường	3	82	SHDC: Hội thi “Tuyên truyền viên giỏi về phòng, chống thiên tai”	- Phát triển được kỹ năng truyền thông về biện pháp đề phòng thiên tai và giảm nhẹ rủi ro khi gặp thiên tai, -Rèn luyện phẩm chất mạnh dạn ,tự tin,tôn trọng và lắng nghe	
			83	HĐGD theo chủ đề: Truyền thông về biện pháp đề phòng và giảm nhẹ rủi ro thiên tai ở địa phương	– Suru tầm được tài liệu và viết được báo cáo về thiên tai và thiệt hại do thiên tai gây ra cho địa phương trong một số năm. – Xây dựng và thực hiện được kế hoạch truyền thông cho người dân địa phương về những biện pháp đề phòng thiên tai và giảm nhẹ rủi ro khi gặp	

				(tt)	thiên tai. -Rèn luyện được năng lực lập kế hoạch và tổ chức hoạt động, khả năng thích ứng với sự thay đổi , phẩm chất trách nhiệm .	
			84	SHL: Báo cáo kết quả truyền thông đã thực hiện Đánh giá chủ đề 7	- Học sinh báo được kết quả truyền thông đã thực hiện . - GV thu thập được thông tin phản hồi về kết quả truyền thông của các nhóm. - Đánh giá được kết quả thực hiện chủ đề 7.	
29	Chủ đề 8: Khám phá thế giới nghề nghiệp	3	85	SHDC: Nghe nói chuyện về nghề nghiệp trong xã hội hiện đại.	- Kể tên và nhận biết được một số nghề phổ biến trong xã hội hiện đại. - Nêu được vai trò, một số đặc trưng và xu hướng phát triển của các nghề phổ biến trong xã hội hiện đại. - Rèn luyện được năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động ,định hướng nghề nghiệp;phẩm chất chăm chỉ.	
			86	HĐGD theo chủ đề: Nghề phổ biến trong xã hội hiện đại	- Lập được danh mục những nghề phổ biến trong xã hội hiện đại. - Nêu được việc làm đặc trưng, trang thiết bị, dụng cụ lao động cơ bản của một số nghề phổ biến trong xã hội hiện đại. - Nêu được những thách thức đối với người lao động trong xã hội hiện đại. - Rèn luyện được kĩ năng tìm hiểu và định hướng nghề nghiệp, giao tiếp và hợp tác; phẩm chất yêu quê hương, trách nhiệm, tự chủ.	

			87	SHL: Chia sẻ danh mục nghề phổ biến trong xã hội hiện đại	- Chia sẻ được những điều đã thu nhận về nghề phổ biến trong xã hội hiện đại. - Chia sẻ được danh mục nghề phổ biến trong xã hội hiện đại. - Nêu được cảm nhận về nghề phổ biến trong xã hội hiện đại.	
30	Chủ đề 8: Khám phá thế giới nghề nghiệp	3	88	SHDC: Tọa đàm “tác động của khoa học công nghệ đến hoạt động nghề nghiệp trong XH hiện đại”	- Biết được những tác động của khoa học công nghệ đến hoạt động nghề nghiệp trong xã hội hiện đại . - Bước đầu nhận ra được những thử thách đối với người lao động trong xã hội hiện đại do tác động của khoa học công nghệ đến hoạt động nghề nghiệp. - Rèn luyện được năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động, định hướng nghề nghiệp, phẩm chất chăm chỉ.	
			89	HĐGD theo chủ đề: Nghề phổ biến trong xã hội hiện đại (tt)	- Lập được danh mục những nghề phổ biến trong xã hội hiện đại. - Nêu được việc làm đặc trưng, trang thiết bị, dụng cụ lao động cơ bản của một số nghề phổ biến trong xã hội hiện đại. - Nêu được những thách thức đối với người lao động trong xã hội hiện đại. - Rèn luyện được kĩ năng tìm hiểu và định hướng nghề nghiệp, giao tiếp và hợp tác; phẩm chất yêu quê hương, trách nhiệm ,tự chủ.	
			90	SHL: Chia sẻ kết quả trải nghiệm nghề, tìm hiểu	- Nêu được cảm nhận và những điều học hỏi được qua tiết sinh hoạt dưới cờ đầu tuần. - Chia sẻ kết quả trải nghiệm nghề phổ biến trong	

				đặc trưng của các nghề phổ biến Đánh giá chủ đề 8	xã hội hiện đại. - Đánh giá được kết quả thực hiện chủ đề 8.	
31	Chủ đề 9: Hiểu bản thân- Chọn đúng nghề	3	91	SHDC: Nghe nói chuyện chuyên đề “ Học tập với hứng thú nghề nghiệp”	- Biết được mối tương quan giữa hứng thú nghề nghiệp với năng lực học tập của mỗi cá nhân. - Có nhu cầu tìm hiểu hứng thú nghề nghiệp để xác định con đường học tập của bản thân cho phù hợp. - Rèn luyện được năng lực định hướng nghề nghiệp, phẩm chất trách nhiệm. Mạnh dạn, tự tin trong giao tiếp, thuyết trình.	
			92	HĐGD theo chủ đề: Hứng thú nghề nghiệp	– Xây dựng và thực hiện được kế hoạch khảo sát hứng thú nghề nghiệp của học sinh trong trường. - Thực hiện các hoạt động phù hợp để phát triển hứng thú nghề nghiệp của bản thân. - Rèn luyện được kỹ năng hợp tác, lắng nghe tích cực; năng lực định hướng nghề nghiệp, phẩm chất trách nhiệm.	
			93	SHL: Chia sẻ kết quả khảo sát hứng thú nghề nghiệp của HS trong trường	- Chia sẻ được kết quả thực hiện hoạt động tiếp nối, cảm nhận của bản thân về những điều học hỏi được sau khi tham gia buổi nói chuyện, trao đổi về “học tập với hứng thú nghề nghiệp” - Trình bày được kết quả khảo sát hứng thú nghề nghiệp của học sinh trong trường. - Giáo viên thu thập được thông tin phản hồi về kết quả khảo sát hứng thú nghề nghiệp của học sinh.	

32	Chủ đề 9: Hiểu bản thân- Chọn đúng nghề	3	94	SHDC: Giao lưu với cựu HS thành đạt trong nghề nghiệp	- Biết được con đường, cách lựa chọn nghề nghiệp và rèn luyện bản thân để đến với nghề bản thân quan tâm, muốn chọn và đạt được thành công trong hoạt động nghề nghiệp. -Rèn luyện năng lực giao tiếp và hợp tác, thiết kế và tổ chức hoạt động, định hướng nghề nghiệp. -Hứng thú, tự tin tham gia các hoạt động	
			95	HĐGDCĐ: Rèn luyện, học tập theo định hướng nghề nghiệp (1 tiết).		
			96	SHL: Chia sẻ những việc đã làm để rèn luyện sức khỏe, độ bền, tính kiên trì, sự chăm chỉ, chuẩn bị cho diễn đàn “Nghề nào cũng đáng được tôn trọng”	-Chia sẻ được kết quả thực hiện hoạt động tiếp nối, cảm nhận của bản thân và những điều học hỏi được qua giao lưu với cựu học sinh thành đạt trong nghề nghiệp ở tiết sinh hoạt dưới cờ. -Chia sẻ được những việc làm để rèn luyện sức khỏe, độ bền, tính kiên trì, sự chăm chỉ trong công việc của bản thân. - Hiểu được mục đích, yêu cầu và nội dung cần thể hiện trong bài thơ luận đề tham gia diễn đàn “Nghề nào cũng đáng được tôn trọng” hoặc động trong hoạt động giáo dục theo chủ đề của từng kế tiếp.	
33	Chủ đề 9: Hiểu bản thân – Chọn đúng nghề	3	97	SHDC: Diễn đàn “Nghề nào cũng đáng được tôn trọng”	- Học sinh chia sẻ được kết quả thực hiện hoạt động tiếp nối, cảm nhận và những điều học hỏi được qua tham gia ngày hội tư vấn hướng nghiệp trong tiết sinh hoạt dưới cờ. - Chia sẻ được kết quả tìm hiểu các môn học ở cấp	

					Trung học phổ thông liên quan đến định hướng nghề nghiệp của bản thân.	
			98	HĐGD theo chủ đề: Rèn luyện, học tập theo định hướng nghề nghiệp (tt)	- Nhận thức được nghề nào trong xã hội cũng đón được tôn trọng. - Có thái độ tôn trọng đối với lao động nghề nghiệp. - Rèn luyện được kĩ năng, thuyết trình năng lực tự chủ, định hướng nghề nghiệp. - Hứng thú, tự tin khi tham gia hoạt động.	
			99	SHL: Chia sẻ kết quả rèn luyện, học tập theo định hướng nghề nghiệp.	- Rèn luyện được sức khỏe, độ bền, tính kiên trì, sự chăm chỉ trong công việc và có thái độ tôn trọng đối với lao động nghề nghiệp. - Nêu được phẩm chất và năng lực cần có của người lao động trong xã hội hiện đại. - Tự đánh giá được việc rèn luyện phẩm chất và năng lực của bản thân phù hợp với yêu cầu của người lao động trong xã hội hiện đại. - Định hướng được các nhóm môn học ở trung học phổ thông liên quan đến hướng nghiệp. - Xây dựng được kế hoạch học tập hướng nghiệp. - Rèn luyện được kĩ năng lập kế hoạch và tổ chức, thực hiện kế hoạch, năng lực định hướng nghề nghiệp ;phẩm chất trách nhiệm .	
34	Chủ đề 9: Hiểu bản thân – Chọn đúng nghề	3	100	SHDC: Tổng kết năm học	- Học sinh chia sẻ được kết quả thực hiện hoạt động tiếp nối, cũng nhận và những điều học hỏi qua diễn đàn với chủ đề “nghề nào cũng đáng được tôn trọng” trong tiết sinh hoạt dưới cờ.	

					- Chia sẻ được kết quả thực hiện kế hoạch rèn luyện, học tập theo định hướng nghề nghiệp của bản thân	
			101	HDGD theo chủ đề: Rèn luyện, học tập theo định hướng nghề nghiệp (tt)	-Đánh giá được kết quả học tập và rèn luyện của tập thể lớp và bản thân. - Có kế hoạch học tập và rèn luyện cho năm học tiếp theo. - Rèn luyện được kỹ năng tự đánh giá bản thân, bồi dưỡng phẩm chất chăm chỉ, trách nhiệm.	
			102	SHL: Tổng kết năm học tại lớp Đánh giá chủ đề 9	- Giáo viên tổ chức cho học sinh trong lớp đánh giá và tham gia tổng kết năm học cùng giáo viên chủ nhiệm. -Trao giấy khen, phần thưởng cho những học sinh đạt thành tích trong học tập, rèn luyện. - Biểu diễn một số tiết mục văn nghệ. - Cam kết thực hiện “Hè vui bổ ích, an toàn”. - Đánh giá được kết quả thực hiện chủ đề 9.	
35			103	SHDC: Ngày hội tư vấn nghề nghiệp	Sau khi tham gia hoạt động này, HS: -Tìm hiểu được một số đặc trưng, yêu cầu của nghề mà bản thân hứng thú, muốn chọn. -Xác định được một số đặc điểm của bản thân phù hợp hoặc chưa phù hợp với nghề bản thân hứng thú. -Có định hướng học tập, rèn luyện để đến với nghề mà bản thân hứng thú. -Rèn luyện được năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động, giải quyết vấn đề, định hướng nghề nghiệp;	

					phẩm chất tự tin, trách nhiệm	
			104, 105	Kiểm tra cuối HKII	- Đề kiểm tra. - Nêu được một số nghề truyền thống ở Việt Nam; - Nêu được các hoạt động đặc trưng, những yêu cầu cơ bản, trang thiết bị, dụng cụ lao động của các nghề truyền thống; - Nêu được yêu cầu cơ bản về an toàn khi sử dụng công cụ lao động trong các nghề truyền thống; - Rèn luyện năng lực định hướng nghề nghiệp, giao tiếp và hợp tác, lập và thực hiện kế hoạch; phẩm chất yêu nước, chăm chỉ, trách nhiệm. - Đánh giá được kết quả học tập và rèn luyện của tập thể lớp, trường và bản thân;	

2. Kiểm tra, đánh giá định kỳ

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
TOÁN				
Giữa Học kỳ 1	60p	Tuần 9	- Đảm bảo nội dung kiến thức đã học từ tuần 1 - 8 - Rèn kĩ năng vận dụng kiến thức đã học để làm bài kiểm tra, kĩ năng phân tích, tổng hợp, so sánh, kĩ năng làm bài - Thật thà, trung thực trong quá trình làm bài	Viết trên giấy: kết hợp trắc nghiệm và tự luận
Cuối Học kỳ 1	60p	Tuần 18	- Đảm bảo nội dung kiến thức đã học từ tuần 1 - 17 - Rèn kĩ năng vận dụng kiến thức đã học để làm bài kiểm tra, kĩ năng phân tích,	Viết trên giấy: kết hợp trắc nghiệm và tự luận

			tổng hợp, so sánh, kỹ năng làm bài - Thật thà, trung thực trong quá trình làm bài	
Giữa Học kỳ 2	60p	Tuần 26	- Đảm bảo nội dung kiến thức đã học từ tuần 19 - 25 - Rèn kỹ năng vận dụng kiến thức đã học để làm bài kiểm tra, kỹ năng phân tích, tổng hợp, so sánh, kỹ năng làm bài - Thật thà, trung thực trong quá trình làm bài	Viết trên giấy: kết hợp trắc nghiệm và tự luận
Cuối Học kỳ 2	60p	Tuần 35	- Đảm bảo nội dung kiến thức đã học từ tuần 19 - 34 - Rèn kỹ năng vận dụng kiến thức đã học để làm bài kiểm tra, kỹ năng phân tích, tổng hợp, so sánh, kỹ năng làm bài - Thật thà, trung thực trong quá trình làm bài	Viết trên giấy: kết hợp trắc nghiệm và tự luận
TIN				
Giữa Học kỳ 1	45p	Tuần 9	- Đảm bảo nội dung kiến thức đã học từ tuần 1 - 8 - Rèn kỹ năng vận dụng kiến thức đã học để làm bài kiểm tra, kỹ năng phân tích, tổng hợp, so sánh, kỹ năng làm bài - Thật thà, trung thực trong quá trình làm bài	Viết trên giấy (kết hợp trắc nghiệm và tự luận), thực hành trên máy tính
Cuối Học kỳ 1	45p	Tuần 18	- Đảm bảo nội dung kiến thức đã học từ tuần 1 - 17 - Rèn kỹ năng vận dụng kiến thức đã học để làm bài kiểm tra, kỹ năng phân tích,	Viết trên giấy (kết hợp trắc nghiệm và tự luận), thực hành trên máy tính

			tổng hợp, so sánh, kỹ năng làm bài - Thật thà, trung thực trong quá trình làm bài	
Giữa Học kỳ 2	45p	Tuần 26	- Đảm bảo nội dung kiến thức đã học từ tuần 19 - 25 - Rèn kỹ năng vận dụng kiến thức đã học để làm bài kiểm tra, kỹ năng phân tích, tổng hợp, so sánh, kỹ năng làm bài - Thật thà, trung thực trong quá trình làm bài	Viết trên giấy (kết hợp trắc nghiệm và tự luận), thực hành trên máy tính
Cuối Học kỳ 2	45p	Tuần 35	- Đảm bảo nội dung kiến thức đã học từ tuần 19 - 34 - Rèn kỹ năng vận dụng kiến thức đã học để làm bài kiểm tra, kỹ năng phân tích, tổng hợp, so sánh, kỹ năng làm bài - Thật thà, trung thực trong quá trình làm bài	Viết trên giấy (kết hợp trắc nghiệm và tự luận), thực hành trên máy tính
KHTN				
Giữa Học kỳ 1	90p	Tuần 9	- Đảm bảo nội dung kiến thức đã học từ tuần 1 - 8 - Rèn kỹ năng vận dụng kiến thức đã học để làm bài kiểm tra, kỹ năng phân tích, tổng hợp, so sánh, kỹ năng làm bài - Thật thà, trung thực trong quá trình làm bài	Viết trên giấy: kết hợp trắc nghiệm và tự luận
Cuối Học kỳ 1	90p	Tuần 18	- Đảm bảo nội dung kiến thức đã học từ tuần 1 - 17 - Rèn kỹ năng vận dụng kiến thức đã học để làm bài kiểm tra, kỹ năng phân tích,	Viết trên giấy: kết hợp trắc nghiệm và tự luận

			tổng hợp, so sánh, kỹ năng làm bài - Thật thà, trung thực trong quá trình làm bài	
Giữa Học kỳ 2	90p	Tuần 26	- Đảm bảo nội dung kiến thức đã học từ tuần 19 - 25 - Rèn kỹ năng vận dụng kiến thức đã học để làm bài kiểm tra, kỹ năng phân tích, tổng hợp, so sánh, kỹ năng làm bài - Thật thà, trung thực trong quá trình làm bài	Viết trên giấy: kết hợp trắc nghiệm và tự luận
Cuối Học kỳ 2	90p	Tuần 35	- Đảm bảo nội dung kiến thức đã học từ tuần 19 - 34 - Rèn kỹ năng vận dụng kiến thức đã học để làm bài kiểm tra, kỹ năng phân tích, tổng hợp, so sánh, kỹ năng làm bài - Thật thà, trung thực trong quá trình làm bài	Viết trên giấy: kết hợp trắc nghiệm và tự luận
CÔNG NGHỆ				
Giữa Học kỳ 1	45p	Tuần 9	- Đảm bảo nội dung kiến thức đã học từ tuần 1 - 8 - Rèn kỹ năng vận dụng kiến thức đã học để làm bài kiểm tra, kỹ năng phân tích, tổng hợp, so sánh, kỹ năng làm bài - Thật thà, trung thực trong quá trình làm bài	Viết trên giấy: kết hợp trắc nghiệm và tự luận
Cuối Học kỳ 1	45p	Tuần 18	- Đảm bảo nội dung kiến thức đã học từ tuần 1 - 17 - Rèn kỹ năng vận dụng kiến thức đã học để làm bài kiểm tra, kỹ năng phân tích,	Viết trên giấy: kết hợp trắc nghiệm và tự luận

			tổng hợp, so sánh, kỹ năng làm bài - Thật thà, trung thực trong quá trình làm bài	
Giữa Học kỳ 2	45p	Tuần 26	- Đảm bảo nội dung kiến thức đã học từ tuần 19 - 25 - Rèn kỹ năng vận dụng kiến thức đã học để làm bài kiểm tra, kỹ năng phân tích, tổng hợp, so sánh, kỹ năng làm bài - Thật thà, trung thực trong quá trình làm bài	Viết trên giấy: kết hợp trắc nghiệm và tự luận
Cuối Học kỳ 2	45p	Tuần 35	- Đảm bảo nội dung kiến thức đã học từ tuần 19 - 34 - Rèn kỹ năng vận dụng kiến thức đã học để làm bài kiểm tra, kỹ năng phân tích, tổng hợp, so sánh, kỹ năng làm bài - Thật thà, trung thực trong quá trình làm bài	Viết trên giấy: kết hợp trắc nghiệm và tự luận
HDTN				
Giữa Học kỳ 1	45p	Tuần 9	- Đảm bảo nội dung kiến thức đã học từ tuần 1 - 8 - Rèn kỹ năng vận dụng kiến thức đã học để làm bài kiểm tra, kỹ năng phân tích, tổng hợp, so sánh, kỹ năng làm bài - Thật thà, trung thực trong quá trình làm bài	Viết trên giấy: kết hợp trắc nghiệm và tự luận
Cuối Học kỳ 1	45p	Tuần 18	- Đảm bảo nội dung kiến thức đã học từ tuần 1 - 17 - Rèn kỹ năng vận dụng kiến thức đã học để làm bài kiểm tra, kỹ năng phân tích,	Viết trên giấy: kết hợp trắc nghiệm và tự luận

			tổng hợp, so sánh, kỹ năng làm bài - Thật thà, trung thực trong quá trình làm bài	
Giữa Học kỳ 2	45p	Tuần 26	- Đảm bảo nội dung kiến thức đã học từ tuần 19 - 25 - Rèn kỹ năng vận dụng kiến thức đã học để làm bài kiểm tra, kỹ năng phân tích, tổng hợp, so sánh, kỹ năng làm bài - Thật thà, trung thực trong quá trình làm bài	Viết trên giấy: kết hợp trắc nghiệm và tự luận
Cuối Học kỳ 2	45p	Tuần 35	- Đảm bảo nội dung kiến thức đã học từ tuần 19 - 34 - Rèn kỹ năng vận dụng kiến thức đã học để làm bài kiểm tra, kỹ năng phân tích, tổng hợp, so sánh, kỹ năng làm bài - Thật thà, trung thực trong quá trình làm bài	Viết trên giấy: kết hợp trắc nghiệm và tự luận

III. Các nội dung khác (nếu có):

TỔ TRƯỞNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

Tam Trà, ngày 10 tháng 9 năm 2024

PHÓ HIỆU TRƯỞNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

Đông Thị Thảo

Trần Thị Kim Chung

